

TRẦN ĐĂNG KHOA

CHÂN DUNG VÀ ĐỐI THOẠI

Bình luận văn chương



THANH NIÊN

CHÂN DUNG VÀ ĐỐI THOẠI

TRẦN ĐĂNG KHOA

**CHÂN DUNG
VÀ
ĐÔI THOẠI**

BÌNH LUẬN VĂN CHƯƠNG
(In lần thứ 4 có chỉnh lý)



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Lời nói đầu

Bạn đọc đã biết đến Trần Đăng Khoa, "thần đồng thơ" lúc 7 - 8 tuổi. Và 10 tuổi, đã có tập thơ đầu tay *Góc sân và Khoảng trời* (1968). Từ bấy đến nay vừa tròn 30 năm. Tập thơ đã được tái bản 32 lần, vẫn được bạn đọc, nhất là bạn đọc ở lứa tuổi quàng khăn đỏ đón nhận.

Bây giờ, với *Chân dung và đối thoại*, bạn đọc sẽ gặp lại, vẫn Trần Đăng Khoa ấy, đã ở tuổi 40, trong một vùng nghệ thuật khác.

Nội dung chính của tập sách là *lao động nhà văn và các vấn đề văn học đương đại*. Được trang bị đủ các quan điểm nghệ thuật của Đảng, nhưng Trần Đăng Khoa không thiên về lý luận theo lối "tầm chương trích cú", không trình bày các quan điểm một cách cứng nhắc khô khan, mà viết với lối cảm xúc của một người sáng tác đã có quá trình chiêm nghiệm về lao động nghệ thuật.

Nếu coi tập sách là một tác phẩm bình luận văn chương thì lời bình luận này có một giọng điệu riêng, mới mẻ, độc đáo.

Với cách viết hóm hỉnh, Trần Đăng Khoa đã cố gắng dựng lên một số chân dung các nhà văn anh quen biết, hoặc vẫn sống bên anh. "Chân dung" đó, có thể là cả một bài viết công phu, song không ít "chân dung" chỉ hiện hiện ở vài ba câu đối thoại, một đôi nét chấm phá..

Những bình luận và nhận xét của anh, theo chúng tôi là sắc sảo và trong nhiều trường hợp khá bạo - có những nhận định khiến người đọc phải ngẫm nghĩ... Những vấn đề anh đề cập hoàn toàn mang tính học thuật trên tinh thần trung thực trong nhận thức, và, như anh viết, nó không có tiếng nói cuối cùng.

Trân trọng những trang viết công phu, ở một thể loại mới, của một nhà thơ được mến mộ, để có thêm một giọng bình luận văn chương trong không khí văn học hiện nay, Nhà xuất bản Thanh Niên vui mừng giới thiệu cùng bạn đọc tập sách này. Cuốn sách vừa ra đời đã được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt. Trong lần tái bản này chúng tôi lược trích một số ý kiến bạn viết, bạn đọc trong phản phụ lục, để chúng ta cùng tham khảo. Rất mong được các bạn dành cho những nhận xét góp ý.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

1998

TRẦN ĐĂNG KHOA

Chân dung tự họa

Trần Đăng Khoa sinh ngày 26.4.1958, là con thứ ba trong gia đình bán nông ở làng Điền Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, bên vùng sông Kinh Thầy. Thuở bé, y từng ước mơ trở thành kỹ sư nông nghiệp và suốt đời làm thơ về làng quê, cảnh quê, những vui buồn của người dân quê ở nơi xóm mạc. Nhưng rồi, cũng như nhiều thợ cây ở làng, y lên đường nhập ngũ vào những tháng cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và trở thành nhà thơ khoác áo lính.

Đối với Trần Đăng Khoa, thơ hay là thơ *giản dị, xúc động và ám ảnh*. Suốt đời, y luôn có ý thức vươn tới loại thơ đó. Nhưng để làm được điều ấy, một phần do y, một phần khác còn do ... ông trời ! Nhưng ông trời ở đâu, mặt mũi và tính khí ông ta thế nào thì suốt đời, y cũng không sao hiểu được.

Bài thơ đầu tiên của Trần Đăng Khoa được in trên báo Văn nghệ vào năm 1966. Khi đó, y tám tuổi, đang học ở học kỳ hai lớp Một trường làng. Năm 1968, tròn 10 tuổi, tập thơ *Góc sân và khoảng trời* của y ra đời. Lúc ấy, người làm thơ còn ít, trẻ con làm thơ lại càng ít, nên nghiêm nhiên, y thành của hiếm, thành đặc sản. Nhiều người tò mò, lặn lội hàng trăm cây số bom đạn, tìm đến nhà y, chỉ cốt để... xem y như xem... ma quỷ hiện hình. Có người còn bắt y xoè tay nom đường chỉ, vạch tóc ngó xoáy đầu, rồi lặng lẽ ra đi với gương mặt rất là bí hiểm.

Bây giờ thì y đã già và dứt khoát không phải là kẻ đặc đạo, vậy mà y vẫn phải còng lưng, ý ạch vác cái cây thánh giá ở lứa tuổi trẻ con.

Những năm gần đây, ngoài làm thơ, Trần Đăng Khoa còn viết văn, viết báo, viết *chân dung và đối thoại*, bình luận văn chương. Ngoài những trang viết mà ở đây thường là y dồn hết tâm lực, còn ngoài đời, y là tay nhặt nhèo và tấm phào.

Y chẳng đam mê gì, và nói chung, y là một gã vô tích sự...

TỔ HỮU VÀ BÀI THƠ

"Hoan hô chiến sĩ Điện Biên"

I

Tổ Hữu là một nhà thơ lớn. Nói đúng hơn, ông là nhà thơ lãng mạn cách mạng. Cả cuộc đời ông gắn liền với cách mạng. Thơ với đời là một. Trước sau đều nhất quán. Tổ Hữu nhìn cách mạng bằng con mắt lãng mạn của một thi sĩ. Thơ ông dường như chỉ có một giọng. Đó là giọng hát tung bừng ca ngợi cách mạng. Đọc ông trong bất cứ hoàn cảnh và tâm trạng nào, ta cũng thấy phấn chấn, náo nức như đi trẩy hội. Đến đâu cũng nghe vang vang tiếng trống, tiếng kèn. Mà thơ ông đâu chỉ có trống phách linh đình như một đám rước, ông còn bắn cả *21 phát đại bác vang trời*. Cho đến nay, chỉ có ông là nhà thơ Việt Nam duy nhất đã bắn đại bác trang trọng như thế. Trong tâm hồn lớn lộng gió của ông không có những góc khuất, những vùng tối, những néo đường hiu quạnh, những thành quách nhàn nhạt một màu rêu cô liêu. Nghĩa là không có chỗ nương náu cho những nốt nhạc lạc điệu, xa lạ và

trầm buồn. Đôi khi, những nỗi niềm vu vơ có ở thời
Từ ấy lại lần theo một con đường riêng nhuộm màu
thiên nhiên, chìm lẫn trong tiềm thức mà tìm về
với ông, thì ông lại tự xoá đi, để tiếng hát ông chỉ
còn một âm hưởng chủ đạo. Âm hưởng vui *bất
tuyệt*.

Nếu mỗi nhà văn là một *người thư ký* của thời
đại, theo quan niệm Banlzac, thì Tố Hữu chính là
người thư ký của cách mạng. Thơ ông là biên niên
sử cách mạng Việt Nam. Có thể lần theo dấu vết
thơ ông mà tìm những bước thăng trầm của cách
mạng, của kháng chiến. Chính vì thế, trong những
ngày cả nước long trọng kỷ niệm 40 năm ngày
chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, tôi lại tìm thơ
ông, tra cứu thơ ông, như tra cứu một cuốn từ điển
cách mạng. Tôi lật trang *Điện Biên Phủ* và lập tức
lại gặp ngay tiếng reo vui tung bừng quen thuộc
của ông : *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*. Đây là bài
thơ khá nổi tiếng của Tố Hữu. Bài thơ cung cấp
cho ta nhiều con số và những tư liệu lịch sử. Qua
thơ mà ta biết cuộc kháng chiến chống Pháp kéo
dài ba ngàn ngày. Chiến dịch Điện Biên Phủ từ lúc
mở màn đến khi kết thúc thắng lợi là 56 ngày đêm.
Trong thời gian này, Bác Hồ kính yêu của chúng ta
đang ở Việt Bắc. Trên bàn làm việc dã chiến của
Người có bản đồ Điện Biên Phủ. Thủ tướng Phạm
Văn Đồng đi hội đàm với chính phủ Pháp ở Paris.

Trường phái đoàn ngoại giao của Pháp là Bidôn (Bidault). Trường phái đoàn ngoại giao của Mỹ là Smit (Smith). Còn đại tướng Võ Nguyên Giáp thì dân quân ở giữa trận tiền. Và bạt ngàn bộ đội, dân công đi tiếp lương, tải đạn, kéo pháo, mở đường. Lương thực, đạn dược được vận chuyển đến Điện Biên bằng hai phương tiện chính : *thổ và gánh*. Đời sống tinh thần của bộ đội và dân công ta ở cái thời ấy cũng được Tố Hữu ghi chép khá tỉ mỉ : người ta động viên nhau, thúc đẩy nhau bằng tiếng hát. Những điệu *hò lơ, hấy lơ* vang vọng khắp các triền đèo hiểm trở Lũng Lô, Pha Đin. Như thế, xem ra, việc chuẩn bị chiến đấu vất vả, gian khổ nhưng vui. Rõ ràng *đi kháng chiến như đi trẩy hội*. Còn khi đã chiến đấu thì thật ác liệt. Có thể nói đó là cuộc chiến đẫm máu. Người khoét núi đặt bộc phá. Người bịt lỗ châu mai. Người lấy thân chèn pháo. Và máu người đã nhuộm đỏ cánh đồng Mường Thanh. Máu trộn với bùn đất. Chỉ một chi tiết này, ta biết chiến dịch mở vào mùa mưa. Đó là một thử thách không nhỏ đối với người lính Điện Biên Phủ. Tất cả những tư liệu lịch sử có tính thông tấn báo chí ấy, đã được Tố Hữu biến thành tình cảm, giai điệu. Và bao phủ lên nó là một bầu không khí hùng hực. Bầu không khí Điện Biên.

Tố Hữu có đi chiến dịch không ? Ông viết bài thơ này trong trường hợp nào ? Lúc ấy ông ở đâu ?

Ông đang làm gì, giữ những trọng trách gì ? Chiến thắng Điện Biên đến với ông ra sao ? Đây là những câu hỏi mà độc giả hôm nay tò mò muốn được giải đáp. Nhưng ai giải đáp nổi ? Chỉ có thể là Tố Hữu. Và chúng tôi được giao một nhiệm vụ rất cụ thể : tìm đến gặp Tố Hữu, rồi lần la hỏi chuyện ông.

II

Chúng tôi "tập kích" vào nhà Tố Hữu, đúng theo cách "tiếp cận" của lính Điện Biên Phủ. Ngay lập tức nhà thơ lớn đã bị bốn anh em "lính báo" bao vây. Ngoài tôi và nhà phê bình Hồng Diệu, còn có thêm Khánh Chi, Trường Giang, - hai phóng viên trẻ của báo *Dại đoàn kết*. Bây giờ thì Tố Hữu đã ngồi "gọn" giữa mấy anh em chúng tôi. Trông ông trầm tĩnh như một ngọn tháp cổ kính. Mà không, ông như vị nguyên soái đã già từ vũ khí, già từ mọi thứ xiêm áo lính kình mà tạo hoá đã bốn cột khoác lên ông, nhiều khi che khuất cả chính ông, để ông chỉ còn lại là một già làng, có phần cô đơn, bé nhỏ, da mồi, tóc bạc, mái trắng sương gió, dường như đã quá quen với trận mạc, với mọi biến cố, thăng trầm của cõi đời dâu bể. Lơ lửng ở đâu đó trong khoảng u u minh minh trên mái đầu ngà bạc của ông, hình như vẫn còn lung liêng, vẫn còn chao lắc cái con quay mờ mờ nhân ảnh của ông Trời. Ý nghĩ ấy đến với tôi khi tôi đang thành kính ngắm ông như ngắm một viên bảo

tàng. Còn ông thì ngồi im lặng. Đôi mắt riu riu nửa thức, nửa ngủ, có lúc lơ đãng vô vi như người đang nhập thiền, có lúc lại ánh lên, long lanh sáng như mảnh thủy tinh vỡ. Vào những giây khắc mong manh đó, tôi chợt thấy ông vẫn còn là một vị tướng soái, với đầy đủ mũ áo cân đai. Còn bây giờ, ông có vẻ như hơi ngờ ngàng. Ông đưa mắt nhìn lũ chúng tôi như nhìn một bầy lính lê dương vừa hung hăng, vừa nhí nhảnh, và phản ứng đầu tiên của ông là "mở chiến dịch rút lui" quyết "không dây với lũ trẻ ranh!".

- Chuyện Điện Biên ấy mà, nói thực là mình biết không nhiều lắm đâu. Cái này các cậu phải đến gặp Hồ Phương, Hữu Mai, hay Từ Bích Hoàng. Các anh ấy đi chiến dịch Điện Biên, các anh ấy biết nhiều chuyện đấy.

- Chuyện Điện Biên thì bạn đọc cũng đã biết rồi, vừa qua mấy anh em làm báo đã sục vào hầm De Castries, còn lặn lội vượt đèo leo suối vào tận sở chỉ huy ta ở Mường Phăng. Anh Lê Lưu đã đến gặp đại tướng Võ Nguyên Giáp. Anh Hồng Diệu đã gặp ba thiếu tướng Hồ Phương, Chu Phác và Dũng Hà. Mấy anh em còn tham khảo cả tài liệu của Pháp nói về Điện Biên. Nghĩa là nhìn Điện Biên ở mọi góc độ khác nhau. Bây giờ, mấy anh em muốn hiểu Điện Biên ở một góc khác. Muốn hỏi anh về bài thơ *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*.

Tố Hữu cười :

- Bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* thì cũng chẳng có gì phải nói thêm nữa. Mình đã viết cả ra rồi. Có gì cũng nói tuột ra hết. Thơ mình là thế, là cứ nói thẳng tuột, chẳng có gì khuất khúc cả.

- Vâng, bài thơ nói được nhiều điều lắm. Đây ấp tư liệu thông tin. Nhưng có thông tin mà bạn đọc bây giờ tò mò muốn biết thì bài thơ lại không nói đến. Ấy là thông tin về tác giả. Khi viết bài thơ này, anh đang ở đâu ?

Tố Hữu ngồi im lặng. Ánh mắt bỗng xa vợi. Hình như ông đang lục trong trí nhớ, cố tìm một hình ảnh nào đó, một bóng dáng nào đó của kỷ niệm xa mờ.

- Chịu, không thể nhớ được. - Tố Hữu quay về phía tôi. - Mình già rồi, u mê rồi. Có lẽ các anh ở cục tác chiến, quân bưu, các anh ấy nhớ, chứ mình thì quên mất rồi. Cái bản ấy, nó có cái tên là *khau* *khau* gì đấy. Hồi đó, mình là trưởng ban tuyên truyền. Suốt ngày chỉ hong hóng chờ tin tức từ chỗ anh Trường Chinh, hoặc lại chạy sang bên Bộ Tổng, Quân uỷ trung ương, chỗ anh Văn, hỏi xem có đánh nhau ở đâu thì viết bài tuyên truyền. Mà viết xong cũng chẳng biết đưa cho ai nữa. Hồi ấy, phương tiện tuyên truyền của ta còn nghèo lắm, sơ sài lắm, đâu có được phong phú như hồi chống Mỹ. Công cụ tuyên truyền chỉ có mỗi tờ báo *Nhân Dân*

với cái đài 500 oát. Còn thì phần lớn là tuyên truyền mồm qua cánh dân công. Mỗi trận đánh thắng, tự thân nó đã có sức tuyên truyền rồi. Nó lan xa lắm, lan nhanh lắm. Còn chuyện Điện Biên thì sau này mới rầm rộ. *Hò kéo pháo* là sau này, chứ lúc đó đã làm gì có *Hò kéo pháo*. Điện Biên bấy giờ im ắng lắm. Ta âm thầm chuẩn bị lực lượng. Không ai có thể nghĩ được rằng, ta lại có thể đưa được quân, đưa được pháo vào Điện Biên. Thực tế khách quan thì không thể làm được. Đường sá hiểm trở lắm, toàn những đèo dốc, vực thẳm. Gay go nhất là việc vận chuyển lương thực, thực phẩm. Cái này, phải nói là dân mình ghê gớm thật. Chỉ có đôi vai, đôi bắp, khá hơn thì cái xe đạp tổng tộc, mà rồi từ Thanh Hoá, từ đồng bằng Bắc Bộ mò mò đưa gạo lên. Hạt gạo nặng bằng hạt máu. Phải nói ý chí của dân mình rất ghê gớm. Họ nhịn đói, nhịn khát, ăn lá lâu dọc đường. Dừng nghỉ thì nói chuyện thịt bò, nói chuyện nướng chả, làm thịt cây, cứ như mình đang liên hoan, đang ăn thịt, mà toàn ăn thịt... mồm.

- Vậy tin toàn thắng đến với anh lúc nào ?

- Lúc ấy khoảng 5 rưỡi hay 6 giờ chiều ngày 7-5. Rừng đã nhá nhem tối mới có điện từ chỗ anh Trường Chinh xuống. Mình mừng quá. Cái chuyện *Hoả tốc, hoả tốc - Ngựa bay lên dốc* ấy là có thật. Đây là con ngựa của chú liên lạc ở chỗ anh Trường Chinh. Và cũng chỉ có mỗi một con ngựa với chú

liên lạc, chứ làm gì có *Đuốc chạy sáng rừng*, với *Làng bán đèn đỏ lửa*. Khi viết thì mình viết thế. Viết thế mới tạo được không khí, chứ làm gì có lửa mà đỏ rừng đỏ bản. Thực tế lúc ấy, nhìn ra xung quanh, rừng núi tối mù mù. Chỉ có vài ngôi nhà ở triền núi xa xa có ánh lửa le lói, chắc họ đang nấu cơm hay nướng sắn gì đó. Thế mà mình viết : *Đuốc chạy sáng rừng - Loa kêu từng cửa*. Cũng chẳng có loa đâu. Mà loa với ai. Dân ở xa. Ở gần dân e bị lộ. Nguyên tắc là bí mật tuyệt đối. Cơ quan trung ương ở trong rừng, ở giữa lau tre. Mình ở nhà đất. Anh Trường Chinh cũng ở nhà đất. Chỉ có Bác ở nhà sàn. Ông cụ có đặc tính là thích ở nhà sàn, và ở bên suối. Ông cụ vốn là người yêu sơn thủy hữu tình. Cơ quan trung ương cũng đóng dọc bên suối, lán chìm trong cây lá. *Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù* mà. Bí mật là một nguyên tắc. Vậy thì loa với ai. thế mà vẫn *loa kêu từng cửa*. *Làng bán đèn đỏ lửa*. Hầy, nghe vui hỉ, nghe cũng rậm rật đấy chứ hỉ - Rồi Tố Hữu quay lại mấy anh em, nheo nheo một bên mắt, vẻ trẻ trung, tinh nghịch - Này, xem ra không thể tin cánh văn nghệ được đâu hỉ. Phịa, toàn là phịa. Chỉ có điều là mình phịa như thật, nên người ta cũng tha cho.

Rồi Tố Hữu lại cười. Nụ cười thật hiền hậu. Trông ông lúc này có dáng vẻ của một ông Phật. Hồng Diệu hỏi :

- Thế từ lúc mở màn đến khi kết thúc chiến dịch, anh có lên Điện Biên bao giờ không ?

- Không ! Nào mình có biết Điện Biên ở đâu mà đi. Đi sao được. Mà ai cho đi cơ chứ.

- Tưởng anh là trưởng ban tuyên truyền, anh có thể đi khắp nơi chứ.

- Đâu có. Ông nói thế là nói cái anh tuyên truyền sau này, tuyên truyền bây giờ. Chữ lúc ấy, đi sao được. Mình cứ ngồi im chờ lệnh cụ Trường Chinh.

- Tưởng anh viết *Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam...*

- À, cái ấy mình hỏi. Mình hỏi mấy chú đã đến Điện Biên rồi. Hỏi xem ở đấy có những cái gì, mới biết mấy cái địa danh như thế đấy chứ, biết cả ở đó có cam, có mơ và rất nhiều hoa mơ. Chỉ mang máng thế thôi. Và rồi những cái mang máng ấy, cũng chẳng biết sẽ để làm gì. Sau này khi viết, mình mới lôi nó ra, đưa vào thơ, cứ nhét bừa vào. Nó mới thành : *Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam - Hoa mơ lại trắng vườn cam lại vàng. Đấy, đơn giản thế đấy.*

Rồi Tố Hữu lại cười. Hoá ra ông Phật này cũng thích đùa lắm. Ông nói mà cứ như nói đùa, và tôi nghĩ, phải là người uyên thâm lắm, thông minh và lịch lắm lắm mới có thể nhìn mọi sự đơn giản như

thế, mới có thể đùa được như thế. Đùa là một phẩm chất của trí tuệ. Thực tình, hai câu thơ mà Tố Hữu vừa nhắc đến, như nhắc đến một giai thoại vui kia, là hai câu thơ hay, nếu không nói là hay nhất trong bài. Đặt trong cái không khí của toàn bài, nó mới đặc địa, như người ta đang nghe một bản giao hưởng chất chứa toàn những kèn đồng, lại thấy vút lên mảnh vuốt một tiếng sáo trúc đồng quê mát mẻ. Câu thơ ghép toàn những địa danh. Đưa địa danh vào thơ đâu có dễ dàng gì. Nhưng Tố Hữu có biệt tài trong cái kỹ nghệ này. Địa danh vào thơ ông thường rất nhuần nhuyễn. Ở đây, dường như nó không còn là địa danh nữa, nó là kỹ nghệ chơi chữ cao cường, chơi chữ mà không thấy dấu vết của việc chơi chữ, chỉ có hai câu thơ với tên rừng, tên núi cụ thể mà Tố Hữu đã kết được thành một vòng hoa rực rỡ sáu màu. Đây là vòng hoa tưởng niệm các liệt sĩ đã hy sinh ở chiến trường Điện Biên lịch sử. Xuân Diệu là người đã có công trong việc phát hiện ra cái vòng hoa thẩm lạng đó.

- Sau này, ông Diệu ông ấy có khen tôi. Ông ấy tán ra thế, tôi mới biết nó như thế đấy chứ. Thực ra, đó là mấy cái địa danh có sẵn, địa danh có màu, dưới lại có *trắng*, có *lam*, có *vàng*. Cũng lại là màu nữa. Nó mới thành tám tám nhiều màu. Cái này, những anh em lý luận họ gọi là gì hỉ ? Là tiềm thức à ? Nghĩ cũng có lý hỉ.

Ngừng một lát, Tố Hữu tiếp :

- Bài Điện Biên được viết nhanh lắm. Sau chiến thắng, tôi lên Bác ngay. Lên xin ý kiến Bác xem cần tuyên truyền thế nào. Có điều lạ là Bác rất bình thản. Bác bảo : Đây chỉ là chiến thắng bước đầu thôi. Sao các chú cứ rối lên thế. Ta đánh thì tất nhiên là sẽ thắng. Quân đội ta là quân đội quyết chiến quyết thắng cơ mà. Bác khen các chú đánh giỏi. Nhưng đừng rối lên. Phải cảnh giác. Hết sức cảnh giác. Chiến tranh chưa kết thúc đâu. Kẻ thù của ta bây giờ không phải là Pháp nữa, mà là Mỹ. Không khéo chuyển này, ta phải đánh nhau với Mỹ, còn lâu dài đấy, gian khổ đấy, đừng có tếu. Điều đáng kinh ngạc là Ông Cự lại nói chuyện ấy ngay trong ngày chiến thắng Điện Biên. Tôi đã đọc một loạt những hồi ký viết về Ông Cự ở thời điểm này, nhưng không thấy ai nói đến chuyện đó. Cũng trong cuộc gặp ấy, Ông Cự bảo tôi làm tuyên truyền. Ông Cự có bảo tôi làm thơ đâu, làm tuyên truyền động viên bộ đội đấy chứ. Tuyên truyền làm sao cho dân vui là được rồi. Tôi về, suốt đêm không ngủ được, cứ vẩn vơ mãi. Tôi nghĩ : tuyên truyền bằng thơ là tốt nhất. Thơ dễ phổ biến, dễ nhớ, dễ thuộc. Mình không ra trận, nhưng cũng nghe lỏm được khối chuyện. Chỉ tội, chẳng biết Điện Biên ra sao. Rồi thì đèo Pha Đin, đèo Lũng Lô cũng chẳng thể hình dung được. Tôi bèn đến hỏi Bác, Bác ngửa cái mũ lá ra : Điện Biên nó như thế này này. Nó là một lòng chảo. Đây, cũng chỉ mạng máng thế thôi.

Thế rồi thì tôi viết, viết nhanh lắm, viết không đến hai ngày. Những gì mình nghe được về Điện Biên, mình cho vào thơ hết, cho nó có vần có điệu, vì nhịp thơ nó đi như thế. Lục bát thì còn phải cò cưa ký cưa, chứ ở đây, mình cho nó nổ lung tung lên, chẳng việc gì phải giữ đúng khuôn khổ. Có lẽ đây là bài thơ tự do nhất, viết sáng khoái nhất. Hồi Cách mạng tháng Tám, mình cũng có bài thơ sáng khoái như vậy. Bài thơ nói về cái con chim gì ấy, nó hót hót ấy...

- À, đây là bài "*Huế tháng 8*" - Hồng Diệu chọt như bưng bình. - *Có con chim nào trong tóc, nhảy nhót hót chơi* - Ha ! Nó hót cái gì vui vui nghe thiệt ngộ.

- Ờ, đại khái là như vậy. - Tố Hữu cười. Mấy anh em cùng cười. Không khí trong căn phòng thật ấm cúng vui vẻ. Tố Hữu tiếp tục câu chuyện và Hồng Diệu lại làm bà Trần Thị Tuyết minh họa thơ cho ông. Phải nói trí nhớ của nhà "tâm chương trích cú" này cũng đáng hải thật. Hầu như anh thuộc hết thơ Tố Hữu, kể cả những câu thơ trong quá trình sửa chữa, ông đã vớt rồi, mà Hồng Diệu vẫn còn thuộc. Anh đọc cho Tố Hữu nghe bằng một giọng von vót nửa kim, nửa thổ.

- *Tiếng reo núi vọng sông rên...*

- À, cái đó mình cũng phịa đấy. - Tố Hữu cắt ngang giọng đọc đầy hào hứng của Hồng Diệu. -

Hồi đó, đang phải bí mật, có ai dám reo hò đâu. Nhưng phải viết thế, phải tạo không khí như thế mới có cơ mà *hoan hô* chứ. Mình hoan hô chiến sĩ Điện Biên, hoan hô ông Giáp. Lúc ấy, đại tướng Võ Nguyên Giáp oanh liệt lắm. Người ra trận cơ mà. Một ông Tổng tư lệnh ra trận...

- Thế sao sau này, trong những lần tái bản, anh lại cắt câu ấy đi ?

- Đâu, mình có cắt đâu. - Tố Hữu ngạc nhiên. - Mình chẳng biết gì đến chuyện ấy cả. Mình vẫn giữ đấy chứ, mà mình thấy cũng không có gì phải cái chính.

- Bài thơ này khi anh viết xong rồi, Bác Hồ có đọc không ?

- Có chứ. - Tố Hữu cười. - Khi in ra, chắc Ông Cự có đọc.

- Thế Ông Cự nói sao ?

- Ông Cự chẳng nói sao cả. Chưa bao giờ Ông Cự khen thơ tôi. Chỉ có anh Trường Chinh thì có khen, ví tôi với ông này, ông khác, nhưng anh ấy cũng nói tào lao cho vui thế thôi, còn Bác thì chưa bao giờ khen thơ tôi cả. Sau *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*, tôi viết tiếp *Ta đi tới và Việt Bắc*...

Đây là thời kỳ sáng tác sung sức nhất của Tố Hữu. Trong ba bài thơ viết cùng một giai đoạn ấy, Việt Bắc là một kiệt tác, dù còn lẫn mấy câu về.

Hai bài còn lại cũng như phần lớn thơ Tố Hữu, sẽ bắt từ nhờ lịch sử. Bởi nó đề cập đến những cái mốc lịch sử. Mỗi bài là một trang biên niên sử. Mà đề cập đến lịch sử, viết về lịch sử thì không ai bằng được ông. Chiến thắng Điện Biên đã qua 40 năm rồi, đã có hàng trăm bài thơ viết về sự kiện này, nhưng cho đến nay, quả thật vẫn chưa có bài thơ nào viết về Điện Biên vượt bài thơ ông. Cái hay của bài thơ không nằm trong câu chữ cụ thể mà nằm trong cái hơi chung của toàn bài.

- À, lại nói về tên bài thơ. - Tố Hữu tiếp tục tâm sự. - Lúc đầu mình lấy tên là *Điện Biên Phủ*. Nhưng sau nghĩ thấy không ổn. *Điện Biên Phủ* chỉ là một địa danh. Mình đổi thành *Chiến thắng Điện Biên*, cũng lại thấy vô duyên. Nghe nó như tên một bài báo. Mình đọc lại bài thơ, thấy có câu *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*. Thôi, lấy té luôn như thế cho rồi. Cái tên ấy hợp với không khí toàn bài : - Tố Hữu nhìn sang tôi, sáng khoái như một người vừa thắng xong một trận đánh hóc hiểm. - Thơ Khoa có lẽ chẳng bao giờ có *hoan hô* đâu nhỉ. Còn tôi thì tôi cứ *hoan hô*. Tôi còn hô cả khẩu hiệu nữa cơ. *Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Muôn năm, muôn năm Mác - Lênin*. Đấy, tôi hô khẩu hiệu đấy, tôi chả sợ. Tôi muốn nói rằng : không có cái gì là không thành thơ được. Tôi cho cả Nguyễn Văn Trỗi hô : *Hồ Chí Minh muôn năm*. Mà hô những ba lần kia.

Tất nhiên, sau ba câu khẩu hiệu *Hồ Chí Minh muôn năm*, Tố Hữu đã hạ một câu thơ thật là thần tình: *Phút giây thiêng anh gọi Bác ba lần*. Và thế là ngay lập tức, mấy câu khẩu hiệu khô khốc trên kia đã không còn là khẩu hiệu nữa, nó đã thành tình cảm, xúc cảm, thành nỗi niềm thiêng liêng của cả một đời người ở cái giây phút hiếm nghèo nhất. Và người đọc bỗng ứa nước mắt. Đây là tài nghệ của một bút pháp lớn. Bút pháp bậc thầy.

Câu chuyện Điện Biên tạm thời kết thúc. Tố Hữu quay sang hỏi Khánh Chi và tôi, cũng vẫn những chuyện văn chương. Khi chia tay ông, Khánh Chi mới rụt rè đề nghị :

- Bác Tố Hữu ơi, bạn đọc ở báo *Đại đoàn kết* lại còn có yêu cầu này nữa. Họ muốn có mấy dòng chữ và chữ ký của bác. Bác chép cho một đoạn thơ nào đó trong bài *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên*.

Tố Hữu vui vẻ :

- Ờ thì đưa sổ đây, có bút không ?

Nhưng khi đặt cuốn sổ của Khánh Chi lên đầu gối rồi thì Tố Hữu lại lưỡng lự. Hình như ông đang tính xem nên chọn câu thơ nào. Hồng Diệu liền "tham mưu" :

- Xin anh chép đoạn này : *Điện Biên với với nghìn trùng. Mà lòng bốn biển nhịp cùng lòng ta...*

- Không, không được, - Tố Hữu lắc đầu, - phải chọn đoạn khác. Cái đoạn nói về huân chương. Ờ, mà tại sao bây giờ, người ta lại không thích đeo huân chương nhỉ. Đối với tôi, huân chương bao giờ cũng có ấn tượng rất mạnh.

Rồi ông cúi xuống viết vào cuốn sổ tay của Khánh Chi :

*Kháng chiến ba ngàn ngày
Không đêm nào vui bằng đêm nay
Đêm lịch sử. Điện Biên sáng rực
Trên đất nước, như huân chương trên ngực
Dân tộc ta, dân tộc anh hùng...*

Tố Hữu chép rõ từng nét chữ. Hồng Diệu đọc cho ông chép. Thỉnh thoảng, ông lại ngẩng lên, âu yếm chờ Hồng Diệu đọc tiếp. Tôi nhìn ông, ngỡ ngàng. Một nhà thơ lớn, nổi tiếng vào loại bậc nhất của nền thơ đương đại Việt Nam ngồi chép lại thơ mình, chép từ trí nhớ của một độc giả. Thật chẳng có gì sung sướng hơn được nhân dân thuộc thơ mình. Đây chính là tấm huân chương cao quý nhất mà nhân dân đã trao tặng thi sĩ. Hạnh phúc lớn lao ấy, tạo hoá đâu có ban phát cho nhiều người.

Tháng 5.1994

XUÂN DIỆU

I

Những năm cuối đời, Xuân Diệu hay nghĩ đến thời gian. Ông bất chợt hỏi tôi :

- Này, năm nay, Khoa bao nhiêu rồi nhỉ ?

Câu hỏi như một thoáng thẳng thốt, chứ Xuân Diệu còn lạ gì ngày sinh, tháng đẻ của tôi nữa. Và khi tôi nói tuổi mình thì ông nhìn tôi, thần thờ :

- Cậu còn trẻ quá. Còn mệnh mông thời gian ở trên đầu. Muốn làm gì mà chẳng được. Khoa còn đến nửa thế kỷ nữa để sáng tạo, để vượt lên ...

Quả là tôi còn nhiều thời gian. Đó là một may mắn, nhưng biết đâu đấy chẳng là bi kịch ? Người bộ hành bé nhỏ đứng trước một con đường ngút ngát, phải lặn lội nửa thế kỷ nữa. Vượt như thế nào đây ? Tôi ngẩng lên nhìn người đồng hành gần gũi nhưng cũng thật xa vời. Bởi ông đã xuất hành trước tôi đến gần nửa thế kỷ.

- Quý thời gian của mình còn ít quá. Cứ theo cái thước Đặng Thai Mai thì mình còn vài nấc nữa. Mà theo cái thước Xuân Thuý, Nguyên Hồng thì mình đã quá mấy tấc rồi.

Nguyên Hồng mất đột ngột ở tuổi 65. Xuân Diệu đã ở cái tuổi 69. Ông như người chạy việt dã, đua với thời gian. Xuân Diệu tiết kiệm từng tích tắc. Nếu đi đâu về, thường thì ông treo áo lên mắc luôn chứ không vắt ở ghế, để khỏi phải mất một khoảng thời gian treo nó lên mắc áo. Có lần, Xuân Diệu mời tôi đến nhà để chuẩn bị cho cuộc hội thảo thơ ở trường Nguyễn Du. Ông hẹn chính xác tới từng phút. Tôi đến trước hẹn chừng nửa tiếng, Xuân Diệu kéo cái ghế mây mời tôi ngồi, rồi đưa cho tôi mấy tập bản thảo thơ tình chép tay của ông, để tôi đọc. Còn ông lại tiếp tục làm việc nửa tiếng nữa trên cái bàn cũ kỹ có lót một tấm kính cũng rất cũ kỹ. Dưới tấm kính là những bức ảnh ông chụp ở nước ngoài. Ông quên bếng nhà đang có khách, quên cả cái nóng ngun ngút của Hà Nội mất điện và tiếng ồn ào náo động của đường phố tan tằm. Xuân Diệu như bò xòai trên trang giấy. Có lẽ bố tôi cay ải, chạy bão cũng không cực nhọc, khốn khổ như Xuân Diệu "cày" trên cánh đồng giấy của mình.

- Có lẽ mình đến đứt mạch máu não mất. Buốt óc quá !

- Chú mệt thế thì cứ nghỉ cho khoẻ. - Tôi thành thực thương ông.

- Nhưng các báo yêu cầu mình. Xã hội còn "com măng" mình. Thế nghĩa là mình vẫn còn có ích. Sợ nhất là thành "gái già". Chả ai còn ô ê đến nữa. Vả lại cứ phải viết, viết nhiều. Nhà văn tồn tại ở tác phẩm. Không có tác phẩm thì nhà văn ấy coi như đã chết. Thế nên cứ phải viết. Viết hàng ngày. Nhiều khi phải có người thúc mới ra được tác phẩm. Mình nhận bài và yêu cầu người đặt cứ phải thúc mình. Ấy thế rồi có sách đấy. Còn cứ chờ cảm xúc đến mới viết, thì muôn năm cảm xúc cũng chẳng đến cho. Nhà văn là ngồi vào bàn làm việc. Cứ làm việc, rồi sẽ tạo được cảm xúc.

Rồi như thế tiện tay, Xuân Diệu với tờ báo nước ngoài, giới thiệu cho tôi hai bài thơ rất hay của một nữ thi sĩ mà ông vừa đọc được. Cả hai bài thơ viết bằng một giọng điệu. Đó là sự chiêm nghiệm của con người trước thời gian. Ở một bài, nữ thi sĩ nói rằng bà đang làm việc hết mình, có chút sinh lực gì, bà trao tặng hết độc giả để đến lúc thần chết đến gõ cửa, bà sẽ đi theo hân với hai bàn tay không. Còn bài khác là lời tâm sự của bà :
Bạn bè ơi, ngày mai nếu phải già từ cõi đời này, tôi vẫn yêu các bạn thắm thiết, tôi vẫn quay quanh các bạn như một vệ tinh, tôi vẫn nhìn thấy các

bạn. Nhưng các bạn thì chẳng bao giờ còn thấy tôi đâu. Xuân Diệu bụi bụi :
đầu. Xuân Diệu bụi bụi :

- Đấy, hay không ? Sâu sắc không ? Nghĩ được đến thế là "xuất sáo"* lắm. Đôi lúc mình cũng có ý nghĩ như thế. Hỡi các ông trẻ, hãy đến với tôi. Tôi còn nhiều kho báu lắm. Tôi sẽ trao hết cho các ông trẻ, để đến lúc cái chết gõ cửa, kéo đi, tôi chỉ là một cái vỏ cam đã vắt hết, là thằng kiết xác chỉ có hai bàn tay không...

- Ôi, chú cứ lo xa. Chú chú khoẻ lắm. Cháu trông chú đang "vượng" đấy !

Tôi cười xuế xoá. Không ngờ câu nói đùa ấy lại làm Xuân Diệu rất vui! Ông đứng dậy pha trà, rồi mở tủ lấy ra một cái kẹo đưa cho tôi. Kẹo sôcôla Pháp, Huy Cận mang từ Paris về...

- Cái tuổi của mình cũng không biết thế nào đâu. Nhưng dù thế nào mình cũng phải viết chục cuốn sách nữa, mình mới đi Văn Điển.

II

Lần đầu tiên tôi gặp Xuân Diệu vào quãng cách đây hơn ba mươi năm. Đạo ấy, Xuân Diệu còn trẻ, mà tôi cũng chỉ là chú bé lên chín, lên mười, vừa lẫm chẫm bước chân vào làng thơ. Nói thế cho

* *Xuất sáo* : Một từ riêng Xuân Diệu dùng để chỉ mức độ đánh giá cao hơn "xuất sắc".

sang, cho oai, chứ thực tình lúc ấy, tôi chẳng có ý thức gì hết.

Tôi đến với thơ hồn nhiên như em bé đến với trò chơi. Nhưng khi gặp Xuân Diệu, thì tôi hiểu được rằng, thơ ca không bao giờ là trò chơi cả. Nó là một công việc sáng tạo cực nhọc. Có thể nói may mắn cho đời tôi là tôi đã sớm gặp Xuân Diệu. Không phải tôi đến với ông mà chính ông tìm đến với tôi. Trong quan hệ, ông đối xử với tôi rất bình đẳng. Ông gọi tôi bằng cháu, đôi khi hứng lên bằng em. Nhưng trong sáng tác, ông coi tôi như một người bạn đồng nghiệp. Còn tôi thì luôn biết mình là một người học trò nhỏ bé của ông.

Xuân Diệu về nhà tôi vào năm 1968. Ông cùng Huy Cận dự đại hội cháu ngoan Bác Hồ ở Nam Sách. Và trong đại hội ấy, tình cờ ông gặp tôi. Mãi sau này, tôi mới biết đó là cách sắp xếp, bố trí của các anh chị huyện Đoàn. Họ sợ tôi tự kiêu trước sự kiện hai nhà thơ lớn tìm đến nhà. Ở cái thời ấy, người nào mang tiếng là tự kiêu, thì coi như kẻ vô dụng, là đồ bỏ đi rồi. Xuân Diệu cùng tôi chơi trò đóng kịch dưới sự dàn dựng của các nhà đạo diễn không chuyên ở huyện Đoàn. Nhưng về đến Nam Sách, thì ông quên mất cái đại hội âm ỉ tiếng trống ếch ấy. Nửa đêm ông lần về nhà tôi. Theo lời mẹ tôi kể, thì bác "nhà báo" đã mượn cây đèn báo,

xách ra vườn, soi từng giàn trầu, gốc cau, luống mía và mấy cây bưởi. Xuân Diệu tìm gặp những "nhân vật" thân thuộc của tôi. "Bác ấy kiểm tra xem mày nói có đúng không. Khổ, có thế nào thì cứ nói như thế, đừng đặt điều thêm ra, kéo lại mang tiếng là mình ăn ở không thật thà. Thấy bác ấy kiểm tra, tao lo quá. Thế có làm sao không, hả con ? Mà thôi, đừng có thơ phú gì nữa cho rắc rối ra. Cứ đi cày như bố mày là yên chuyện".

Mẹ tôi vẫn bận khoản, lần mãi không yên, cho mãi đến chiều hôm sau, Xuân Diệu cùng Huy Cận vui vẻ kéo tôi trở lại nhà. Lúc ấy đã xế chiều. Dân làng đổ đến nhà tôi để xem "hai ông Tây". Trong lúc Huy Cận nói chuyện với bà con xã viên, thì Xuân Diệu kéo tôi ra ngoài. Ông ngồi bệt xuống góc sân trước cửa chuồng gà và bắt đầu chất vấn tôi. Mồ hôi ông vã đầm đìa, ướt đầm cả cái áo sơ-mi kẻ sọc. Xuân Diệu mở cuốn sổ thơ tôi mà ông chép tay, rồi bắt đầu đánh dấu, ghi chép. Tôi không biết ông có nghe tôi không. Thỉnh thoảng, gương mặt ông lại ngẩn ra, nom xa vợ như ông đang nghĩ đến một chuyện nào khác. Rồi ông thay kính liên tục, mỗi khi mồ hôi làm mờ mắt kính. Ông có đến hai cái kính để ở hai túi áo khác nhau. Cứ sau năm bảy phút, ông lại thay kính. Xuân Diệu dường như không có thói quen lau kính.

Trong chùm thơ tôi, ông đặc biệt chú ý bài "Mưa".

- Sao cháu lại chọn thể thơ này, mà không phải là lục bát ?

- Vì cháu muốn diễn tả cơn mưa. Cơn mưa rào dồn dập, hối hả, lúc mau, lúc thưa, nên phải dùng loại thơ tự do có những câu dài ngắn không đều. Còn nếu diễn tả cánh cò bay chẳng hạn, thì cháu mới làm lục bát.

Xuân Diệu mỉm cười, nhìn xéo vào mặt tôi :

- Tại sao thế ?

Tôi không trả lời được câu hỏi ấy của ông. Tôi chỉ biết con cò bay thì cánh vươn nhịp nhàng hợp với thơ lục bát. Xuân Diệu cười vang lên.

- Thế còn : "Ông trời - mặc áo giáp đen", sao cháu lại viết thế ?

- Vì cháu nghĩ đến Thánh Gióng. Ông Thánh Gióng ra trận. Thế bác có biết ông Thánh Gióng không ?

Đến đây thì tôi biết mình thật ngớ ngẩn. Làm sao Xuân Diệu lại không biết Thánh Gióng ? Cũng may lúc ấy, ông không để ý đến câu hỏi của tôi. Ông tiếp tục "quay" tôi.

- Tại sao lại *đội sấm - đội chớp* ? Ông sấm ông ấy đánh cái xoẹt. Thế cậu muốn bố cậu chết hay sao mà bắt ông ấy *đội sấm* ?

Tôi không dám cãi Xuân Diệu, chỉ cười trừ. Xuân Diệu cũng cười. Nhưng mấy ngày sau, vào lúc mười giờ đêm ngày 1-6-1968, cái làng quê heo lánh, yên tĩnh của tôi đã vang lên giọng bình thơ của ông Tây qua các loa công cộng, trong buổi phát thanh *tiếng thơ*. Giọng Xuân Diệu sang sảng :

- *Bố em đi cày về*
Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa...

Thế là từ đấy, Xuân Diệu trở thành người thầy dạy nghề nghiêm khắc, gần gũi, thân thiết của tôi. Không phải chỉ trong nghề nghiệp, mà kể cả cách ứng xử hàng ngày. Ai đó tiếp xúc với tôi, có điều gì đó phật ý, họ lại mách Xuân Diệu. Ví như chuyện tôi thật thà chê thơ ai đó. Xuân Diệu chân tình khuyên tôi :

- Cháu cố gắng đừng để mọi người khó chịu với mình vì những cái vặt vãnh. Ở nước ta khen thì rất dễ, khen sai có khi cũng được các cơ quan, đoàn thể hoan nghênh, nhưng chê thì khó khăn lắm, kể cả chê đúng, đôi khi cũng phiền toái vô cùng. Cháu

không phải Xuân Diệu, nên cháu không được chê như thế. Cái gì hay thì khen. Không hay thì im lặng, lờ đi. Im lặng cũng là một lời chê đấy.

III

Xuân Diệu không thích trường ca. Đôi khi, ông còn nhìn thể loại văn học này bằng con mắt lạnh lùng, cay nghiệt. Tôi không hiểu tại sao lại thế. Cũng có thể ông không chỉ là nhà thơ, mà còn là nhà phê bình. Trong lĩnh vực phê bình, Xuân Diệu thường quyết liệt, không khoan nhượng và nghiêm khắc đến nghiệt ngã, mà trường ca lại là một thể loại khó viết và có viết được cũng rất khó hay. Nhưng thời đời, những gì khó chiếm lĩnh thường lại có sức hấp dẫn mãnh liệt những kẻ đi chinh phục. Rất nhiều tác giả xông vào thể loại hiểm hóc này, đặc biệt là những cây bút trẻ sung sức. Có người viết cùng lúc hai, ba cái trường ca. Viết để thể nghiệm. Viết để thử bút lực. Bản thân tôi, ở cái thời trẻ con ngông cuồng và rồ dại, cũng không phải chỉ một lần, mà có tới bốn lần nhắm mắt, lao đầu vào cái vách đá răng ngựa này. Bản trường ca đầu tiên tôi viết là khi đang học lớp Bốn. Hồi ấy, Johnson vừa tuyên bố tạm ngừng ném bom miền Bắc. Trường ca diễn tả đoàn người nghèo khổ, đói rách, sắp chết là vì khát, bước lên lưng cua thằn,

bay lên trời, đánh nhau với Thần Hạng. Thơ viết theo thể tự do, vần điệu phóng khoáng, mang hơi hướng của những bản trường ca cổ đại và những truyện thần thoại dân gian. Tôi đặt tên là *Trường ca giông bão*. Tôi chép thành hai bản sạch sẽ. Một bản gửi nhà thơ Phạm Hồ, ông *Marshac* của Việt Nam, lúc bấy giờ đang cai quản phần thơ tuần báo *Văn nghệ*. Gửi là gửi chơi, để ông đọc chơi, vì tôi rất quý Phạm Hồ, rất yêu những câu chuyện đồng thoại của ông viết cho trẻ con, chứ không nghĩ đến việc in báo. Bởi trường ca quá dài, nhưng nhằng đến ngót ngàn câu, làm sao báo *tái* được. Còn một bản tôi gửi nhà thơ Xuân Diệu, gọi là để *xin thấy mấy lời chỉ bảo*. Xuân Diệu im lặng. Ông chẳng ỏ ê gì. Mọi lần nhận thư và thơ tôi, bao giờ ông cũng trả lời, và trả lời ngay tắp lự. Trong thư ông nhận xét và góp ý rất cụ thể. Ông không phân tích, bình luận dông dài, mà thường chỉ đưa ra cái kết luận ngắn gọn có tính tổng quát. Đại loại như bài *Bến đò*, ông bảo : "hay, sâu sắc" (sau này ông có dịch bài thơ này sang tiếng Pháp in trong tập *Văn học Việt Nam*, Nhà xuất bản Ngoại Văn Hà Nội). Bài *Tiếng nói*, chỉ có sáu câu lục bát ngắn gọn diễn tả một ngày làng quê, qua những âm thanh thiên nhiên, ông bảo: "Hai câu cuối sáng tạo. Còn bốn câu trên cộc cạch". Nhưng cộc cạch như thế nào, vì sao

lại cộc cạch thì ông không nói rõ. Đây là phần việc của tôi. Tôi phải tự nghiên cứu, tự khám phá lấy. Vì vậy, đọc thư Xuân Diệu thường là rất mệt. Đạo ấy tôi còn viết một bài thơ nho nhỏ tặng ông. Biết Xuân Diệu nồng nhiệt, tha thiết sống, sống hồi hã, sống cuống quýt, và với ông thì *sự sống chẳng bao giờ chán nản*, Xuân Diệu muốn trẻ trung, trẻ trung mãi mãi, để chống cái già cũ "xồng xộc" đến, ông làm thơ tình, ông nhuộm tóc cho xanh lại. Rồi ông yêu cầu mọi người gọi ông bằng anh. Có cô gái trẻ mê thơ ông, gọi ông bằng bác, ông đã khó chịu, "Bác gì ? Bác phó cối ấy à ?", đến khi cô ta lại còn hỏi tuổi nữa, thì ông bực mình thực sự : "Ơ sao mà em vô duyên thế, em. Nhà thơ làm gì có tuổi". Và tôi viết tặng ông bài thơ, nói cái sự trẻ trung của Xuân Diệu. Đến cả bài thơ ấy Xuân Diệu cũng vẫn không quên có lời nhận xét. Ông nói một câu mà lại như là chẳng nói gì cả : "Cám ơn Khoa đã có bài thơ về chú Xuân Diệu". Vậy mà đến cái vụ trường ca này thì không hiểu sao, ông lại im lặng, đến cả một câu xã giao chung chung nhất cũng không có nốt. Hay là thất lạc ? Sau đó mấy tuần, bản thảo cùng gửi với bản gửi Xuân Diệu đã được in trên tuần báo Văn Nghệ. Đây là điều tôi không thể ngờ được. Toà soạn chỉ cắt mấy câu mở đầu miêu tả Thần Hạng bay lượn trên vùng đất khô xác, hoang rợn, trường

ca bắt đầu từ đoạn miêu tả bữa tiệc nhà trời với cái tên rất dung dị : *Đi đánh Thần Hạng*.

Sau đó là một mùa hè thú vị. Tôi rời làng quê ra vùng biển Quảng Ninh thăm người anh ruột là nhà thơ Trần Nhuận Minh đang công tác tại vùng mỏ. Khi về, mẹ tôi kêu lên từ cổng : "Ồi giời, sao mày về muộn thế con ? Hôm qua có mấy bác ở Hà Nội cười ô-tô về nhà mình chơi, tao giữ lại ăn cơm canh cua, nhưng chả bác nào chịu ở, bảo phải đi Hải Phòng. Có bác gì ấy gửi cho mày quyển truyện". Mẹ tôi lụi cùi vào buồng, lôi từ cọt thóc ra một cái *tay nải* đã cũ. Đây là cái kho sách lưu động của mẹ tôi mà con cái không được phép lục lọi. Trong đó lổng chồng mấy cuốn *Trê cóc*, *Hoàng Trừu*, *Thạch Sanh*, *Kiều* và mấy đồng bạc trắng, mấy đồng kẽm lỗ vuông, không biết tiền từ đời nào, đời nào. Loay nhoay một lúc, mẹ tôi mới tìm được một cuốn sách dày dặn. Hoá ra tập *Đối thoại mới* của Chế Lan Viên. Ngay sau bìa sách là mấy dòng chữ viết cheo chéo. Nét chữ trông rất rối : "Khoa ơi, chú qua thăm, tiếc Khoa đi Hồng Quảng không gặp. Cái *"Đi đánh Thần Hạng"* hay lắm. Chú có *Đối thoại mới*, tiện đây gửi Khoa đọc đại khái - Chế Lan Viên". Tôi ngẩn người, không tin ở mắt mình nữa. Trước đây, tôi cũng đã vinh hạnh được gặp Chế Lan Viên. Nhưng chỉ một lần, và lần ấy

cũng loáng thoáng vài ba phút. Tôi không kịp nhớ gương mặt ông. Xuân Diệu tiễn tôi ra cổng thì ông đến. Trông ông không có gì là to lớn, bệ vệ. Cũng không có dáng vẻ lơ mơ thi sĩ - một gương mặt rất hoạt. Cặp mắt sắc, nhanh nhẹn và hết sức thông minh, nhưng là cái thông minh của một nhà thông thái hơn là một thi sĩ tài ba. Xuân Diệu gọi ông là Hoan. Trong lúc trò chuyện với Xuân Diệu, ông cũng tự xưng mình là Hoan, Xuân Diệu giới thiệu tôi với ông. Ông chỉ cười, rồi nhắc bóng tôi lên. "Ồi chà ! Thi sĩ gì mà bé như cái kẹo thế này !"

Bây giờ đọc mấy dòng viết vội của Chế Lan Viên, tôi cứ băng khuâng mãi. Rồi nhân đà hứng khởi ấy, tôi lại viết tiếp một trường ca nữa. Tựa vào một cốt truyện đơn giản : Một cậu bé thành phố sơ tán về nông thôn trong thời gian chiến tranh, rồi qua con mắt của cậu bé mà nhìn người quê, cảnh quê, những phong tục tập quán nơi thôn dã. Tôi lấy tên là *Làng quê*. Sau đó, Nixon trở lại ném bom miền Bắc tàn bạo hơn, khốc liệt hơn. B.52 rải thảm Hà Nội, Hải Phòng. Quê tôi cũng bị oanh tạc dữ dội. Cái làng nhỏ bé yên tĩnh nằm gần đường 5, con đường chiến lược nối Hà Nội, Hải Phòng, dường như bây giờ mới thực sự bước vào cuộc chiến. Không ngày nào không có tiếng gầm rít của bom đạn. Đêm cũng không yên, vì tiếng bom

rên không ngọt ở cả hai mạn Hà Nội, Hải Phòng. Thỉnh thoảng khu vườn và mảnh sân lại nhòang lên trong ánh sáng ma quái của những vệt tên lửa khắp bốn phía trời bay qua chỉ viện cho Hà Nội. Mẹ tôi rên rầm : "Giời ơi, thế này thì còn gì là người nữa, hả trời. Cứ đánh nhau mãi thế này. Thốt trên mồn thì thốt dưới cũng mồn"... Mẹ tôi hình dung cuộc chiến tranh như cái cối xay lúa. Tôi che ngọn đèn dầu bằng lá khoai nước, hì hục viết trường ca *Trùng phạt*. Tôi viết như bị ma ám. Viết liền một đêm ngọt ngàn câu thơ, dựng cảnh âm ti, địa ngục, những bà mẹ mang thai, những em bé chưa biết lẫy, những búp-bê, ngựa gỗ, những bà cụ mù lòa, một đoàn người mất đầu, cụt chân, cụt tay, đi lạng thang trong chiếu âm ti, tìm đèn điện Diêm Vương, đập cửa đòi xử bọn giết người. Mấy ngày sau, tỉnh táo ngồi lạnh lòng đọc lại, vẫn thấy không có gì phải sửa chữa thêm, tôi bèn chép gửi thầy Diệu. Và rồi cũng như mấy lần trước đó, Xuân Diệu vẫn im lặng như một vách đá bí hiểm, không dội lại một tiếng vọng nào.

Sau này có dịp về Hà Nội, tôi ghé thăm Xuân Diệu. Ông mở cửa đón tôi, vẻ mặt hồ hởi. Rồi ông kéo ghế mây, mời tôi ngồi và bắt đầu nói. Ông nói to như diễn thuyết. Cảm giác trước ông không phải cậu bé nhà quê 14 tuổi, mặt mũi đen nhem, xấu xí,

áo quần nhếch nhác, nhem nhuốc, mà là một quảng đại quần chúng. Xuân Diệu nói về việc sinh đẻ có kế hoạch. Gương mặt ông bừng bừng xung động. Tôi ngó ngán người chẳng hiểu ra làm sao cả, rồi thì thấy run, rồi thì thấy hoảng, rồi thì thấy mình đầy tội lỗi, như thể mình là một tội phạm, đang chịu sự đấu tố. Thế mới biết bố già thâm thúy thật. Bố ấy ám chỉ mình "đẻ" vô tội vạ đây. Ca với chả kiếc. Mà thực ra mình cũng quá đáng lắm, đã biết tính "ông cụ" thế, còn gửi trường ca đến trêu người làm gì. Tôi cứ thầm rửa xả mình thế. Sau mới biết nhầm. Xuân Diệu hoàn toàn không có hàm ý ấy. Bởi những lần gặp sau, ông vẫn nói chuyện đó, chuyện sinh đẻ có kế hoạch. Đường như ông quên lần trước ông đã nói gì, hoặc giả ông tưởng tôi ở đâu mới đến lần đầu, chưa từng được nghe ông nói. Ông bảo mình khổ, mình nghèo đói, nhếch nhác là vì mình đẻ nhiều quá. Cả nước thành một trại gà công nghiệp. Cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, rồi túng quần đâm ra cắn xé lẫn nhau. Cả đời chỉ cắm mặt xuống đất, bới cái ăn, chẳng hiểu gì xung quanh, chẳng biết Bach, Beethoven, Hugo, Shakespeare, những vẻ đẹp mà cả nhân loại ngưỡng mộ, sùng kính. Tôi chỉ im lặng nghe, rồi cười trừ. Vì mình trẻ con, lại ngu dốt, biết gì mà nói cợ chứ !

- Mà đẻ vô tội vạ như thế là ngu, là rất ngu. Cậu có thấy ngu không ? - Xuân Diệu đột ngột hỏi tôi. - Bọn đàn ông chúng mình nói chung là ngu lắm. Đẻ thế, vợ nó yêu con nó, chứ nó yêu đêch gì mình.

Tôi bật cười trước ý nghĩ ngộ nghĩnh đến lạ lùng của Xuân Diệu. Tiếng cười không thể nén được của tôi dần lây sang ông. Ông cũng cười. Nụ cười làm gương mặt Xuân Diệu dịu hẳn lại. Thế rồi đang nói chuyện sinh đẻ kế hoạch, Xuân Diệu đột ngột quay ra Trần Nhuận Minh :

- Này, dạo này Minh viết lên tay đấy, cứ lăm lăm mà đi được bền. Ờ, mà cậu ấy mấy con rồi nhỉ ?

- Ba đứa chú ạ !

- Ba đứa ? - Xuân Diệu bỗng trợn mắt lên. - Thế thì còn làm thơ làm quái gì nữa. Đẻ thế là thành con vẹt rồi.

Nói đoạn, Xuân Diệu lắc đầu, nhắm tịt hai mắt lại, rồi chọc một ngón tay lên gò. Trên ấy là gia đình Huy Cận. Rồi ông lè lưỡi, rứt cổ, tựa hồ đang phải mang vác một cái gì nặng nề lắm lắm. Lúc ấy trông ông như một diễn viên kịch câm.

Khi Xuân Diệu tiễn tôi ra cửa, làm ra vẻ tình cờ, tôi mới rụt rè hỏi :

- Bữa trước, cháu có gửi chú mấy trường ca...

- À, có, có, - Xuân Diệu cướp lời, - kia, chú để hết cả trong thùng sắt kia kia.

Xuân Diệu chỉ vào buồng xép. Ở đây có cái giường đơn, sách vở và đồ đạc lỉnh kỉnh. Dưới gầm giường là một cái hộp nhỏ, dạng va-li trông hao hao như cái tráp đồ lễ của mấy ông thợ cạo nhà quê.

- Đây, "bảo tàng" của Khoa đấy nhé !

Xuân Diệu tùm tùm cười. Rồi để khỏi phải nhận xét lằng nhằng về trường ca, cái thứ ông chẳng thấy thú vị gì, ông nói ông quý mến tôi như thế nào. Thư từ, bài vở của tôi gửi ông, ông đều cho hết vào thùng sắt.

Sau này, khi tôi viết thêm trường ca *Khúc hát người anh' hùng*, ông mới chính thức lên tiếng. Trước đó, ông có thư cho tôi : "Này, chú Tố Hữu gửi lời chê Khoa đấy nhé. Chú ấy bảo Khoa dạo này oai lắm, Khoa đang múa giảo giữa đường đấy !" Rồi Xuân Diệu chân thành phán xét tôi. Sau khi khen vài câu, một số đoạn thơ, câu thơ hàm súc, có phong cách cổ điển, ông chê tôi đã viết bằng sự thông minh, viết khéo quá, kỹ xảo quá, mà thơ thì lại đòi hỏi phải *chân chân chân, thật thật thật*. Ngôn ngữ và kỹ xảo phát triển vượt bậc, nhưng trường ca thì dường như đã lạc mất đường thơ. Thơ

cốt gọt, chứ không phải kẻ. Tôi đã viết thư cảm ơn ông. Những điều ông nói, tựu trung là chính xác, không ai có thể cãi được. Cố nhiên đó là quy luật chung của thơ, là thơ nói chung. Còn ở một cái trường ca với nhiều chương dài, viết về một nhân vật có thật, một người anh' hùng và đồng đội với những trận đánh cụ thể, trong môi trường xã hội cụ thể, cũng khó mà áp dụng được quy luật ấy.

Tôi già từ trường ca, vì không có nhu cầu viết dài nữa. Khi đó trường ca lại rộ lên, lại được mùa lớn. Một loạt trường ca ra đời, thành sự kiện văn học những năm bảy mươi. Nhiều toà báo, nhiều thư viện, tạp chí tổ chức hội thảo về trường ca. Xuân Diệu không tham gia cuộc hội thảo nào. Tôi nghi có thể ông không thích trường ca, nên không để ý tới cái hoạt động văn hoá rất sôi động ấy. Nhưng thực chất đâu phải. Xuân Diệu theo dõi rất sát các cuộc hội thảo, ông đọc rất kỹ những bài viết về thể loại văn học này. Ông còn tỉ mỉ gạch chân, đánh dấu những chỗ viết không đúng văn phạm của mấy nhà phê bình, nghiên cứu. Tôi mạnh dạn đề nghị :

- Chú Diệu ơi, nếu chú rỗi thì bớt chút thời gian, cho anh em một số ý kiến...

- Về cái gì ? - Xuân Diệu hỏi lại. - Về trường ca ấy à? Thế cậu có biết trường ca là cái gì không ? Ca

ca, tiếng Tây nghĩa là gì, cậu biết không ? Ca ca là cút cút ! Đây, tôi xin mời các ông trẻ, các ông cứ ca đi, chứ Xuân Diệu không có ca đâu nhé.

- Nhưng chú cũng đã ca rồi đấy chứ. *Hội nghị non sông, Ngọn quốc kỳ, My Châu Trọng Thủy...*

Tôi kể tên mấy trường ca của Xuân Diệu. Ông ớ ra một thoáng, rồi ngay lập tức, ông bảo :

- À, cái đó tớ viết bằng hồn. Còn các cậu, các cậu viết bằng gì ? Toàn là những sự kiện. Những thông tấn báo chí. Cái đó không phải thơ đâu nhé ! Tớ chẳng nghĩ thấy gì cả.

Còn nhớ dạo ông tặng tôi tuyển tập thơ, tôi đọc và quả thật, rất kính phục ông. Khi gặp ông, tôi thú thực :

- Trong này có mấy bài thơ tứ tuyệt, cháu thuộc từ đời nào, đời nào, thuộc thơ, rồi lại quên mất tác giả, lại tưởng thơ Đường, cứ định ninh thơ Đường mới chết chứ !

Xuân Diệu cười, tỏ ra rất tâm đắc. Ông cảm ơn tôi và khen tôi có con mắt xanh. Rồi ông đứng dậy pha cà phê. Thấy ông vui, tôi lại càng chân thật :

- Cháu rất thích tập thơ này. Nhưng không hiểu sao, vẫn cứ tiêng tiếc. Cháu thấy có nhiều bài dở, chú ạ.

- Ô, cái cậu này hay chưa ? - Xuân Diệu trợn mắt lên. - Thế cậu tưởng đây là tuyển thơ à ? Còn phải sàng sảy chán. Đời sau, người ta sẽ tuyển lại chứ ! Còn bây giờ có cái gì, cứ phải quăng ra đã. Nhà đang cháy thì cái thúng, cái mẹt, cái váy đụp gì thì cũng cứ vứt ra, rồi sau sẽ nhặt nhanh, chọn lọc lại, cái gì dùng được thì giữ, cái gì không dùng được thì vứt đi. Mà thời gian nó sẽ vứt hộ. Nhà cậu đang cháy, mà cậu còn ngồi chọn lọc của nã à ?

Tôi im tịt chẳng nói được gì. Đầu óc dường như mù mịt. Đúng thật. Sao mình lại ngu thế nhỉ. Ai lại đi chọn lọc của cái khi mà nhà đang cháy. Mãi đến lúc thoát khỏi cái mê cung của Xuân Diệu rồi, đạp xe đi một quãng xa rồi, tôi mới sực tỉnh, mới chợt nhận ra một điều quá ư là đơn giản : in thơ tập và cháy nhà là hai việc rất khác nhau.

Lại một lần khác nữa, tôi đến thăm Xuân Diệu. Ông đưa tôi đọc bản thảo chép tay mấy bài thơ mới của ông. *Ghe lui để lại dấu dầm - Người yêu dấu vắng, dấu nằm còn đây*. Dựa vào hai câu ca dao Nam Bộ này, Xuân Diệu xây dựng cấu tứ bài thơ tình *Dấu nằm*. Người yêu đã đi xa, dấu nằm còn ở lại. Dáng chân thế nào, nét tay ra sao ? Xuân Diệu miêu tả rất đậm thắm. Bài thơ khá xinh xẻo.

- Thơ chú hay lắm, nhưng cái cô gái này rất dở. Không thể mê được.

- Sao, cậu nói sao ?

- Cháu nghĩ, con gái phải gọn ghẽ, kín đáo. Con gái mà nằm ngủ tênh hênh ra là hỏng rồi. Em gái cháu mà như thế thì mẹ cháu giết. Cái cô gái này đã đi xa rồi, mà còn để nguyên dấu vết của mình bẽ bộn trên giường, thế là cô gái vô ý, là đoảng, chú ạ !

- Cậu chả hiểu gì cả. Yêu nhau rồi, say đắm nhau rồi thì còn gì là đoảng nữa. Đến cái mùi hôi nách của nó cũng thành hương nhài, hương huệ. *Lố mũi mười tám gánh lông - chồng yêu chồng bảo tơ hồng trời cho.* Đấy, lấy nhau rồi mà còn thế, huống hồ nữa là đang yêu. Mà cậu đã yêu chưa ?

Xuân Diệu đột ngột hỏi. Tôi lúng túng.

- Dạ, chưa, cháu... chưa...

- Thế thì cậu hiểu làm sao được Xuân Diệu cơ chứ? Bằng tuổi cậu, mình đã yêu nhiều rồi, đã biết *Yêu là chết ở trong lòng một ít*. Thế mà đạo ấy mình còn chưa hiểu được hết Xuân Diệu kia. Cậu đã bằng được mình đạo ấy đâu, mà cậu đòi hiểu Xuân Diệu. Lại còn cái cậu Trần Đăng Xuyền này nữa chứ, - Xuân Diệu lật tìm tờ Văn Nghệ. - Mà cậu Xuyền ở đâu nhỉ ? Trường đại học Sư phạm à ? Làm ông giáo à ? Cậu ấy là nhà phê bình mà chẳng hiểu cái quái gì cả. Lại bảo thơ tình của mình cổ,

xa lạ với bạn đọc trẻ tuổi nữa chứ. Gớm, mình mong cổ điển còn chẳng được đây. Mà tình yêu thì làm gì có cái chuyện cổ hay không cổ? Giả sử bây giờ bà chúa Chè bà ấy sống lại, bà ấy mặc cái yếm nhuộm vỏ xó, đi thườn theo trước mặt các cậu, liệu các cậu có ngắm không ? Có mê tí đi không ? Thế mà lại còn chê người ta cổ !

IV

Xuân Diệu thích nhà phê bình nào nhất ? Có lần tôi đã tò mò hỏi ông câu hỏi ấy. Xuân Diệu không trả lời. Ông đắm đắm nhìn tôi như nhìn một thằng dờ người. Tôi chờ đợi một lời quả mắng gì đó. Nhưng đột ngột, Xuân Diệu tránh miệng ra, trông như cười. Nhưng lại không phải cười. Ông như chú bé con đang làm xấu. Nhưng ông lại không phải chú bé con, nên trông rất kỳ quái. Thế là tôi cười. Xuân Diệu cũng cười. Câu hỏi thành trò chơi bông phèng vui vẻ. Rồi tôi cũng quên đi. Nhưng Xuân Diệu thì lại nhớ. Một lần tôi vừa đến cửa, ông đã hỏi :

- Này, Khoa đã đọc Nguyễn Đăng Mạnh chưa ? Anh ấy có con mắt xanh đấy. Cuốn *Nhà văn, tư tưởng và phong cách* hay lắm. Anh ấy rất có tài, nhưng chỉ có tài phê bình văn xuôi thôi.

Ngừng một lát, Xuân Diệu tiếp :

- Phê bình thơ khó lắm. Nó là cái việc *đầu mây, cuối mắt*. Phải có năng khiếu thơ mới phê bình thơ được. Ở ta có rất nhiều nhà phê bình thơ có tài, nhưng lại không viết. Như anh Huy Cận chẳng hạn. Anh ấy tinh tế lắm, am tường thơ lắm đấy, nhưng anh ấy không viết, nên mọi người không biết đấy thôi. Còn những anh viết, và viết nhiều thì lại đĩc đặc, chẳng biết gì. Những cái mũi chỉ có khả năng hít nách vợ lại mang ra người thơ ca. Thế nên mới náo loạn, mới gây nên tình trạng lộn xộn, mà thơ ca thì cứ không ngừng xuống cấp. Cả nước đua nhau làm thơ thì chết đói rồi. Thế nên mình cứ phải khó tính, cứ phải làm cái con gà mái đứng gác cửa chuồng. Mặc dù làm cái việc lườm nguýt bất lịch sự đó cũng chẳng hay ho gì. Mà nhiều anh nó còn ghét cho nữa. Có cậu còn đe ném cứt vào nhà mình. Nhưng mà mình chẳng sợ. Mình "chơi" với Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Tú Xương, mình sợ gì cái lũ quý hạng ba, chớ năm toa đen không hết ấy. Mà mình cũng chẳng thêm đành hanh nữa đâu. Chỉ vài ba năm nữa thôi, dù chẳng muốn, mình cũng thấy kệ các cậu, mình đi Văn Điển. Thế thì mình còn sợ quái gì !

Xuân Diệu đột nhiên im lặng. Ông nhìn ra khung cửa sổ mở rộng. Ngoài ấy là khu vườn. Ánh nắng cuối ngày còn rực lên một lần nữa trong vòm

lá sấu xanh mỡ. Gương mặt Xuân Diệu nhuộm một nỗi buồn âm thầm. Ông đưa tay vuốt mái tóc nhuộm đen, nhưng chân tóc lại bạc trắng, cả chân mày cũng bạc, bạc xoá như một nhuộm tàn nhang cháy dở. Chưa bao giờ tôi thấy Xuân Diệu già như lúc này. Điều đó làm tôi ớn lạnh. Giả sử Xuân Diệu ngã xuống thì sao ? Tôi thoáng rung mình.

- Đạo này chú còn hay đi nói chuyện thơ nữa không ? - Tôi hỏi cho có chuyện, để xua đi cái ý nghĩ nặng nề đang ám ảnh.

- Ít lắm, thi thoảng thôi, - Xuân Diệu đáp, - vì mình không còn nhiều thì giờ, phải viết nữa chứ. Mình đã viết xong bài về thơ Huy Cận rồi. Bây giờ nếu chết cũng chết được rồi, không còn gì phải ân hận nữa. Mình chỉ sợ chết mà không viết xong được cho Huy Cận.

Xuân Diệu mỉm cười. Nụ cười rất mãn nguyện. Bài giới thiệu tuyển tập Huy Cận ông đã viết xong đến dòng cuối cùng. Có lẽ trăm trang chữ chẳng ít. Tình cảm của Xuân Diệu đối với Huy Cận thật hết dạ, hết lòng. Nhìn Xuân Diệu vui, lòng tôi se lại. Không hiểu sao đạo này, ông hay nói đến cái chết. Có điểm gì chăng ?

- Hôm nay, lẽ ra mình đi Hà Bắc nói chuyện. Nhưng mình lại không đi nữa.

- Chú mệt à ?

- Không ! Mình không đi vì cái cậu đi mời nó ngu quá ! Đã mời nhà thơ Xuân Diệu rồi, lại mời hai nhà thơ trẻ nữa. Thế ra gà tức nhau tiếng gáy à mà phải tranh nhau gáy.

- Họ không biết, chú ạ. Có khi họ chỉ nghĩ đơn giản...

- Không biết thì phải học chứ. Lịch sự cũng cần phải học. Ở các nước văn minh, không bao giờ người ta để những nhà thơ lớn xếp lộn tùng phèo với các nhà thơ hạng ba. Chỉ ở mình mới có sự lộn xộn như thế. Thơ tứ, nó còn xếp nhuận bút ở thang loại B, loại C nữa kia...

Rồi Xuân Diệu nhếch mèm cười, thoáng một nét gì chua chát :

- Ở nước mình, người ta thường cố gắng làm chết những người đang sống và ra sức cứu sống những kẻ đã chết. Rồi đấy, cậu xem, sau khi Xuân Diệu chết rồi, họ sẽ lôi cả chối cùn, rế rách của Xuân Diệu ra mà tung hô. Cái dở của tứ nó cũng khen um lên. Những bài hạng C rồi sẽ thành A hết ! - Ông bỗng khịt mũi, - Không khéo đến cả cút của tứ nó cũng bảo là vàng.

Xuân Diệu mời tôi ăn cơm với ông, nhưng tôi từ chối, với lý do là đã trót hẹn với một người bạn

rồi. Thực ra chẳng có người bạn nào chờ tôi chiều ấy cả. Sau này tôi cứ ân hận mãi, sao hôm ấy mình không ở lại ăn bữa cơm đạm bạc với Xuân Diệu.

- Thế thì cứ ở chơi thêm chút nữa đã. Mình có thơ mới đây. Lâu rồi, Khoa không lại chơi.

- Cháu qua luôn đây, nhưng chú đi vắng. - Tôi khê chống ché.

- Mình đi vắng thì Khoa phải để giấy lại chứ. Không thế sao mình biết được là Khoa đến chơi.

Xuân Diệu đưa bản thảo cho tôi đọc, rồi ông đứng dậy làm cơm. Ông đặt cái bếp điện có dây mayso lên bệ tường, rồi bóp cơm nguội để rang lại. Bàn tay Xuân Diệu to, cái xoong lại bé tí, nên ông làm có vẻ chật vật. Đang bữa chiều, các gia đình thổi cơm, điện sục sục. Cái bếp bắt bụi, chỉ khê phả ra một thoáng khói mỏng, mãi không đỏ lên được. Xuân Diệu lụi cùi cho mỡ vào chảo. Trong tâm trí tôi bỗng vẳng lên những câu thơ thân thuộc của ông *Em ngồi ríu rít ở sau xe - Đời vui khi được có em kề - Anh đợi em về ăn cơm - Em bóc anh múi cam - Em chăm anh miếng nước - Em có tài nấu nướng - Anh có tài ngợi khen.* Người con gái ấy là ai? Và cái cảnh đầm ấm, ríu rít ấy ở đâu? Ở trong đời hay ở cõi mộng? Trước đây tôi thấy có một người vẫn nấu cơm cho Xuân Diệu. Đó là một bà cụ già, người nhỏ thó, gương

mặt nhăn nheo mà Xuân Diệu vẫn gọi là u già. Bà cụ cứ một điều "bác Diệu", hai điều "bác Diệu". "Cậu giáo đến thăm bác Diệu à ? Bác ấy ở trên nhà đấy. Cứ để xe đó, tôi trông cho". Không hiểu sao, bà cụ cứ gọi tôi là cậu giáo. "Bác Diệu ơi, vườn rụng nhiều lá quá. Mai tôi quét đụn nhé", "Vâng, u quét đi". "Thế cũng đỡ cho bác hai hào than đây !" Lâu nay tôi không thấy bà cụ đâu nữa. Cũng có thể bà cụ về quê, vì đã quá già, không nấu được cơm cho Xuân Diệu nữa. Cũng có thể, bà cụ đã mất rồi. Xuân Diệu không nói, mà tôi cũng không hỏi.

V

Tôi không hiểu nhiều lắm về đời tư Xuân Diệu, cũng không biết ở các lĩnh vực khác, ở những mối quan hệ khác, Xuân Diệu là người như thế nào. Còn đối với văn chương, ở riêng địa hạt văn chương thì Xuân Diệu quả thực có biệt tài. Đặc biệt là tài thẩm thơ. Có khi ông chỉ chữa giúp tôi một chữ mà bài thơ biến đổi cả thần thái. Ví như bài *Đêm Côn Sơn*. Nhiều người nhắc đến câu thơ *Ngoài thềm rơi cái lá đa - Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng*. Xuân Diệu cũng khen hai câu thơ này. Ông cho là tôi nghe tinh, có giác quan tinh tế. Nhưng thực ra khi viết, tôi đâu có nghe, mà cũng chẳng nghĩ ngợi nhiều. Tôi chỉ muốn lấy cái *động* của lá rụng để diễn tả cái *tĩnh* của ngôi chùa, và tôi bịa ra cái lá

đa rụng. Thực tế, Côn Sơn không có đa. Sân chùa chỉ có mấy cây đại, cây ngâu, và xa hơn nữa là đồi thông, là rừng bạch đàn. Nhưng phải có cây đa thì mới ra cái chùa "*Con vua thì lại làm vua - Con sãi ở chùa lại quét lá đa*". Rồi tôi viết :

Mờ mờ ông bụt ngồi nghiêm

Sợ gì, ông vẫn ngồi yên lưng đến.

Sợ gì là tôi tự nói với mình, trong đêm đừng sợ ông Bụt, ông vẫn chỉ ngồi yên thế thôi. Nhưng đến Xuân Diệu, ông chữa thành :

Mờ mờ ông Bụt ngồi nghiêm

Nghĩ gì, ông vẫn ngồi yên lưng đến...

Xuân Diệu chỉ thay một chữ "*nghĩ*", ông Bụt đã hoá thành cơ thể sống, đã thành sự sống.

Xuân Diệu tinh tường như vậy đấy. Còn trong lĩnh vực sáng tác, Xuân Diệu đã hoàn thành xuất sắc sự nghiệp thơ ca của mình từ khi ông mới 24 tuổi : cho ra đời hai tập *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*. Đây là thời kỳ rực rỡ nhất trong đời thơ Xuân Diệu. Thơ ông tài hoa, tinh tế và sang trọng. Sau này Xuân Diệu vẫn tiếp tục làm thơ, đều đặn và cần mẫn : "*Cục ta cục tác - Để trứng này rồi, tôi còn trứng khác*". Và cũng như con gà công nghiệp ấy, Xuân Diệu đẻ liên tục, sồn sồn hết lứa này đến lứa khác. Trung bình cứ một, hai năm ông lại cho ra

đời một tập thơ để huế, vạm vỡ. Nhưng đây vẫn là sản phẩm phụ, là phần ông làm thêm, cho ta một Xuân Diệu sung sức, một Xuân Diệu phong phú, đa dạng, tung hoành trên nhiều đề tài. Tôi rất thán phục hai câu thơ kiệt xuất được viết sau cách mạng của ông:

*Trái đất ba phần tư nước mất
Đi như giọt lệ giữa không trung...*

Đối với Xuân Diệu, hai câu thơ này dường như là sự đột biến, bởi nó bay ở ngoài quỹ đạo quen thuộc của thơ Xuân Diệu. Và là hai câu thơ hay trong kho tàng thi ca nhân loại. Hay ở sự giản dị, ở tầm lớn, ở sức khái quát rất cao, ở cả cái tài nghệ đưa thực tế vào thơ nữa. Xuân Diệu có những thời vàng ròng quý giá như vậy vút lặn vút lóc ở những xó xỉnh nhá nhem trong cái kho châu báu của ông. Tuy thế, tôi trộm nghĩ, sự đóng góp lớn lao của Xuân Diệu sau cách mạng vẫn không phải là thơ ca, mặc dù thơ ông vẫn hay, cũng không phải ở mảng dịch thuật, mặc dù mảng dịch thơ, giới thiệu thơ này cũng đã đủ thành một sự nghiệp mà nhiều người không dám mơ tưởng. Tài năng Xuân Diệu sau thời *Thơ thơ*, *Gửi hương cho gió*, một lần nữa lại rực chói lên ở lĩnh vực phê bình, nghiên cứu thơ ca. Nói như Chế Lan Viên, một mình Xuân Diệu làm việc bằng cả một viện hàn lâm văn học. Ở đó,

ông vừa là viện trưởng vừa là anh loong toong. Xuân Diệu đã viết hầu hết các danh nhân văn học Việt Nam. Viết hay đến mức không ai có thể sánh được. Mặc dù trước Xuân Diệu chúng ta đã có Hoài Thanh, nhà phê bình thiên tài ở thời thơ mới. Trong khi có những nhà nghiên cứu viết hàng tập chuyên luận dày hàng trăm trang về một tác giả nào đó mà vẫn lù mù, vẫn *mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm*, thì Hoài Thanh chỉ lấy vài chữ, thậm chí chẳng cần trích một câu thơ nào, mà vẫn hiện hết thần thái, hồn vía của thi sĩ đó. Nếu Hoài Thanh có biệt tài tiên cảm văn chương, thì Xuân Diệu lại rất giỏi đi vào kỹ xảo, đi vào thực tiễn cụ thể của bếp núc nhà nghề. Hai tập *Nhà thơ cổ điển* của ông, cùng với *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, là hai bộ sách quý, và đối với tôi, đó còn là bảo bối, là sách học nghề...

Tháng 8.1993

LƯU TRỌNG LƯ VỚI BÀI THƠ "TIẾNG THU"

Lưu Trọng Lư là nhà thơ tiên phong của phong trào Thơ mới. Nhận định về nghệ thuật thơ ông, nhà phê bình thiên tài Hoài Thanh đã có những nhận xét thật chuẩn xác : "Tôi biết có kẻ trách Lư cầu thả, lười biếng, không biết chọn chữ, không chịu khó gọt giũa câu thơ. Nhưng Lư có làm thơ đâu, Lư chỉ để lòng mình tràn lan trên mặt giấy". Nhận định này dường như đã thành nỗi ám ảnh. Và rồi suốt đời, Lưu Trọng Lư cứ loạng choạng, cứ bập bồm bước trong cái vòng kim cô mà Hoài Thanh đã tiên đoán và vạch ra ngay từ khi ông mới xuất hiện trên thi đàn. Còn về con người Lưu Trọng Lư, thiết tưởng cũng chẳng có ai hiểu ông hơn Hoài Thanh: "Cả đời Lư cũng là một bài thơ. Nếu quả như người ta vẫn nói, thi sĩ là một kẻ ngơ

ngơ ngác ngác, chân bước chập chững trên đường đời, thì có lẽ Lư thi sĩ hơn ai hết".

Quá đúng vậy. Và nếu chọn một bài thơ thơ nhất của Việt Nam, nghĩa là ngoài thơ ra, nó không có gì bầu víu, thì đó chính là *Tiếng thu*. Đây là bài hay nhất trong đời thơ Lưu Trọng Lư, cũng là bài thơ thơ nhất của thi ca Việt Nam hiện đại:

*Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thốn thức ?*

*Em không nghe rạo rục
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ*

*Em không nghe rừng thu
Lá thu kêu xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô...*

Bài thơ vền vẹn có 9 câu, chia làm ba đoạn, mỗi đoạn lại so le, các ý trong bài thơ rời rạc, khắp khẽnh, chẳng ý nào ăn nhập với ý nào. Nếu cứ theo cách hiểu máy móc của những nhà phê bình quen thói bắt bẻ, cứ đề thơ ra mà tìm tư tưởng, tìm ý nghĩa thì đây là bài thơ "Đầu Ngô mình Sở". Đã thế, tác giả còn tỏ ra vụng về. Tỳ vết của sự thô vụng ấy nằm trong hai câu chẵn thơ tí nào, nó

như câu văn xuôi bình giảng văn học của học sinh phổ thông:

*Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ*

Ấy vậy mà khi gộp tất cả lại, nằm trong một tổng thể, bài thơ hay đến lạ lùng. Người ta không còn thấy dấu vết thô vụng đâu nữa. Đây là điều duy nhất xảy ra ở văn học Việt Nam và chỉ xảy ra có một lần. Cái hay của bài thơ này không nằm ở câu chữ. Nó hoàn toàn siêu thoát, là cái hồn phảng phất đâu đó đằng sau những con chữ rất sáng tỏ mà lại vời vơi mong lung kia. Người ta chỉ cảm thấy được, chứ không thể nói ra được một cách rạch ròi. Đây là bức tranh thiên nhiên được vẽ bằng hồn, bằng cả điệu nhạc rất riêng của tâm hồn thi sĩ. Bởi thế, người đọc cũng phải dùng hồn để chiêm ngưỡng nó, chứ không thể ngắm nó bằng lý trí tỉnh táo. Đã không ít nhà phê bình nghiên cứu mang lý trí ra để làm con dao cùn mổ xẻ những con chữ rất ngơ ngác này. Có người còn viện đến cả thi pháp học để cố hiểu cho bằng được bài thơ, lấy thi pháp làm chìa khoá mở cánh cửa thực dụng, đi vào cõi mù mờ tâm linh này. Bằng cách vận dụng thi pháp, có người cho đây là bài thơ nói về nỗi cô đơn không có sự chia sẻ. Không phải ngẫu nhiên bài

thơ có 9 câu mà đã có đến ba câu điệp "Em không nghe":

Em không nghe mùa thu

...

Em không nghe rạo rức

...

Em không nghe rừng thu...

Em *không nghe*, còn anh thì *nghe thấy hết*. Nghe thấy hết mà không nói ra được. Đây là cuộc đối thoại mà kẻ đối thoại lại ẩn sau sự câm lặng. Hoặc giả em cũng đã *nghe thấy*, nhưng anh vẫn hỏi như vậy, nghĩa là anh không hiểu em. Đằng nào thì cũng vẫn cứ là thiếu niềm đồng cảm. Một bên thì *thốn thức, rạo rức, kêu xào xạc*, một bên thì *không nghe, không nghe, không nghe*, cả con nai ngơ ngác, đập trên lá vàng khô, nghĩa là nó cũng *không nghe nốt*. Hiểu một cách sống sít như thế thì thật thô thiển. Nhà phê bình đã kéo những đám mây ngũ sắc đang bay bâng lảng trong không trung, rồi rải xuống đường làm rơm rạ lót chân, và như thế còn đâu cánh rừng thu, tâm hồn thu cho con nai vàng trú ngụ. Mấy câu điệp khúc ấy thực chất chỉ để tạo giai điệu rất đặc biệt cho bài thơ này. Ở đây, nhạc điệu cũng là một phần nội dung chính làm nên hồn vía bài thơ. Còn ở góc độ khác,

cũng nhìn bằng con mắt lý trí, có người còn cho rằng đây là bài thơ Lưu Trọng Lư thâu góp của nước ngoài. Thực tế trong bếp núc sáng tác, có thể có sự trùng hợp ngẫu nhiên. Người bình luận còn viện cứ rằng : "Thực tế Việt Nam làm gì có khu rừng vàng. Đây là rừng châu Âu. Rừng Việt Nam là rừng luống nhuộm. Mùa thu Việt Nam đúng như Nguyễn Du mô tả trong *Kiều*: "*Rừng thu từng biếc chen hồng*". Và con nai Việt Nam cũng nhanh nhẹn lắm, tinh ranh lắm, nó đâu có ngơ ngác ! Ờ hay, Lưu Trọng Lư có nhìn thiên nhiên bằng con mắt thịt đâu ! Lại phải mời Hoài Thanh về làm luật sư bào chữa cho ông thôi : "Trong thơ Lư, nếu có cả chim kêu, hoa nở, ta cũng chớ tin. Hay ta hãy tin rằng tiếng ấy, màu kia chỉ có ở trong mộng. Mộng ! Đó mới là quê hương của Lư. Thế giới thực của ta với bao nhiêu thanh sắc huy hoàng, Lư không nghe thấy gì đâu. Sống ở thế kỷ 20, ngày ngày nện gót trên các con đường Hà Nội mà người cứ mơ màng thấy mình gò ngựa ở những chốn xa xăm nào".

Tương truyền khi viết bài thơ này, Lưu Trọng Lư đến thăm nhà một người bạn. Rồi nhân cơ hội thấy cái bình gốm cổ có vẽ con nai đứng giữa núi non, Lưu Trọng Lư bèn vịnh ngay bài thơ này. Thực chất, nếu chuyện đó là thật, thì con nai trên bình

gồm chỉ là cái cớ rất nhỏ, là tiếng động rất nhỏ đánh thức con nai vàng và khu rừng vàng trong tâm hồn Lưu Trọng Lư thức dậy và toả hương. Nhờ thế, thi ca Việt Nam đã có một kiệt tác thật hiếm có, ngỡ như đó là khúc nhạc huyền bí của thần linh, chứ quyết không phải là tiếng ca phàm tục của người đời...

1997

PHÙ THĂNG

I

Lần đầu tiên, tôi được biết Phù Thăng. Ấy là khi ngồi chuyện phiếm với Xuân Thiều. Lâu rồi. Dễ đã hai chục năm có lẻ. Chiều ấy, không biết Xuân Thiều tới tìm ai đó, rồi tình cờ, tạt qua phòng tôi. Thế rồi, bên chén trà đã nhạt, có ai đó bàn đến truyện mi-ni, một dạng truyện độc đáo. Độc đáo bởi nó ngắn. Cực ngắn. Có truyện chỉ vài trăm chữ, thậm chí vài chục chữ, mà vẫn chuyển tải được tới bạn đọc một vấn đề lớn. Chỉ một dúm chữ, nhưng truyện vẫn có hồn, có cốt, có cả nhân vật. Nói tóm lại, nó vẫn là cái truyện nghiêm chỉnh, chứ không phải một dạng tiểu phẩm, có tráng qua chút văn chương. Nghĩa là đọc nó, người ta vẫn thấy tự nhiên, thoải mái, không có cái cảm giác bức bối, ngột ngạt như bị vo nén lại, rồi nhét vào trong một cái ống xe điều !

Rồi để chứng minh cho cái lý luận "mi-ni" ấy, Xuân Thiều rủ rỉ kể cho tôi nghe một truyện của Phù Thăng. Cái truyện có tên là : *Hạt thóc*. Cứ

theo lời Xuân Thiều thì truyện ngắn lắm, chỉ vèn vèn có một vốc chữ, đem tãi ra cũng không kín một trang vở học trò. Chuyện kể về một gã tâm thần. Gã từng là nhà văn, từng làu làu tiếng Pháp. Thế rồi chẳng biết do ngộ chữ thế nào đó, gã đâm ra lẩn thẩn. Gã cứ nghĩ mình là hạt thóc bé bỏng tội nghiệp. Và vì thế, cứ trông thấy gà què ở đâu là gã co cẳng chạy.

Thật tội nghiệp cho gã ! Thà gã cứ nghĩ mình là một cục cứt để rồi mà sợ chó, thì đời gã chẳng đến nỗi khổ như vậy. Chó đang thừa vắng dần. Ở làng quê bây giờ, có bói cũng chẳng tìm thấy bóng dáng một chú chó nhỏ. Để phòng bệnh đại, người ta đã triệt chó. Trên vùng núi cao, ở những bản xa mù, thì thoảng lắm mới có tiếng chó sủa eo óc, nghe như tiếng ếch kêu. Mà cũng chẳng biết có phải đấy là tiếng chó sủa thật không, hay chỉ là chút ký ức vẫn lên trong tâm trí người bộ hành mệt mỏi, thập thò bước trên những con đường rừng khuya khoắt, mong có chỗ dừng chân, muốn gặp một bản làng, mà rồi nghĩ ra vậy. Chỉ ở Hà Nội mới có chó. Rất nhiều chó. Chó ngào ngạt suốt một rẻo đê Nhật Tân. Nhưng đó lại là những con chó hoà bình, chẳng có gì phải sợ. Khốn nỗi gã lại là hạt thóc. Một hạt thóc bé nhỏ nên mới sợ gà. Mà gà thì ở đâu chẳng có. Chúng sinh sôi nảy nở đàn

đàn lũ lũ ở các nông trường, các trại gà công nghiệp, các làng quê xóm bản. Đến cả những phố phường sầm uất, sang trọng, ồn ã người xe, cũng có thể bất thần nghe thấy tiếng gà gáy te te ngay trên ban-công, ở những biệt thự cao tầng chìm lấp sau những giàn hoa giấy khuê các. Bởi vậy tính mạng gà luôn bị đe dọa !

May sao, có một người hiểu được nỗi bất hạnh ấy của gà. Đó là ông bác sĩ tâm thần. Ông niềm nở đón gà vào viện. Bệnh viện của ông cũng lạ. Nó chẳng giống những bệnh viện tâm thần mà ta thường thấy. Nhìn khắp bốn phía chẳng có tường ngăn, rào chắn. Ngày đêm cửa mở thông thoáng. Bệnh nhân không ai bị trói giữ, giam nhốt. Đến nỗi chính gà cũng chẳng biết mình mang bệnh và đang ở trong một bệnh viện tâm thần. Gà hoàn toàn tự do, có thể thơ thẩn đi hái thuốc cùng mấy cô y tá trẻ đẹp, có thể suốt ngày ngồi đàm đạo văn chương với mấy ông bác sĩ. Đôi lúc cao hứng, gà còn mang những bài thơ gà viết bằng tiếng Pháp đọc cho bác sĩ nghe. Rồi ông bác sĩ cũng lại mang những bài thơ viết từ thời đang còn là sinh viên Trường Y ra đọc, nhờ gà góp ý, sửa chữa. "Nói gì thì nói, chứ cái khoản văn chương thơ phú này, em cứ phải tôn ông anh là bậc đại sư phụ". Thế thì ai dám bảo gà là hạt thóc. Chỉ được cái bố lão !

Cứ thế, gã được kinh trọng, được cư xử thân ái như cư xử với một con người. Và bằng tấm lòng nhân ái ấy, ông bác sĩ tài ba đã cứu được gã, đã đưa gã từ cõi mộng mị hoang tưởng về với xứ người. Ông anh làm nghề gì ? Tớ là nhà văn. Có phải ! Người ta bảo ông anh là hạt thóc. Bậy ! Tớ là con người. Cậu nói gì mà lạ thế ? Tớ là người !

Gã tròn mắt kinh ngạc thật sự. Còn bác sĩ thì tùm tùm cười, gương mặt thật rạng rỡ. Sau đó ít ngày, gã ra viện. Cuộc chia tay thật bịn rịn. Rồi gã thung thăng ra về. Nhưng thật oái oăm, chính lúc ấy, cái lúc gã đang ung dung bước như một con người ấy, thì ở xóm ven đê, lại vút lên tiếng gà gáy. Thế là gã lại co cẳng chạy. Gã chạy tất tả, chạy cuống quýt, lao bừa vào bụi rậm, vào các xó xỉnh khuất lấp để lẫn trốn. Bác sĩ há mồm kinh ngạc. Ông không hiểu sao căn bệnh tái phát nhanh đến thế. Khó nhọc lắm, bác sĩ mới lôi được gã lấy bấy từ sau bồ thóc ra. Ông anh làm sao thế hả ? Con gà... Con gà ... gã liu lười lại. Ông anh có phải là hạt thóc không ? Bậy ! Tôi không phải là hạt thóc. Tôi là người. Là con người ! Thế sao thấy gà anh lại chạy? Khổ ! Cậu thấy đấy. Tôi không phải hạt thóc. Nhưng con gà, vâng, chính là con gà ấy, nó vẫn cứ tưởng tôi là hạt thóc thì sao ?

II

Truyện vên vên có thể, lại qua lời kể bỗm bẫm khỏi thuốc của Xuân Thiếu, chưa phải nguyên bản, vậy mà nó vẫn ám ảnh tôi suốt một thời gian dài. Cái truyện này, nghe nói Phù Thăng viết khi ông đã rời bỏ Hà Nội trở về quê, làm một thợ cày. Trước đó, ông từng là tác giả kịch bản của nhiều bộ phim truyện nổi tiếng : *Nguyễn Văn Trỗi, Quê nhà, Biển lửa, Tiếng gọi phía trước...* Có phim từng đoạt giải vàng, giải bạc của liên hoan phim quốc tế, tổ chức tại Matxcova. Tất nhiên, đây là phim truyện Việt Nam những năm sáu mươi, bảy mươi. Giá trị nghệ thuật của nó đến đâu, bây giờ ta cũng có thể xác định được rồi. Trước khi đến với điện ảnh, Phù Thăng đã là nhà văn. Truyện *Con những người du kích* đã đưa ông đến vị trí của một ngôi bút được bạn đọc yêu mến, tin cậy. So với nhiều nhà văn cùng lứa, Phù Thăng được tạo hoá ưu ái ban cho một văn tài. Văn tài ấy bộc lộ ở những con chữ tài hoa, hàm chứa những hiểu biết sâu sắc. Sau tập truyện vừa *Trận địa mới, Phá vây ra đời*. Đó là cuốn tiểu thuyết dày 500 trang, viết trực tiếp về cuộc chiến tranh ở vùng đồng bằng Bắc Bộ thời kỳ đầu kháng Pháp. Một tiểu đoàn trinh sát mở một trận đánh nghi binh, thu hút lực lượng địch về phía mình, giải vây cho đồng đội. Và rồi, bằng trí

tuệ và lòng dũng cảm của mình, những người lính của tiểu đoàn trinh sát đã phá được vòng vây, không phải chỉ vòng vây địch, mà cả những vòng vây vô hình nhưng không kém phần nguy hiểm, đang giăng mắc ở ngay trong ta. Ấy là những định kiến, những quan niệm hẹp hòi, ấu trĩ, trói buộc con người, cản trở sự tiến triển của cách mạng, của văn hoá và văn minh. Đây là cuốn sách ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Một chủ đề phổ biến trong văn học ta những năm sáu mươi. Tập sách sẽ là con thuyền êm chèo mát mái, nếu không có vài dòng Phù Thăng luận về chiến tranh. Trong ý nghĩ của ông lúc bấy giờ, chiến tranh dù nhìn ở góc độ nào cũng không phải là điều tốt đẹp. Bởi nó cuốn theo bao nhiêu xương máu của những người dân vô tội. Đây là một vấn đề lớn có tính thời đại sâu sắc, mà ông lại trình bày một cách giản đơn như thế và ở thời điểm ấy, nó đã hoá sóng gió đánh vào đời ông. Trận sóng này còn phủ lên cả những trang văn bình dị khác, như cái đoạn ông khắc hoạ vị tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn trinh sát. Anh đi kiểm tra trận địa nghi binh về, thấy lính ngã nghiêng nằm ngủ dưới trăng. Ngày mai là trận đánh lớn. Những người lính này sẽ tự nguyện làm mồi nhử địch, thu hút hoá lực địch. Cậu lính nào cũng trẻ đẹp và khoẻ mạnh. Những sức trai như thế kia vào trận mà chết thì uổng quá. Trước mắt anh, họ đều

là thợ cày. Nếu không có chiến tranh, những sức vóc ấy mà cho đi phạt bờ, cuốc góc thì sướng biết mấy !

Những ý tưởng bây giờ cho là hết sức bình thường này, ở thời điểm ra đời của nó lại khó được chấp nhận. Điều đó cũng dễ hiểu. Phù Thăng giải trình với bạn bè: "Thực tâm tôi nghĩ thế thì tôi viết ra một cách trung thực thế. Nếu các anh cảm thấy không được thì thôi, không in nữa. Nếu trót in rồi thì không phát hành nữa, chứ bây giờ bảo tôi chữa khác đi, thì thú thực, tôi chẳng biết chữa thế nào". Trăn sóng *Phá vây* ấy, đã hát Phù Thăng về với đồng ruộng, quê nhà. Phù Thăng lại thấy có cái gì đó vui vui. Ông tâm sự với một nhà văn trẻ : "Mình thế là rất được ưu ái đấy. Các anh ấy còn thương, cho làm quan tại gia. Lương tháng vẫn nhận đều đều ở xưởng phim, chẳng bị chiết khấu đồng nào. Bây giờ thì bình thường, chứ cứ như ngày trước, được làm quan tại gia là sướng và oai lắm đấy!". Và rồi từ đó ông quan tại gia cứ sáng sáng vắt vào cái que tre buộc toòng teng mấy rảnh lá chuối khô, lửa vệt ra đồng. Dưới cái gậy chỉ huy của ông, hàng trăm tên "linh xung kích" sẵn sàng xông trận. Ông chỉ khê vẩy tay là cái đạo quân ấy rùng rùng chuyển động, nom tếu như một cái chăn khổng lồ bị giời xé tơi tả. Khi đoàn quân ấy đã chiếm lĩnh

trận địa rồi, ông mới lui cũi phạt bờ cuộc góc. Trông chẳng ai biết đấy là một ông quan. Rồi cứ vài ba tháng một lần, ông lại về Hà Nội nhận lương, cho đến khi ông trao chìa khoá, trao căn phòng của mình ở Hà Nội cho anh em trong cơ quan, rồi nhận sổ hưu, về làng hẳn. Từ đó đến nay, ông không trở lại Hà Nội nữa. Cũng không thấy ông tiếp xúc giao du với giới văn chương. Và làng Tất Lại, xã Cộng Lạc, quê ông, từ đó có thêm một ông thợ cày cần mẫn. Ngày nào ông cũng đánh trâu ra đồng, kể cả những hôm giá ngắt, nước ruộng trong leo lẻo, cá mại cờ chết rét, nổi phên lên, dạt cả vào vệ cỏ, ông vẫn cày quần quật từ sáng đến tối mịt. Có hôm bị huyết áp, ông ngã vật xuống ruộng cày. Lũ trẻ chăn trâu đã khiêng ông về nhà. Cứ tưởng lần ấy, ông đi hẳn. Ai ngờ ba ngày sau đã thấy ông "vắt, diệc" trên cánh đồng rồi. Một mình ông nhận đến bảy sào ruộng khoán.

- Sao bác nhận lắm ruộng thế ? Có phải mượn người làm không ? - Một phóng viên báo tỉnh hỏi ông.

- Việc gì phải mượn. - Ông cười móm mém. - Mình vốn là thợ cày mà. Phải làm thôi. Mượn người biết lấy gì ra mà trả cho họ. Mấy chục đồng lương thiếu uỷ hưu của mình, ông tính sống sao nổi ở thời kinh tế thị trường này. Mình còn kéo

theo ba cái rơ-moóc nữa. Tháng trước, cô con gái út làm ở đài truyền thanh huyện lại về xin bố tiền. Ở quê, nhiều thứ phải chi tiêu lắm. Tất cả chỉ còn biết trông vào hạt thóc thôi.

Phù Thăng làm quần quật như một nông dân. Chẳng ai biết ông là một nhà văn hào hoa, phong nhã một thời. Bà bán nước chè xanh ở quán nước đầu xã Cộng Lạc, vốn là một giáo viên văn nghỉ hưu tỏ ra rất am tường : "Các bác muốn tìm ông Thăng mà hỏi nhà văn Phù Thăng thì chẳng ai biết đâu. Cứ hỏi ông Thăng có con trâu sứt tai, hoặc gọi tắt là ông Thăng sứt, thì cả làng này, từ già tới trẻ, ai cũng biết. Mà kể cũng lạ. - Bà chép miệng, - Ông lão người cứ quật như gốc sắn khô, mà trị được con trâu to vật. Con trâu ấy dữ lắm, trẻ con đùa nào cũng hãi. Chúng còn gọi là con điên hay con điên sứt. Con điên sứt ấy đã cho mấy ông thợ cày thủng bụng rồi đấy. Vậy mà nó lại chịu ông Thăng. Ở làng này chỉ có ông Thăng mới cày được nó, cũng chỉ có ông Thăng mới cưỡi được nó.

Vậy đó. Con điên. Con điên sứt. Những biệt hiệu đầu gấu sặc mùi đao búa của con trâu ương ngạnh, ai ngờ lại là đặc điểm, là chứng chỉ để người ta nhận diện một nhà văn hào hoa, phong nhã. Người ta còn gắn cả cái tai sứt của con trâu cho ông, dù biết ông là một lực điền như thế nào

rồi. Thực tình Phù Thăng đâu đã bỏ vãn, để rồi phải núp sau cái tai sứt của con trâu điên khùng. Ông vẫn viết cần mẫn. Ngày cày ruộng quần quật, đêm lại chong ngọn đèn dầu, cặm cụi "cày" trên cánh đồng giấy trắng rợn, trắng đến sờn cả da gà. Bà vợ hơn ông hai tuổi lại rên rầm : "Thôi ! Tôi lạy ông ! Đừng viết nữa. Khổ đến thế còn chưa đủ sao ? Nhất nhớ lại sa sẩy nữa thì sống sao nổi. Ông già rồi..." Nhưng Phù Thăng làm sao bỏ viết được. Cái nghiệp văn chương nó thế. Không phải ông chọn văn chương mà chính văn chương đã chọn ông để dày đoạ, để hành hạ ông trong cõi người này. Bây giờ thì nó đã thành máu thịt của ông, đã thành số phận của ông rồi. Bỏ cây bút, ông còn biết tựa vào đâu ? Ông biết lấy sức lực đâu để cày hết bảy sào ruộng khoán ? Sức mạnh bí hiểm ấy, bà không thể biết được. Đối với một nhà văn, khi không còn sức sáng tạo nữa thì nhà văn ấy thực sự đã chết rồi. Chính niềm vui của sự sáng tạo văn chương đã giúp Phù Thăng vượt qua cái chết trên đồng làng, và cả trên bàn mổ. Phù Thăng đã ba lần bước lên bàn mổ với cả vết thương từ thời kháng Pháp. Ông vốn là thương binh. Chính các bác sĩ cũng không hiểu tại sao một ông lão gầy guộc, dường như chỉ có đôi mắt là còn sức sống, lại có sức lực dẻo dai đến thế. Và rồi đêm đêm những trang văn vẫn ra đời. Chống bàn thảo mỗi ngày một dày thêm. Phù

Thăng gói bản thảo thành từng bó, quấn giấy xi-măng, rồi cho vào chum ủ lá xoan tươi. Đây là cách phòng chống mối mọt của những nông dân nghèo thời trung cổ. Trong căn buồng ẩm thấp, tối sẫm, lúc nào cũng vo ve tiếng muỗi, ngoài chum thóc, chum sắn còn có cả một chum vắn nữa. Vậy mà cho đến nay, Phù Thăng vẫn đứng bên ngoài dòng văn học. Cả một đời cặm cụi viết, lầm lũi đi, đến lúc tuổi đã già, dụi mắt nhìn lại, thấy con đường văn nghệ ngang những cột mốc với những tên tuổi khác. Lục khắp cũng chẳng bói đâu ra một chút dấu ấn của đời mình.

III

Có lẽ vì thế, người đọc bây giờ, nhất là các bạn trẻ, không biết Phù Thăng, thiết tưởng cũng dễ hiểu. Trong số hơn sáu trăm hội viên Hội nhà văn, nhiều người được kết nạp đã lâu mà đến nay, tên tuổi vẫn lạ hoắc, đến nỗi ngay cả những người trong nghề cũng thấy lù mù, chẳng biết họ viết văn hay làm thơ, hay là nhà phê bình lý luận. Trong màn sương mù ấy cũng chẳng thấy cái bóng mờ mờ nhân ảnh của Phù Thăng. Còn trên quây sách thì thật rôm rả. Riu rít bao màu sắc. Mới có, cũ cũng có. Vẫn chẳng thấy dáng dấp Phù Thăng. Những năm gần đây, sách ra rất rộng rãi. Nhiều tác giả *Nhân văn giai phẩm* xưa từng có lúc thiết thời, giờ cũng được bù lại. Tuy nhiên, sự ưu ái ấy cũng vẫn

chưa phải đã là một may mắn. Bởi nhiều hình bóng chỉ có sức sống mãnh liệt ở xứ sương mù. Sương tan thì bóng hình cũng theo sương mà tan nốt. Nói một cách văn vẻ như một nhà thơ trẻ, thì đấy là những con rồng trong mây, lúc ẩn, lúc hiện, khi phô khúc đen, khi xoè khúc trắng, nom thật ngoạn mục, thật kỳ vĩ. Nhưng đến lúc bày hết ra giấy rồi mới hay nó chỉ là những con chạch chấu gầy gò teo tóp. Giá không được may mắn ấy, có khi lại may mắn hơn, bởi trong tâm trí người đọc, biết đâu người ta vẫn nghĩ anh là một con rồng, có khi còn hơn cả một con rồng. Phù Thăng cũng lại nằm ngoài sự may rủi ấy. Biết đâu, đấy lại chẳng là một điều hay cho ông. Mãi gần đây, tôi mới có dịp được gặp ông.

Đó là dạo quân khu Ba kỷ niệm lần thứ 50 ngày sinh của mình. Cục chính trị cho mời toàn thể anh em văn nghệ sĩ của quân khu về Hải Phòng gặp mặt. Chúng tôi vừa tới cục chính trị thì cô tiếp viên nhà khách đã đơn đả : "Các bác lên đi. Trên đó nhiều phòng lắm...". "Anh em đến đủ chưa ? - Lê Lựu hỏi lập bập. "Trên đó chỉ có một bác Thăng ở Hải Dương thôi". "Có phải bác Phù Thăng không ?". "Cháu không rõ. Chỉ biết bác ấy tên là Thăng. Hình như bác La Thăng gì đó. Bác ấy vẫn làm bài hát mà. Ở đây toàn các bác múa hát thôi. Các bác ấy đàn sáo suốt đêm qua. Vui lắm".

Tôi bỏ lên nhà khách. Đèn sáng choang, nhưng chẳng có ai cả, Trên cộc màn treo lủng lẳng một cái áo trấn thủ thủng lỗ chỗ như những vết đạn bắn. Có lẽ Phù Thăng thật. Mà đúng là Phù Thăng. Khi chúng tôi đang ngồi uống trà, thì Phù Thăng tất tả bước vào. Ông mặc tấm áo may-ô vàng ố, cái quần ka-ki đã bạc, ống thấp, ống cao. Phù Thăng như từ thửa ruộng cày bước thẳng vào phòng khách. Thấy chúng tôi, ông dừng lại, rồi reo oà lên như một đứa trẻ :

- Ồi giới, các ông ! - Và rồi, thật bất ngờ, Phù Thăng sụp xuống. - Tôi lạy ông Khải, tôi lạy ông Lựu, tôi lạy ông Khoa !

Ồ hay, sao lại thế này ? Lê Lựu há hốc mồm kinh ngạc. Nguyễn Khải đứng dậy, luống cuống. Xưa nay người ta thường chỉ lễ người chết, chứ có mấy ai lễ người sống bao giờ. Thương nhau, biết nhau cả, mà rồi dằng dẵng mấy mươi năm chẳng gặp được nhau, thì dẫu có sống cũng coi như người đã khuất núi rồi. Bởi thế mà Phù Thăng mới lạy chúng tôi, nước mắt lã chã. Cả ba chúng tôi đều cuống lên, rồi chẳng biết làm sao, cũng sụp xuống, xá lại. Hai bên lụp cụp lạy nhau. Các cô phục vụ nhà khách kéo đến, tường các bác diễn tuồng.

- Trời ! Tôi không thể nghĩ mình còn có dịp được trông thấy các ông nữa !

Phù Thăng nói bằng giọng méo mó. Ông ngồi lọt thỏm trong ghế sa-lông. Một ông già nhỏ thó, đen đúa. Hàm răng đã rụng hết. Trông ông teo tóp như một hạt thóc lép. Chỉ có đôi mắt là long lanh sáng. Hình như toàn bộ sức sống của cả con người ông, đều gom lại trong đôi mắt ấy. "Trời, tôi không ngờ, không ngờ..." Phù Thăng vẫn thều thào. Quả cũng bất ngờ thật. Nguyễn Khải ở thành phố Hồ Chí Minh. Lê Lựu ở Hà Nội, Phù Thăng ở làng Tất Lại, Hải Dương. Ba ngọn núi kỳ dị của đồng bằng Bắc Bộ ấy, ai ngờ lại có dịp ngồi ngấm nhau. Bởi thế, Phù Thăng vẫn chưa hết bàng hoàng của một người ở trong cõi mộng.

- Không biết sau lần này, chúng mình liệu còn có dịp nào được gặp lại nhau nữa không nhỉ ? Chắc là không... không đâu...

- Gặp chứ ! Gặp chứ !

Lê Lựu nói lấp bắp, rồi đưa tay vỗ tóp tép vào cái đùi tong teo của Phù Thăng, rồi lại nắm cái đầu gối củ lạc của ông mà lắc lắc. Đoạn, anh ghé tai Phù Thăng, hỏi một câu gì đó, chắc là về tình ái. Thế là Phù Thăng cười toá lên, mặt rúm rỏ.

Chuyện và một lúc, Lê Lựu rủ mấy anh em xuống thăm các anh chị văn công đang om thòm tề tựu ở khu nhà dưới kia. "Đi đi, ngồi ru rú ở đây

làm quái gì. Mấy khi có dịp thế này. Đêm nay ta ra đò, nhảy Va-xi-lô với mấy mẹ xanh đỏ nhé, bác Thăng nhé !"

Phù Thăng lại phều phào cười. Chúng tôi bước lững thững trên con đường mới rải nhựa, băng lảng sương khói. Xa kia, sau đò Cò, mảnh trăng non cong vắt như cái khoằm trâu mà một gã thợ cày nào đó vừa quăng lên bầu trời. Phù Thăng bước băng lảng. Ông bảo tôi :

- Lúc nào Khoa cố gắng bớt chút thời giờ ghé về nhà mình chơi. Mình muốn nhờ ông đọc giúp mấy cái truyện. Đọc để biết thôi. Chứ in thì chắc khó lắm. Thời kinh tế thị trường bây giờ, để in một cuốn sách, phải bán đến dăm sáu tấn thóc thì mình chịu rồi. Kiếm đâu ra nổi số thóc lớn như thế.

Đối với Phù Thăng bây giờ, quả là mọi thứ chỉ còn biết trông vào hạt thóc. Và câu chuyện mi-ni của ông xưa, lại ám ảnh tôi, chợt làm tôi ớn lạnh. Bất giác, tôi nắm chặt bàn tay gầy guộc của Phù Thăng, lòng mơ hồ rờn rợn. Chỉ sợ ở một xó xỉnh nào đó, sau lùm cây tối sẫm kia, lại bất ngờ cất lên một tiếng gà gáy...

5.1996

LÊ LỰU

I

Cứ xem cái tướng mạo, cái hình dáng, kiểu cách bề ngoài thì chẳng ai nghĩ Lê Lưu là một nhà văn. Trông anh nhôm nhoam, luộm thuộm và lúc nào cũng tất tả, nhếch nhác như một gã thợ cày vừa từ một thửa ruộng ngấu bùn nào đó bước lên. Guồng mặt, đầu tóc, quần áo và toàn bộ con người anh như đang toả ra mùi bùn đất, mùi nắng gió, bụi bặm của một vùng đồng bãi châu thổ sông Hồng. Con người ấy có "đắp" com-lê, cà vạt, mũ phớt, kính gọng vàng, giày Mô-ka, nghĩa là tất cả những trang bị, phụ tùng tối tân nhất của đời sống đô thị, thì trông anh vẫn chẳng ra anh trí thức, cũng chẳng ra người thành phố. Mặc dù Lê Lưu sống ở Hà Nội, lấy vợ đẻ con ở đất kinh kỳ này, đã từng nện gót trên nhiều đường phố lớn thế giới, lại ba lần sang Mỹ, nhưng anh vẫn là gã lục diên của vùng đất bãi Khoái Châu, Hưng Yên. Lê Lưu như hòn gạch xi, hay nói đúng hơn - như một tảng đá

học. Đó là một tảng đá nguyên khối, xù xì của thiên nhiên hoang dã mà đời sống hiện đại đô thị và nền văn minh thế giới không thể đeo gót được, cũng không thể tác động vào được. Cái chất què kiểng đặc sệt này là cái duyên riêng của Lê Lựu, cũng là cái Lê Lựu hơn người. Tiếp xúc với anh, người ta mến ngay. Mà đâu phải chỉ mến, còn "mê" nữa. Lê Lựu thông minh, hóm hỉnh, nói chuyện có duyên và có sức lôi cuốn. Người ta sẵn đón anh, mời anh đi nói chuyện ở khắp các cơ quan, xí nghiệp, trường học. Buổi nào cũng đông nghịt. Người nghe như bị bỏ bùa, bị thôi miên, bị đánh thuốc lú. Trước hiện tượng ấy, không biết một nhà kinh tế ma mãnh nào đó đã bí mật "kinh doanh" Lê Lựu và "trúng quả đậm". Buổi nói chuyện được ghi âm, rồi in ra hàng loạt. Băng Lê Lựu bán chạy không thua bất cứ một thứ nhạc Rốc, nhạc Pốp, nhạc Discô, hay nhạc thời thượng nào. Giá bán đắt khét lẹt. Một vài băng đã tràn sang đất Nga. Ở ký túc xá Môgiaixkôie, có một anh chủ hàng đã "quát" tôi với giá 1.800 rúp. "Không chất đâu ông anh ạ ! Có hai đô-la thôi mà. Băng một gói mì chính cánh. Cứ nghe đi, rồi ông anh sẽ thấy mì chính cánh rất nhạt". Tôi đã mua sự tò mò với giá 1.800 rúp, không thể bớt được một xu. "Gớm, ông anh cứ làm như chó Nhật ấy. Loại hàng này đâu có xuống giá mà ông anh đòi bớt"... Quả thật, Lê Lựu có biệt tài

tra lời những câu hỏi phỏng vấn của đồng nghiệp và các hãng thông tấn nước ngoài. Khi hỏi cảm giác của anh tới Liên Xô và Mỹ, anh cười : "Tôi rất ngạc nhiên. Ngạc nhiên đến kinh ngạc. Ở Liên Xô tôi lại tưởng Liên Xô là Mỹ, và khi ở Mỹ thì tôi cứ nghĩ Mỹ là Liên Xô". Còn hỏi về chuyến đi Mỹ của anh thì anh cười hề hề : "Chẳng có gì to tát, và nghiêm trọng cả. Mình với Mỹ như hai anh láng giềng, có một thời xích mích, gây ra cãi cọ, dẫn tới choảng nhau, rồi thì rào kín cổng ngõ, không thềm nhìn mặt. Bây giờ cơn nóng giận qua rồi, cả hai đều muốn ngồi lại với nhau, chơi với nhau, nhưng anh nào cũng sĩ diện, không muốn làm lành trước, đành nghĩ ra một cái mẹo, là xua chó gà sang nhà nhau, rồi lấy cớ ấy mà hỏi với qua hàng rào : "Này bác ời, bác có thấy con gà, con chó nhà tôi chạy sang bên đó không ?". Ấy thế rồi nói chuyện được với nhau đấy. Tôi sang Mỹ cũng là để làm con gà con chó thôi. Có gì ghê gớm đâu cơ chứ".

Lê Lựu lại cười hề hề. Anh có vốn sống phong phú, sự trải đời lọc lõi. Đó là một gã ma mãnh, quái quỷ, nhưng lại mang vẻ mặt xuề xòa, chất phác của một anh nhà quê. Bởi thế, anh rất dễ thuyết phục người khác. Lê Lựu có nói dối và nói thẳng ra rằng : "Tôi đang nói dối đấy" thì người ta cũng vẫn cứ tin, chẳng ai ngờ vực cả. Bởi xưa nay,

người ta chỉ dè chừng những kẻ giáo hoạt, những tay láu cá, chứ mấy ai nghi ngờ thợ cày.

Đối với người Mỹ, Lê Lợi không chỉ là nhà văn dân tộc xuất sắc, mà còn có một giá trị có tính khảo cổ học. Anh như một khu rừng nguyên sinh, một hang động hoang dã, họ chưa từng đặt chân tới. Nhà văn Nguyễn Quang Thiều, người phiên dịch cuộc hội thảo văn học Việt - Mỹ kể lại. Có một lần, Lê Lợi đến dự cuộc gặp gỡ, trao đổi với các nhà văn cựu chiến binh Mỹ, trong một biệt thự sang trọng. Anh ăn mặc lịch sự như một chính khách. Cuộc gặp gỡ được cả hai bên chuẩn bị chu đáo, nhưng Lê Lợi vẫn băn khoăn, vẫn thấy có một cái gì đó chưa thật ổn thoả. Anh vội bí mật nhìn trước, nhìn sau, xem có ai tò mò để ý đến mình không, rồi thì thật bất ngờ, anh vắt cả cái chân còn nguyên giày nguyên tất lên mũi và... ngồi. Cử chỉ lạ lùng, quái đản này không lọt qua được mắt các nhà văn Mỹ, từng là lính trinh sát trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, họ "mê" Lê Lợi ngay từ cái cử chỉ dị mọ rất... Lê Lợi này. Cử chỉ ấy, nếu ở người khác, có thể sẽ gây nên sự khó chịu, nhưng ở Lê Lợi, người ta lại thấy đáng yêu vì nó xuề xoà, tự nhiên và hợp lý như sự sắp đặt của Chúa. Cũng theo Nguyễn Quang Thiều, ở cuộc hội thảo này, các nhà văn cựu chiến binh Mỹ chỉ

biết Lê Lựu, chỉ thích ông Lựu thôi. Đối với họ, văn học Việt Nam ngoài ông Lựu ra, chẳng còn ai nữa.

II

Lê Lựu thuộc lớp nhà văn quân đội, ra đời và trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Truyện đầu tiên mà anh "trình làng" vào năm 1964, có cái tên rất thật thà : *Tết làng Mưa*. Rồi sau đó một loạt truyện ngắn ra đời : *"Trong làng nhỏ"*, *"Người cầm súng"*, *"Phía mặt trời"* *"Truyện kể từ đêm trước"*... Và đến *"Người về đồng cỏ"* thì Lê Lựu đã là cây bút viết văn kỳ cựu. Có thể coi *Người về đồng cỏ* là truyện đặc sắc nhất của Lê Lựu trong thời kỳ chống Mỹ. Bây giờ đọc lại vẫn còn thấy thú. Và đến truyện này, văn Lê Lựu đã có "mùi" tiểu thuyết. Người đọc biết anh sẽ là nhà tiểu thuyết có tài. Nghề văn cũng như ca hát. Chỉ ở lên một tiếng đã thấy cái giọng quý rồi. Lê Lựu có cái giọng quý ấy. Người ta biết anh là người linh xương, dù lúc đó, anh còn u ơ đứng trong dàn đồng ca.

Lê Lựu biết cuốn hút người đời bằng một thứ văn đọc không nhạt. Ngay cả ở những truyện xoàng xoàng, người đọc vẫn thu lượm được một cái gì đấy, có khi là một chi tiết, một đoạn tả cảnh, hoặc một nét phác họa tính cách nhân vật. Nghĩa là đọc anh không bị "lỗ" trắng. Cũng bởi lẽ Lê Lựu

là nhà văn không chấp nhận sự nhạt nhẽo tầm thường. Ở bất cứ tác phẩm nào, dù lớn hay nhỏ, Lê Lựu cũng có một vấn đề gì đấy gửi gắm. Không có cái đó, anh không cầm bút viết. Ngay cả khi hình thành tác phẩm rồi, có vấn đề, có cốt truyện, có nhân vật hằn hoi rồi, Lê Lựu cũng vẫn viết một cách vất vả, chật vật. Khi văn tuôn chảy ào ạt, câu chữ trơn tru, nhìn trang bản thảo sạch bong, ít tẩy xoá là anh dừng lại ngay. Anh bắt đầu nghi ngờ mình. Những lúc ấy anh thường bỏ viết, quay ra tán chuyện với bạn bè, hoặc tụt tạt qua chợ mua thức ăn, cò kè thêm bột từng xu như một mụ đàn bà bần xỉn, cũng chỉ cốt xem người bán phản ứng ra sao. Có cô gái đáo để, gắt như mắm thối : "Thôi, mua cho con đi, bố già ạ. Có mấy hào bạc mà cứ vầy vò mãi !". "Này, thế năm nay con bao nhiêu tuổi ?" "Bố hỏi làm cái gì ? Hăm hai". "Thế thì con hơn vợ bố những hai tuổi cơ đấy !"

Lê Lựu hay viết về đêm. Trước khi ngồi vào bàn, anh thường dạo qua phố, làm bát phở nóng gọi là "nạp thêm nhiên liệu cho máy móc vận hành". Anh cũng hay rủ tôi đi ăn đêm. Lê Lựu đặc biệt thích những bát phở mà anh gọi là phở "bóc má". Đó là những bát phở cuối cùng trong ngày. Nước phở đậm, đặc ngấn những... cần nôi. Bà chủ quán xem ra đã quá quen khẩu vị Lê Lựu, có lẽ nghĩ anh là ông xế lô, sau một ngày chờ khách mệt

nhọc, nên bốc cho anh một đồng xương xẩu, cổ cánh không tính tiền, rồi đổ ào thùng nước rửa bát ra mặt đường, chống bốn chân ghế lên mặt bàn phủ tấm vải nhựa xanh, nồng đượm mùi nước mắm, giấm tỏi. Lê Lưu tỏ ra rất khoan khoái. Gương mặt nhom nhoem những râu bồng bồng sung mãn như một người vừa trúng xổ số. Về nhà, tôi lăn ra ngủ, còn anh thì vục mặt vào bàn uỳnh uỳnh viết. Thỉnh thoảng tỉnh giấc, tôi vẫn thấy phòng bên có tiếng rít điệu cày ông ọc. Lê Lưu vẫn đang lặn ngụp bì bõm, xẻ xấn từng khối chữ, vặt lên trang giấy. Thấy anh có vẻ bắt được mạch truyện, tôi đã mừng. Sáng hôm sau tôi lần sang phòng anh, đòi nghe thử. Mất Lê Lưu đồ kè :

- Nghe cái quái gì. Tao làm hỏng bố nó rồi ! Không ngủi được. Chữ nghĩa bò lổm ngổm như kiến đen, nhưng chẳng có hồn vía gì. Đọc cứ bỏ ra. Túc thế chứ !

Rồi Lê Lưu càu nhàu, tiếc bát phở đêm qua đổ vào hang chuột, đổ vào cái lỗ gờn ời đất hơi.

Lê Lưu viết chậm, mỗi ngày vèn vèn vài trang, có khi chỉ mấy mươi dòng, rồi vạy vọ mãi đến mấy ngày sau mới bắt được vào mạch truyện. Vậy mà năm nào Lê Lưu cũng có sách. Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của anh ra đời vào năm 1975, có tên là "*Mở rừng*". Theo tôi, đây là cuốn tiểu thuyết vào loại khá của văn học Việt Nam những năm 70. Vậy

mà không một nhà phê bình nào nhắc đến nó. Bạn đọc cũng không để ý. Cuốn sách bị quên lãng, tôi nghĩ, một phần cũng vì cái tên gọi. Cái tên gọi chuyện xà beng, cuộc xèng. Người ta tưởng đấy là một tập ký viết về làm đường, về một đội thanh niên xung phong xây dựng kinh tế, mở mang doanh trại. Hơn nữa, chiến thắng Mùa Xuân năm 1975 choán hết sự chú ý của mọi người. Chẳng ai còn để tâm đến cái gì khác ngoài sự kiện lịch sử vang dội ấy. Mãi sau này, do một tình cờ nào đấy, tôi mới đọc "*Mở rừng*". Tập sách quả thật đã cuốn hút tôi. Đây là cuốn tiểu thuyết viết trực tiếp về chiến tranh với cái nhìn không đơn giản và ở thời điểm đó, đã có thể coi là mạnh dạn. Lê Lưu đề cập đến số phận của một lớp người trong chiến tranh. Oai hùng và bi thảm. Giản đơn và phức tạp. Mỗi người là một cánh rừng âm u rậm rịt, phải tự mở lấy lối mà đi. Chẳng ai giống ai, bằng những con đường riêng, những số phận riêng, họ đã đến với cuộc chiến tranh bi tráng. Có thể tóm tắt tiểu thuyết này bằng câu thơ của Phạm Tiến Duật mà Lê Lưu định lấy làm đề từ:

*Cây cúc đắng quên lòng mình đang đắng
Trổ hoa vàng dọc suối để ong bay.*

Bấy giờ, nhân vật chính của Lê Lưu trong các tập sách phần lớn là nông dân, hoặc nếu không thì cũng là nông dân cầm súng. Mọi vui buồn của họ

đều gắn với những tập tục ở nơi xóm mạc. Và rồi nương theo cái mạch ấy, Lê Lựu động chạm đến làng quê, có khi chỉ chấm phá đôi ba nét qua mấy câu đối thoại ngắn gọn của nhân vật, ngòi bút Lê Lựu bỗng như xuất thần, như *động gió* và toả hương. Đọc, biết anh tiềm tàng một vốn sống trù phú về làng mạc quê kiểng, nhưng cái mờ vàng đầy rung rức này, ông chủ tư bản giàu có kèch xù lại chưa hề khai thác lấy một thời nhỏ.

Mãi sau này, vào những năm 80, khi tiếng súng của cuộc chiến tranh đã ngưng hẳn trong tâm trí mọi người, và dư âm dai dẳng của nó cũng tạm lắng xuống, trong lúc người ta đổ xô ra xem mấy cái *Cù lao*⁽¹⁾ vừa mới nổi lên và reo hò âm ỉ, vì đã tưởng tìm ra được một vườn địa đàng, chẳng ai còn để ý tới lũ tôm tép, hướng hồ bọ rong rêu, bèo bọt vật vờ, Lê Lựu cảm thấy yên tâm. Anh vác xẻng đi đào mỏ. Và rồi cứ từng khối vàng ròng nguyên chất, Lê Lựu huỳnh huých đắp một cái lô-cốt, rồi đặt cho nó một cái tên rất văn chương, rất thi ca : "*Thời xa vắng*".

Với ba trăm trang sách, tiểu thuyết "*Thời xa vắng*" đã ôm chứa một dung lượng lớn. Đây là một chặng đường lịch sử oai hùng. Chặng đường ba mươi năm, từ buổi lập nước đến lúc giải phóng

(1) "*Cù lao Chàm*" - "*Đứng trước biển*" của Nguyễn Mạnh Tuấn

xong toàn bộ đất nước. Lịch sử được khái quát bằng tiểu thuyết, bằng số phận có thể nói là bi thảm của anh nông dân *Giang Minh Sài*. Đây là loại tiểu thuyết bám sát số phận một nhân vật. Có thể gọi nôm na là chuyện *Anh Sài*. Nhưng cuốn sách có nhiều tầng, nhiều lớp. Người đọc tùy theo sự từng trải của bản thân mình mà tiếp nhận nó theo một cách khác nhau. Riêng đối với một số bạn đọc thông thường, có thể coi đây là cuốn sách viết về hôn nhân gia đình. Trong chuyện có tảo hôn, cưới vợ, đẻ con, cãi cọ, ra toà ly dị, chia tài sản, con cái. Riêng cái vĩa này cũng đã đủ là một cuốn sách thú vị. Những chuyện chăn gối, hay cảnh sinh hoạt vợ chồng thành phố, vợ chồng nhà quê rất sinh động. Có những nhân vật phụ, chỉ thoáng qua, nhưng Lê Lựu khắc hoạ rất giỏi, rất sống, ví dụ gã thợ điện, một tay tài tử phóng đảng, chim gái thành thần. Một cô gái, nói đúng hơn là một thiếu phụ trẻ, vừa đọc xong "*Thời xa vắng*", nói với tôi : "Em rất thích gã thợ điện. Đây là nhân vật hay nhất trong tiểu thuyết "*Thời xa vắng*". Hấn lưu manh, nhưng phải nói là rất tuyệt diệu. Đàn ông thế mới là đàn ông ! Em đọc mà giật mình. Hình như em đã gặp hấn ở đâu đó trong buổi sinh nhật cô bạn. Hấn ngồi lơ đãng hút thuốc. Cái điệu vẩy tàn thuốc của hấn thì không thể không mê được. Hấn đều giả, nhưng có sức hút khủng khiếp. Vợ Sài chết là phải. Em đọc mà sợ ông Lựu quá. Ông

ấy rất am tường đàn bà, rất lọc lõi. Nhưng ông ấy cũng phức tạp. Có cảm giác ông ấy vừa sợ đàn bà vừa thích đàn bà, lại vừa khinh đàn bà, coi đàn bà như cái giẻ chùi chân. Anh cứ đọc lại ông Lựu mà xem. Anh bảo ông ấy nhà quê á ? Chết phắc á ? Điều đấy ! Giả vờ đấy !"

Xem ra, cái lớp phụ diễn ngoài màn này cũng xôm đầy chữ, đâu có nhạt trò. Lại còn một lớp phụ nữa không kém phần rôm rả, thú vị. Ấy là cái cảnh chiến tranh, ồn ào khói lửa, súng ống. Người đọc được sống lại những năm tháng sôi động hào hùng. Những năm ấy, người ta có thể xé bỏ giấy triệu tập đi học nước ngoài, lấy máu viết đơn ra mặt trận. Đó là một giai đoạn lãng mạn có thật mà "*Thời xa vắng*" đã đề cập đến một cách khách quan. Nhưng tất cả những ngón trò ấy chỉ là những lớp phụ. Còn chính kịch "*Thời xa vắng*" lại không diễn ở sân khấu ồn ào náo nhiệt mà lẫn khuất phía hậu trường và "diễn" bằng sự im lặng. Sự im lặng của núi băng trôi chìm dưới nước, chỉ lờ phờ nhô lên ít chòm, là những "sôi động" như đã thấy ở trên kia. Vậy "*Thời xa vắng*" đề cập đến vấn đề gì ? Núi băng chìm dưới nước kia chứa cái gì vậy ? Không phải chuyện chiến tranh. Không phải chuyện hôn nhân. Thế thì chuyện gì ? Chuyện "*Thời xa vắng*". Thì Lê Lựu đã nói thẳng ra thế, nói ngay ở ngoài bìa sách. Anh đâu có bị hiềm đánh đố độc giả. Đâu

là chuyện của một thời mà Lê Lựu gọi nó là "*Thời xa vắng*". Xa mà không xa. Nó vẫn ngự trị, vẫn treo lơ lửng đầu đó ở trên đầu mỗi người như một bóng ma. Nó là nỗi ám ảnh kỳ quái, nhưng lại có sức mạnh thần linh. Và vì nó tồn tại vô hình, nên người ta mới sợ. Sãi sợ. Anh Tinh sợ. Cả ông Hà bí thư, người lãnh đạo cao nhất trong "*Thời xa vắng*" cũng sợ nốt. Ở cái xứ sở kỳ quái ấy, con người dường như chỉ tồn tại mà không được sống, không được làm người, Sãi đã chiến đấu quyết liệt để giành lại cho mình cái quyền làm người ấy và anh đã thất bại thê thảm. Lúc đầu anh phải yêu cái người khác yêu, khi được tự do yêu lại đi yêu cái mình không có. Lúc thất bại ê chề, lúc đã cạn lực, Sãi mới nhận ra mình, nhận ra chỗ đứng thực sự của đời mình, anh vác ba-lô trở lại vùng quê, trở lại với mấy cái lò gạch, mấy cái lò đậu phụ lập lòe ánh lửa.

Tựa vào cái cốt truyện đơn giản ấy, Lê Lựu đã dựng lên một loạt bức tranh nông thôn đặc sắc. Có nhiều trang đạt tiêu chuẩn Nam Cao. Có thể nói tất từ Nam Cao, qua một chút Kim Lân, đến Nguyễn Khắc Trường và Lê Lựu, chúng ta mới lại có nhà văn nông thôn thú vị. Lê Lựu không nhìn người quê, cảnh quê bằng con mắt đô thị như một số nhà văn nổi tiếng khác. Anh là người quê nói giọng quê, với cách cảm nhận của người dân

quê. Có một số mảng Lê Lựu viết rất giỏi, như mảng làm thuê, mảng lượm lợi hay cảnh mâm trên, mâm dưới, cảnh trên nhà dưới bếp, cảnh tiếp khách ở nhà quê, đọc mà chưa xót đến rớt nước mắt. Đoạn đám ma ông đồ Khang, Lê Lựu viết cũng khá tài. Anh đặc tả những người đến viếng bằng một ngọn bút sắc lẹm, có khi chỉ phẩy vài nét mà lột được hết hồn vía, tính cách, tâm địa nhân vật. Mỗi người một vẻ khác nhau, nhưng tựu trung, họ đều là một lũ cơ hội, xu nịnh, một bầy quan lại nhà quê. Có kẻ lảng vảng vòng ngoài, dò hỏi tập quán, phong tục, ý thích của gia đình người chết rồi mới bước vào nhà, và phải đợi đến khi ông bí thư huyện uỷ đứng túc trực bên linh cữu bố, họ mới đến viếng, mới khấn to tên tuổi mình lên, vì biết trong cái túi áo đại cán của ông bí thư có cái đơn xin xỏ gì đó của mình. Người ta đã lạm dụng cái chết của cụ đồ trong sạch để làm những việc bẩn thỉu, ti tiện. Lê Lựu rất có lý khi anh hạ một câu sắc lẹm : Hình như họ không viếng cụ đồ, mà viếng ông bí thư, và xun xoe đưa ông bí thư ra nghĩa địa.

"*Thời xa vắng*" ra đời có tiếng vang lớn, vượt quá sức hình dung của người đã đẻ ra nó. Xét về mặt nghệ thuật, cuốn sách không có gì cách tân, tìm tòi, lối viết rất cũ, tốc độ truyện chậm, hơi văn ở phần một và phần hai hình như lạc nhau, không

liền mạch. Có cảm giác như đây là hai cuốn tiểu thuyết cùng một nội dung gộp lại làm một. Câu văn lùa thừa, không sáng sủa. Nghĩa là người khó tính có thể vạch vọi, chê bôi chỗ này, chỗ nọ, mà ông "trạng" nhà quê Lê Lựu cũng khó chối cãi. Nhưng khi cầm cuốn sách lên, chỉ lật qua vài trang là đã bị nó cuốn hút, nó đánh bùa ngải. Người ta có thể quên văn mà nhớ chuyện đời. Và chuyện đời diễn ra trong cái cốt truyện cũng chẳng có gì ly kỳ, nhân vật cũng không rắc rối, chỉ có một tuyến, không có địch cũng chẳng có nhân vật phản diện. Tất cả đều là những người tốt, những người trung thành, tận tụy, có lý tưởng cao cả, muốn mang lại hạnh phúc thực sự cho mọi người. Nhưng kết quả thì ngược lại. Việc thiện lại thành ác. Người ta làm khổ người khác, tàn hại người khác bằng chính lòng tốt của mình. Có người hoá thân tàn ma dại, và đau đớn thay, họ lại là nạn nhân của lòng tốt, của những ý tưởng cao cả. Đây là nỗi bi thảm của *"Thời xa vắng"*. Người đọc nào cũng thấy phảng phất chút ít bóng dáng của mình trong nhân vật Sài.

Viết cuốn sách này, Lê Lựu đã xổ hết gan ruột mình ra trang giấy, Anh bơ phờ rời bàn viết, bủn rủn và rệu rạo như một người đàn bà vừa đẻ xong. Trong bụng trống tuếch chẳng còn gì nữa. Ai hiểu

đời tư Lê Lựu, sẽ có cảm giác "*Thời xa vắng*" như một cuốn tự truyện của tác giả. Lê Lựu đã in quá đậm bóng dáng của đời mình xuống trang giấy, đến nỗi người ta đã nhầm anh với Sài, còn gọi Lê Lựu là anh cu Sài.

Đằng thẳng ra mà nói, trong cuốn tiểu thuyết rất sáng giá này, cũng vô khối trang tôi không thích. Ví như cái đoạn Tuyết đến đơn vị thăm chồng chẳng hạn. Mặc dù Lê Lựu viết cũng rất sinh động, nhưng giọng văn lại bôi bác, lại có gì uất ức, bức dọc. Đường như anh không còn giữ được vẻ khách quan của người kể chuyện. Dưới ngòi bút Lê Lựu, Tuyết hiện lên dị dạng, quê kệch và thô bỉ, thô bỉ từ hình dáng, cử chỉ đến lời nói. Thực tình, Tuyết đâu có lỗi, cô cũng như Sài thôi, cũng là nạn nhân của những ý tưởng tốt đẹp. Đó là người đàn bà nhà quê bất hạnh và đáng thương. Cô có tội tình gì mà bị Lê Lựu khinh miệt đến vậy ? Giá ở đây, Lê Lựu cũng nhìn cô bằng con mắt thương cảm của một nhà văn lớn, giàu lòng nhân ái như ở các trang viết khác thì hay biết bao. Tôi bảo Lê Lựu :

- Thăng Sài ghét vợ nó đã đành, vì nó phải lấy người nó không yêu, nó quần mớい đâm ra lẩn thẩn, tàn nhẫn như thế, chứ còn bác thì có gì mà bác cũng căm thù vợ Sài đến như vậy ? Cô ấy có tội tình gì ?

- Ờ, ờ, - Lê Lựu cười hắc hắc, rồi thì đột nhiên anh bỗng im lặng. gương mặt thoáng buồn rười. Trong khoé mắt đã hằn nếp nhăn của anh, ầng ằng một cái gì như là nước mắt...

III

Sau "*Thời xa vắng*", Lê Lựu còn viết tiếp một số bút ký, ký sự, truyện ngắn. Có tác phẩm vừa được trao giải thưởng báo chí của Bộ Quốc phòng. Tiểu thuyết mới nhất của Lê Lựu là *Chuyện làng Cuối*. Nếu mỗi cuốn sách ra đời như một người nô bộc trung thành, một đứa con tinh thần của nhà văn, thì tiếc thay, *Chuyện làng Cuối* lại là một đứa con bất hiếu của ông bố chất phác, nhân từ. Nó mang cho Lê Lựu bao điều tai bay vạ gió. Cuốn sách dày 500 trang, in trên trọng trên giấy trắng, chữ xếp thưa thoáng. Ấy vậy mà đọc lại vất vả, chật vật. Tôi đã mất hơn một tuần liền đánh vật với cái *thằng* bất hảo này. Mệt đến rã rời. Tôi có cảm giác mình không đọc sách mà đang bơi. Vâng, tôi đang vượt đầm làng Cuối bằng hai tay khoá nước. Cái đầm rộng 500 mét nước mà nhìn mênh mông bốn phía, chẳng thấy đâu là bến bờ. Chỉ một màu đục lờ, đôi chỗ vẫn chút váng phù sa. Còn lại là rong rêu, củi mục, phân chó và cọng rạ nổi lều

phều. Phía trước mặt, nơi chân trời xa xa, thì thoảng cũng hiện lên một dải nước xanh non, mờ ảo đến nao người. Hy vọng có một vùng mát mẻ trong lành để có thể nằm xoài ra mà nghỉ ngơi. Nhưng tới nơi mới hay cái dải nước trong leo lẻo đó, chỉ là một ảo giác. Có thể do mình mệt quá mà sinh ra hoang tưởng và cảm thấy thế. Cũng có thể đó chỉ là một quang sáng của vầng mặt trời hắt xuống qua những tầng mây ngũ sắc của cơn giông.

Nhế nhại lắm, tôi mới ngoi được lên bờ cỏ bên kia đầm. Việc làm đầu tiên là ngồi thở cái đã. Ý nghĩ tiếp theo là cần phải đi tắm. Vâng, chính cái lúc tôi có ý định đi tắm ấy, một nhà văn vỗ vai tôi :

- Này, có chuyện đấy.

- Chuyện gì bác ?

- Chuyện Làng Cuội. Hông ! Một cuốn sách phản động. Bôi nhọ xã hội. Thật bậy bạ quá mức. Hình như cha Lê Lựu viết cho ai đó. Không ngờ lão đồ đốn thế.

Tôi giật mình hoảng hốt. Chết chưa ! Một sự kiện động giời đến thế, sao mình lại chẳng hay biết gì. Cần phải tỉnh táo và nghiêm khắc rà xét lại xem sao.

Thế là tôi lại nhao xuống đầm, bơi lộn lại. Lần này, tôi hào hứng lắm. Tôi đã có sẵn một mục đích rất rõ ràng, là quyết vạch lá tìm sâu. Phải tóm cho được cái thằng phản động ở làng Cuội.

Nhưng công việc của tôi chỉ là công cốc.

Rốt cuộc hơn một tuần lục soát, truy quét, tôi chỉ "tóm" được sự mệt mỏi đến bái hoại. Nhược điểm lớn nhất của cuốn sách này là nó rất dở. Sự thực chỉ có vậy. Nhân đây, tôi đề nghị các bạn đồng nghiệp và các nhà chức trách không nên dùng chữ *phản động* để quy chụp các nhà văn, những người phẫn mòng cánh chuồn, tay yếu ruột mềm, chẳng có quyền binh gì hết. Họ chỉ có duy nhất một năng lực. Đó là phơi ruột gan mình, phơi tâm can mình ra trước cái pháp trường trắng, là cái trang giấy trắng đến rợn người. Sở dĩ tiểu thuyết của Lê Lựu gây cho một vài độc giả cảm giác u uất, cũng là do vấn đề đặt ra của cuốn sách. Đó là cái chuyện Cuội, cả làng Cuội, cả tổng Cuội. Người ta lừa gạt nhau để sống. Cả làng sinh tồn trên sự dối trá. Vấn đề đó đâu có mới. Trước Lê Lựu một thế kỷ, có người đã viết rồi, đã đề cập đến cái *Chuyện làng Cuội* đó rồi:

*Đầu làng Ngang có một chỗ lội
Có miếu ông Cuội cao vòi vọi
Đàn bà đến đó xấn quần lên*

Chỗ thì đến háng, chỗ đến gôi
Ông Cuội ngồi trên mùm mùm cười
"Cái gì trông trắng như con cúi"
Đàn bà khép nép đứng lên thưa
"Con trót hờ hang, xin xá tội!"
"Không, không, mi chẳng tội tình gì
Chỉ tội làm ông cứng con buội
Về bảo đàn bà khắp làng mảy
Ra đây ông cho giống ông Cuội"
Từ đấy làng Ngang đẻ ra người
Đẻ ra rất những thằng nói dối...

Thơ của ai mà "kinh" thế nhỉ ? Tục tũ, "phân động" và bậy bạ quá ! Xin thưa, thơ của chính danh nhà nho đấy. Cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến đấy.

Lê Lợi đã triển khai ý tưởng của bài thơ này ra thành tiểu thuyết *Chuyện làng Cuội*. Từ địa danh cụ thể của bài thơ, anh tạo ra không gian và môi trường để dàn dựng truyện. Câu chuyện xảy ra ở làng Cuội. Những cuộc tình cũng diễn ra xung quanh cái đầm làng Cuội. Hội thi nói khoác của làng cũng lại được tổ chức long trọng ở ngay tại miếu ông Cuội. Tiểu thuyết tắm trong bầu không khí Nguyễn Khuyến, và Lê Lợi cũng học cụ Tam Nguyên kể bằng một giọng dân gian. Cái giọng tăng tăng, hài hước, đùa đùa thật thật. Đây là chất

giọng quý, rất hiếm trong văn học đương đại của ta. Tiếc rằng chất giọng vàng rất hiếm hoi này cũng không cứu được cuốn sách dở. Rất non kém về mặt nghệ thuật. Tập tiểu thuyết dường như chỉ mới dừng lại ở ý tưởng. Và ý tưởng của Lê Lựu cũng vẫn chỉ là ý tưởng thôi. Nghĩa là nó chưa lặn được vào cốt truyện, vào số phận nhân vật, mà cứ đứng trơ trổ địa ra như cái cột hành hình. Lê Lựu dựng cái cột giới hành ấy to quá, to đến mức che khuất cả nhân vật, biến nhân vật thành những con rối chỉ còn biết thụ động rỗng rần, hú hòa xung quanh cái cột ý đồ, theo bàn tay điều khiển khá lộ liễu của anh. Những điểm yếu của *Thời xa vắng* lại được bộc lộ hết mình ở cuốn sách này. Ấy là cái lối viết tự nhiên chủ nghĩa, nhiều chỗ tuột khỏi văn chương, trượt sang phạm trù mất vệ sinh, khiến người đọc cảm thấy ghê sợ vì nó cứ bắn bắn thế nào. Về điều này Lê Lựu đã cười tuế toá mà chống chế : "Tôi chịu ảnh hưởng sâu sắc thầy Nguyên Hồng. Văn tôi cũng dây cà dây muống như văn ông..." Lê Lựu thật khôn khéo. Anh đã kéo Nguyên Hồng về làm đồng minh, làm khiên che, mộc đỡ cho mình. Nhưng anh đã nhầm lẫn. Văn Nguyên Hồng đâu phải thứ văn lòng thông dây cà dây muống. Nguyên Hồng có thể dùng hàng loạt cụm từ để diễn đạt một ý. Đó là lối văn *trùm lợp* tầng tầng lớp lớp. Lối văn này đã góp công tạo dựng nên

trong văn chương thế giới một Dostoievski, một Macxim Gorki. Văn Lê Lựu không thế. Nó là búi dây dợ luộm cuộm. Hiểu Lê Lựu, có lẽ cũng chẳng ai hơn được "thầy Nguyên Hồng" của anh. Nguyên Hồng từng lắc đầu : "Đọc Lê Lựu mệt lắm. Văn cậu này cứ như những bó củi. Thường củi trước khi bó, người ta phải sắp xếp cho đầu ra đầu, đuôi ra đuôi, rồi mới bó. Còn cậu này thì chẳng thêm xếp. Cứ để nguyên cả đồng mà bó. Thế nên nó mới thành cái đồng lông công..."

Tôi bảo Lê Lựu :

- Bác in *Chuyện làng Cuội* làm quái gì. Cuốn sách chẳng mang lại gì cho bác cả. Bạn đọc thì nghi ngờ tư tưởng nhá. Vợ con thì căm thù nhá, vì hình như những chuyện cãi nhau với vợ, bác quăng tất vào tiểu thuyết. Thế có khác gì mang chuyện buồn the mà phóng ra loa công cộng. Còn anh em trong nghề lại đâm ngờ. Có lẽ văn chương *Thời xa vắng* là do vợ bác viết, chứ cóc phải bác. Bác mất cả chỉ lẫn chài. Nói theo ngôn ngữ hiện nay, bác toi cả vốn lẫn lãi.

- Chú chỉ được cái bố náo. - Lê Lựu nhại cái giọng ngô ngong nhà quê của tôi. - Chú nói thế là chú a dua. Mà không khéo chú ghen với nhan sắc của ta đấy. Mặt ta trí thức thế này, ngời ngời thế này. Còn cái mặt chú í a, ta nói chú đừng tự ái

nhé, nó ngay thuần thuần như mặt ngỗng ỉa. - Lê Lựu chống chế bằng cách đem ngay cái mặt rất khó coi của tôi ra để so bì nhan sắc. - Còn chuyện văn chương ấy mà, - Lê Lựu cười buồn - ta như người cuốc đất, cuốc chẳng dây. Cú này bị tai nạn lao động. Loạng quạng thế nào cuộc bố nó phải chân mình. Thế mới đau chứ !

V

Lâu rồi, tôi không gặp Lê Lựu. Chỉ biết anh vẫn khoẻ và vẫn cặm cụi viết đều. Rồi đến một đêm, lúc ấy đã khuya lắm, trong căn phòng nhỏ của tôi ở Matxcova bỗng vang lên tiếng chuông điện thoại. Ông mãnh nào động rồ mà lại khua điện thoại vào lúc này? Tôi định không nhắc máy, nhưng chuông điện thoại lại réo lên gấp gáp. Tôi bực dọc cầm ống nghe :

- Ai đấy ?

- Thăng Khoa đấy hờ ? Lựu đây !

- Lựu nào ?

- Lựu đàn chứ còn Lựu nào. Bú sữa Tây có mấy năm mà mày không còn nhận ra tao nữa à ? Lê Lựu !

- Ồi giờ, bác đang ở đâu đấy ? Hà Nội hay Sài Gòn ?

- Tao đang ở Matxcova. Mới qua sáng nay đây. Đi tìm mày suốt, may vớ được số điện thoại. Này, thế học xong chưa, mà sao không về ?

- Đang chờ làm thủ tục.

- Ủ về đi ! Bây giờ ở nhà vui lắm !

- Thế bác sang công tác hay đi du lịch ?

- Du lịch đếch gì. Tao đi dự Hội thảo quốc tế bàn về văn học Việt Nam ở Đan Mạch.

- Đoàn đông không ?

- Có tao và Ma Văn Kháng. Ông Khải ốm không đi. Nó mời đích danh ba người. Còn lại là mấy ông phê bình, phê biếc. Này, mày sang đây đi. Nói chuyện qua điện thoại chán bỏ mẹ. Chẳng thấy mặt nhau. Thêm nữa trò chuyện với nhau mà cứ phải chõ mồm vào cái ống nhỏ như thế này thì còn đếch gì là hứng thú.

- Ủ, em sẽ sang ngay !

- Này, mày nhớ mang cho tao ít thuốc hút nhé. Thèm quá.

- Bác thích thuốc gì ? Dunhill nhé. Bao xanh hay bao đỏ ?

- Mày đúng là cái thằng nhà quê, ở Việt Nam bây giờ có ai thèm hút Dunhill.

- Thế bác thích loại gì ?

- Thuốc lão !

- Ồi giờ, kiếm đâu ra được cái của nợ ấy hả bố ?

- Thế ở đây không thằng nào có thuốc lão à ? Thế thì chúng mày khổ thật đấy. Không có thuốc lão thì còn đếch gì là người. Thế mà mày ở Nga đến sáu bảy năm được thì tao phục thật.

Tôi phóng xe qua mấy kiôt đêm, tìm thuốc cho Lê Lựu. Tôi không biết hút thuốc, nên chẳng hiểu loại nào ngon. Thôi cứ hỏi loại thuốc đắt nhất. Tìm đến được chỗ Lê Lựu ở thì đã quá hai giờ đêm. Lê Lựu đang chờ tôi. Anh nằm co ro trên mấy cái đệm trái giữa nền nhà, lấy com-lê đắp lên bụng. Còn bao nhiêu chăn anh dồn thành đống, che chắn xung quanh như kiểu người nhà quê be bờ ruộng tát nước. Tôi trở mặt kinh ngạc :

- Bác làm gì mà khiếp thế này ?

- À, là tao quai đê chắn chó. Mấy đồng chí chó này thâm hiểm lắm, cứ leo lên ngực mình mà đái thôi. Chúng "choảng" liền mấy khoanh rồi đấy. Khiếp, khai mù như nước đái đàn bà. Mình quai đê như thế này là các chị em chịu bẹp đấy.

Lê Lựu cười hề hề, tỏ ra rất khoái trá với cái phát minh sáng chế vĩ đại của mình. Rồi anh bảo :

- Ở nhà đang vụ chó⁽¹⁾. Bây giờ giá có giảm chút ít, chứ mấy tháng trước đắt lắm đấy. Có con bán được hơn chục triệu. Dân mình bây giờ ăn chơi khiếp lắm. Cái mốt của con gái Hà Nội bây giờ là mặc váy lửng và dắt chó đi dạo. Vừa rồi ở nhà có một cái truyện ngắn rất hay về chó. Thành Trường "*ít người nhiều ma*"⁽²⁾ nhất được trong đồng truyện lai cáo, mang khoe tao. Cái truyện nó viết giỏi lắm, kể về một lão đại tá, hàng ngày dắt chó đi, hay nói đúng hơn là chó dắt lão đi, đi bán giống. Bán cái của giới cho ấy mà. Cứ một cú nhảy là bốn trăm tám mươi nghìn đồng. Ngày nào con chó cũng cần mẫn bán mình để nuôi ông đại tá về hưu. Đọc hấp dẫn lắm, cười đến ứa nước mắt.

Lê Lưu đột ngột ngừng lời, bởi anh bất chợt nhớ ra điều gì đó. Anh vội đứng dậy, lục tìm trong va-li, lôi ra một cái gói to bự được chằng buộc cẩn thận bằng giấy bóng kính. Bên ngoài còn lót thêm một lượt giấy hồng điều. Đó là món quà đặc biệt mà Lê Lưu đã cất công mang từ Hà Nội sang cho tôi. Có quý nhau lắm mới làm được thế. Chắc lại mút sen hay chè Thái rồi. Tôi hồi hộp nhìn những ngón tay mập mạp đen đúa của Lê Lưu lần mở

(1) Năm 1990

(2) Nhà văn Nguyễn Khắc Trường tác giả cuốn tiểu thuyết nổi tiếng "*Mảnh đất lắm người nhiều ma*".

từng nút lạt giang. Hoá ra mấy bắp ngô luộc to xù như mấy quả lựu đạn. Ngô để đã lâu ngày, bốc lên một cái mùi rất đỗi xa xăm. Lê Lựu đưa mũi hít hít, rồi quay lại, cười rất tươi :

- Ngon lắm ! Cứ như ý cụ Nam Cao thì ta không nên hoãn sự sung sướng lại.

Nói rồi, Lê Lựu lấy phích nước sôi giội ào ào lên mấy bắp ngô vớt lông chông trong cái xô tôn. Dường như chưa yên tâm, anh sai tôi đem đun lại. Cái giống ngô đất bãi là cứ phải thế. Mấy bạn phòng bên sang chơi đã ngồi quanh đĩa ngô. Ai nấy còn đang ngẩn ngại, thì Lê Lựu đã túm một bắp ngô cạp cạp rất ngon lành. Gương mặt hồn nhiên, tươi mơn. Trông anh như một gã thợ cày vừa tắm xong cho trâu, giờ tự thưởng cho mình một khoảng sung sướng. Rồi anh yêu cầu tôi cho anh uống nước ngô luộc lại. Rồi anh lại xuýt xoa thưởng nước Nga lặn đạn, đến nỗi chẳng có nổi một nắm rơm nếp để nướng ngô. Ở đời này, thật chẳng có gì tuyệt hảo hơn cái anh ngô nướng.

1994

NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG VÀ ...

Vào những đêm mưa phùn, gió bắc, ta thường được nghe các cụ già ở làng lằm rằm kể những câu chuyện li kì, rùng rợn về... ma. Cứ như lời các cụ thì ma "sống" trong đêm, còn người ngủ ở cõi ngày. Đó là hai thế giới âm dương hoàn toàn tách biệt. Nhưng rồi, ngay trong một ngày cũng có những khoảnh khắc chập chờn, tranh tối, tranh sáng, âm dương nhoè vào nhau. ấy là lúc gà gáy canh năm, bình minh chuẩn bị hé rạng, hoặc lúc mặt trời lặn và bóng đêm nhá nhem bắt đầu buông xuống cõi dương thế. Lúc đó, người và ma rất dễ gặp nhau, có thể lẫn vào nhau...

Ồ rồi ! Cứ lằm rồi ! Đó là chuyện ở thời bao cấp! Giờ đổi mới tư duy. Nhiều trật tự cũng theo tư duy mới mà đảo lộn. Bây giờ, người lại hay đi đêm. Cứ theo tuyên bố của nhiều phiên tòa thì đến ngay cả giới quan trường, cũng khối kẻ đi đêm. Còn ma lại ngang nhiên "sống" giữa ban ngày. Gặp ma không khó lắm, cũng chẳng cần phải đợi lúc âm

duyên nhập nhòa tranh tối tranh sáng. Cứ vào nhà hàng, khách sạn, quán karaoke, hay ở nhiều nơi sang trọng khác. Ma đầy trong ấy. Nhiều lắm. Đủ các loại hạng. Có khi người nói chuyện với ma, hoặc nghe ma nói mà cũng không biết !

- Ai đấy ? Ai vừa nói đấy ? A, chào ông ! Tôi thấy ông quen quen. Ồ quen lắm, ông bạn ạ ! Hình như ta đã gặp nhau ở đâu rồi nhỉ ?

- Tôi là một phần của ông, ở chính trong con người ông ...

- Thế thì ông là gan ruột hay tim phổi, dạ dày? Ta có thể bàn về mối quan hệ giữa bộ phận và toàn thể ...

- Đó là một phạm trù thuộc về triết học. Tôi không quan tâm lắm đến cái mở rắc rối có cái tên rất lạnh lùng và sang trọng là *Triết học*. Tôi muốn đàm đạo với ông về văn học kia...

- Sao vậy ?

- Bộ xương tôi đang ớn lạnh. Chỉ có văn chương, cũng giống như rượu ngon, mới hâm tôi nóng lên. Hơn nữa, các người văn hay nói : Nhà văn này có *ma* lực. Nhà văn kia câu chữ như có *ma*. Nghĩa là các người đã lấy tôi làm cái thước đo độ hấp dẫn, vốn là một tiêu chí quan trọng vào bậc nhất của mọi tác phẩm văn chương, cũng như nhan

sắc đàn bà huyền diệu của cái đám mò đỏ mắt xanh. Bởi thế mới có cuốn tiểu thuyết đặt tôi ngang với người, ở cả lượng và chất. Nghĩa là chúng ta đều bình đẳng và tương đương với nhau.

- Cuốn nào vậy ?

- **Mảnh đất lắm người nhiều ma**

- À, ta nhớ rồi ! (*Bổng thảng thốt*) Trời ! Hoá ra ông là ...

Ma (*Xuất hiện*) Đừng sợ ! Chúng ta từng đi song song bên nhau và tồn tại trong nhau. Đã thế, chúng ta lại còn sống chung trong một *Mảnh đất* có tên là **Nguyễn Khắc Trường**...

Người : À, Nguyễn Khắc Trường ! (*Trấn tĩnh trở lại*) Lão là bạn vong niên của tôi...

Ma : Vậy Khắc Trường là người thế nào, nếu nhìn qua con mắt người ?

Người : Thật thà, chất phác và tốt bụng. Hồi viết cuốn tiểu thuyết, lão nghèo lắm. Cả gia tài chỉ có mỗi cái xe đạp *Thống Nhất* đã tróc sơn loang lổ. Bọn trẻ con trong làng *Khuơng Hạ*, nơi lão trú ngụ, gọi là xe *ghẻ ruồi*. Cái xe cứ long sòng sọc. Mọi bộ phận đều kêu, chỉ trừ có mỗi cái không kêu là cái... chuông !

Ma (cười) Đúng là hành trang của cõi dương gian!

Người : Bởi vì thế, ông biết không ? Hồi mới du học ở nước ngoài về, tôi quyết định "đoạ" lão. Tôi lượn qua mặt lão một đường "cua" ngoạn mục trên chiếc xe đạp *Hoàn Kiếm* mới khuy, trông bóng loáng như phết mỡ. Ai ngờ, lão lại nhìn tôi bằng nửa con mắt rùa. Lão bảo : "Bây giờ chẳng có ai đi im thin thít như thế. Đây là cách đi của *ma*. Người đi phải vang động, phải nổ bành bành như súng liên thanh". Tôi ghé tai lão hỏi : "Thế ông anh đã lên đến xứ *người* chưa, hay vẫn đang còn ở kiếp *ma* ?" "Lên rồi chứ ! Lên từ rất lâu rồi !" Giọng Khắc Trường đầy vẻ mãn nguyện. Rồi lão chọc chọc một ngón tay sang phòng bên cạnh. Đó là cái *chuồng* xe. Một "con" cúp 81 đời chót đứng ngoẹo cổ, trông như một tiểu thư yếu điệu đang làm nũng người tình.

Ma : Bịa !

Người : Sao lại bịa ! Đừng tưởng lão lừa khù nhé!

Ma : Khắc Trường lên cõi người không phải vì cưỡi xe máy đâu. Khối kẻ đi bành bành, đi en ét, đi đến inh tai nhức óc trên phố phường kia, nhưng đâu có phải người.

Người : Vậy lão lên coi người bằng cách nào ?

Ma : Cười một cuốn sách. Đó chính là cuốn tiểu thuyết viết về chúng ta, tôi và ông, và ... chính Nguyễn Khắc Trường.

Người : Ông thấy cuốn sách sao ?

Ma : Một trong vài cuốn hay nhất Việt Nam. Vừa trước mắt, vừa lâu dài...

Người : Vậy có vấn đề trước mắt và lâu dài ?

Ma : Đó là vấn đề lớn nhất của mọi tác phẩm văn học. Có cuốn được tung hô ầm ĩ nhưng nó đã chết trước khi dứt tiếng vỗ tay cuối cùng. Có cuốn lúc ra đời chẳng ai chú ý, hoặc có người lé mắt đến thì lại dè bĩu coi nó chẳng có gì quan trọng, nhưng nó lại là đỉnh cao nhất của thời ấy, thậm chí của mọi thời sau nữa.

Người : Tại sao lại có chuyện như vậy ?

Ma : Vì người đánh giá đâu có chính xác. Họ nhìn không được siêu thoát vì vướng những súc thịt quá dày. Bởi thế trong một tác phẩm được đánh giá ở coi người, bao giờ cũng được cộng thêm, hoặc bị trừ đi một cái gì đó ở ngoài tác phẩm, có khi ở cả ngoài tác giả. Ma đâu có thế. Vì ma không nhìn bằng con mắt ... giả.

Người : Xin nêu một ví dụ.

Ma : Ông Korolenco là nhà văn rất lớn ở nước Nga. Với ông ấy thì chẳng ai nghi ngờ tài năng và sự thẩm định. Vậy mà khi ngồi trước mặt Lev Tolstoi, lúc Tolstoi đã in toàn bộ tập tiểu thuyết trường thiên vĩ đại *Chiến tranh và hoà bình*, Korolenco vẫn than thở : Nước Nga không có nhà văn lớn !

Người : Thế còn ở ta ? Những tiểu thuyết trường thiên lớn ?

Ma : Tiểu thuyết trường thiên là thể loại văn học phát triển rầm rộ ở châu Âu thế kỷ thứ 19. Đến nửa đầu thế kỷ 20, ở ta mới xuất hiện tiểu thuyết mà thực chất đó chỉ là mấy cái truyện vừa. Hình như truyện vừa hợp với ta hơn. Và chỉ ở thể loại này, ta mới có mấy cái hay. Ví như *Tắt đèn* của cụ Ngô Tất Tố. Tất nhiên trong cuốn truyện vừa rất xuất sắc này của cụ Tố, có một chỗ rất tệ hại. Ai lại dành nhiều công phu và tâm huyết như thế để viết về một bà mẹ đi bán con chuộc chồng và viết với tài nghệ, có khả năng chinh phục được bạn đọc trong vài chục năm nay, về một việc làm rất đổi không bình thường. Ngay ở dưới âm phủ cũng chẳng có bà mẹ nào làm một việc quái đản như thế. Những chi tiết bán con chuộc chồng của cụ đến ma cũng không thể chấp nhận được. Người ta sẽ nhớ đến Fantine, nhân vật của Victor Hugo -

một người đàn bà nghèo khổ, cơ cực, một dạng chị Dậu của nước Pháp. Để cứu đứa con tội nghiệp của mình, Fantine đã bán tóc, bán răng, bán tất cả những gì ở trên cơ thể mình. Người đàn bà ấy đẹp biết bao, cao thượng biết bao. Còn chị Dậu tuyệt vời của ta lại mang luôn con đi bán cùng với chó để lấy hai đồng bạc. Giá con không bằng giá chó. Mụ Nghị Quế còn bắt con bé ăn cơm thừa của chó trước mặt mẹ nó. Mụ quát : *"Mày ăn cơm chó nhà bà cũng không đáng đâu. Con chó nhà bà còn được mấy chục, con người như mày, bà chỉ mua có một đồng thôi đấy"*. Rồi, lão Nghị còn làm một việc rất vô lý là *"đùng đùng đứng dậy, giơ bàn tay hộ pháp tát con bé một cái đánh đốp..."*, mà con bé có làm gì nên tội. Tôi nghĩ ở ngoài đời, không bà mẹ nào chịu nổi khi người ta hành hạ và sỉ nhục tàn nhẫn một cách vô lý con mình ngay trước mặt mình như vậy. Lẽ ra ở chỗ này, cụ phải dành một đoạn mô tả nội tâm, ấy là tâm trạng phẫn uất, nổi dậy dứt nhọc nhằn, sự giằng xé tâm can, có thể có một phút chị nghi ngờ quyết định của mình, định thay đổi, vì tình mẫu tử bỗng trào lên... vân vân và vân vân... đằng này, cụ chỉ viết sơ sơ có một dòng mà lại thiên về ngoại hình : *"Chị Dậu chỉ gục đầu vào cột, nức nở khóc thầm"*. Và khi mụ Nghị vút tọt mấy đồng chinh lẻ ra thêm, trả chị tiền chó và con, thì, trời ơi, ông có biết cụ Tố tả thế nào không ? *"Chị*

Dậu lom khom cúi mặt xuống, toan tính cửi ra đếm lại", đến mức "Mụ Nghĩ xa xa" mắng mới thôi. Mồ tả thế, tôi chả hiểu cụ Tố nghĩ về chị Dậu thế nào ? "Thôi, phải tội với trời, mẹ chịu. Cảnh nhà đã thế, mẹ đành dứt tình với con. Tức thì, chị chùi nước mắt và đi làm **những việc mà chị cho là đau đớn**". Cứ xem nhiều phiên tòa xử lý hôn ở cõi dương gian, tôi chả thấy có người mẹ nào bằng lòng bỏ con. Họ có thể bỏ chồng, chứ không bỏ con, quyết giành đứa con cho bằng được, dù chẳng biết sẽ nuôi chúng bằng cách nào, và sau đó, nếu lấy chồng khác, họ sẽ phải khó xử ra làm sao với đức anh chàng *khác máu tanh* lòng ấy... Có người đã ở vậy suốt đời, từ chối mọi quyến rũ chỉ vì một đứa con. Ở đây, trong bản thân cụ Tố, nhà nho đã thắng nhà văn. Nhà nho đã lên tiếng thay cho nhà văn. Cụ Tố rất thành công trong việc tố cáo tội ác của giai cấp phong kiến, nhưng cụ lại quên mất tình mẫu tử. Cái đó xem ra còn lớn hơn nhiều. Hãy nghe chính lời của cái Tỳ mà cụ đã miêu tả khi nó phải chia tay với các em : "**U nhất định bán con đấy ư ? U không cho con ở nhà nữa ư ? Khốn nạn thân con thế này ! Trời ơi !... Ngày mai con chơi với ai ? Con ngủ với ai ?** Khoan, tôi chưa bàn đến việc, một ngôn ngữ như thế có phải của đứa bé gái bảy tuổi không ? Tôi nghĩ : Chính cái Tý, qua ngòi bút cụ, đã vô tình trách cứ cụ. Những năm còn thò lò

mũi xanh, phiêu dạt ở cái xứ Người, tôi đã phải học đi học lại đoạn văn này của cụ ở các trường phổ thông, giờ vẫn còn nhớ và thấy có gì đó rất không ổn, không có lợi cho lũ trẻ về giáo dục gia đình. Ông thử nghĩ xem, nếu tình huống ấy rơi vào ngòi bút Vũ Trọng Phụng, tôi chắc ông Phụng sẽ xử lý khác, và cục diện cuốn tiểu thuyết sẽ khác. Ông Phụng, người đương thời với cụ Tố, còn thế. Trước cụ Tố hơn một trăm năm thì sao ? Ông đã đọc Nguyễn Du chưa ?

Người : Đọc rồi !

Ma : Hẳn ông biết cụ Nguyễn cũng là nhà nho, *nổi dòng nho gia* hẳn hoi, có bố và anh ruột đỗ đại khoa, lần lượt làm đến chức tể tướng, ắt phải bảo vệ rường cột của đạo Nho lắm lắm. Vậy mà cụ Nguyễn vẫn để cho chàng Kim, cũng một nhà nho, đỗ đại khoa, làm quan huyện, hết lòng bênh vực cô Kiều, khi cô nói "*Chữ trình đáng giá ngàn vàng*" sau khi "*Ông qua bướm lại đã thừa xấu xa*", suốt 15 năm : Cụ còn để cho chàng Kim muốn lấy cô Kiều *Trắng tân mà lại hơn mười rằm xưa* làm vợ, mà người đọc đều cho là phải. Mới hay, Nguyễn Du mới mê biết chừng nào. Nhìn ở góc độ này, cụ Nguyễn vẫn ở một tầm rất cao, vượt thời đại. Các nhà văn lớn đều thế. Dù tác phẩm ra đời ở thời trước vẫn phải can dự vào đời sống của chúng ta

ngày hôm nay. Và tác phẩm của các nhà văn lớn hôm nay, viết về hôm nay, vẫn phải có mặt ở tương lai. Những yếu tố dù là quan trọng về chính kiến, dân tộc quốc gia và cả thời đại, chỉ làm cho tác phẩm thêm phong phú, thêm giàu bản sắc, thêm nhiều tầng nghĩa, chứ quyết không phải là những yếu tố cản trở tác phẩm gia nhập vào cái muôn thuở của cõi Người, dù ở bất cứ nơi nào, ở bất cứ thời nào...

So với Tắt Đèn, cuốn Bỉ Vò của cụ Nguyễn Hồng khá hơn về mặt tiểu thuyết. Đó cũng là cuốn hay nhất trong đời văn Nguyễn Hồng. Nó hay mà không lớn. Những bi kịch đau lòng đáng giận, đáng thương của đám trộm cướp, đi điểm là phần sâu nặng, tâm huyết nhất của nhà văn. Cuốn sách cũng chỉ dừng lại ở đây !

Người : Vậy còn tiểu thuyết trường thiên bốn tập *Cửa biển* ?

Ma : *Cửa biển* thực sự là một tác phẩm lớn viết về nhân dân. Nhưng cũng như các người vẫn nói : Cuốn sách ấy không có *ma lực*. Nó công kênh, rậm rạp và dài dòng quá. Đọc rất mệt. Nó lớn mà không hay. Có nhà phê bình nghiên cứu viết khá dài dòng về bộ *Cửa biển*, với bao nhiêu là lý luận rối rắm, nhưng tôi tin ông ta cũng không có đủ dũng khí để đọc hết bộ sách. Tôi đọc không ít bài

phê bình và nghĩ rằng, viết như thế thì chẳng cần đọc cuốn sách kia cũng có thể phán vanh vách về cuốn sách kia được. Rất nhiều các khái niệm. Tôi xin báo động với các ông : Tình trạng ấy nhan nhản ở các trang báo, ở các tập sách.

Người : Vậy còn các nhà văn khác, các cuốn sách khác ? Ví như *Vỡ bờ* chẳng hạn. Đó là một tiểu thuyết lớn. Tiểu thuyết sử thi. Có thể xem *Vỡ bờ* như *Chiến tranh và hoà bình* của Việt Nam ?

Ma : Hình như Nguyễn Đình Thi cũng có ý đồ như vậy. Bộ sách cũng mang tính hoành tráng. Bối cảnh của tiểu thuyết cũng được tạo dựng ở hai thành phố lớn và một tỉnh lẻ. Nhà văn cũng triển khai tiểu thuyết từ gia đình tới xã hội. Nhân vật cũng đi từng cặp đôi với tính cách, số phận trái ngược nhau. Những ông quý tộc thành phố nói chuyện với nhau cũng đã đưa mấy câu tiếng Pháp. Rồi chuyện chiến tranh, chuyện hoà bình đan xen. Rồi chuyện thành phố, chuyện nông thôn. Rồi những sự kiện chính trị trong nước, thế giới. Xét về bộ khung cuốn sách với quy mô của những vấn đề cần mô tả, nó chẳng khác gì "*Chiến tranh và hoà bình*". Nó chỉ khác ở chỗ, nó không phải là một "*Chiến tranh và hoà bình*" mà thôi. Tập I có khá hơn. Tập II sơ lược, đuối dần. Nó xộp và nhiều trang minh hoạ quá lộ liễu. Còn không ít những

cuốn sách khác được gọi là tiểu thuyết chỉ là sản phẩm của một thời, thậm chí hẹp hơn, là sản phẩm của một cơ chế. Khi hợp tác xã nông nghiệp chia ruộng đất cho từng gia đình, làm ăn cơ bản như thời chưa có hợp tác xã, những cuốn sách viết về nó có còn *ma lực* cho các thế hệ sau nữa không ? Và như thế, toàn bộ sự nghiệp của ông Đào Vũ, ông Chu Văn và bà Nguyễn Thị Ngọc Tú sẽ được đưa lên cái cân bé tí đầy sóng gió này.

Người: Thì ra ông chỉ quan tâm đến tiểu thuyết?

Ma : Đó thực sự là cái móng của mọi nền văn học. Tất nhiên, nó chỉ là móng khi nó lớn và hay.

Người : Xem ra, ông là một kẻ cực đoan, có nhà văn rất lớn nhưng chẳng viết một cuốn tiểu thuyết nào. Ví như A. Sêkhốp chẳng hạn. Còn ở ta là cụ Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân cũng rất lớn. Ông là bậc thầy của nhiều bậc thầy. Có thể tìm thấy trong tác phẩm của ông một cốt cách phương Đông, một tâm cao văn hoá, một thú ẩm thực. Một tư cách người, Một nhà luyện chữ...

Ma : Ấy là người đời đánh giá thế. Có người chẳng đọc Nguyễn Tuân, chỉ hong hóng nghe nhau rồi viết vào *giấy dán ngay lên cột*. Thực chất, Nguyễn Tuân là người thích đùa. Đối với Nguyễn

Tuân thì cuộc đời là một cuộc chơi. Ông ham chơi và chơi cú nào cũng thắng. Trước hết là chơi điện ảnh. Ông chỉ chơi trong tích tắc và lập tức cái tích tắc ấy hoá thiên thu. Nghĩa là ông cụ trở thành diễn viên điện ảnh đầu tiên của Việt Nam, người khơi nguồn cho ngành nghệ thuật thứ bảy ở xứ sở này. Khi ở ta còn chưa có điện ảnh, Nguyễn Tuân đã là diễn viên rồi, và diễn viên tầm cỡ quốc tế. Cứ theo ông Tô Hoài trong cuốn hồi ức *Cát bụi chân ai*, thì Nguyễn Tuân chỉ mặc áo blu trắng, khiêng cái cang thương, làm một chiếc bóng mờ, đi lướt qua ống kính trong khoảng... ba giây. Vậy mà để làm một cái bóng mờ điện ảnh ấy, Nguyễn Tuân đã phải lặn lội sang đến tận Hương Cảng. Sau này, ta mới được xem người khơi nguồn điện ảnh ấy đóng phim. Đó là phim *Chị Dậu*. Bộ phim được chuyển thể từ cuốn *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố. Nguyễn Tuân sắm vai chánh tổng. Hoá ra ông cụ đóng rất xoàng. Một chánh tổng không ra chánh tổng, rất gượng gạo, lập bắp ngay ở những chi tiết ngoại hình là cười ngựa và đi đứng. Hình như không phải Nguyễn Tuân đóng chánh tổng mà chính chánh tổng đã đóng... Nguyễn Tuân và đóng rất tồi. Nghĩa là nó không ra chánh tổng mà chỉ phảng phất Nguyễn Tuân. Đây là đoạn dở nhất trong bộ phim được dàn dựng rất công phu, rất kĩ lưỡng. Nhưng tôi ngờ sau này, có khi cái phần hồng này

lại là đoạn có giá trị nhất của phim *Chị Dậu*. Vì nó cho ta thấy hình bóng thật của cụ Nguyễn Tuân. Các thế hệ sau, muốn ngấm cụ Nguyễn, lại phải đến gõ cửa Chị Dậu.

Người : Dừng mất thì giờ về phần diễn viên điện ảnh. Ông cụ là nhà văn.

Ma : Thì ta bàn về văn của cụ vậy. Ông vừa bảo cụ Nguyễn là nhà văn lớn, là người có văn hoá ẩm thực, đúng không ? Quả ông cụ viết khá nhiều về các món ăn. Những *phở*, những *giò*, những *chả*. Nhưng đưa các món ăn lên thành những áng văn chương, thành văn hoá ẩm thực, trước tiên phải kể đến Vũ Bằng với *Thương nhớ mười hai*, *Miếng ngon Hà Nội*, *Món lạ miền Nam*. Đây là những tập sách có thể được coi là những kiệt tác về ăn uống. Ở đó những món ăn không còn thuần túy là chuyện thực phẩm, nhằm đáp ứng cho việc co bóp của cái dạ dày, mà cao hơn, nó là hồn vía của cả một vùng đất. Văn chương ăn uống của cụ Nguyễn chưa đạt tới độ ấy. Đôi khi ngay trong chuyện ăn uống này, ông cụ cũng lại đùa.

Người : Xin nêu một ví dụ ?

Ma : Truyện *Những chiếc ấm đất*. Thôi, khỏi bàn chuyện ông cụ viết về việc chọn ẩm uống trà. Cái ấm da lươn phải là cái ấm nặn đều, không bị

chỗ dày, chỗ mỏng, nghĩa là đặt xuống nước phải nổi đều, không bị triềng, lạng. Cái đó chẳng có gì tinh vi và cao siêu cả. Những cuốn sách phổ thông, viết về kỹ nghệ uống trà của Nhật Bản, của Trung Quốc ta có thể gặp nhan nhản những đoạn như thế. Ông cụ kể về việc uống trà, về người hành khất tinh đến nỗi có một hạt trấu lẫn trong trà cũng phát hiện được. Cụ Sáu nghiện trà, mê trà pha nước giếng chùa, đến nỗi không thể bỏ quê đi đâu được, vì không thể mang cái giếng đi theo. Thực ra, người sành trà, uống trà tinh, thường chọn nước mưa, và phải là trận mưa thứ hai, nghĩa là trong nước mưa không có bụi. Nước mưa ấy lại phải hứng giữa trời, không hứng qua cây, và phải hứng bằng chậu sành, chum sành, chứ không phải nổi đồng hay chậu nhôm. Nước có hơi nhôm, hơi đồng thì cũng không thể gọi là nước tinh khiết. Ở đây, ông già Sáu lại uống nước múc ở cái giếng đất, dù là giếng ở cổng chùa. Đoạn đường gánh nước từ chùa về nhà, cứ như lời văn cụ Nguyễn tá, phải qua con đường lấm cát bụi. Gió cuốn bụi như mây. Bụi thốc vào tận cổng chùa. Thế thì còn gì là nước để pha trà nữa. Khi người nhà cụ Sáu quấy gánh nước về làng, sư cụ chùa Đồi Mai còn gọi lại, bảo bẻ mấy cành đào, bẻ cả lá đào thả vào nồi nước để ông cụ "uống cho mát". Ồ hay, uống trà là uống nước sôi pha vào trà, chứ có uống nước lã đâu mà

cần nước mát hay không mát. Vả lại, đào là thứ cây độc. Đào trồng ở đâu, đến cỏ cũng không mọc được. Nhựa đào rất độc, người ta vẫn dùng để tắm ghê. Cái nổi nước thả đầy cành đào, lá đào mà cụ Nguyễn xui đùa kia, uống vào là gay đấy. Cứ tưởng ông cụ tinh vi nghề ẩm thực, nghe theo ông cụ thì có phen mất mạng như bôn. Còn truyện *Chém treo ngành*, còn có tên khác là *Bữa rượu máu*, thì đến ma cũng không thể chịu nổi. Ông cụ tả một cách nhấm nháp với đầy vẻ khoái cảm một lão đồ tể có tên là Bát Lê. Ông ta có tài chém người điêu nghệ đến nỗi, chỉ chém một nhát, cái đầu đứt phăng, nhưng vẫn còn dính một tí da, treo trên một tí da, gọi là *Chém treo ngành*. Đưa việc chém người lên thành nghệ thuật và tả đường đao, mũi đao với vẻ khoái cảm như một dạng thưởng thức nghệ thuật thì chỉ ở cội người mới có nhà phê bình viết bài tán dương, chứ ma thì con xin vái cụ! Ngay cả kẻ bị chém là lũ tà đạo, lũ cướp đường, tả thế cũng không ổn, huống hồ đó lại là quân khởi nghĩa, những người xả thân vì nghĩa cả. Nhà văn lớn, ai lại viết thế.

Người : Ông không hiểu Nguyễn Tuấn rồi. Ông đọc văn như thế thì không thể đọc Nguyễn Tuấn được. Những năm 1960, 1970, có lần cụ Nguyễn đã mắng một nhà phê nọ, rằng : Thăng ấy mà làm phê bình à? Thăm văn kiêu gì mà thăm

ngu thế. Không biết cả một đoạn rất quan trọng người ta tả đằng sau, khi kết thúc truyện. Ấy là một trận gió thổi rất mạnh. Trận gió xoắn, giạt, hút cát bụi lên, xoay vòng quanh đám tử thi và đuổi theo các quan đang ra về. Chiếc mũ trên đầu quan công sứ bị cơn gió lốc dữ dội lật rơi xuống bãi cỏ, lăn mấy vòng lông lốc. Đây mới là tình cảm, là tư tưởng của tác giả.

Ma : Nhưng đó vẫn chỉ là một đoạn tả cảnh, và là tả ngoại hình. Mấy câu văn gió máy, mang đầy chất thơ ấy, làm sao xoá được cái ấn tượng ghê rợn mà truyện đã mang đến cho độc giả.

Người : Điều này, có lẽ phải tranh luận mới xong được !

Ma : Thời gian sẽ định đoạt tất thảy !

Người : Vậy Nguyễn Tuân còn lại những gì ?

Ma : Còn chứ ! Muốn nói gì thì Nguyễn Tuân cũng vẫn cứ là Nguyễn Tuân. Và đóng góp lớn nhất của ông cụ là ở thể loại ký. Ông cụ viết gì cũng thành ký. Đây là một thể loại văn học cao cường mà bấy lâu nay, chúng ta biến nó thành một dạng báo chí sống sít, và như thế thì báo cũng chẳng ra báo mà văn cũng chẳng thành văn. Nguyễn Tuân bằng chính tài năng trác việt của mình, đã đưa nó trở lại văn học. Chỉ riêng kỉ tích

ấy cũng đủ để ta ngả mũ kính vái cụ, đức tượng cụ. Bây giờ chúng ta hãy trở về với Nguyễn Khắc Trường...

Người : Ông bảo Nguyễn Khắc Trường nên Người nhờ cuốn tiểu thuyết. Nên nhớ rằng, trước khi viết tiểu thuyết, lão đã là tác giả của ba tập truyện ngắn và truyện vừa. Khi *Thác rừng*, tập truyện đầu tiên của lão ra đời, nhà văn Xuân Thiều, một cây bút cũng vào hạng lão luyện đã có ngay một bài ca tụng trên tạp chí *Văn nghệ quân đội*. Rồi gặp ai, Xuân Thiều cũng hồ hởi : "Bọm lăm ! Cha Thao Trường lù khù như thế mà viết rất bọm. Câu văn của nó chắc nịch như gạch không lổ. Minh thật không ngờ..."

Ma : Xuân Thiều "không ngờ" vì Khắc Trường là Thao Trường. Cái tên nghe sắc mùi tân binh và lính tráng. Trong con mắt Xuân Thiều, Thao Trường chỉ là anh lính vẫn còn đang ắc ê. Nhưng đọc, lại thấy anh chẳng có gì là tân binh cả. Thế là ông ấy ngạc nhiên, thậm chí là kinh ngạc. Ta có thể gặp một trường hợp tương tự như thế ở Ý Nhi. Đọc Ý Nhi trước đây, người ta thấy chị viết suôn sẻ. Một dạng thơ sinh viên tổng hợp. Nó bàng bạc và nhân nhật như một thứ nước si-rô. Và người ta cứ nghĩ Ý Nhi là một người nhân nhật. Đến lúc đọc *Người đàn bà ngồi đan*, mới hay chị chẳng đến nỗi

nhật như người ta tưởng. Có đôi bài khá sâu sắc, lại được viết bằng một bút pháp rất dung dị, nhiều khi bỏ vần, bút pháp Nguyễn Đình Thi. Và nếu so với thơ Nguyễn Đình Thi, nó cũng chẳng kém cạnh gì. Nghĩa là có thể trộn lẫn được, kể cả hồn lẫn xác. Và người ta lại ngạc nhiên, lại kinh ngạc. Lại thấy chị không tầm thường như người ta tưởng. Thao Trường cũng thế thôi. Cái truyện ngắn nào của anh đọc cũng thấy mến yêu. Câu văn anh khá đẹp. Truyện ngắn Thao Trường như cô gái quê. Trông nét nào cũng xinh. Nhưng nhắm mắt lại thì khó nhớ. Đây là một dáng vẻ đã ổn định. Nó không hứa hẹn điều gì ở tương lai. Bởi thế, cuốn tiểu thuyết của anh ra đời mới là bất ngờ lớn.

Người : Nhưng tôi chẳng thấy có gì bất ngờ cả. Cuốn sách ấy ra đời là một sự tất yếu. Trong số các nhà văn quân đội về tập trung ở làng Khương Hạ khi vừa kết thúc chiến tranh, chuẩn bị theo học ở một trường đại học viết văn, tôi đặc biệt chú ý đến ba người. Đó là Lê Lưu, Xuân Đức và Thao Trường. Cả ba nhà văn này đều có thẩm mỹ văn chương rất chuẩn. Điều ấy, đối với một người viết là rất đổi quan trọng. Người hiểu văn chương thì đi một bước cũng tiếp cận được văn chương. Người không hiểu văn chương thì càng đi càng xa cái đích mình cần đến. Tôi nhớ hồi ấy, các nhà văn hay đọc tác

phẩm cho nhau nghe. Thường nghe xong một truyện, Lê Lựu có thể tóm được ngay vấn đề mà theo anh, nhà văn cần phải nhấn, cần phải khai thác một cách triệt để. Xuân Đức có thể bài binh bố trận lại ngay tức khắc khi tác giả viết cái truyện không thành. Còn Thao Trường thì chỉ im lặng, tủm tỉm cười. Nếu có nói, lão chỉ làm một câu cộc lốc : "Được ! Cái truyện được !" Hoặc : "Hổng ! Vứt bỏ nó đi. Cái truyện nhạt như nước lã, cô thế nào thành kẹo được !". Bạn viết rất tin lão. Coi lão như cái "nhiệt kế" văn. Lão lắc là họ vứt. Còn nói thì lão chẳng biết nói thế nào. Thao Trường là người không biết diễn giải !

Mã : Hồi chưa có cuốn tiểu thuyết, Khắc Trường tự thấy mình chỉ là con ong cái kiến.

Người : Đâu phải. Lúc bấy giờ đã có một loạt tiểu thuyết viết về nông thôn gây được tiếng vang lớn. Người ta hùa nhau khen. Khắc Trường chỉ im lặng. Lão biết sự thực không phải thế. Cả người viết và người đọc, chẳng có ai hiểu được nông dân. Nông dân không phải vậy. Trên bàn viết của lão, lão chỉ treo ảnh có hai người. Đó là M. Sôlôkhốp và Nam Cao. Một Tây. Một Ta. Cả hai ông *khốt* này đều viết về nông dân và viết rất bõm. Khắc Trường coi như hai ông Tổ và lão lặng lẽ đặt lên bàn thờ.

Còn trong truyện thường ngày, lão hay nhắc đến Nguyễn Khải. Lão có vẻ phục Nguyễn Khải. Lê Lựu cũng coi Nguyễn Khải là một bậc thầy. Với hai ông nhà văn này, Nguyễn Khải thực sự là một khối bí ẩn. Gặp nhau, họ lại bàn chuyện thầy Khải. Lê Lựu từng bỏ ra cả một chuyến đi thực tế chẳng thực tế gì cả. Anh chỉ tự nguyện làm một thằng điếu đóm, phục dịch thầy Khải, chỉ cốt xem đại sư phụ Nguyễn Khải hành nghề ra sao. Và rồi, qua cả cuộc đi, anh vẫn không hiểu ra làm sao cả. Nguyễn Khải có tài phù phép rất đặc biệt. Hình như chuyện gì ở dọc đường, qua con mắt ông cũng thành văn được. Còn Khắc Trường thì định ninh, trước khi đi thực tế, Nguyễn Khải đã "thù" sẵn một cốt truyện rồi. Đi thực tế là ông lấy cảnh sắc, con người làm xi-măng, vôi vữa trát lên cái cốt sắt mà ông đã tạo dựng từ trước đó. Bởi thế, chuyến đi nào Nguyễn Khải cũng có sách và cuốn sách nào cũng gây được tiếng vang. Chỉ tiếc cái tên sách rất dở. Nguyễn Khải dường như không biết đặt tên cho những đứa con tinh thần của mình.

Ma : Vậy ra... chẳng có ai hiểu được Nguyễn Khải?

Người : Tại sao lại không hiểu ? Họ là học trò Nguyễn Khải. Và ở khoản tâm sư học đạo này, các

đồ đệ tỏ ra rất kính yêu vị bổ tát của mình. Họ còn tò mò tìm hiểu xem sư phụ yêu ai, trọng ai ?

Ma : Vậy Nguyễn Khải yêu ai ?

Người : Ông ấy yêu Nam Cao và phục Vũ Trọng Phụng. Trong một lần trò chuyện với đám đồ đệ, Nguyễn Khải bảo, nếu phấn đấu, ông có thể làm được thằng Chí Phèo, chứ thằng Xuân Tóc Đỏ thì ông chịu, không thể nặn ra được.

Ma : Thực ra, cả hai thằng du thủ, du thực ấy, Nguyễn Khải đều không tới gần được. Không phải vì Nguyễn Khải kém Vũ Trọng Phụng và Nam Cao, mà cái chính là tạng ông không phải thế. Tuy nhiên, trong hai bậc thiên tài ấy, Nguyễn Khải phục Vũ Trọng Phụng và thấy gần gũi với ông hơn, bởi suy cho cùng, Vũ Trọng Phụng là một nhà báo. Không phải chỉ ở vấn đề phản ánh mà ngay cả ở từng câu văn. Câu văn Vũ Trọng Phụng cũng là câu văn báo, Vũ Trọng Phụng có thể viết : "Đêm nay, trăng to và sáng". Hoặc "Rặng tre xanh đầu mùa hè". Tô Hoài cho đó là những câu văn gãy. Thực chất, nó là văn thông tấn, báo chí.

Người : Chả lẽ Nguyễn Khải lại mê câu văn báo chí ?

Ma : Vì cũng như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Khải là một nhà báo cỡ gống !

Người : Nói lạ. Lại phải tranh luận thôi !

Ma : Sao các người lại cứ thích tranh luận nhi. Tôi chẳng tranh luận làm gì. Thời gian cũng thế thôi, cứ im lặng mà làm ngã ngũ các giá trị. Xin các người cứ xem ông Nguyễn Khải đi thực tế sáng tác thì rõ. Ông ấy hỏi rất tỉ mỉ, rồi ghi chép cũng rất tỉ mỉ. Đó là lối đi của anh làm báo. Phát hiện thấy có vấn đề gì hay, có thể viết được là ông "bám" luôn. Và như thế, có thể nói ngay rằng, trước khi đi thực tế, trong đầu Nguyễn Khải không có cái gì cả. Ông chẳng có khung, có cốt nào dựng sẵn hết. Ông đi như một anh đánh giăm, được con cá nào xào con cá ấy. Mọi tác phẩm của Nguyễn Khải đều đã có sẵn ở trong đời sống. Ông có biệt tài phát hiện vấn đề từ những câu chuyện hoàn toàn có thật. Sau nữa, là tài nghệ cắt tĩa, lắp ghép. Có cái truyện tự thân nó đã hay, Nguyễn Khải chẳng cần xào xáo gì, ông cứ chép nguyên xi và để là *truyện ngắn*. Tôi đã thấy mấy truyện như thế. Nếu không có thời gian đi nghe ngóng, nhật nhạp ở thiên hạ, thì lôi mình ra viết. Ông viết về những người xung quanh, rồi viết cả về chuyện của những người ở trong nhà. *Gặp gỡ cuối năm* là chuyện của chính gia đình ông. Và đó là một kiệt tác của Nguyễn Khải. Chuyện chỉ xảy ra trong vài tiếng đồng hồ vào một đêm tất niên. Mấy người ở trong gia đình gặp mặt nhau. Họ là người trong một nhà, nhưng lại không cùng chính kiến. Có người là cộng

sản. Có người làm việc cho chính quyền nguy cù. Vào cái thời khắc thay đổi, khi đất nước vừa giải phóng, họ gặp nhau cùng đón giao thừa. Câu chuyện diễn ra quanh bàn trà. Chuyện thời thế, chuyện chính trị, chuyện xã hội. Dù mọi thứ chuyện từ gia đình đến quốc gia đại sự. Đối thoại rất sắc sảo. Tính cách từng nhân vật hiện lồ lộ. Đây là cái truyện Nguyễn Khải viết hay đến từng chữ. Rồi cũng như nhiều tác phẩm khác, ông cũng lại gán cho nó một cái tên rất thật thà, rất lười nhác là *Gặp gỡ cuối năm*. Rồi Khắc Trường, rồi Lê Lựu lại kêu oai oái: "Cái lão này chẳng biết đặt tên con gì cả. Tại sao lão không lấy tên là *Giao thừa*. Cái tên vừa hay, vừa đúng với nội dung truyện, lại vừa có tính văn chương nữa". Nhưng nếu đặt thế thì đâu còn là Nguyễn Khải. Nguyễn Khải cứ phải *Gặp gỡ cuối năm* kia. Cũng như trước đây, ông từng đặt tên cho các tác phẩm của mình: *Thắng ba ở Tây Nguyên*, *Họ sống và chiến đấu*, *Hoà Vang*, *Chủ tịch huyện*, *Chuyện anh tổ trưởng máy kéo* Hoặc nghe như một cái xã luận: *Tầm nhìn xa*, *Hãy đi xa hơn nữa*. Đừng nghĩ Nguyễn Khải không biết đặt tên con mình. Ông hiểu chúng hơn bất cứ ai, và ông gọi tên chúng thật chính xác. Ấy là tên của những bài báo. Và như thế, có thể nói Nguyễn Khải là một *nhà văn thông tấn*. Nói vậy, không phải là phủ nhận ông. Xin các người chớ có hiểu

lắm. Tôi đặt ông vào đúng vị trí mà ông có. Ở trường phái văn chương thông tấn này, một mình ông một vị trí độc tôn, không có ai sánh được, và cũng không có ai học được. Ông là một thái cực của chính đồ đệ ông - Nguyễn Khắc Trường.

Người : Nghĩa là thế nào ?

Ma : Ngay trong cách đi thực tế, Khắc Trường đi như đi cho vui. Lão chẳng ghi chép gì. Lão nghe tất cả mọi chuyện một cách lơ mơ. Nghe cũng nghe cho vui. Ở Thanh Hoá bấy giờ có bao nhiêu chuyện. Bao mâu thuẫn giằng xé. Làng đang vỡ nham nhở. Khắc Trường lang thang với cánh cự chiến binh, rồi nghe chuyện họ, chuyện làng. Ở đó, Khắc Trường biết có một người phụ nữ rất đẹp, nhưng đa đoan lắm. Đó là hình bóng giúp lão hình thành nhân vật bà Son. Người ta rủ lão đến thăm người phụ nữ ấy. Nhưng lão không đi. Lão sợ bà Son thật sẽ làm hỏng mất bà Son văn chương mà lão đang nhào nặn ở trong đầu. Rồi cốt truyện cứ hình thành dần. Lão khuôn cái cốt ấy về quê lão, một vùng đất bán sơn địa ở Thái Nguyên. Ở đó, lão thông thạo mọi góc ngách, thạo cả người, cả cảnh. Rồi lão đóng cửa hì hụi viết. Lão viết rất chậm. Cần mẫn như người thợ thủ công, lão tấn mẫn đẽo, gọt từng chữ, rồi lão cho vào cái lò bát quái, nhào luyện cùng với mồ hôi mình. Lão vừa viết, vừa le lé dòm kỹ từng con chữ đang thập thò ở

dầu ngọn bút, thấy con chữ nào ánh lên màu mỡ
hôi lão, lão mới ươm ướm thả nó xuống mặt giấy.
Bởi thế, văn Khắc Trường là thứ văn đẹp mà chắc,
mang dấu ấn tác giả rất rõ, chỉ ít nó cũng không
lẫn với ai.

Người : Nhưng Khắc Trường không kỹ lưỡng
như ông nghĩ. Thực ra khi viết, Khắc Trường cũng
chẳng hình dung được cái truyện nó ra làm sao.
Chính lão đã nói ra miệng, và nói cả trên mặt báo :
Lão viết như người đi trong sương mù ! Vừa đi vừa
vén màn sương đó. Khi lão chui ra khỏi màn sương
thì cũng là lúc hết truyện.

Ma : Bịa ! Đừng có tin nhà văn. Những nhà
văn có tài, thường họ cứ hay đùa. Ông Somerset
Maugham, một nhà văn kiệt xuất của Anh, có lần
cũng tỏ ra thật thà lắm, ông ấy bảo : ông ấy không
có tài văn đâu. Ông ấy chỉ là nhà văn hạng ba,
chuyên kể chuyện thông thường. Thế là người ta
đưa ông ra khỏi lâu đài văn chương, loại ông ra
khỏi sách giáo khoa văn học. Phải đến hai mươi
năm sau, Somerset Maugham mới trở lại đứng với
vị trí của mình.

Người : Somerset Maugham là một kỳ tài
trong loại *truyện ngắn viết dài*. Có một xu thế
chung là truyện ngắn đang bị kéo dài ra. Còn
truyện ngắn ở ta thì sao ? Nếu chỉ chọn một nhà
văn ?

Ma : Thì đó chính là Ma Văn Kháng. Ông là một nhà văn lớn. Có lẽ tôi là người đầu tiên nói ra câu này và tin là mình không lầm. Ông có hai truyện vừa vào loại khá : *Côi cút giữa cảnh đời và Mùa lá rụng trong vườn*. Trong *Mùa lá rụng*... ông ấy rất tinh, rất lọc lõi khi chạm vào đám đàn bà, còn đàn ông thì dường như ông ấy không hiểu họ. Nhưng truyện ngắn của Ma Văn Kháng mới thật đặc sắc. Trong số những nhà văn hiện nay, Ma Văn Kháng là người có nhiều truyện ngắn đạt đến tiêu chuẩn Nam Cao. Ông rất chú trọng đến nhân vật và kết cấu.

Người : Kết cấu là một phương diện quan trọng vào bậc nhất của tiểu thuyết. Riêng cái khoản này, Khắc Trường lại vụng. Kết cấu cuốn sách hổng. Bởi thế mà cuốn tiểu thuyết xộc xệch, lỏng lẻo. Khắc Trường đưa các nhân vật đến dự một cuộc mít-tinh, đúng lúc lão phải bước lên bục *Kính thưa*, thì lão lại chuôn. Các nhân vật ngo ngác nhìn nhau, chẳng hiểu ra sao, rồi tự giải tán. Hình như lão sợ một cái gì đó.

Ma : Sợ gì ?

Người : Lão sợ gì thì chỉ có một mình lão biết. Và lão thấy mình đi trong sương mù...

Ma : Chẳng có sương mù nào ở trước mặt Khắc Trường cả. Ông ta nhìn thông thối tới tận đích

cuối con đường. Bên ngoài, tường xộc xệch, nhưng thực chất bên trong, ông ta bài binh bố trận rất tỉ mỉ. Không phải ngẫu nhiên, tiểu thuyết lại bắt đầu từ một mùa giáp hạt. Đối với nông dân, cái đói vẫn là vấn đề thời sự. Miếng ăn là ông trời. Cái làng có tiếng là bờ xôi, ruộng mật, hoá ra cũng đói vàng mắt. Từ cái đói ấy mà bao nhiêu cái ác sinh ra. Khắc Trường gọi cái ác là *ma*. Ấy là theo quan niệm của ông ta, chứ nhân danh ma, tôi có thể nói ngay với các người rằng, ma không ác.

Người : Đấy không phải quan niệm riêng của Khắc Trường. Tôi rất sợ những trang tá ma. Ông có sợ không?

Ma : Tôi lại sợ những trang tá người. Quả là khủng khiếp. Con người thiên biến vạn hoá. Ma làm sao có khả năng thế. Khi họ làm ma thì ma cũng phải sợ. Họ truy bức nhau, trả thù nhau, trả thù đến mức đào cả mã bố nhau lên thì khiếp thật. Khắc Trường viết rất kĩ lưỡng. Mọi tình tiết đưa ra đều được chuẩn bị cẩn trọng và đẩy đến tận cùng. Ông ta tả đám tang cụ cố Vũ Đình Đại rất tỉ mỉ, rất chi li, ấy là để chuẩn bị cho cái đám tang lão Quénh, một người nông dân nghèo khổ, khi con ma keo kiệt xuất hiện ở người em ruột, ông lão bị chôn quấy chôn quá, chôn bó chiếu một cách rất thương tâm ở núi ông Bụt. Đoạn tả chuyện tình ái của lão Hàm cũng được ông ta gia công rất cẩn thận. Dưới

con mắt ông ta, Hàm như con ngựa đực, và vốn là một thợ mộc, Hàm dùng hai ngón chân mình cặp chặt ngón chân vợ, rồi ghim xuống giường như bắt vít.

Người : Khi nghĩ được tình tiết này, Khắc Trường sướng lắm. Lão khoái trá kể với tôi. Rồi lão ngửa cái cổ rùa, cười hô hố. Tiếng cười nghe rất rộn. Tôi rùng mình quay lại. Mặt Khắc Trường nửa tối nửa sáng trong ánh nến hắt ra từ cái bàn nước. Con mắt lão sáng lấp lánh trong bóng tối. Quá thật, tôi không biết lão là người hay ma. Nhưng chắc chắn ý nghĩ ấy không phải là ý nghĩ người. Chỉ có ma mới nghĩ thế.

Ma : Có một nhân vật đến ma cũng không nghĩ ra được. Ấy là cô *thống* Biệu, một lão thầy cúng ở làng. Cả đời cô chỉ làm mỗi một việc *trị ma*, là người cai quản phần âm cho cả một vùng đất. Cô bảo đám thợ cày : "Đừng tưởng đất này đã hết ma. Ma còn sinh đôi, sinh ba nữa cơ đấy !". Rồi cô nhớ hôm chia ruộng, chả ai chịu nhả miếng nào. Vợ chồng cũng thách nhau. Anh em ruột cũng đâm bổ vào nhau. Nhìn chẳng thấy người. Toàn là ma cả. Rồi ma dọa người. Rồi người *nát* cả ma. Đến thế thì lão thầy cúng chịu rồi. Lão chỉ có khả năng *trị* được ma chết, chứ ma sống thì lão chịu. Bao nhiêu bùa ngải của lão đều hết phép. Khi con người đã hoá ma, và quyền lực nằm ở trong tay ma thì thật

kinh khủng. Một người tốt bụng, đẹp đến như bà Son, cuối cùng cũng phải tìm đến cái chết để tự giải thoát. Và cả đến khi chết rồi, bà cũng đâu đã thoát. Những con ma sống còn lấy cả cái chết của bà làm vũ khí dồn đuổi nhau, sát phạt nhau. Đến thế thì chẳng thấy phù thủy nào trị được. *Cô thống Biệu* phải giải nghệ, phải liệng hết các bát hương xuống sông. Mỗi bát hương là một vị thần. Các *ngài* sinh ra từ đất thì bây giờ lại phải trở về với đất. Các *ngài* đi trước, rồi đồ đệ *ngài* theo sau. *Cô thống Biệu* trút hơi thở cuối cùng khi người ta đang chia đất, ma nổi dậy đồng. Toàn những con ma sống mà không bùa nào trị được.

Người : Có người bảo : Khi bà Son chết là hết chuyện. Lẽ ra Khắc Trường nên kết thúc cuốn tiểu thuyết ngay sau cái chết của bà Son.

Ma : Nếu thế, thì cái truyện chỉ là chuyện tình ái thông thường. Khắc Trường đâu có viết về chuyện ấy. Ông ta quan tâm đến những vấn đề lớn hơn, cấp thiết hơn. Vấn đề ấy lại lặn vào cốt truyện, vào nhân vật và số phận nhân vật. Khắc Trường có nhiều đoạn tả cảnh rất đặc sắc. Như đoạn tả vầng trăng ma quái bơi trong sương mù ở trên lều lão Quênh, đoạn cô Đào đi trong đêm giữa hai cánh lúa. Những con cào cào thấy động, bay tấp vào mặt cô, với những cái chân ram ráp hôi nồng mùi cỏ non sau mưa. Nếu không am hiểu

làng quê, Khắc Trường khó mà viết được những trang sinh động như vậy. Tất nhiên, đây chỉ là những chi tiết rất nhỏ, nhưng chính vì thế mà nó rất quan trọng. Có khi những chi tiết nhỏ, lại làm nên tác phẩm lớn, nhà văn lớn.

Người : Bởi thế, trong tình trạng khủng hoảng của tiểu thuyết hiện nay, Khắc Trường là cây bút được bạn đọc trông đợi.

Ma : Tôi thì chẳng chờ đợi gì ở ông ta cả. Khắc Trường không viết nữa.

Người : Nói lạ. Lão đang thai nghén một cuốn tiểu thuyết mới. Cuốn sách hấp dẫn lắm. Đây bất ngờ. Chính lão kể với tôi...

Ma : Bịa đấy. Ông ấy không viết nữa đâu !

Người : Tại sao ông nói thế ?

Ma : Vì Khắc Trường rất lười. Thêm nữa, ông ấy quá thoả mãn với cuốn sách của mình. Khắc Trường đánh lên một tiếng trống. Tiếng trống nổ ỳnh như một phát súng cối. Thế rồi, thay cho việc đánh tiếp, ông ta quăng dùi và chui luôn vào ngội chồm chồm ở trong trống. Bây giờ thì trong tai ông ấy chỉ u u âm âm cái tiếng trống ông ấy đã đánh từ mười năm trước. Ông ấy chẳng còn nghe thấy gì khác ngoài âm vang của chính mình...

Người : Ông chẳng hiểu gì Khắc Trường cả !
Xin hãy bình tâm chờ đợi...

Ma : Vậy thì ông cứ ngồi mà chờ đợi. Còn tôi thì tôi đi ngay đây ! (Lặn hút vào sương mù).

*

* *

Cuộc trò chuyện vẫn còn dang dở, nhưng đã được ghi lại chính xác. Tôi không nhớ rành rọt nó diễn ra ở đâu, trong thời gian nào. Hình như vào một đêm thượng tuần lãng đẵng khói sương, bên hồ sen, trước một ngôi đình đã tàn úa ở một làng trung du. Chẳng hiểu vì lẽ gì, tôi đã ra đấy và... gặp ma. Chẳng có cái gì mà ma không biết. Tất nhiên, tôi chẳng dại mà tin tất cả những gì ma nói. Nhưng ở đời, ngay một điều sai, ta hãy lắng nghe, sẽ nhận ra ở trong ấy có ít nhiều sự thật. mà sự thật thì bao giờ cũng quý, và... chẳng dễ lọt tai người. Hơn nữa, trong văn học cũng như trong khoa học, không bao giờ có tiếng nói cuối cùng. Nhưng thôi, bản khoản về điều ấy mà làm gì. **THỜI GIAN SẼ ĐỊNH ĐOẠT HẾT THẢY.** Riêng điều ấy thì tôi tin, ma đã nói rất đúng.

Hà Nội, tháng 7.1998

MARIAN TKACHÔP VỚI NGUYỄN TUÂN

Ở nước Nga, thời Liên Xô cũ, một nhà văn có đến mười cuốn sách đã có thể được xem như một tác giả lớn. Marian Tkachôp có số lượng sách nhiều gấp đôi, gấp ba như thế, nhưng nói đến anh, người ta vẫn nghĩ anh là một dịch giả, một chuyên gia văn học Việt Nam, và hơn thế, có người còn gọi anh là nhà Việt Nam học.

Marian gắn bó sâu sắc với Việt Nam. Anh tốt nghiệp tiếng Việt, khoa phương Đông, Trường đại học Tổng hợp Lômônôxôp năm 1956. Năm 1962, lần đầu tiên Marian sang thăm Việt Nam. Cũng trong chuyến đi này, anh vinh dự được gặp Bác Hồ. Bác tiếp anh ngay trong phủ Chủ tịch, và buổi trưa, anh còn được Bác mời lại ăn bữa cơm đạm bạc với Người. Đây là bữa cơm mà có lẽ suốt đời Marian không thể quên được. Trên mâm cơm của vị lãnh đạo cao nhất nước Việt Nam dân chủ cộng hoà chỉ vền vền có đĩa cà pháo, ba khúc cá kho và một bát canh tôm nấu với bầu. Đây là bữa cơm bình dị như bữa cơm của bất cứ một người nông

dân Việt Nam nào. Cũng theo lời Marian thì bữa đó, Bác vui lắm. Bác chúc mừng anh sang thăm Việt Nam. Bác còn khuyên anh dành nhiều thời gian tìm hiểu phong tục, tập quán và văn hoá của người Việt. Để trở thành một dịch giả giỏi, không phải chỉ có giỏi tiếng Việt, phải tinh thông nhiều thứ lắm. Bác nói với Marian, khi thì bằng tiếng Pháp, khi thì bằng tiếng Nga. Còn câu này thì Bác hỏi anh bằng tiếng Việt :

- Trong các nhà văn Việt Nam mà chú biết, chú thích đọc ai nhất ?

Marian nhắc đến Nguyễn Tuân. Bác Hồ cười :

- Giỏi ! Thế thì chú giỏi. Thích được Nguyễn Tuân thì phải là người rất sành tiếng Việt. - Rồi Bác dừng lại, nheo mắt bình phẩm - Cái ông nhà văn mà chú thích ấy, ông Nguyễn Tuân ấy, ghê gớm lắm đấy !

Marian mang câu chuyện đó kể với Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân rất lấy làm khoái chí. Cái ông nhà văn vẫn có tiếng là khùng khiêng này, hoá ra lại rất hồn nhiên. Hồn nhiên như trẻ con. Lúc đó Nguyễn Tuân thực sự là một đứa trẻ cao tuổi. Ông dô can cộc cộc xuống nền gạch hoa ở phòng khách Hội nhà văn và nói với giọng khoái chí :

- Này, này, nghe này ! Nghe Marian kể chuyện Cu Hồ này, Marian ! Kể lại đi ! Kể lại

chuyện Cụ Hồ bình phẩm Nguyễn Tuân cho mọi người nghe đi !

Marian rất yêu Nguyễn Tuân. Không những yêu mà còn sùng kính nữa. Lần nào gặp tôi, anh cũng kể chuyện cụ Nguyễn. Căn nhà Marian ở Maxcova, từ lâu đã trở thành bảo tàng Nguyễn Tuân. Ở đó, có bao nhiêu hiện vật của cụ : cái mũ, chiếc can, cái tẩu, chén sứ uống rượu, cái bành-tô cụ khoác khi sang thăm nước Nga. Rồi những cuốn sách, thư từ, bưu thiếp, chữ ký. Tất cả đều được bày đặt trang trọng trong tủ kính. Marian trở thành hướng dẫn viên của cái bảo tàng mi-ni này.

- Cụ Nguyễn lạ thật, - Marian chắc lưỡi, - ở Việt Nam có đến hàng trăm nhà văn họ Nguyễn. Chẳng ai lấy họ ra để gọi thay cho tên. Duy chỉ có Nguyễn Tuân. Người ta gọi anh Nguyễn, bác Nguyễn, rồi cụ Nguyễn. Chỉ cần gọi Nguyễn, ai cũng biết đấy là ông cụ. Thư cho tôi, ông cụ cũng chỉ ký có mỗi chữ *Nguyễn*. Lạ thật ! Anh thấy có lạ không ?

Marian quay hỏi tôi. Rồi không đợi tôi trả lời, anh lại hạ thấp giọng, gần như là thì thầm :

- Có một lần, tôi dẫn Nguyễn Đình Thi đến nhà Cơnxtantin Ximônôp. Cô cháu gái của Ximônôp ra mở cửa đón ông nhà văn lớn của Việt Nam. Tôi chỉ Nguyễn Đình Thi hỏi : Có biết ai

đây không ? Cô bé nhún vai một cái rất điệu :
"Cháu biết chứ, ông ấy thì ai mà chẳng biết. - Rồi
cô gái quay sang Nguyễn Đình Thi, kính cẩn : -
Cháu chào ông Nguyễn Tuấn !" - Marian cười sùng
sục. - Đấy, nó chào Nguyễn Đình Thi như thế đấy :
Cháu chào ông Nguyễn Tuấn. Với con bé, người
Việt Nam nào cũng là Nguyễn Tuấn hết !

Marian thoáng trầm ngâm, rồi anh lại cười :

- Có lần, tôi dịch xong cuốn sách của Nguyễn
Tuấn. Tôi sướng lắm. Tôi quyết định mang sách
sang biếu cụ. Nhưng ông cụ chẳng tỏ ra phấn khởi
gì. Mặt ông cụ lạnh băng. Rồi ông cụ quay sang con
trai : "Này, mày gọi ngay thằng Cự đến đây cho
tao!". Phạm Vĩnh Cự, chắc anh biết chứ. Ông ấy
hiện là hiệu phó Trường viết văn Nguyễn Du. Ông
Cự giỏi tiếng Nga lắm. Ông ấy nói tiếng Nga bằng
ngôn ngữ của giới quý tộc. Phạm Vĩnh Cự là ông
quý tộc Nga thế kỷ XIX. Giỏi lắm. - Marian lắc lắc
cái đầu hói bóng chỉ lơ vơ vài sợi tóc bạch kim ở hai
bên tai. - Thế nên, tôi run lắm. Khi Cự tới, cụ
Nguyễn lấy cái đầu can đập đập vào cuốn sách
dịch của tôi : "Cự, mày thử dịch lại cho tao nghe,
xem... xem cái thằng Marian này nó... nó xuyên tạc
Nguyễn Tuấn như thế nào ?"

Tôi bắt đầu hoảng thật sự. Cự lú lú dịch lại.
Cụ Nguyễn nghiêng một bên tai nghe, dáng vẻ như
một nhà kịch si, rồi cụ gật đầu, vé hài lòng. Nhưng

ông cụ chẳng khen tôi một lời nào hết. Cụ chỉ thủng thẳng bảo : "Được ! Các cụ Hà Nội bảo được". Nghe có lạ không ? Đối với tôi, đây là một buổi chiều vô cùng hạnh phúc.

Nguyễn Tuân mất, Marian bàng hoàng đến hàng tháng trời. Chính anh đã thảo bức điện chia buồn gửi Hội nhà văn Việt Nam in trên tờ Văn học Xô-viết. Marian dành cho Nguyễn Tuân những lời đánh giá sang trọng nhất mà người ta chỉ có thể dành cho những bậc thiên tài. Anh gọi Nguyễn Tuân là *nhà văn vĩ đại của thế kỷ 20*. Đối với Nguyễn Tuân, một nhà văn *tài hoa* và *độc đáo* như ta đã biết - có lẽ cũng chẳng bao giờ nghĩ đến một ngày mình được ngợi ca đến mức như thế. Tình cảm của Marian đối với Nguyễn Tuân thật là nồng nàn.

Khi tôi rời nước Nga, trở về Tổ quốc sau sáu năm du học, trước khi bay một ngày, Marian mời tôi đến nhà riêng của anh :- "Tôi muốn anh đến ăn Tết trước với tôi!" Marian nói, rồi đưa tay kéo tấm rèm che cửa để ánh sáng của một buổi chiều cuối năm ủa vào căn phòng bẽ bộn những sách và đầy ắp Nguyễn Tuân. Chưa có dấu hiệu gì của Tết. Dưới kia, khu vườn trụi lá. Những bóng cây đen trũi như bị cái giá lạnh thiêu cháy. Tuyết vẫn lạnh đậm và đứng đưng, bay chênh chếch qua khung cửa sổ. Còn năm ngày nữa mới đến cái Tết của Marian. Nhưng trên bàn, Marian đã bày cây thông

treo bùng biêng những chùm quả thủy tinh nhóng nhánh. Một mâm cơm thuần Việt, có bắp cải luộc, thịt nướng và nước mắm Phú Quốc.

- Tôi buồn quá, buồn quá, ông Khoa ạ. Thế là lại vắng thêm một người Việt nữa có thể nói chuyện được. Cụ Nguyễn bỏ tôi mà đi rồi. Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài cũng đã nghỉ cả. Chẳng ai còn gửi sách báo cho tôi nữa. Tôi là chuyên gia văn học Việt Nam mà chẳng biết văn học Việt Nam bây giờ ra sao ?

- Vâng, tôi hiểu ! Tôi hiểu, anh Marian ạ. Tôi đã đề nghị phòng văn hoá, Đại sứ quán chuyển đều đặn sách báo văn học cho anh. Ở đó không thiếu gì cả.

- Bây giờ, quả thật là chẳng còn biết thế nào. - Marian cười buồn. - Tôi có cái mũ phớt mua ở Mỹ. Cái mũ đẹp lắm. Bạn tôi đưa đi mua. Tôi mất cả buổi chiều mới chọn được ở New York một cái mũ ưng ý. Thế mà hôm qua đi trên phố Tverxcaia, một thằng thanh niên nhắc luôn cái mũ của tôi, đội lên đầu, rồi cứ điêm nhiên đi qua trước mặt tôi. Một đứa khác lại lấy cán ô gõ lên đầu tôi. Nó làm như đầu tôi là cái mõ làng, bạ đứa nào cũng có thể gõ được. Bây quá ! Cái bọn côn đồ này, cứ phải quật cho chúng mấy can của cụ Nguyễn thì mới xong. Tôi buồn quá !

Khi tiễn tôi xuống đường, Marian như chợt nhớ ra điều gì. Anh trở lại phòng, rồi một lúc sau, anh lệnh khệnh bước ra, tay xách theo một chai rượu uytsky. Marian vốn rất thích rượu.

- Tôi có món quà này. Tôi mua từ Mỹ đấy, chỉ có mỗi một chai thôi. Tôi vẫn để dành, không dám uống. Giờ thì tôi muốn nhờ anh chuyển biểu cụ Nguyễn Tuân...

- Trời ơi, Marian, anh làm sao thế ? - Tôi kêu lên sùng sốt. - Cụ Nguyễn mất rồi mà ! Anh không nhớ cụ Nguyễn đã mất rồi sao ?

- Vâng, tôi biết ! Tôi biết chứ. Cụ Nguyễn mất rồi. Nhưng như thế không có nghĩa là từ nay, ông cụ không còn được uống rượu nữa ! Bởi vậy, tôi mới nhờ anh. Anh rót giùm tôi chai rượu này xuống mộ cụ, và hãy nói giùm tôi rằng : Marian vẫn rất nhớ cụ. Marian có chén rượu nhạt mời cụ đây...

Tết 1996

IVAN NÔVITXKI

Người đầu tiên đón tôi ở Trường viết văn Macxim Gorki - Maxcova là Iuri Valentinôvich Gaphurôp. Ông là nhà phê bình văn học, tốt nghiệp khoa lý luận trường M. Gorki, ra làm báo *Đường sắt Xô-viết*, rồi trở lại trường làm Trường khoa ngoại quốc, phụ trách người nước ngoài. Đó là một người tâm thước. Mái tóc nâu. Đôi mắt sắc và nụ cười bờ ngơ mà ta thường chỉ thấy trên gương mặt các giáo sư Xô-viết. Đó là nụ cười nhân hậu và trong vắt của đứa trẻ thơ nằm trong nôi mà các cụ ta ở quê vẫn quen gọi là nụ cười bà mẹ dạy. Còn tôi, không hiểu sao, tôi cứ nghĩ đấy là nụ cười của Nước thiên đàng.

Tôi ọ ọ nói với Iuri Valentinôvich bằng một thứ tiếng Nga ngọng nghịu, rằng tôi muốn được ở chung với người Nga, một anh bạn Nga thuần khiết để học tiếng. Chẳng biết Iuri có hiểu điều tôi nói không, chỉ thấy ông gật gật và mồm mím cười, một nụ cười đúng là của Nước thiên đàng.

Thế rồi ngay chiều hôm ấy đã có tiếng gõ cửa. Một anh bạn Nga to béo phục phịch với gương mặt rậm rịt râu ria, mang theo một chiếc va-li cũ nát đựng đầy sách. Những cuốn sách cũng cũ kỹ và bụi bặm như ông chủ của chúng.

- Tôi là hàng xóm của anh. Iuri bảo anh là đại úy quân đội. Đúng không? Tôi cũng là đại úy, đại úy phục viên.

Anh bạn mới đến bắt đầu nói bằng một thứ tiếng nghe xèo xèo như rán tóp mỡ. Vừa nói, anh vừa ra hiệu, hai tay cứ khoắng tít trong không khí như một bà cốt đã nhập đồng. Sau những lời ồm ồm của anh, tôi lơ mờ hiểu rằng, anh cũng đã từng là một người lính, từng làm nghĩa vụ quốc tế đánh nhau ở Apganixtan và để lại trên vùng đất xa xôi ấy một nửa bàn chân trái, do giẫm phải mìn.

- Tôi là Ivan Nôvitxki. - Anh bạn tiếp tục giới thiệu. - Ivan Nôvitxki nghĩa là gì, cậu biết không? Nghĩa là Ivan no whisky - Ivan không có rượu.

Nói rồi, Ivan *không có rượu* búng búng một ngón tay ngắn chùn, mập mạp vào cái cổ to, đỏ bự như cổ gà chọi. Và thế là chúng tôi thân nhau. Thân khá nhanh. Có lẽ chính cái chất nông dân quê kiểng đã giúp chúng tôi sớm "bắt" nhau. Tôi ở sông Kinh Thầy; còn Ivan ở sông Đông. Anh là

đồng hương của Mikhain Sôlôkhôp. Thành phố Rôxtôp trên sông Đông, quê anh có thể gọi là thành phố M. Sôlôkhôp. Ngay từ khi nhà văn còn sống, người ta đã dựng tượng ông bên bờ sông Đông, đã có cả một bảo tàng M. Sôlôkhôp do chính ông, ăn lương nhà nước, biên chế làm nhân viên hướng dẫn bảo tàng. Các phố, đại lộ và ga tàu điện ngầm trong thành phố đều mang tên các nhân vật của M. Sôlôkhôp, chứ không phải tên các danh nhân văn hoá hay các vị chính khách như ở các thành phố Nga khác. Ở đó có ga Grigôri, công viên Panchêlêvits, phố Đunhiasca. Nhà Ivan trên đại lộ Acxênhia. "Tiếc là bây giờ chẳng còn Acxênhia nữa. - Ivan lầu bầu. - Các cô gái sông Đông bây giờ họ nghiêm trang lắm, cứ như là những cây cột điện mặc váy. Phụ nữ mà không lắng lờ, không sóng sánh ướt át thì chán lắm, vì mất hết sự hấp dẫn". Ivan là người mau chuyện. Anh bỏ lơ ba la suốt ngày, cứ như một cái radiô di động. Không cần biết ông bạn âm ớ ở trên sao Hoả kia có nghe được mình hay không. Có khi nửa đêm, anh còn lôi tôi dậy, bắt nghe hàng loạt thơ mới. Anh viết lại nhiều. Mà viết được bài nào, anh cũng bắt tôi phải nghe. Có ngày, anh nhăn nhó với tôi : "Hôm nay đối với tớ, quả là một ngày xúi quẩy". Tôi hoảng hốt : "Sao thế ? Có chuyện gì thế, Ivan?". "Một ngày xấu.

Rất xấu chứ sao? Đúng là ngày quý tha ma bắt. Tôi viết được ít quá. Có được mỗi... mười một bài thơ thôi". Tôi tròn mắt kinh hãi. Còn anh thì lâu lâu đọc thơ. Anh đọc chậm. Thỉnh thoảng lại hỏi: "Cậu có hiểu không?".

Nếu thấy mặt tôi ghệt ra, anh lập tức lật từ điển. Ivan tra từ điển ma quái như một nhà ảo thuật. Anh chỉ lật một, hai nhất đã ra ngay được chữ cần tra. Đi dạo, hay ngồi trò chuyện với tôi, bao giờ anh cũng cặp kè kè hai bên nách hai cuốn từ điển dày đến hàng.... chục kỷ. Tôi nghe thơ Ivan lâu thành quen, quen đến mức không cần từ điển cũng hiểu được hết. "Cậu viết khoẻ thật. - Tôi bảo. - Ở Việt Nam, đến thi sĩ lớn cũng không thể viết nổi một ngày chục bài. Có người hàng tháng, thậm chí phải hàng năm mới viết được một bài. Ngày xúi quẩy mà cậu còn sản xuất được hơn chục bài thì cậu đúng là thiên tài. Nhưng thiên tài thì không nên đọc thơ, Ivan a, chỉ đọc số lượng bài cho thiên hạ hải thôi, chứ đừng đọc thơ nhá, vì thơ như thế này mà một ngày cậu viết được có mười một bài thì... ít quá".

Ivan cười hự hự, rồi dứ dứ nắm đấm lên trước trán tôi. Tôi cũng cười khịt khịt. Đúng là hai lão dở người. Ngoài kia, khu vườn vàng rực sau ô cửa sổ bỗng cồn lên tiếng quạ. Tuyết đang xuống. Những bông tuyết non đầu mùa bay rớt rề như

đang muốn thăm dò mặt đất. Có bông tan lũng ngay trong không trung, có bông rơi xuống lá cây thì hoá thành những chấm nước nhỏ li ti như mưa bụi. Ivan nhảy của lên : "Được mùa ! Nước Nga lại được mùa rồi". Ivan ôm chầm lấy tôi, hôn rồi rít. Bây giờ thì anh không còn là thi sĩ nữa, anh là gã nông dân sông Đông thực thụ. Rồi anh ôm oàm giải thích cho tôi hiểu tuyết có vai trò quan trọng như thế nào đối với mùa màng. Tuyết rơi sớm, rơi dày sẽ ủ ấm hạt giống trong đất. Khi tuyết tan, mùa sẽ bực dậy ngùn ngụt như có phép mầu nhiệm. Còn khi mùa tuyết mà chưa thấy tuyết thì dân lo đến thất ruột, vì biết là mất mùa, đói kém, bởi hạt giống đã gieo sẽ cháy khô trong giá rét. Thế rồi vui quá, Ivan kéo tôi, lao tồng tọc xuống đường. Ở đó khá đông người. Toàn cụ già và trẻ con. Họ mặc những bộ váy áo sặc sỡ, rồi cứ để đầu trần mà nhảy múa tung bừng. Có ông cụ đặt đứa cháu bụ bẫm lên vai mà múa. Ông cụ múa bằng đôi chân. Người Nga đón tuyết đầu mùa như thế đấy.

Chiều ấy, Ivan về nhà sớm hơn ngày thường. Anh khuôn lĩnh kỉnh bao nhiêu đồ ăn. Bánh mì, bắp cải, súp cá, cà-rốt. Thấy tôi, anh reo lên :

- Tớ tìm được thơ cậu đây này. Có đúng là thơ cậu không ?

Rồi anh giơ lên đầu một cuốn sách mỏng dính, đen nhem, trông rất nhem nhuốc. Đùng là thơ tôi,

tập *Bên cửa sổ máy bay* in ở Nhà xuất bản Tác phẩm mới, bằng tiếng Việt, thời còn bao cấp. Tôi rất kinh ngạc, làm sao Ivan có thể biết được đó là thơ tôi, khi ở trên bìa, ở khắp cuốn sách chẳng có một chữ Nga nào.

- Tôi tìm được ở hiệu sách *Hữu nghị*, phố Gorki đây. Ở đó, có rất nhiều sách Việt Nam. Trông tên tác giả, tôi đoán là cậu. Tôi mua những chín côpêch cơ đấy.

- Đó, cậu thấy không ? Tôi viết chạt vật suốt mười năm mới được có chín côpêch, trị giá bằng một quả trứng gà loại ba... Trứng gà loại một thì một quả những mười hai côpêch cơ.

- Thế là quá đắt đấy. - Ivan lại cười hích hích. - Tập thơ cậu bằng chín côpêch, chín côpêch mua được chín bao diêm. Mà chỉ một que diêm thôi cậu đã đốt được cả Matxcova rồi. Thế thì có gì mà cậu phải quàng quạc như con quạ già mất tổ thế ?

Ivan khá hóm hỉnh và thông minh. Trong những cuộc tranh biện, anh luôn có những ý kiến bất ngờ. Tôi rất thích nghe những nhận xét của anh về những con người chúng tôi thường gặp. Bởi nghe nó ngổ ngỗ, vui tai, chứ thực tình, tôi cũng không tin lắm ở những lời nhận xét của anh.

Lúc bấy giờ là đầu năm 1987. Rất nhiều nhà văn của ta sang trường Macxim Gorki thực tập và nghe một *cua* giảng ngắn hạn có phiên dịch, Ivan thân họ khá nhanh. Có đận anh về phòng đã say nhoè bia rượu. Anh hỏi : "Họ có tài không ? Các nhà văn Việt Nam ấy". "Tài chứ ! Tài lắm đấy. Ở nước tớ, họ là những nhà văn lớn, gặp được họ không dễ, lại được họ mời bia như cậu càng không dễ". Ivan cười khùng khục, vẻ đắc chí như người trúng số độc đắc. "Tớ thấy họ rất chịu khó. Rồi lúc nào, là họ đi cửa hàng. Họ mua gì, cậu biết không ? Họ mua khăn mùi-xoa, dây điện và máy sấy tóc. Toàn những đồ đặc linh kinh của đàn bà. Các bố này chắc là yêu vợ lắm. Mà nói cho đúng, trông họ cứ cặm cui như những người đàn bà đã hết duyên, phải lấy sự chịu khó, tần tảo để thay cho nhan sắc nhằm giữ chân các đức ông chồng. Những người như thế mà có tài thì thật quý. Đàn ông nước cậu tuyệt vời. Đàn ông Liên Xô, họ chẳng biết gì đến chuyện bếp núc". Rồi Ivan lắm bả bình luận về từng nhà văn một. Cứ theo lời anh thì mỗi con người đều là cái giá phôi sách, một cuốn sách chứa toàn điều bí mật của cả đời mình mà lại cứ mở tênh hênh giữa giờ đất. Cuốn sách ấy chính là gương mặt của họ.

Tôi đâm tò mò :

- Thế cậu thấy ông này thế nào :?

Tôi chỉ nhà văn Lê Lưu đang ngồi xồm trên chiếc ghế dài kê dọc hành lang, bồm bồm nhai bánh mì. Trông anh như một bà đi chợ vừa buông quang thúng, giờ thì đang thành thói nhai trầu vò.

- Ông này tuyệt vời ! - Ivan thì thầm. - Ông ấy rất thích kinh doanh, nhưng vốn không có, hoặc giả nếu có, ông ấy cũng không chịu bỏ vốn vì sợ lỗ. Bởi thế, ông ấy toàn kinh doanh đồ cũ. Ở gần giường ông ấy có đến hàng trăm đôi giày. Nhưng đến khi cần vào vũ trường thì ông ấy chẳng có đôi nào cả.

- Thế còn ông kia ?

Tôi lại chỉ nhà thơ Phạm Tiến Duật đang nói chuyện bằng tiếng Nga với mấy cô gái Nga ở bến đò xe. Tôi chẳng biết anh nói gì. Chỉ thấy người anh lắc lư như một quả chuông, còn mấy cô gái Nga thì cười như nắc nẻ.

- Đây là một thiên tài. Ông ấy còn là bậc thầy của E. Eptusencô. - Ivan lại nhận xét - Đó là một nhà truyền giáo vĩ đại. Ông ấy có khả năng thôi miên hàng triệu người, nhưng ông ấy thì dường như lại không tin lắm ở những điều ông ấy nói ra. Chỉ khi nào người ta bắt đầu nghi ngờ ông ấy, thì ông ấy mới thực sự tin vào những gì mình đã phán

truyền. Hình như những nhà truyền đạo đều như thế cả cậu ạ.

- Thế còn chị này ?

- Có phải người kia không ? - Ivan đánh mắt về phía nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ. Chị đang xoè tay cho cô Elêna Elécôva, một nhà văn Bungari bói tay. - Đẹp quá. - Ivan thì thảo - Bà ấy như Đức Mẹ ấy. Tiếc là Đức Mẹ hơi lùn một tí. Bà này mới đúng là thi sĩ. Bà ấy dễ tin người lắm. Ai nói gì cũng tin. Vào các cửa hàng vải hay cửa hàng may đo của Nga, chắc bà ấy ngạc nhiên lắm. "Sao ở đây có lắm ông I. Gagarin thế nhỉ. Cửa hàng nào cũng có hàng chục ông I. Gagarin khoác đủ các loại áo như sắp sửa đi tắm". Trước còn mất bà ấy, cái manơcanh ở cửa hàng nào cũng thành nhà du hành vũ trụ I. Gagarin.

- Thế còn tớ ? Cậu thấy tớ sao? Thử hé cánh cửa cho tớ lé mắt nhòm vào tương lai tí chút.

- Cậu ấy à ? Thăm lắm !

Ivan vờ cái bút dạ, vẽ khoanh tròn một củ hành tây, bên trên lò xoà những lá, còn ở dưới thì lơ phờ mấy cái rễ xoắn xoeo.

- Đây chính là chân dung của cậu, khi cậu mới vào trường. Còn đây là khi cậu tốt nghiệp ra trường...

Ivan xoay củ hành tây, chúc ngược đầu xuống.
Rồi anh cười âm lên. Gương mặt hoang vu rậm rịt
của anh bỗng nhoe nhoét nước mắt :

- Có đúng là cậu không nào ? Khi vào trường,
cậu là anh chàng tóc dài, râu ngắn, còn khi ra
trường thì cậu chỉ có râu mà chẳng còn sợi tóc
nào...

11.1997

BRUCE WEIGL

I

Ngay từ sáng sớm, nhà văn Nguyễn Quang Thiều đã bảo tôi :

- Ông dậy chuẩn bị tiếp khách quý nhé. Bruce sẽ tới ngay bây giờ đây !

Nhưng rồi, phải đến nhá nhem tối, Bruce mới xuất hiện. Anh là một nhà thơ lớn, nổi tiếng của Mỹ. Bạn trẻ Mỹ yêu thơ ca, dường như ai cũng biết Bruce. Trong hàng loạt đơn thư gửi đến trung tâm Williams Joiner xin dự lớp sáng tác mùa hè do trung tâm tổ chức, nhiều học viên đề thẳng nguyện vọng : "Tôi muốn học ông Bruce". "Đề nghị cho tôi được vào lớp ông Bruce".

Tôi biết Bruce qua nhà văn Lê Lưu. Trong cuốn bút ký *Trở lại nước Mỹ*, Lê Lưu viết khá nhiều về Bruce. Nhờ đó, tôi biết Bruce là người Mỹ rất yêu Việt Nam. Mãi đến dịp hè vừa rồi, nhân

hội thảo văn học Việt - Mỹ, tôi mới có dịp được gặp con người danh tiếng ấy.

Đó là một người đàn ông to lớn, kễnh càng. Trông anh đúng như những gã phi công Mỹ mà tôi hình dung từ ngày còn thơ ấu. Chỉ khác, anh rất hiền, gương mặt hóm hỉnh, có phần tếu tếu như những chú hề xiếc. Anh chỉ vào ngực mình, tự giới thiệu :

- Tôi là anh em của Lê Lợi !

Và rồi, cũng đúng như tác phong Lê Lợi, anh ngồi xoà vào cái bàn ăn lông bông những nước. Mặt bàn ngổn ngang xương gà và cọng rau. Bữa tiệc đã tàn. Thức ăn nguội ngất cả. Nhà văn Nguyễn Quang Thiều tỏ ra bất khoan : "Để tôi đun lại nhé !".

- Thôi, không cần. - Bruce phẩy tay. - Có nước mắm không ?

Tôi kinh ngạc thấy anh hỏi nước mắm. Thường người nước ngoài, họ chỉ ăn magi hoặc xì dầu, không ăn nước mắm. Mùi nước mắm dễ làm họ sợ.

- Nhưng tôi thì lại mê nước mắm. - Bruce tâm sự. - Tôi nghiện nước mắm đấy. Có một lần, nhà thơ Hữu Thịnh chiêu đãi chúng tôi. Không biết do cao hứng thế nào, ông ấy lại nhấm, tương rượu màu. Thế là ông ấy rớt la liệt ra mấy cốc vaj. Tôi biết ngay là nước mắm. Các bạn tôi cũng thế. Biết

vì cái mùi rất hung hãn của nó. Nhưng chúng tôi lại tưởng đó là phong tục, tập quán của người Việt miền Bắc. Nghĩa là trước khi uống rượu, cứ phải húp... nước mắm. Và thế là chúng tôi bị mũi, nhắm mắt, tu một mạch hết một... cốc vại.

Bruce nhìn tôi cười. Rồi anh nghiêng nghiêng bên tai bị điếc do vết thương chiến tranh ở Việt Nam. Thỉnh thoảng, anh lại chỉ vào cái tai điếc có lắp một ống nghe trắng đục nhỏ bằng ngón tay út : "Anh nói gì thì nói to to một chút. Ông Lựu ông ấy bắn tôi đấy !".

Trong câu chuyện, Bruce hay nhắc đến Lê Lựu. Còn Lê Lựu thì coi Bruce như một người cứu nạn. Trong cuốn *Trở lại nước Mỹ*, Lê Lựu kể rằng khi anh tới Mỹ lần thứ hai cùng với đoàn nhà văn Việt Nam tham gia hội thảo văn học mùa hè thì bị toán người Việt di tản chửi bới và hành hung. Nhà văn đại tá Nguyễn Khải lần đầu tiên giáp trận và ông đã thực sự nếm mùi chiến tranh, một cuộc chiến tranh bằng gậy gộc và những... cú đấm. Nguyễn Khải kêu ầm lên : "Ồ! Bố lão ! Tao già thế này rồi, chúng mày có đấm thì cũng phải đấm nhẹ tay thôi chứ. Đấm thế thì tao chết chứ sống được à ?" Bruce không hiểu được câu nói bằng tiếng Việt ấy của Nguyễn Khải. Anh kể : "Lúc ấy, ông Khải tức lắm. Tức mà không đấm trả chúng nó được. Thế là ông ấy... văng tục !". Cũng theo Lê Lựu, trong cuộc ẩu

chiến đó, Bruce tả xung hữu đột, như một chiếc xe tăng hạng nặng, bảo vệ, che chắn cho phái đoàn ta.

Bruce tỏ ra rất mê Lê Lợi. Trong cuộc hội thảo lần này, Lê Lợi không tham dự. Nhưng với Bruce thì Lê Lợi vẫn luôn có mặt. Hôm khai mạc, ban tổ chức phát cho mỗi nhà văn một tấm thẻ ghi tên, ghim ở ngực. Bruce không ghi tên mình mà viết nắn nót bằng tiếng Việt, với đầy đủ cả dấu : "Tôi là Lê Lợi" và ước ngực đi rất hiên ngang. Tôi hỏi anh về tấm thẻ lạ mắt đó, anh bảo : "Tôi với ông Lợi là anh em sinh đôi. Chúng tôi giống hệt nhau, đều là những anh nông dân ít học, đầy bản năng, và nhờ cuộc chiến mà thành nhà văn nổi tiếng".

Tôi lặng ngắm Bruce. Quả anh là hình ông Lợi phóng to. Tôi chợt nhớ có lần ghé qua nhà Lê Lợi. Nhà văn đang có khách. Một cô phóng viên trẻ đẹp và yêu điệu như hoa hậu thời trang đang ỏn ẻn hỏi chuyện nhà văn. "Mình là cái anh nông dân Khoái Châu, mình *dinh* cả cái phủ Khoái về Hà Nội.". Lê Lợi nói dứt khoát như một nhà cải cách thủ đô. Chẳng biết anh có *Khoái Châu* hoá được Hà Nội hay không, nhưng cái căn nhà số 8 Lý Nam Đế anh ở thì đã có dáng dấp phủ Khoái lắm. Hãy cứ nhìn ngay ông chủ đang tiếp người đẹp. Áo com-lê đen trùi. Cổ thắt cà-vạt màu nơ hồng, áo len quần trùm lên đầu, quần cá mây vòng quanh cổ. Dưới vạt quần ngó kẻ sọc. Chân sục trong đôi

tất sù. Lê Lựu như bức tranh biếm hoạ. Hay nói đúng hơn, anh như một mụ nạ dòng đang ở cũ, phải kiêng khem gió máy. Bạo là người Hà Nội thì quyết không phải. Người Hưng Yên cũng không phải. Thôi, thế thì đúng là bà phù Khoái rồi !

So với Bruce thì Lê Lựu quả là một anh chàng đóm dáng đến mức diêm dúa. Ở Mỹ, có hai thứ người ta không còn để ý đến nữa. Đó là *ăn* và *mặc*. Bruce bước lên bục giảng. Anh đánh đọc một cái quần đùi đen rộng thùng thình, vắt vẻo hai dải rút trắng, áo may-ô mặc lộn ngược. Rồi cứ nửa *nuy*, nửa không như thế, anh giảng về niêm luật thơ, về cách ngắt nhịp, chọn chữ. Rồi anh cao hứng ra đề tài cho học viên làm ngay tại lớp. "Anh hay chị hãy miêu tả Hà Nội". "Nhưng chúng tôi chưa biết Hà Nội !" "Thì tưởng tượng ra mà tả chứ !". Thế là cả lớp bắt đầu *sáng tác*. Trong số học viên, có người tóc đã bạc. Có người là sinh viên. Có người đang học phổ thông. Có tiểu thư vừa *sáng tác*, vừa ngoáy kem. Có cô mặc đọc một cái quần soóc ngắn cũn cỡn như xi-líp búp-bê, đã thế lại còn gác cặp ngà voi trắng muốt lên thẳng mặt bàn, khiến những gã chân tu cũng tự nhận thấy mình là một con quỳ dâm dục. Các tác phẩm *sáng tác* về Hà Nội na ná nhau. Đại khái đó là một thành phố cổ kính chìm dưới ... cây xanh. Các cô gái mặc áo dài đi xe đạp. Trong cái túi lưới treo ở ghi-dông xe, thế nào cũng

có mớ rau muống và chai nước mắm. Bên chai nước mắm là con gà vẫn còn đang sống. Đây là những chi tiết mang đặc thù Việt Nam qua con mắt của người nước ngoài. Ở Mỹ, người ta không bán gà còn sống, chỉ bán gà đã làm thịt rồi, đã phân chia rành mạch ra từng phần riêng biệt : đùi, cổ cánh, ức, với các giá rất khác nhau, tùy theo giá trị của từng loại mà định giá. Bruce "nếm" các sản phẩm của học viên, rồi cười rất tươi :

- Các anh chị chưa đến Hà Nội mà sao "nhìn" Hà Nội giống nhau thế. Toàn là những khái niệm ! Chiều nay về, các anh chị viết thành thơ nhé. Biến những khái niệm ấy thành thơ.

Lớp học tan. Bruce kéo tôi ra hành lang hút thuốc và uống Coca cola. Tôi nắm bàn tay xù xì của anh :

- Cảm ơn anh đã yêu đất nước của tôi. Yêu Hà Nội của tôi !

- Tôi đã nhiều lần sang Hà Nội - Bruce cúi xuống, ghé sát vào mặt tôi, thì thào như người buôn bạc giả - Đây, con gái Hà Nội đẹp lắm. Đẹp hơn cả con gái Nhật Bản^(*), đẹp nhất thế giới. Tôi đã nhìn thấy một em đi trên phố Hàng Đào. Nàng mặc bộ áo dài đỏ, nom rưng rục như một ngọn đuốc

(*) Bruce có vợ là người Nhật Bản (TĐK)

đang cháy. Tôi đã viết : *dáng em bay như một lá*
cờ. Đây là ngọn cờ dẫn đường chỉ lối cho tôi đấy !

Nói rồi, Bruce cười khò khò, vẻ khoái chí.

- Này, một người hóm hỉnh, lại đẹp giai như anh, phụ nữ dễ mến lắm đấy. Anh mà ở Hà Nội, không khéo sẽ có khối cô theo.

- Cũng có đôi ba người nói với tôi như vậy. Thoạt đầu, tôi cũng tưởng thế thật. Ông biết không, có một lần tôi đi dọc bờ ở một thánh đường. Nơi ấy có rất nhiều phụ nữ trẻ đẹp. Họ vỗ tay rào rào đến nỗi, tôi cứ tưởng mình là đức Chúa Trời giáng thế. Tan cuộc tôi ra về, người ngáp trong hoa. Đi một đoạn thì nghe có tiếng chân bước thắc thom phía sau. Tiếng bước sẽ sàng, thánh thót. Có lẽ một tiểu thư yếu điệu nào đó. Chắc nàng sẽ nói : "Ồi ! Bruce ! Hãy chờ em. Em sẽ đi với anh tới cùng trời cuối đất !". Chỉ mới nghĩ thế, tôi đã thấy mặt mình nóng ran lên. Chúa ơi ! Con hạnh phúc quá ! Con sung sướng quá ! Con sẽ mãi mãi làm thi sĩ. Và tôi bâng hoàng quay lại. Trời, ông có biết ai theo tôi không ? Một cô gái ? Hay một bà lão ? Không ! Một con chó hoang già khom, ông ạ. Con chó trụi cả lông, đi dẹo dẹo, trông rất khiếp. Chẳng biết nó chui ra từ xó xỉnh nào. Tôi chưa thấy con chó nào kinh như thế !

Bruce cười khục khục, mặt rạn rờ. Tôi biết anh đang bịa chuyện cho bạn bè cười. Bruce là người thích cười. Ở đâu có tiếng cười, ở đó có Bruce.

II

Nhưng Bruce không chỉ có tiếng cười. Anh còn một gia tài nữa. Đó là nỗi buồn riêng thăm thẳm. Thảo nào, anh thích cười thế ! Người hay cười, chưa chắc đã vui. Đôi khi người ta cười, vì không thể khóc được.

Hôm chia tay, chuẩn bị rời Boston, chúng tôi chiêu đãi các nhà văn Mỹ một bữa cơm thuận Việt. Nhà văn Nguyễn Quang Thiều làm món cơm rang thập cẩm. Nhà thơ Phạm Tiến Duật nướng chả. Nhà văn Tô Nhuận Vĩ trở tài nội trợ bằng món dưa góp Huế. Tôi là anh loong toong, chạy ra, chạy vào cho bếp núc thêm phần rôm rả.

Bữa tiệc gần tàn, Bruce mới đến. Anh đến lạng lẹ như một cái bóng. Mái tóc chải mượt. Tấm áo sơ-mi trắng là phẳng, giắt gọn trong chiếc quần bò *Jeans* bó sát thân. Anh như một chàng trai đang yêu, đom đàng quá, tưng tưng quá, chẳng giống Bruce chút nào. Đến nỗi, tôi phải kêu lên vì kinh ngạc :

- Bruce! Hôm nay trông anh lạ quá ! Tôi có cảm giác như đây là bố Bruce thời ông cụ còn trẻ.

- Không ! Đúng ra, đây mới chính là Bruce. Bruce của hai mươi năm năm trước.

Nhà văn Nguyễn Quang Thiều mang thức ăn đến cho anh. Bruce xuýt xoa :

- Ngon quá ! Tôi rất mê các món ăn Việt !

Nói vậy, nhưng Bruce ăn rất ít. Mỗi thứ, anh chỉ nếm qua. Tôi nghĩ, có lẽ anh vừa dự tiệc ở đâu về. Khi mọi người còn ngồi quanh bàn trà, tráng miệng hoa quả, rồi ghi địa chỉ, nói những câu xã giao, Bruce đã lên xe. Anh ngồi lặng lẽ trong bóng tối. Trên xe có thi sĩ Nguyễn Bà Chung, một giáo sư người Mỹ, gốc Việt, là phiên dịch của đoàn. Thấy tôi đi ngang qua, Bruce mở cửa xe, ngoắc tay ra hiệu tôi lên. Tôi chưa kịp ngồi vào ghế xe, anh đã quay xuống hỏi :

- Này, ông Khoa, ông báo người ta chết rồi, liệu còn linh hồn không ?

Tôi không hiểu sao Bruce lại hỏi thế ? Hình như những người Mỹ đã qua cuộc chiến tranh ở Việt Nam, họ hay có mặc cảm tội lỗi.

- Tôi hỏi thực Bruce nhé ! Hỏi ở Việt Nam, anh có giết người không ?

- Không, không bao giờ ! - Bruce lắc đầu. - Tôi là linh thông tin. Công việc của tôi là sửa chữa điện đài, máy móc điện tử. Cũng có một lần, chỉ duy nhất một lần tôi đụng Việt cộng. Lần ấy, tôi đóng quân trong một cái làng nhỏ gần Khe Sanh. Làng xanh om cây trái. Trông thơ mộng lắm. Thế là tôi xách súng đi vãng cảnh. Bất ngờ, từ hẻm ngõ xanh um tre chuối, nhô ra một người đàn ông vận quần cộc, tay lăm lăm khẩu súng. Vập phải tôi, ông ta sững lại. Tôi cũng đỡ người ra. Chúng tôi cùng nhìn nhau. Rồi cả hai cùng chết đứng trong một giây lát. Và rồi rất nhanh, tôi co cẳng chạy. Ông ta cũng ... co cẳng chạy. Mỗi thằng chạy dạt về một phía.

Bruce cười khục khục. Tôi cũng phì cười :

- Có lẽ ông du kích của chúng tôi biết anh là một thi sĩ nên không bắn đấy !

- Nếu thế thì ông ấy quả là một thầy bói giỏi. Lúc đó, tôi chưa hề làm thơ.

- Vậy thì sao anh phải băn khoăn về chuyện linh hồn ?

- Ấy là vì đêm qua, trong giấc mơ, mà không, không phải mơ. Tôi vẫn đang thức. Nói đúng ra là nửa thức, nửa ngủ, tôi nghe thấy tiếng gọi ở ngay bên tai - Giọng Bruce hớn hớn như người hút hơi. - Đùng là tiếng Linda.

- Linda nào vậy ?

- Cô ấy là người yêu cũ của tôi. Người yêu đầu tiên. Cô ấy mất lâu rồi. Mất vì một tai nạn. Vậy mà đêm qua cô ấy gọi tôi. Đúng là cô ấy gọi tôi. Vì chỉ có Linda mới gọi tôi đầy đủ tên. Còn mọi người thì chỉ gọi tắt là Bruce. Nhưng Linda thì không thế. "Bruce Weigl ! Bruce Weigl ! Dậy đi ! Dậy đi ! Em về đây này ! Sao anh để em chờ lâu thế ?". Tôi choàng tỉnh dậy. Mồ hôi vã đầm đìa. Tôi lập cập mở cửa. Không có ai cả. Khu vườn vẫn lặng gió. Vào nhà mở lịch. Ba giờ mười bảy phút ngày 12 tháng 7. Trời ơi ! Đúng là ngày sinh của cô ấy. Hồi cô ấy còn sống, cứ vào ngày ấy là chúng tôi lại đi chơi với nhau. Tôi dậy mặc quần áo, chải lại đầu tóc. Rồi không sao ngủ lại được nữa.

À, ra là như vậy. Bây giờ thì tôi hiểu vì sao Bruce đom đống thế ! Hôm nay là ngày sinh của Linda.

- Người ta chết, liệu còn linh hồn không ? -
Bruce lại hỏi, giọng có phần băng quơ.

- Còn chứ ! Nhất định là còn chứ. - Tôi đáp hấp tấp.

- Tại sao ông biết chết vẫn còn linh hồn ?

- Thì cô Linda gọi anh đó ! Gọi đúng vào ngày sinh của cô ấy. Nếu không phải cô ấy thì ai nào ? Tôi cũng có một chuyện tương tự...

Bruce đắm đắm nhìn tôi. Bây giờ, trông anh y hệt một đứa trẻ nhà quê, vừa mong ngóng, vừa tò mò sợ sệt chờ nghe những câu chuyện về ma quỷ.

- Tôi có một anh bạn thân. Rất thân. Thứ bảy, anh ấy tranh thủ đạp xe về thăm nhà. Chặng đường khá xa, chừng bảy mươi cây số. Đến mười giờ đêm, anh ấy mới về đến cầu Cẩm. Cây cầu này là trọng điểm bắn phá của máy bay Mỹ trong những năm chiến tranh. Tôi cũng có bài thơ về chiếc cầu oanh liệt này. Bây giờ đã khuya. Trăng suông và mưa phùn. Rét ngán ngắt. Anh bạn tôi chợt thấy bên đường có một người con gái khoác tấm vải dù nguy trang : "Anh bộ đội ơi, cho em nhờ một đoạn vơi. Lâu lắm rồi, em cũng chưa về nhà. Nhà em ở ngay Mao Khê thôi !" Anh bạn tôi dừng ngay xe, tháo chiếc ba-lô, quàng lên ghi-đông, dành chỗ cho cô gái ngồi. Đường dài, có được một người bạn, nhất lại là bạn gái xinh đẹp để trò chuyện, kể cũng vui. Cô gái thật mau miệng. Anh biết cô tên là Dung, từng tham gia thanh niên xung phong, cô còn bà mẹ già. Bà mẹ cô bị thấp khớp. Cứ trở trời là lại đau. Về tới Mao Khê, đến đúng căn nhà đen nhem bụi than nằm lặng lẽ bên cây bàng cụt ngọn, do chính cô chỉ dẫn, anh rùng mình quay lại. Không thấy cô đâu cả. Căn nhà im ắng. Trông hoang lạnh như một cái miếu thờ. Anh gõ cửa, Một bà cụ tóc bạc, hàng hoang nhìn anh. "Mẹ ơi, cô

Dung về chưa ? Cô ấy vừa nhờ con đèo về đến đây mà. Nhưng về đến nhà lại chẳng thấy cô ấy đâu cả ?". "Trời ơi, thế ra là anh ư ? - Bà cụ òa khóc. - Vào nhà đi con ! Đợi ơn con. - Bà cụ sụp xuống, vái anh. Còn anh thì không hiểu gì cả. Anh chợt nhận ra mùi hương trầm. Rồi ngọn nến hi hóp cháy trên bàn thờ. Rồi bức ảnh cô Dung mà anh nhận ra ngay. Rồi tấm bằng liệt sĩ... "Trời ơi, sao lại thế này, mẹ ?", "Em nó chết một năm rồi. Hôm nay đúng là ngày giỗ đầu nó". Thế là anh ngã vật ra.

- Trời, có thật thế không ? Sợ quá ! Nếu có chuyện như thế thật thì sợ quá !

Tất nhiên, đó là chuyện tôi bịa để chia sẻ nỗi buồn với anh. Chuyện bịa, nhưng Bruce lại tin. Anh tròn mắt nhìn tôi. Giọng thều thào, hỗn hển. Trong ánh đèn vàng mờ hắt từ nóc xe xuống, gương mặt anh trắng bệch như nặn bằng sáp. Tôi chợt thấy ân hận, muốn nói một điều gì đó với Bruce, nhưng anh không còn nghe thấy nữa.

Sáng hôm sau, Bruce tìm gặp tôi rất sớm, đôi mắt thâm quầng và gương mặt nhợt nhạt. Hình như đêm qua anh không ngủ. Tôi muốn kêu lên : "Bruce! Hãy tha lỗi cho tôi !" Nhưng Bruce không để ý đến cử chỉ bối rối ấy của tôi, anh nói, giọng gần như thầm thì :

- Đúng là có linh hồn thật, ông Khoa ạ. Bởi thế, những người lính Mỹ đã từng gây tội ác ở Việt Nam, không ai được thanh thản. Hình như họ không còn khả năng trở lại làm một người bình thường. Câu chuyện của ông đêm qua làm cho tôi sợ quá !

Rồi anh lầm rầm đọc tôi nghe một bài thơ anh vừa viết trong đêm. Tôi chẳng biết bài thơ nói gì, chỉ thấy tiếng anh trầm trầm như lời cầu nguyện.

Người phiên dịch thỉnh thoảng lại quay hỏi Bruce. Hình như họ nói với nhau bằng ngôn ngữ nhà thờ.

- Bài thơ rất khó dịch. Nhưng hay lắm. Hay tuyệt vời, ông Khoa ạ.

Người phiên dịch nói với tôi như vậy. Rồi anh cười. Bruce cũng cười. Gương mặt rạng dần. Còn tôi thì đứng lặng. Tôi biết Bruce đang xúc động. Ở đời, nhiều khi chuyện bịa lại tác động đến tâm hồn người ta mạnh hơn cả sự thật. Nghề văn thật bí hiểm. Càng đi, càng thấy mung lung, mờ mịt. Chẳng còn hiểu nó ra làm sao !

7.1994

TIM OBIEN VÀ CUỐN SÁCH "NHỮNG GÌ HỌ ĐÃ MANG THEO"

Tim Obrien là nhà văn lớn, rất nổi tiếng của Mỹ. Ông là một trong số rất ít nhà văn ở Mỹ chỉ sống bằng nghề. Nghĩa là ngoài viết văn, ông không làm bất cứ một việc nào khác.

Một trong những cuốn sách làm nên tên tuổi ông, đưa ông lên đài cao vinh quang, khiến ông nổi tiếng khắp nước Mỹ, và mỗi năm được in lại đến hàng triệu bản, là cuốn sách viết về cuộc chiến tranh ở Việt Nam: *Những gì họ đã mang theo*. Vậy đó là những gì ?

- Là ba-lô, đạn dược, súng ống. Nghĩa là những trang bị của lính. Tất nhiên là như thế rồi. Người lính nào ra trận mà chả có những thứ ấy. Đó là phần xác, phần ai cũng nhìn thấy. Còn phần hồn, họ mang nặng hơn nhiều. Ấy là nỗi ám ảnh về cuộc chiến tranh và những mặc cảm tội lỗi. Trang bị lính, họ chỉ đeo một giai đoạn ngắn, thường là

khoảng một năm. Còn nỗi ám ảnh chiến tranh, những mặc cảm tội lỗi thì ám họ đến suốt đời. Bởi thế, người lính Mỹ nào đã từng giết người ở Việt Nam, trông họ là nhận ra ngay.

Tim Obrien giải thích bằng một giọng khàn khàn. Trông ông chả giống nhà văn, cũng chẳng ra một gã lính Mỹ. Chiếc mũ vải đỏ lúc nào cũng dính chặt vào đầu. Tấm áo may-ô cũng mang màu đỏ, quần soóc đỏ, giày thể thao, ba lô thể thao. Trông ông như một vận động viên leo núi. Có lẽ nhà văn lớn là như thế chăng? Là người lúc nào cũng phải vượt núi.

- Tôi sang Việt Nam cũng là vì hèn nhát. - Tim Obrien tâm sự - Hồi là sinh viên, tôi đã lên án và chống lại cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Nhưng tôi không đủ dũng cảm để ngồi tù, hoặc trốn sang Canada. Thế là tôi bị cuốn vào cuộc chiến. Tôi sang Việt Nam năm 1969. Từ ô cửa sổ máy bay, nhìn xuống khu Cam Ranh và mặt đất mới thật sự là khiếp đảm. Trông nó cứ âm u, bí hiểm và lạnh ngắt như những nấm mồ. Lúc đó, tôi chỉ có một ý nghĩ duy nhất : Tôi sẽ chết ở Việt Nam. Chết ngay trong năm 1969, khi tôi mới 22 tuổi. Không ai có thể cứu tôi thoát khỏi cái chết.

Tim Obrien dừng lại, nghiêng mũ lắng nghe tiếng chuông gió nhỏ từng giọt trong vạt vào làn

sương mù lằng đằng, thắm đậm mùi thảo mộc của mấy miệt vườn xanh om quanh khu biệt thự làm bằng gỗ sồi ở ngoại ô thành phố Boston.

- Ấy thế mà tôi lại không chết, không chết, ông Khoa ạ. Nói đúng ra là Chúa đã cứu tôi. Vị Chúa ấy, tôi đeo trên lưng. Đó là cái máy thông tin bộ đàm. Nó đã che chắn cho tôi. Nhờ thế, tôi chỉ bị thương. Còn nó thì nát bét. Đụng mìn Việt cộng mà. Quả mìn rất quái đản, chế tạo bằng vỏ hộp bia Mỹ.

- Thế thì ông chạm phải du kích địa phương rồi, không phải quân chủ lực của chúng tôi đâu.

- Vâng, tôi cũng chả biết thế nào. Hình như đó là tiểu đoàn 48 Quảng Ngãi. Mãi sau này, hoà bình rồi, sang Việt Nam, tôi mới có dịp được gặp vị thống soái của đội quân bí hiểm ấy. Đó là một ông già nhỏ bé, chột mắt. Ông ta bị thương 16 lần, mang một chân gỗ, thế mà đi cứ thoăn thoắt. Có điều đến đâu, ông ta cũng được nhân dân sùng bái, mến mộ. Bởi thế, chúng tôi thua là phải. Thắng sao nổi những người hiền lành như thế. Gặp tôi, ông bắt tay, cười hề hề, rồi kéo tôi ra nghĩa địa, một khu nghĩa địa vùng nước mặn Sơn Mỹ. Có đến hàng ngàn ngôi mộ. Họ sửa sang mồ mã, rồi bày xôi thịt ra mộ, đặt trên những tấm lá chuối, rồi thắp hương, cầu nguyện. Người Việt có một đức

tính rất hay là họ không thù dai. Thấy tôi, họ "hê-lô", rồi mời tôi ngồi bệt xuống rãnh mộ, ăn tiệc cúng. Tiệc bày toàn những miếng mỡ lợn trắng hếu. Tôi nhìn họ kinh ngạc. Chả lẽ Việt cộng là những người này ư ?

- Thế những năm chiến tranh, ông có thấy họ không ?

- Thấy họ thì tôi mạng rồi. Họ xuất quỷ nhập thần. Tôi nơi, chẳng thấy gì ngoài mặt đất thật thà và chất phác. Bởi vậy, tôi có cảm giác như chúng tôi đã đánh nhau với mặt đất. Mà mặt đất thì xưa nay, nhân loại chẳng có ai tiêu diệt được, cũng chẳng có ai chạy thoát được.

Và như thế, Tim Obrien đã gặp Blaga Dimitrôva. Hai nghệ sĩ này đã nhìn cuộc chiến tranh Việt Nam bằng con mắt giống nhau. Năm 1968, trước khi Tim Obrien sang Việt Nam một năm, nhà thơ Bungari Blaga Dimitrôva đã hé ra cái ý nghĩ của nhà văn Mỹ sau này: *Cuộc chiến tranh giữa Đất và Trời - Ai sẽ thắng ? Tôi không hay, chỉ thấy - Kẻ bị thương trên trời thì rơi - Đất bị thương thì vẫn còn nguyên đấy.*

- Nếu cần nói đôi điều về cuốn sách của mình, ông sẽ nói gì ?

- Cuốn sách của tôi là tập ký ức, hay nói đúng hơn là nỗi ám ảnh của những người lính Mỹ về cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Bởi thế, tôi chia làm ba phần. Phần một là thời gian ở Việt Nam. Phần hai là thời gian hiện tại. Phần ba là tuổi thơ đan chen. Nhưng tôi viết phóng khoáng. Mỗi mẩu là một câu chuyện, có khi một sự kiện hoặc một tình tiết, nhưng được viết một cách độc lập, đứng tách ra thành từng chuyện riêng. Gộp tất cả lại thì nó lại giống tiểu thuyết. Bởi thế, tôi chả biết gọi nó là cái gì. Truyện ngắn à ? Không phải ! Tiểu thuyết à ? Hình như cũng không phải. Thôi, ta cứ gọi nó là cuốn sách.

- Tôi rất mong cuốn sách của ông sớm có mặt ở Việt Nam. Nếu cần nhắc với độc giả Việt Nam một câu thật ngắn gọn, ông sẽ nói gì ?

- Tôi chỉ mong hoà bình. Hoà bình mãi mãi !

5.1994

TÀN MẠN XUNG QUANH GIẢI THƯỞNG HỘI NHÀ VĂN NĂM 1993

Vương miện *Hoa hậu văn chương* năm nay* được trao cho ba tác giả. Một nhà văn lão thành và hai thi sĩ quen biết đã ở độ tuổi trên dưới bốn mươi. Như vậy giải thưởng năm nay không có những tên tuổi mới. Giải thưởng khẳng định lại những giá trị đã ổn định, những tài năng đã định hình. Nhìn chung, ba tác phẩm được giải năm nay, nói một cách tổng quát, thì đó là ba cốc nước lợ trong vắt và vô trùng !

Hai thi sĩ *đôi đôi* trong giải thưởng lần này là một cặp tình nhân khá đẹp. Cả hai với giọng điệu, phong cách khác nhau, nhưng lại tôn nhau, bổ sung và tô điểm cho nhau. Nếu Hoàng Nhuận Cầm vẫn giữ những truyền thống cũ, làm phong phú thêm những gì quen thuộc đã có, thì Nguyễn Quang Thiệu lại phá bỏ những lối đi quen, mở ra

(*) Năm 1993

con đường mới chưa hề có. Một người khi đã ngồi vào bàn trang điểm thì dù ít dù nhiều cũng đã tự thú nhận về sự khiếm khuyết của nhan sắc mình. Thiều không cần trang điểm. Anh dám dùng cảm vút hết mọi sơn phấn, thậm chí cả những bộ trang phục sơ đẳng nhất, để rồi cứ xù xì như thế, kềnh càng, trần trụi như thế mà đi lồng lộng giữa giới đất, và rất vững tin ở nhan sắc của mình. Phải là người có cơ thể đẹp lắm mới dám "khoả thân" như vậy. Cũng phải là người tự tin lắm mới có lòng dũng cảm như vậy. Thiều là người rất tự tin. Mặc dù lòng tin này đôi lúc cũng phản lại anh. Đọc anh, nhiều khi người ta có cảm giác như đọc thơ dịch xối, hay nói như một nhà thơ trẻ, Nguyễn Quang Thiều đã tự dịch xối thơ mình từ tiếng Việt sang tiếng... ta, nghĩa là dịch phóng, cốt lấy ý, chứ chưa dụng công mài giữa nghệ thuật. Bởi thế mới có người, cũng vì lòng yêu Thiều, đã làm một việc rất lẩn thẩn, là ngồi bó gối nhặt những câu độn, chữ thừa trong những bài thơ vốn đã rất ngắn của anh. Có người lại ngờ Thiều ảnh hưởng thơ Mỹ la tinh. Rằng thơ Thiều là một bản phôtô thơ cự chiến binh Mỹ. Nói thế thì oan cho Thiều quá, oan lắm đấy. Thực chất không phải vậy. Nhưng khổ nỗi, những người nổi máu nghi ngờ kia, họ cũng có cái lý của họ. Bởi Thiều Tây quá. Thiều nhìn cái gì cũng thành Tây, ngay cả khi nhìn những người

đánh giậm. Nghề đánh giậm là nghề cổ truyền của dân ta, chỉ ta có, thế mà Thiếu viết về cái nghề đặc ta ấy cũng vẫn chẳng ta tí nào. Thiếu kể rất tỉ mỉ, rất chính xác. Nhưng đây là sự chính xác của một người làm công tác khoa học ghi biên bản :

Những người đàn bà vác giậm đi thành một hàng dọc về phía bên phải sát mép đại lộ.

Người họ được bọc kín bởi những lớp vải nâu và đen, chỉ đôi tay, đôi chân và đôi mắt lộ ra.

Nhưng tất cả cùng một màu như thế.

Những chiếc giậm đan bằng tre trên vai họ như vầng trăng khuyết vừa được vớt từ bùn lên.

Những cái giò bên hông như những cái đầu trọc lắc lư theo nhịp bước.

Bóng họ đổ xuống đường thành những vũng đen...

Rõ ràng, đó là cái nhìn ngó ngó có chất dân tộc học của một nhà khảo cổ phương Tây, có cái gì rất ngờ ngàng như lần đầu tiên được thấy người đánh giậm, lần đầu tiên phát hiện ra một bộ lạc mới. Thiếu có cái nhìn như thế rải rác suốt tập sách. Đọc anh ta cũng có cái thú, là luôn được chiêm ngưỡng gương mặt của chính mình bằng con mắt của một người ngoại quốc. Đây là ưu điểm của

Thiếu hay nhược điểm của Thiếu ? Mà tại sao lại đặt vấn đề nhược điểm ra đây nhỉ ? Trong khi hàng ngày ta vẫn mua đồ Tây, mặc áo Tây, đi xe Tây, diện giày Tây, hợp tác kinh tế với Tây, và có một thời còn làm theo mô hình Tây nữa, thì tại sao ta lại không chấp nhận cái giọng hát lơ lơ Tây nhỉ? Đặc sản của Thiếu là cái giọng lơ lơ ấy. Chất giọng đó sẽ làm đa dạng thêm, phong phú thêm cái dàn đồng ca thơ vốn đã phong phú của ta. Ai chưa quen nghe thì chỉ cần quay tai sang hướng khác, sẽ thấy những giọng hát khác, với rất nhiều âm vực khác nhau, cả những giọng hát đậm đà màu sắc dân tộc. Mà nào phải đi đâu xa, ta hãy quay lại với Hoàng Nhuận Cầm.

Trông Cầm thì đúng là người Việt rồi, và hơn thế, một người Việt cổ. Ở cái thời hiện đại, người ta khoác những tấm váy áo mỏng như tơ nhện, ngắn cùn cùn như váy áo búp-bê, anh lại bó mình kín mít trong những tấm áo the, khăn xếp, trong cả những bộ y phục của ông bà ta thời *Xuân thu nhã tập*^(*). Bởi thế, nom anh có vẻ như là lạc lõng.

(*) *Trời ơi ! Âm nhạc*

Sao giống em - anh ngược lên - Mẹ em.

Im ắng - nhớ lại khi...

Lá trên thêm, Xuân còn đi

Bàn chân - lẻ bước lên - thang gác em

Dây đời anh - không còn riêng

(Thơ Hoàng Nhuận Cầm - Tập *Xúc xắc mùa thu*)

Một người với dung nhan như thế, vóc dáng như thế, ai ngờ lại mang tâm hồn trong trẻo và tươi mát của trẻ thơ. Cầm đem cái chất trẻ thơ đó ra mặt trận. Và chính cái chất trẻ thơ đó đã làm nên Hoàng Nhuận Cầm.

Chúng ta đã từng gặp những người lính trong thơ Phạm Tiến Duật, Nguyễn Đức Mậu, Hữu Thịnh, Vương Trọng, Anh Ngọc, và nhiều thi sĩ khác nữa. Đây là những người lính bụi bặm, gân guốc, từng trải và vất vả với rất nhiều nỗi niềm tâm trạng khi ra trận *Chiến dịch này ăn cơm không phải đòn - Mừng thì mừng nhưng thương mẹ bao nhiêu*. Người lính của Cầm lại ra trận lúc mùa *ve đang kêu*. Họ nghe tiếng *ve* nhiều hơn tiếng súng. Trong những *ba-lô* kia, ai dám bảo là không có - Một hai ba giọng hát chú *ve kim*. Những người lính ấy đi trong rừng thì lập tức cánh rừng nhuộm màu *Grim* và biến thành cánh rừng cổ tích: *Những cây nấm nâu màu nâu già - Tự dung thức dậy bên vòm lá - Những bông hoa chưa có tên hoa - Bỗng nhiên mở cánh ra nghe ngóng - Rừng đâu chỉ có giọng chim lạ - Còn có tiếng nhạc trên cỏ la*. Và ngay cả khi giáp trận rồi, súng đã nổ rồi, ngòi trong hầm chốt, nhưng người lính vẫn *Nghe lẩn lẩn những tiếng chim xuống hầm*. Và rồi cứ bằng cái giọng điệu tung bưng, vui vẻ của chim, của *ve*.

của những con la như thế, Cầm đã phản ánh được một hiện thực nghiệt ngã này: Dân tộc Việt Nam đã gồng mình lên chống trả một kẻ thù không cân sức. Dân tộc ấy đã ra trận đến lớp người cuối cùng. Người lính trong thơ Cầm thực chất là học trò cầm súng, ở họ còn in đậm tính nết trẻ con.

Tập thơ *Xúc xắc mùa thu* được giải lần này của anh cũng vẫn tiếp theo cái mạch thơ ấy. Đây là thơ thời hậu chiến, nhưng rất trong trẻo. Thơ Cầm là vẻ đẹp của những làn sương mỏng bay trên thềm cỏ ban mai. Nó tươi mát, trong lành nhưng cũng nhẹ và xốp. Bởi vậy thơ Cầm rất thích hợp với độc giả ở tầng lớp học sinh, sinh viên. Anh không phải là người bạn tâm giao của những người từng trải, lịch lãm và sâu sắc.

Độc đắc giải văn xuôi năm nay, chỉ có mỗi nhà văn Nguyễn Quang Sáng, một cây bút truyện ngắn lão luyện. Nhắc đến ông, người ta nhớ ngay đến *Chiếc lược ngà*, tập truyện ngắn đặc sắc thời chống Mỹ cứu nước. Cái tài của Nguyễn Quang Sáng là ở khả năng dựng truyện, ở kết cấu độc đáo, ở lối kể hấp dẫn. Nguyễn Quang Sáng là một cây bút truyện ngắn có ma lực, gây được ấn tượng. Lần này ông đến với ta cùng *Con mèo của Foujita*. Chỉ tiếc *Con mèo* của ông làm nhiều người thấy hẫng hụt, mặc dù nó đã đội vương miện văn chương và được

báo đảm giá trị bằng giải thưởng văn học. Có không ít độc giả gửi thư và "đột nhập" vào dinh lũy *Văn nghệ quân đội* hỏi han, chất vấn, rồi thắc mắc. Có người lại còn đem so sánh con mèo với những con voi, con hổ khác. Đây không phải là công việc của *Văn nghệ quân đội*. "Các ông cứ *mũ ni che tai*. Bao nhiêu sự kiện sôi động, các ông chẳng động tí gì?". "Khổ lắm, báo chúng tôi là báo tháng, tính từ khi làm đến khi ra là hai tháng, nếu là báo ngày, báo tuần thì mới bám sát thời sự. Đây là hạn chế không thể khắc phục được của *Văn nghệ quân đội*. Giao thừa thì cả nước đốt pháo, nhưng cái dây cháy chậm của chúng tôi dài đến một tháng kia. Thôi thì đành ngồi nghe pháo của láng giềng vậy. Chúng tôi mà đốt, có khi các ông lại chê: Mấy cái thằng cha này thế nào ấy nhỉ, thiên hạ người ta ăn Tết tất niên rồi, đã đắp chiếu đi ngủ rồi, mới lại mang pháo ra đốt mà lại toàn pháo đùng. Khiếp! Kinh quá, làm người ta giật cả mình!..." Nhưng đây đâu phải là chuyện đốt pháo. Các báo chí khác người ta đưa tin, bình luận cả rồi, các ông cứ im thin thít như cái pháo đài Khaxbulatôp^(*). Gớm, có cái gì mà kinh thế nhỉ? Toà soạn bèn cử tôi chuyển những câu hỏi, những thắc mắc của bạn đọc đến Ban giám khảo Hội nhà văn, rồi giải trình lại cho bạn đọc rõ.

(*) Khaxbulatôp- Chủ tịch Quốc hội Nga 1993.

Người đầu tiên tôi đến là nhà thơ Chính Hữu. Ông tiếp tôi rất vui vẻ trong căn nhà riêng của mình. Tôi chuyển đến ông lời thăm hỏi của một phụ nữ, một diễn viên điện ảnh nổi tiếng, đã một thời rất mê ông. Bây giờ chị đã là bà ngoại. Nhưng tình cảm của chị đối với Chính Hữu thì không chịu già theo tuổi. Chị không giấu tôi điều đó "Ngày xưa ông Chính Hữu đẹp trai lắm. Chẳng biết dạo này ông ấy thế nào. Lâu lắm rồi, tôi không gặp lại". "Thì thù trường của tôi vẫn như ngày xưa thôi, - Tôi muốn chị giữ mãi cái ấn tượng rất đẹp mà chị đã có ấy. Cố nhiên bây giờ đã có tuổi rồi, bác ấy phải đeo kính". "Thì ngày xưa anh ấy cũng đeo kính, anh ấy bị cận mà. Tôi mê anh ấy chính vì anh ấy đeo kính đấy. Người như thế mà hách lắm, kiêu lắm. Anh ấy không thèm tiếp tôi. Hình như anh ấy không thích phụ nữ thì phải!".

- Ố, không phải thế đâu. - Chính Hữu cười rất tươi. - Cái chuyện lãng mạn ở thời kháng chiến kia, mình cũng chẳng biết là có không ? Còn chuyện Chính Hữu không thích phụ nữ thì chắc là không có.

Rồi ông lại cười, nụ cười rất đôn hậu, rất bao dung. Trước mắt tôi là một nhà thơ chống Pháp, còn nguyên vẻ đẹp, và sự trong sáng của cái thời

ấy. Ông sẵn sàng cởi mở tấm lòng. Nhưng khi tôi hỏi về giải thưởng Hội nhà văn thì ông lại rất dè dặt, cân nhắc. Rồi thay cho câu trả lời, ông chuyển cho tôi một chùm con số rất rõ ràng và minh bạch. Đây là số điện thoại của nhà văn Vũ Tú Nam, Tổng thư ký, trưởng ban giám khảo. Rồi ông quay sang hỏi tôi về nước Nga, về những nhà văn Nga mà tôi có dịp quen biết. Trong ông có gì như vừa cởi mở, vừa kín đáo của một người đang ở ẩn ở ngay giữa bãi chợ đông đúc, ồn ào.

- Giải thưởng nào thì rồi cũng phải chịu sự thử thách của công chúng và thời gian. - Nhà văn Vũ Tú Nam bắt đầu câu chuyện bằng một giọng điềm tĩnh và trầm ấm. - Ngay như ba cuốn tiểu thuyết được giải của Bảo Ninh, Nguyễn Khắc Trường, Dương Hương, qua sự thử thách của thời gian, người ta cũng thấy có những điều cần bàn. Nhược điểm của Bảo Ninh ngay hồi ấy, khi Ban giám khảo trao đổi với nhau, người ta cũng thấy không rõ cái sự phân biệt giữa chiến tranh chính nghĩa và phi nghĩa. Còn cuốn Dương Hương thì nhiều người chê là văn viết cầu thả. Tôi nhắc lại vậy, không có nghĩa là chê mấy quyển sách đó, mà chỉ muốn nói rằng, giải thưởng Hội nhà văn chỉ là phạm vi một năm, còn sự thử thách của văn chương đối với thời gian và công chúng thì lại rất lớn, rất dài. Có những cuốn truyện được giải, người

ta không khen, không chê, nhưng người ta quên. Đây cũng là một cách. Có những cuốn, người ta chê, rồi qua thời gian, người ta tiếp tục chê nữa. Nhưng cũng có cuốn, người ta khen, như thơ anh Phùng Khắc Bắc. Khen hoặc chê là điều bình thường. Đến giải thưởng Nôben cũng còn khối chuyện, huống hồ là giải thưởng Hội nhà văn của ta. Thêm nữa, giải thưởng nào cũng có cái hạn chế của nó, hạn chế của ban tổ chức trao giải. Giám khảo có sáng suốt đến mấy cũng không thể tránh khỏi những sai sót. Thêm nữa, đây là giải thưởng của Hội nhà văn. Hội trao giải thì Hội phải chịu trách nhiệm về giải. Cũng như sau này, Hội Cựu chiến binh có giải thưởng văn học chẳng hạn, thì họ cũng sẽ trao cho những tác phẩm nào hợp với tôn chỉ, mục đích của họ, chứ đâu phải chỉ có thuần túy chuyện văn chương. Hội nhà văn ta cũng thế thôi.

- Bác đánh giá thế nào về giải thưởng năm nay ? Rất nhiều người chê *Con mèo*. Có người ác khẩu, lại bảo đấy là *Con mèo hen*. Bác nghĩ sao ?

- Cuốn sách của Nguyễn Quang Sáng không phải là cuốn sách thật trội so với chính anh ấy, nhưng nó vẫn là một cuốn sách khá, có nhiều truyện hay như *Người đàn bà đức hạnh*, *Ông đạo tương*. Đây là cuốn sách viết rất có nghề. Anh ấy

có lối viết tự nhiên, viết như nói. Không phải dễ viết được như thế. Hơn nữa, Nguyễn Quang Sáng có giọng Nam Bộ khá nhuần nhị. Anh ấy rất am hiểu đời sống, viết lại điềm tĩnh, không nóng đầu. Trong thời điểm hiện nay, việc trao giải thưởng cho anh Sáng, cũng là khuyến khích cách viết điềm tĩnh, không quá khích, không đẩy tới, cường điệu, thành nặng nề, u tối.

- Trong Ban chung khảo có chín người, chỉ có hai thi sĩ, vậy bỏ phiếu chấm thơ, theo bác, có chính xác không ?

- Tôi nghĩ là chính xác. Chúng tôi thảo luận rất kỹ lưỡng, có tham khảo cả các nhà thơ ở ban sơ khảo. Họ đều là nhà thơ gồm cả.

Và như thế, có thể nói giải thưởng Hội nhà văn năm nay, là một giải thưởng nghiêm túc. Nhà văn Vũ Tú Nam cho biết Hội đã triệu tập nhà văn Nguyễn Khải, nhà văn Nguyễn Quang Sáng ra trước hàng tháng trời để đọc tác phẩm một cách kỹ lưỡng.

- Tôi thì tôi nói thật, tôi rất thất vọng về giải thưởng văn học lần này. Tôi đã nói điều đó trong bài trả lời phỏng vấn báo *Tiến phong*. - Nhà văn Nguyễn Ngọc tâm sự. - Thường sau giải thưởng, Ban chung khảo có bài viết tổng kết, đánh giá giải

thường. Tôi bảo ông Nam, năm nay ai viết thì viết, tôi không thể viết được. Vì viết khó lắm. Tôi rất ủng hộ ba cuốn sách, cuốn ông Sáng, cuốn ông Tô Hoài và cuốn của Nguyễn Huy Thiệp. Nhưng bỏ phiếu kín thì nó lại ra thế, chịu chứ sao.

- Thế còn phê bình văn học ?

- Năm nay không có giải phê bình. Điều ấy cũng đúng so với tình hình phê bình văn học của ta. Vừa rồi trong bài trả lời phỏng vấn trên báo *Tuổi trẻ*, tôi cũng có nói về vấn đề này. Theo tôi, trong năm qua, nghiên cứu thì có, còn phê bình thì không, hình như ta chưa có phê bình. Phê bình rất xấu. Tình trạng phê bình năm qua và hiện nay, tôi thấy chia ra hai khuynh hướng, một là bốc thơm nhau, phê bình lẫn với quảng cáo, còn khuynh hướng thứ hai là trù dập. Cả hai khuynh hướng này, tôi thấy đều không lành mạnh và không lương thiện, gây ra rối ren, khiến những nhà văn đứng đắn người ta chán nản !

Tình hình phê bình nếu đúng như thế thì quả là đáng chán nản thật. Nhà văn Nguyên Ngọc có lẽ là người chán nản nhất. Ông bảo tôi là thôi, ý kiến của ông, ông đã nói cả trên báo rồi, chẳng cần đưa thêm nữa làm gì. Nhưng tôi thấy đây là một ý kiến có ích để các nhà phê bình tham khảo.

Và như vậy, thưa bạn đọc khả kính, tôi đã làm xong một công việc liên lạc rất đơn giản mà toà báo giao cho, là chuyển câu hỏi của bạn đọc đến Ban giám khảo và chuyển lời giải trình sơ bộ của một số nhà văn trong Ban giám khảo để bạn đọc tham khảo. Nói như nhà văn Vũ Tú Nam, đến giải thưởng Nôben cũng còn có những vấn đề khiến người ta tranh cãi, khen chê, hưởng hồ cái giải sơ kết một năm hoạt động của Hội. Tuy giải thưởng sơ kết một năm, nhưng xem ra, về mặt giá trị, nó lại có một ý nghĩa lớn, một tầm vóc lớn. Nó được xem như giải thưởng quốc gia văn chương. Nó góp phần thúc đẩy sáng tác và định hướng người đọc. Bạn bè quốc tế cũng nhìn vào đó mà đánh giá văn học đương đại của chúng ta. Vì thế, giải thưởng Hội Nhà văn không còn là chuyện nội bộ của Hội, nó đã thành việc quốc gia, thành chuyện quốc tế rồi. Bởi thế, việc xét giải rất nên thận trọng, chuẩn xác, để chúng ta có được những giải thưởng tuyệt hảo, vừa đạt được mục đích tôn chỉ của Hội, lại vừa đạt được mục đích tôn chỉ của văn chương.

11.1993

VÀI PHÚT VỚI NGUYỄN QUANG SÁNG

Đọc Nguyễn Quang Sáng, không hiểu sao, tôi cứ hình dung nhà văn có cái nét gì đó na ná anh Bảy Ngàn, một anh nông dân Nam Bộ ngang tàng, coi những chuyện nguy hiểm chết người cũng bông phèng như trò chơi con trẻ, có thể chống xuống lao ve vé giữa lúc bom đạn đang vây bủa mù mịt, cũng có thể ngồi thỉ lị trong một cái quán rượu tạm bợ, dựng tổng tên bên vệ cỏ, ngoảnh ra phía sông nước mà nhậu lai rai, nhậu tới ngày. Con người ấy hình như vừa đơn giản, sơ lược, lại vừa phức tạp đến bí hiểm. Hình như đó là một phần của thiên nhiên Nam Bộ, do thiên nhiên chắt ra, bởi thế có lúc hồn nhiên như cỏ dại, có lúc ương ngạnh như vách đá, chẳng thèm coi trời đất ra cái thể thống gì !

Mãi đến dịp vừa rồi, tôi mới được gặp Nguyễn Quang Sáng. Hoá ra ông chẳng giống như tôi tưởng tượng. Một ông già Nam Bộ nhỏ thó, mái tóc bạc trắng, nhưng da dẻ vẫn căng mịn, đỏ au. Ông ngồi

lút trong cái ghế bành, vẻ hiền lành, nhàn tản như một người làm vườn hay nuôi chó cảnh. Có ai đó chỉ ông, giới thiệu với tôi. Tôi nhìn ông, mỉm cười. Ông cũng giơ một cánh tay lên trời chào tôi. Cái cử chỉ ấy, trong giây phút ấy, không hiểu sao, nom lại rất hùng tráng, đâu có thua phim Mỹ. Rõ ra cánh giang hồ gặp nhau! Tôi vội vã rời ghế, đến sau lưng ông, kính cẩn đáp lễ.

Trần Đăng Khoa : Xin chúc mừng Con Mèo của bác vừa mới đăng quang !

Nguyễn Quang Sáng : À, ừ, ừ...

TĐK : Vừa rồi mấy anh em lên tàu vào đây, đúng ngày Hội nhà văn trao giải thưởng. Thế bác đã thịt mèo chưa ?

NQS : Đâu có. Mình đã có gì đâu, Nguyễn Duy mới mang vào hộ. Chưa nhậu.

TĐK : Thế dạo này, khả năng nhậu của bác thế nào ?

NQS : Vẫn đều đều. Nói thật, hồi chiến tranh, mình hay la cà với lính. Mà lính Nam Bộ là cứ phải nhậu. Bây giờ mình cũng hay lui tới các quán nhậu, có thể ở bất cứ đâu, trong các khách sạn hay ngay trên vỉa hè. Ngồi nhậu với anh em. Nhậu như kẻ bụi đời. Nhậu chỉ là một phần, cái chính là nghe chuyện. Nhiều câu chuyện bất chợt, hay lắm, chẳng cần phải hư cấu. Mà hư cấu thế quái nào

được như thế. Rồi cả ngôn ngữ đôi thoại. Nó là ngôn ngữ của đời sống, nó tươi rói và sinh động lắm, mình không thể bịa nổi.

Tập truyện ngắn *Con Mèo của Foujita* hình như cũng được viết ở bên lề các quán rượu. Những tình tiết trong đó, có lẽ cũng được gom nhặt trong các quán rượu. Đối với Nguyễn Quang Sáng, đến quán rượu tức là đi thực tế, là đi vào đời sống nhân dân. Ở tập truyện này, Nguyễn Quang Sáng không dựng truyện mà ông chỉ kể chuyện, một lối kể thông thống có đầu có cuối. Đây là lối kể chuyện của những người uống rượu.

TDK : Nghe nói, bác vừa viết, vừa nhậu lai rai?

NQS : Đâu có. Khi nhậu mình đâu có viết, mà khi viết thì mình đâu có nhậu. Mình chỉ viết ban ngày. Có khi viết ngay trong nhà tắm. Khi viết, mình đóng chặt cửa, chỉ mặc độc một cái xà lòn. Lúc viết, mình không muốn vướng víu. Và thường là viết rất nhanh. Nghĩ kỹ mà viết chóng. Không có cái truyện nào kéo dài quá 2 ngày. Mình không thích lối viết câu dăm. Cái nào cảm thấy lầy nhây là thôi, vứt bỏ luôn !

TDK : Những nhà văn ở lứa tuổi bác, thường họ chẳng biết sợ là gì. Có bao nhiêu gai góc, họ xù ra hết. Ví như ông Tô Hoài chẳng hạn. Còn những

nhà văn khác, không có gai thật, họ xù gai giả. Thế mà bác thì em lại chẳng thấy có cái gai nào, kể cả những cái gai giả tết bằng tơ lụa. Mềm mại, dịu dàng có phải là phong cách của bác khi đã qua thời trai trẻ không? Nếu thế thì bác có kinh nghiệm gì để từ một người ngang tàng trở thành người hiền hậu? Hay nói một cách khác, theo cách nói vui vui của người Nam Bộ thì bác đã چرا sừng làm... mèo như thế nào?

NQS : *Cái này, thực tình, mình cũng chẳng biết phân tích ra làm sao. Có lẽ nó do cái tạng. Cái tạng của mình không thể dữ dội được. Mình viết dữ dội là lập tức nó hoá giả ngay. Và lại, mình nghĩ, nghệ thuật bao giờ cũng là một cái gì đó bóng gió. Nói vòng vèo, có khi người đọc lại dễ tiếp nhận hơn là nói thẳng tuột.*

Mỗi nhà văn có một con đường riêng đến với độc giả. Nhìn vào các sáng tác của Nguyễn Quang Sáng suốt mấy chục năm qua, tôi thấy ông không đi trên con đường vòng vèo, và ông cũng không dùng ngôn ngữ bóng gió để giải bày với độc giả. Đối với ông, những cách tiếp cận ấy hết sức xa lạ. Nó không phải là tạng của ông.

Tôi cứ nghĩ một cách nôm na rằng, ngay đối với những nhà văn thiên tài cũng không phải cuốn sách nào họ viết ra cũng đều hay cả. Thế thì sao

lại trách những nhà văn tài năng. Mỗi người chỉ cần đóng góp cho nền văn học một cuốn sách cho ra sách là đã hoàn thành sứ mệnh một cách tuyệt vời rồi. Hiện nay nước ta đã có đến sáu trăm nhà văn hội viên. Nếu mỗi nhà văn có được một cuốn sách thì cả nền văn học của chúng ta đã có tới sáu trăm cuốn sách. Một đất nước có sáu trăm cuốn sách thì nền văn học đồ sộ biết bao nhiêu, có quốc gia nào trên hành tinh này sánh được ? Nhưng liệu chúng ta có được sáu trăm cuốn sách không ? Không đâu ! Bốn trăm cuốn ? Không ! Thôi một trăm vậy. Cũng không thể bói đâu ra cho đủ. Thời gian là sự sàng lọc khủng khiếp mà cuốn sách nào cũng phải phơi mình ra trước nắng gió thời gian. Nước lũ sẽ bay đi, chỉ muối mặn mới kết tinh lại. Một đất nước có biển vây bọc, đi đâu cũng gặp biển mà hoá ra lại thiếu muối.

Thôi, cứ tạm coi như ta có vừa tròn một trăm cuốn sách đi, cứ nhắm mắt mà liêu nói ra tùm lum như thế, để tự an ủi mình, để tự tạo cho mình có một niềm hào hứng, mà còn dám ngồi vào bàn, còn dám đánh vật với những trang giấy bướng bỉnh. Nếu ta cứ tạm lấy con số rộng rãi ấy làm một thành tựu, thì hiện nay, mới tính sơ sơ đã thấy có đến 80% các nhà văn hội viên vẫn chưa có sách, vẫn còn đang "ký nợ". Đây là món nợ khổ tâm nhất. Món nợ đời !

Nguyễn Quang Sáng có "mắc nợ" không ? Không đâu. Ít ra, ông cũng đã nộp xong "thuế thân" rồi. Đó là *Chiếc lược ngà*. Còn năng suất chăng ? Có thể kể : *Đất lửa*.

Cả hai cuốn truyện này, Nguyễn Quang Sáng đều viết khi ông còn rất trẻ. Sách ra đời cách đây hơn ba mươi năm. Bây giờ đọc lại vẫn không thấy cũ. Trong tập *Chiếc lược ngà*, có một cái truyện mà theo tôi, Nguyễn Quang Sáng viết rất giỏi. Ấy là cái chuyện kể về anh nông dân du kích Nam Bộ Bảy Ngàn. Anh vừa chống xuống ra khỏi miệt rừng thì đụng phải chiếc cán gáo của địch. Địch bắn và anh tránh. Chúng bắn hết cơ số đạn mà vẫn không giết được anh. Anh cũng vẩy lên trời mấy viên đạn của cái khẩu súng trường cổ lỗ sĩ. Tất nhiên loại súng ấy cũng chẳng làm gì được địch. Cả hai đều ở trong tình trạng tay trắng. Địch không tiêu diệt được anh, nhưng vẫn không muốn bỏ mồi. Chúng cứ quần lượn trên đầu anh mà dậm dọa. Thế là anh trật quần ra, trỏ lên. Đây, cốt truyện chỉ đơn giản có thế. Kể lại thấy sơ lược và nhạt phèo. Thế mà đặt trong cái không khí của truyện, trong hơi văn của Nguyễn Quang Sáng thì nó lại sống động, nó sục lên cả mùi vị sông nước Tháp Mười, cả cái chất Nam Bộ đậm đặc, không thể trộn lẫn.

Sau này, Nguyễn Quang Sáng triển khai cái truyện ấy ra thành phim *Cánh đồng hoang*. Bộ

phim dài suốt gần hai tiếng đồng hồ, cũng vẫn chỉ có mấy cái mũng, cái cán gáo ấy làm chất liệu, mà người xem không thấy chán, cũng không thấy đơn điệu. Đây là cái tài của ông và những người làm phim. Cuộc sống hiện lên với đầy đủ những dáng vẻ độc đáo, kỳ lạ. Ở đây, con người tồn tại bất diệt như cây cỏ, như rắn rết, côn trùng. Có một chi tiết mà khi xem, tôi cứ bị ám ảnh mãi. Ấy là khi kẻ thù, bằng những trang bị của khoa học hiện đại, soi tìm con người trên đồng nước hoang dã. Chúng ập đến bất ngờ, anh du kích vội chụp đứa con nhỏ chưa đầy một tuổi vào tấm ny-lông, vùi giấu xuống dưới nước. Một học giả Phương Tây xem bộ phim này ở Matxcova cứ hỏi tôi : "Có thật đời sống Việt Nam như thế không ? Thật là kinh khủng ! Bây giờ thì tôi hiểu vì sao Mỹ thua các anh rồi. Thắng làm sao nổi một dân tộc như thế. Đây là cuộc chiến tranh giữa hai nền văn minh. ..."

TĐK : *Cái chi tiết vùi đứa trẻ xuống nước ấy là của bác hay của đạo diễn ?*

NQS : *Của mình chứ. Cái phim ấy nó theo đúng như những gì mình viết. Cả cái cảnh bắt trần ấy, nó cũng quay đúng như ý mình và quay đúng như thật. Mà thôi, nhậu đi !*

Tôi rót một cốc bia, đặt trước mặt Nguyễn Quang Sáng và lặng lẽ ngắm ông, trông ông vẫn còn tráng kiện. Con người này chắc sẽ còn cho

chúng ta nhiều điều bất ngờ. Cuốn sách được giải của ông năm nay, như đánh giá của Hội nhà văn, đã cắm thêm một cái mốc mới trên tiến trình phát triển văn học. Chỉ tiếc người đọc không thấy như thế, cả người viết bài này cũng không thấy như thế. Cuốn sách đó đối với ông, như một sự lạc điệu. Đến cả hai truyện khá nhất tập : *Con mèo Foujita* và *Con ma da* xem ra cũng không phải là ông lắm. Ở *Con ma da* phần cuối vẫn cợn lên một chút gì đó như sắp đặt, bố trí, mà văn Nguyễn Quang Sáng đâu có như thế, nó tự nhiên, phóng túng, ngang tàng, pha một chút vui vui, tếu tếu, là cái hóm, cái duyên riêng của người Nam Bộ, cũng là nét đặc sắc Nguyễn Quang Sáng, là đóng góp riêng của ông vào nền văn học. Lạc cái chất ấy, văn ông như bị mất vía. Ấy là truyện *Người đàn bà bất hạnh* và *Tím bằng lăng* Dù có yêu ông đến đâu, cũng vẫn phải nhận rằng, *Tím bằng lăng* là một cái truyện yếu, mang đầy chất nghiệp dư, bây giờ không ai viết như thế, kể cả những người vừa mới vào nghề. Dầu sao, tập truyện được giải cũng cho chúng ta một niềm vui, rằng ông vẫn khoẻ chân, mạnh tay, vẫn nhậu đều đều và vẫn viết đều đều.

TĐK : Thế còn với bác, bác có vui không ?

NQS : À, ừ, ừ...

1.1994

CÂU CHUYỆN BÊN BÀN TRÀ

Vâng. Đúng thế ! Đây là câu chuyện bên bàn trà nhà số 4 Lý Nam Đế. Nói bằng ngôn ngữ thông dụng thì đó là chuyện vỉa hè, chuyện quán nước, chuyện chẳng có gì quan trọng. Trần Đăng Khoa bảo thế. Nếu bạn đọc nào rồi thì lé mắt qua, coi như để giải trí, kiểu như ta ghé qua đám chợ gà hay hội thi nói khoác ở một xóm nhà quê nào đó, mà nếu bạn rận thì ...

Phóng viên (PV) : Xin chào ông Trần Đăng Khoa. Đầu xuân xin chúc ông "tậu" được một bà vợ phúc hậu. Nhân đây toà báo *Người Hà Nội* cũng muốn "thăm vấn" ông một đôi điều mà bạn đọc quan tâm.

Trần Đăng Khoa : Vâng, xin ông cứ tra khảo.

PV : Công việc của ông hiện nay thế nào ?

Trần Đăng Khoa : Tôi làm ở *Tạp chí Văn nghệ quân đội*. Nhà văn Tổng biên tập Nguyễn Trí Huân, một bà *chị* hiền thực của chúng tôi, cùng với hai ông Nam Tào, Bắc Đẩu, là phó tiến sĩ văn học

Lê Thành Nghị và nhà văn Nguyễn Bảo đã xếp tôi vào bộ phận "lờ mờ" của tạp chí. Ấy là cái ban Lý luận phê bình. Cũng nhờ sự sắp xếp ấy mà tôi có được một cuốn sách không phải là thơ ...

Hầu hết các bài trong cuốn sách đó, tôi viết theo yêu cầu của toà báo. Tuy là viết theo yêu cầu, nhưng ngồi vào bàn, tôi viết bằng chính kiến của tôi. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những gì mình nói. Tôi không làm cái loa, phát ngôn cho ai. Tôi cũng không chịu sức ép của bất cứ ai cả. Nói thế, chứ nào tôi có thấy ai ép mình cái gì bao giờ.

PV : Báo *Cửa Việt* số 4-1994 trong một cái *sapô* có nội : Trần Đăng Khoa là người đầu tiên đã châm ngòi cho cuộc tranh luận thơ ca bổ ích và lý thú ...

Trần Đăng Khoa : Tôi nghĩ, huân chương cần phải trao đúng chỗ. Tôi không phải là người được vinh hạnh nhận tám huân chương đó. Tôi có viết về giải thưởng Hội nhà văn năm 1993 theo yêu cầu của toà soạn. Thực tình, toà soạn chỉ muốn có bài phỏng vấn mấy nhà văn trong ban xét giải về những tác phẩm được giải. Đơn giản thế thôi. Nhưng tôi nghĩ, nếu làm thế thì các báo khác họ đã làm cả rồi. Tôi làm theo kiểu của tôi, nghĩa là làm một thứ tạp văn, có bình, có luận, có phỏng vấn, lại

phấy vài nét ký hoạ chân dung. Tóm lại, nó là một bài báo thuần túy, có trang một tý văn chương. Cuộc tranh luận chỉ bùng lên sau bài báo đó nửa năm, khi xuất hiện một loạt bài viết sôi sục của nhà thơ Trần Mạnh Hào. Rồi trong không khí tranh luận, người ta lôi lại bài đó ra mổ xẻ, chỉ trích tôi không hiểu thơ ca, tôi đã thiếu văn hoá trong việc bẻ gãy văn hoá nước ngoài. Nhiều toà báo yêu cầu tôi trả lời. Nhưng tôi im lặng. Không phải ngại va chạm. Tôi thấy chuyện tranh cãi ấy vặt vãnh quá. Thêm nữa, việc cũng qua rồi. Những gì cần nói, tôi đã nói cả rồi, không còn gì để nói thêm nữa. Cái mà tôi quan tâm trong bài viết đó đâu phải Nguyễn Quang Thiều, đâu phải Hoàng Nhuận Cầm hay Nguyễn Quang Sáng, mà là chính cái giải thưởng Hội nhà văn kia. Làm sao có được cái giải chuẩn xác, giàu tính thuyết phục, vừa đạt được tôn chỉ mục đích của Hội, lại vừa phải đạt được tôn chỉ, mục đích của văn chương, như tôi đã có lần nói. Các tác giả kia chỉ là những ví dụ nhỏ để minh hoạ, nên tôi viết mỗi người chừng hơn mười dòng, chủ yếu là tóm lược thần thái, không phải nghiền cứu tác giả nên không đi sâu phân tích kỹ lưỡng.

PV : Có người nói, hình như ông thì phải, trong một bài viết cũng trên tờ *Văn nghệ quân*

đội, nhân giải thưởng cuộc thi truyện ngắn, rằng, gây chấn động về thơ ca trong năm qua không phải là chính thơ ca mà lại là cuộc tranh luận về thơ hiện đại, thơ và phản thơ. Thực sự, ông thấy cuộc tranh luận đó thế nào ? Ông có lời bình luận gì về cuộc tranh luận sôi nổi và dữ dội đó ?

Trần Đăng Khoa : Việc bình cuộc tranh luận này, tôi xin nhường các nhà chính hiệu. Tôi là người ngoại đạo, châu rìa cánh gà, nghe ngóng và chiêm ngưỡng các nhà tranh luận biểu diễn tài nghệ là chủ yếu. Bằng con mắt của người quan sát, tôi thấy đó là cuộc tranh luận bổ ích và lý thú. Nó buộc chúng ta phải quan tâm đến thơ ca và những vấn đề đang được đặt ra không chỉ với thơ ca. Chỉ tiếc là càng về cuối, cuộc tranh luận càng nhuốm màu cãi vã. Tranh luận là đối thoại, chứ không phải cãi vã. Nói như Lê Ngọc Trà, rất ít người hiểu biết và không bị nóng đầu nào, lại đi cãi nhau. Càng thông minh, càng khác nhau. Nhưng giữa những người thông minh chỉ có đối thoại, chứ không có cãi vã. Đối thoại khác cãi vã ở chỗ, đối thoại là để bổ sung cho nhau, để tự điều chỉnh mình, nhằm tiếp cận chân lý. Còn cãi vã là nói lấy được, tranh thắng bại, đúng sai, là dôn nhau vào chân tường, quy chụp và mạt sát nhau, hất tất cả những rác rưởi vào mặt nhau. Điều này thật chẳng

hay chút nào. Nó dễ tạo lên cảnh tao loạn giả, làm vẩn đục bầu không khí vốn rất trong lành của văn chương. Còn dân chúng thì chán nản. Họ sẽ nghi ngờ và khinh miệt cả giới chúng ta : "Gớm, Đại hội Hội nhà văn kỳ trước thì cứ sôi sùng sục như cái sân đấu bò tót. Bây giờ chưa Đại hội mà họ đã xấn hết cả tay áo lên kia. Gớm, trông cứ ghê chết đi được ! Thế mà ai đó lại bảo nhà văn là những người nhân ái, họ thương nhân dân, thương cả nhân loại đau khổ. Bịa đấy ! Giả vờ đấy ! Đừng vội tin nhé ! Hãy cứ xem họ sống kia kia. Chỉ có một dúm người với nhau, mà toàn là những người đáng thương, lại làm một cái nghề cũng rất đáng thương là nghề nhà văn, thế mà rồi họ cũng có thương nỗi nhau đâu ..."

PV : Chẳng lẽ cuộc tranh luận dữ dội, sôi động rốt cuộc lại chỉ có thế ?

Trần Đăng Khoa : Vâng ! Đúng là nó không phải chỉ có thế. Ấy là tôi nói cái giai đoạn cãi cọ, quy chụp và mặt sát nhau ở phần cuối cuộc tranh luận, chứ thoát đầu, nó xối lên nhiều vấn đề rất lý thú, có ích cho cả lý luận lẫn sáng tác. Tuy nhiên, cũng không nên vì sự lý thú ấy, mà kêu toáng lên rằng, văn chương Việt Nam đã đến kỳ đổi gác, rằng đã xuất hiện một cuộc cách mạng mới về thơ ca sau thời kỳ thơ mới. Thực tình, tôi rất mong có

cuộc cách mạng thi ca ấy. Nhưng thực tế không có. Cuộc cách mạng thi ca ở thời thơ mới sở dĩ thành công và những vòng sóng của nó vẫn còn lan toả đến ta hôm nay, chính là vì nó tựa trên một cái nền rất vững chắc, đó là hàng loạt những tác giả lớn, những tác phẩm lớn. Còn *cuộc cách mạng thi ca* hôm nay thì tựa trên cái gì ? Cuộc cái vĩa âm i vừa qua, thực chất chỉ luẩn quẩn xung quanh có vài cuốn sách dị dạng của một đôi người, có một phẩm chất rất đáng kính trọng, là dấn thân vào cuộc tìm kiếm cái mới, nhằm làm tiền đề, làm cơ sở cho cuộc cách mạng thi ca đích thực sẽ xuất hiện trong tương lai. Ý thức thì thế nhưng kết quả thì sao ? Chỉ là sản phẩm dở dang của những cuộc thí nghiệm. Chỉ tiếc một đôi người đã dán bừa nhãn hiệu OTK lên những sản phẩm bị hỏng, do tiêm quá lượng thuốc mà hoá ra những dị biệt, rồi vu ẩm lên là đến bây giờ thơ ca ta mới tiếp cận được với thế giới thơ hiện đại. Có người còn lấy cái hình dáng méo mó đó làm vẻ đẹp mới, làm khuôn vàng thước ngọc mới để xét lại những giá trị cũ, những nhan sắc đã định hình. Bởi thế, nhà thơ Trần Mạnh Hào mới vừa la lối vừa xía xói như một bà nhà què vừa bị bắt trộm gà. Trước đó, anh đầu nghì mình đánh đá và ngoa ngoắt như thế. Sự xuất hiện của anh vừa qua cũng là một cách làm cân bằng môi trường sinh thái văn chương. Một loạt bài viết của anh, thực chất là những việc làm quyết liệt, nhằm

tháo gỡ những tấm biển quảng cáo mà theo ý anh là đặt không đúng chỗ. Cao nhất là cái giải thưởng Hội nhà văn, thấp hơn là những bài tặng bốc những cuốn sách mà anh thấy là không đủ chất lượng nghệ thuật. Điều đáng bàn là Trần Mạnh Hảo dữ tợn quá. Đôi khi anh chặt phênng cả cây, hay đập nát cả căn nhà mà rốt cuộc chỉ để phá đi cái tấm biển quảng cáo con con treo hờ trên đó. Tranh luận với Trần Mạnh Hảo, tôi nghĩ không nên cãi nhau trên mấy lý lẽ vặt. Cũng không nên vì những câu trích dẫn không sát nguyên văn lời ông *ốp*, ông *ép* nào đó mà mặt sát anh lỗ mũi kiến thức. Tri thức đâu ở mấy câu trích dẫn vặt vãnh đó. Đây chỉ là thao tác rất sơ đẳng của học trò. Tốt nhất hãy làm ngược lại những gì Trần Mạnh Hảo đã làm. Hãy chứng minh Thanh Tâm Tuyền là nhà cách tân thơ Việt Nam chẳng hạn, hay cũng tương tự thế, tôi rất mong được đọc những bài viết ra tấml ra món của các nhà phê bình hay các nhà thơ vốn nhạy cảm với cái mới về hai tập thơ của nhạc sĩ Đặng Đình Hưng mà Trần Mạnh Hảo đã báng bổ không tiếc lời. Trước hết, phân tích, chứng minh đó là thơ, và hơn thế, là thơ hay, thơ hiện đại như những ai đó quảng cáo. Nếu có được những bài viết đầy sức thuyết phục về những tác giả ấy thì hay biết bao. Nó mở cho ta cánh cửa vào một thế giới thực sự mới mẻ, giúp ta thấy được những vẻ đẹp hiện đại mà Trần Mạnh Hảo và rất nhiều người khác không

nhìn ra. Tôi nghĩ điều đó không dễ làm nếu không nói là không thể làm được, khi những ai đó nghiêm túc và bình tâm lại một chút.

PV : Gần đây đã thấy xuất hiện những ý kiến rất trái ngược nhau về thơ chống Mỹ, là một người trong cuộc, ông nghĩ gì về điều đó ?

Trần Đăng Khoa : Tôi cho việc khen chê là bình thường. Thơ chống Mỹ, cũng như bất cứ thơ ca giai đoạn nào, đều phải chịu sự thử thách rất nghiệt ngã của thời gian. Có bài thơ chỉ sống được một khoảng ngắn, sao cứ bắt độc giả phải yêu nó dài dài. Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của chúng ta là rất vĩ đại. Nhưng thơ hay viết về cuộc kháng chiến ấy lại là việc khác. Thơ không hay thì họ chê. Không nên vì lời chê ấy mà cho rằng, họ phủ nhận lịch sử, phủ nhận cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thần thánh. Đây là việc thường thức nghệ thuật, là chuyện tài năng sáng tạo văn chương của các cá nhân nhà văn. Không nên đánh tráo khái niệm và quy chụp như thế. Làm vậy ai còn dám nghiên cứu nữa. Tôi nghĩ thơ chỉ có hai loại thôi. Hay và không hay. Thơ hay hạng nhất là thơ muôn đời. Nó sống bằng giá trị thực của nó, chẳng cần nương tựa vào cái gì cả. Bằng sức sống ấy, nó có thể làm sống lại cuộc kháng chiến, sống lại cả một giai đoạn lịch sử mà nó ra đời, như *Tây*

tiến của Quang Dũng, Tổng biệt hành của Thâm Tâm, Việt Bắc của Tố Hữu, Nhớ máu của Trần Mai Ninh ... Còn thơ hạng hai lại phải đặt nó vào hoàn cảnh lịch sử, vào môi trường và bầu không khí của nó, nó mới sống được. Bây giờ, cuộc kháng chiến vĩ đại đã qua, một số bài thơ không còn bầu khí quyển chiến tranh để thở, nó hoá những cái xác nhọt nhọt, vô hồn. Đó là thơ một thời. Bạn trẻ bây giờ không cảm được loại thơ ấy. Bởi họ là người của thời đại khác với những nhu cầu khác. Họ không có lỗi. Những bài thơ ấy cũng không có lỗi. Lỗi thuộc tài năng của mỗi chúng ta mà thôi.

PV : Lâu nay, không thấy ông làm thơ. Bạn đọc lại thấy ông viết văn xuôi, viết lý luận. Phải chăng đó là sự chuyển hướng.

Trần Đăng Khoa : Tôi chẳng bao giờ nghĩ mình là nhà lý luận. Tôi viết bình luận hay văn xuôi là do yêu cầu toà báo. Đây là phần làm thêm. Còn việc chính của tôi vẫn là làm thơ. Thơ tôi viết nhiều mà in ít. Thơ bây giờ rất nhiều. Thơ dở cũng nhiều. Nhưng thơ hay cũng chẳng ít. Vắng cái giọng khàn rè, cổ lỗ của mình, đàn nhạc cũng chẳng vì thế kém đi sự réo rắt. Vừa rồi tôi đi Tây Nguyên dự cái lễ bỏ mả của gia đình ông Y Ngông Niết Đam. Người Êđê có một tục lệ rất đặc biệt. Khi nhà có người chết, gia đình con cháu hàng

ngày vẫn nuôi nấng, vẫn mang cơm nước ra mộ. Khi có điều kiện, họ làm lễ *bỏ má*. Đó là một bữa tiệc linh đình chia tay vĩnh viễn với người chết. Sau đó, họ không quan tâm đến ngôi mộ ấy nữa, để linh hồn người chết được siêu thoát, không còn vương váu cõi trần. Tôi cũng đã làm xong một cái lễ *bỏ má* cho thơ ca thời niên thiếu của tôi. Đó là cái tuyển thơ ở Nhà xuất bản Đồng Nai và Nhà xuất bản Kim Đồng^(*). Tập thơ được chọn lựa kỹ lưỡng. Đến nay, tôi mới tạm coi mình làm xong được một nửa công việc, là khép lại thời trẻ con. Việc còn lại là làm tiếp thơ, rồi sàng lọc lại, gạn lấy một tập nữa. Đây là việc trước mắt, cũng là việc lâu dài ...

PV : Nhiều người kêu ông tân trang thơ thời thiếu nhi. Ông nghĩ sao mà lại làm thế ?

Trần Đăng Khoa : Nói tân trang thì không phải. Đúng ra là khôi phục lại những văn bản mà tôi cho là đặc địa nhất. Trong quá trình ấy, có đôi chữ có sự thay đổi. Sửa chữa khi tái bản là việc bình thường. Gần đây, đọc tập tuyển Nguyễn Đình Thi, tôi cũng thấy ông chữa dử lăm. Có bài rất nổi tiếng như bài *Nhớ*, ông cũng cắt tia, sửa chữa lại. Tôi rất kính trọng thái độ lao động nghệ thuật nghiêm túc đó. Sợ nhất là sự thoả mãn, bằng lòng

(*) Đến tháng 2/1998, tập thơ *Góc sân và khoảng trời* (xuất bản lần đầu tháng 2/1968) đã được in lần thứ 32 ở Nhà xuất bản Đồng Nai. Nam Bộ (NBT)

với mình. Thuở bé tôi làm thơ, thoát đầu cũng chỉ viết chơi chơi, sau mới ý thức được đây là việc sáng tạo đầy lao lực. Tôi đã lao động cật lực như thế từ bé. Bài thơ nào cũng có ba bốn văn bản khác nhau. Trước đây, thơ tôi thường in ở địa phương, rồi sau Hà Nội in lại. Mỗi lần in lại, tôi đều có sửa chữa. Tôi lựa chọn văn bản mà tôi cho là đặc địa nhất. Có bài, tôi lấy lại câu thơ đúng như nguyên bản ban đầu, ví như bài *Hạt gạo làng ta* : *Có lời mẹ hát - Ngọt bùi đắng cay*. Nguyên bản là thế. Nhưng hồi ấy có bác biên tập bảo : sao lại *đắng cay*. Xã hội mới của chúng ta là xã hội không có bi kịch. Rồi bác ấy chữa lại *Có lời mẹ hát - Ngọt bùi hôm nay*. Đây là thơ của bác biên tập, chứ đâu phải thơ tôi. Hay trong bài *Đi tàu hoả* có bốn câu : *Nắng hồng ngoài cửa sổ - Mây ơi trôi về đâu - Em ngồi trên đông bão - Đang chuyển dưới gầm tàu*. Hai câu dưới không có vấn đề gì. Còn hai câu trên, kể cũng được, nó là câu đùa đùa. Nhưng nghiêm túc mà xét thì không ổn. Bởi nó dễ dãi, viết phóng tay, nó là câu thơ gầy, lại chung chung đến nỗi đặt vào đâu cũng được. Mà *nắng* ở đây, *mây* ở đây, phải là mây nắng của con tàu đang chạy. Nghĩa là nó phải động, phải ra cái tàu hoả. Mấy lần in sau, tôi chữa lại : *Nắng bập bênh cửa sổ - Mây bóng bênh về đâu - Em ngồi trên đông bão - Đang chuyển dưới gầm tàu v.v... và v.v...* Gần đây, có một nhà phê bình bàn về chuyện này. Ông muốn tôi cứ giữ lại văn

bản cũ. Trong đó có cả những câu rất dở mà thực ra là in sai, do lỗi của nhà in, chứ hồi đó, dù còn rất non nớt về nghề, tôi biết cậu Khoa cũng không viết như thế, ví như : Rồi con *đóng* kịch giữa nhà - Một mình con *đóng* cả ba vai chèo. Ông phê bình muốn giữ nguyên hai chữ *lập* để nói cái công việc cứ *lập* đi *lập* lại của cậu bé. Tôi vô cùng biết ơn nhà phê bình đã rất yêu quý cậu Khoa. Nhưng yêu cậu cũng nên nghiêm khắc và công bằng với cậu. Không nên vì sự ưu ái với con trẻ mà lại bất công với nghệ thuật, lại ưu ái bên vực cả những câu thơ ngô ngọng của cậu ấy.

PV: Thế còn tình hình thơ hiện nay, ông thấy sao?

Trần Đăng Khoa : Tưng bừng và đa dạng. Mỗi nhà thơ có một giọng điệu riêng. Cố nhiên, điều đáng quan tâm là khác nhau nhưng lại phải hay. Rất mừng là hiện nay, nhiều người đang viết hay lên.

PV: Vậy mà có nhà phê bình lại bảo, hiện nay không có phê bình... vì không có sáng tác hay.

Trần Đăng Khoa : Các bác ấy đùa đấy, và đùa cũng hơi đại dốt. Nói thế chẳng khác gì tự thú nhận phê bình là thứ ăn theo sáng tác. Mà phê bình đích thực không bao giờ là cây tầm gửi cả. Nó tồn tại độc lập với sáng tác. Và nó cũng chính là

văn học, một dạng văn học đặc biệt. Chính vì thế Hội nhà văn mới kết nạp các bác ấy là hội viên của Hội nhà văn, như những người làm thơ, viết tiểu thuyết, truyện ngắn.

PV: Ông nói thế nghĩa là thế nào ?

Trần Đăng Khoa : Nghĩa là nhà phê bình cũng phải là một nhà văn. Ông hãy cứ đọc *Thi nhân Việt Nam* thì rõ. Nhà văn lấy đời sống tạo dựng tác phẩm. Nhà phê bình lại lấy chính tác phẩm của nhà văn để tạo dựng tác phẩm của mình. Có thể có một tác phẩm phê bình hay về một cuốn sách dở và ngược lại.

PV : Ông có thấy vì sao trên sân phê bình gần đây vắng bóng những nhà phê bình chuyên nghiệp ?

Trần Đăng Khoa : Sở dĩ có hiện trạng đó là vì hai lý do. Một là chính các nhà phê bình không bao quát được tình hình đa dạng, phức tạp của sáng tác. Hai là, khi chạm đến những vấn đề cụ thể, những tác phẩm cụ thể, không thể lấp liếm bằng một mớ lý luận sách vở chung chung, các nhà phê bình đâm ra hoang mang, không dám tin ở chính bản thân mình. Mà cứ phán liều thì các nhà sáng tác có thể cự lại. Vốn tự tin mình là người có học, nên họ rất sợ bị chê là thiếu kiến thức và không

am hiểu gì về nghề nghiệp văn chương. Thế là họ đánh bài chuẩn như một cách chơi "sang trọng". Giống như con gà sinh ra chỉ để cất tiếng gáy mà bây giờ lại chối từ cả tiếng gáy nữa thì biết nói thế nào. Tất nhiên, cũng có mấy bác chịu chơi. Nhưng rất ít, có thể đếm không hết trên năm đầu ngón tay.

PV: Sắp tới Đại hội nhà văn. Ông có sự chuẩn bị gì để đến Đại hội không ?

Trần Đăng Khoa : Tôi chẳng chuẩn bị gì cả. Ở rất nhiều nước, không có Hội nhà văn. Ở nước ta thì có tất cả các hội. Đây là ưu ái của Đảng và Nhà nước đối với văn nghệ sĩ. Cảm ơn sự ưu ái ấy, mình nên biến đại hội thành nơi vui vẻ, gặp gỡ nhau, bàn luận về công việc văn chương và về văn chương.

Tôi rất ngạc nhiên khi nhiều người chỉ quan tâm đến nhân sự đại hội. Làm lãnh đạo ở Hội nhà văn đâu có sung sướng gì. Ai ngồi ở đó cũng được, miễn đấy là người tốt, có tấm lòng với anh em và biết chịu khổ. Tuổi tác chả quan trọng. Điều tôi quan tâm vẫn là chuyện nghề nghiệp. Mà chuyện nghề nghiệp thì tôi cũng đã nói rồi, nói mãi rồi.

1996

HOÀNG XUÂN TUYẾN ghi

NGÀY TẾT

ĐỌC 5 BÀI THƠ LỤC BÁT

Ngày Tết, người ta thường đến thăm nhau, chúc tụng nhau với cái bắt tay nồng nhiệt. Đây là một cử chỉ thân thiện.

Tôi cũng đến với bạn đây. Và sau lời chúc bạn một năm mới an khang thịnh vượng, tôi cũng tin cậy trao cho bạn bàn tay thân thiện của tôi. Đó là 5 bài thơ lục bát mà tôi rất yêu mến này. Nó là 5 ngón tay trên một bàn tay. Ở đây, tôi không làm cái việc lẩn thẩn là đo đếm độ dài ngắn. Tôi chỉ biết đây là 5 ngón tay trên một bàn tay. Bởi vậy mới là 5. Chỉ 5 thôi, không thể 4, 3 hay 6. Ngày Tết, tin cậy và yêu mến nhau, không lẽ tôi lại trao cho bạn một bàn tay dị dạng.

Nhưng tại sao tôi không chọn 5 bài ở các thể thơ khác nhau cho đa dạng, đỡ nhàm tẻ, mà lại cứ phải lục bát ? Muốn bảo vệ thể thơ dân tộc này ư ? Không ! Lục bát chẳng cần tôi bảo vệ, lưu giữ, nó vẫn trường tồn. Còn dân tộc - thì đâu cứ phải lục bát mới dân tộc ? Có khi thơ viết theo thể lục bát -

một thể thơ thuần túy dân tộc mà vẫn cứ lai căng, chẳng dân tộc tí nào. Nhưng thôi, chuyện đó ta sẽ bàn vào một dịp khác. Tôi chọn lục bát, vì nó thân thuộc, gần gũi với người Việt ta. Nói như nhà thơ Nguyễn Đình Thi, lục bát là hơi thở của người Việt. Nó tự nhiên như hơi thở con người, bởi thể câu thơ mới so le, dài ngắn không đều. Hít vào thì ngắn. Thở ra thì dài. Lục bát là cái nhịp hít vào, thở ra ấy. Chả biết có đúng không ? Bởi nghĩ đi thì thế, nghĩ lại thì chả cứ gì người Việt Nam ta, mà người da trắng ở Airolen, người da đen ở Công-gô, cũng hít vào thì ngắn, thở ra thì dài như mình, nhưng sao họ không có thơ lục bát. Ấu cũng là cái bí hiểm của thi ca, phải bàn vào lúc khác thôi.

Đây là một thể thơ thông dụng, rất dễ viết, ai cũng có thể viết được, kể cả những người ít học, thậm chí nhiều bà con không biết chữ cũng có thể *làm* được lục bát. Nhưng viết lục bát cho hay thì lại khó vô cùng. Sau kiệt tác Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du, với *lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu*, những tương lục bát đã khép lại, không ai còn dám bén mảng đến chân cái toà lâu đài *châu ngọc* mà nội thất toàn *gấm thêu* ấy nữa. Nhưng đâu có phải. Nó còn mở bao nhiêu cánh cửa, hương ra cõi vô biên. Lục bát còn thử thách bút lực các thi sĩ. Nói một cách thông thái như nhà văn Nguyễn Tuân : Anh là nhà thơ

Việt Nam ư ? Vậy anh hãy chiêng ra cho tôi mấy câu lục bát của anh, tôi sẽ nói ngay anh là hạng thi sĩ thế nào ?

I. QUÊ HƯƠNG VIỆT NAM

Nguyễn Đình Thi là một nghệ sĩ và là một nhà văn hoá lớn. Nói như nhà văn Kim Lân, đó là người mà cái tài thì đàn ông ghen, cái tình thì đàn bà ghen. Một người như thế, sống được, kể cũng vất vả. Nguyễn Đình Thi là người đa tài. Ông viết văn, soạn kịch, làm thơ, viết nhạc, làm lý luận. Ở lĩnh vực nào, ông cũng có thành tựu, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của từng thể loại đó. Nhưng cũng bởi sự đa tài này mà rồi chính ông lại tự che khuất ông. Khi cần ngấm ông ở thể loại này, lại thấy ông lấp lánh sáng ở thể loại khác. Cũng vì thế, có nhà phê bình nghiên cứu, chẳng biết xếp ông vào đâu. Ở thể loại nào, ông cũng có đóng góp, nhưng rồi ngay trong chính thể loại ấy, người ta cũng thấy ông khiêm nhường đứng khuất sau những bóng dáng khác.

Riêng ở lĩnh vực văn chương, ông là một thái cực của Nguyễn Tuân và Tô Hoài. Trong lúc Nguyễn Tuân gò lưng luyện chữ, sáng tạo chữ, muốn đưa ra những con chữ tưởng như hoàn toàn mới, thì Nguyễn Đình Thi lại cố gắng xoá hết

những chữ mới đi, để trang văn phẳng lì, không còn cợn lên một chữ nào nữa. Bởi thế ông thường chọn những chữ mòn nhẵn, bạc phếch, mang tính khái niệm, những con chữ mà các thi sĩ khác vứt bỏ, vì sợ không dám dùng, nó như những thửa ruộng bạc màu, hoang hoá, không có dấu hiệu hứa hẹn mùa màng. Nguyễn Đình Thi lại chọn chất liệu ấy để tạo dựng tác phẩm. Ông muốn bạn đọc đến với ông một cách tự nhiên thoải mái. Chân cứ thung thăng bước mà không sợ bị vướng vào câu, tay cứ tự do vung mà không ngại bị va phải chữ, để đến nhanh hơn cái đích mà ông muốn gửi gắm, chuyển tải. Mọi cố gắng của Nguyễn Đình Thi là để làm một nhà văn không có chữ. Đây dường như là một chủ định của ông. Một người nước ngoài, học tiếng Việt, chỉ cần biết dăm, bảy trăm tiếng là đã có thể đọc được toàn bộ thơ văn Nguyễn Đình Thi. Cái hay của thơ Nguyễn Đình Thi không nằm ở chữ. Nó là cái hồn phảng phất ở đằng sau những con chữ bạc phếch kia. Bởi thế phân tích thơ ông mà lại mang câu, chữ ra mổ xẻ là một việc làm không phải. Ông bộc lộ tài năng mình rực sáng hơn cả là ở trong thơ ca. Tuy vậy, thành tựu của thơ ông lại không nằm ở thể lục bát :

*Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn
Cánh cò bay lá rập rờn
Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều*

Quê hương biết mấy thân yêu
Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau
Mặt người vất vả in sâu
Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn

Đất nghèo nuôi những anh hùng
Chìm trong máu lửa lại vùng đứng lên
Đạp quân thù xuống đất đen
Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa
Việt Nam đất nắng chan hoà
Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh
Mắt đen cô gái long lanh
Yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung

Đất trăm nghề của trăm vùng
Khách phương xa tới lạ lòng tìm xem
Tay người như có phép tiên
Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ

Nước bằng khuâng những bến đò
Đêm đêm còn vọng câu hò Trương Chi
Đói nghèo nên phải chia ly
Xót xa lòng kẻ rời quê lên đường

Ta đi ta nhớ núi rừng
Ta đi ta nhớ dòng sông vỗ bờ
Nhớ đồng ruộng, nhớ khoai ngô
Bát cơm rau muống quả cà giòn tan ...

II. NHỚ

Bằng Việt đến với chúng ta từ những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Anh nổi tiếng ngay từ những bài thơ đầu tiên : *Bếp lửa, Về hoa tuyến thắm con*. Thông thường mỗi nhà thơ trẻ xuất hiện, bao giờ cũng có đằng sau một thi sĩ lớn, một nhà phê bình lớn đi kèm. Xuân Diệu có Thế Lữ. Nguyễn Duy có Hoài Thanh. Thanh Thảo có Chế Lan Viên. Phạm Tiến Duật và tôi có Xuân Diệu. Bằng Việt chẳng có ai. Anh cũng chẳng có giải thưởng văn học nào để đảm bảo. Anh là một ca tương đối đặc biệt. Giữa những năm chống Mỹ, với bầu không khí ồn ào súng đạn, khói lửa, Bằng Việt mang đến cho thơ một khoảng tĩnh mịch, thanh vắng của một tu viện. Chính cái vẻ thanh vắng, tĩnh lặng này đã cho anh một vị trí trong văn đàn. Đọc anh, tôi cứ hình dung một chàng trai sinh viên cố đô, trắng trẻo đến xanh xao, suốt ngày ngồi trong phòng kín, bao quanh là bốn bức tường sách vở Âu, Á. Cuộc sống phải xuyên qua bốn bức tường sách vở ấy mới đến được với anh. Và rồi, anh đi giữa hè đường bụi bặm hay giữa nghị trường trang nghiêm, vẫn với gương mặt ngơ ngác xanh xao của sách vở. Đây là chân dung Bằng Việt do chính anh tự họa :

*Từ ánh nê-ông xanh biếc buổi chiều
Đến hơi mưa trong khóm hoa màu tím*

*Gáy sách cũ xếp chồng như kỷ niệm
Lá thiếp mừng đám cưới mất trên tay*

Thật nhân tàn, đài các và vui vẻ. Thơ Bằng Việt mang cái dáng vẻ nhân tàn, đài các này. Nó là một dạng *thơ thính phòng*. Bài *Nhớ* mà bạn đọc dưới đây cũng là một bài thơ như thế. Mặc dù, bài thơ này Bằng Việt viết trong những năm bom đạn ác liệt, lại viết ngay giữa chiến trường khói lửa nóng bỏng. Thơ cũng có đạn bom, sốt rét, cũng mái lán của lính lợp bằng lá gồi, cũng rừng già với đá núi, những chất liệu bề bộn của đời sống chiến trường, mà rồi vẫn tịch mịch, tĩnh lặng và nhân tàn. Toàn bộ thơ Bằng Việt có lẽ là như vậy. Chẳng thế mà một thi sĩ trẻ, khi đọc xong tuyển tập "*Phía nửa mặt trăng chìm*" chất lọc trong cả đời thơ của anh, đã xếp anh, cùng với văn chương Đỗ Chu sang phía ... *Tác phẩm tuổi xanh*. Giữ được vẻ thanh xuân của văn chương khi tuổi đã xế bóng ư ? Tôi nghĩ đây đâu phải là một lời chê khéo ...

*Lá gồi lợp kín ba gian
Rừng sâu, những buổi chiều càng lắng sâu
Ước gì cơn sốt qua mau
Để ngồi yên được lâu lâu cùng chiều*

*Cây cao chi động nắng nhiều
Em xa chi, nặng lòng yêu thế này
Ngờ như cách mấy tấm tay
Mà ra thành mấy ngàn ngày đạn bom*

*Ngược xuôi đá núi đã mòn
Chút phân vân tuổi trắng tròn đã qua
Em như một bóng cửa nhà
Sau gian lao đủ ngỡ là bình yên
Em như đốm lửa ưu phiền
Biết lo toan để nổi lên ngày vui
Em như lớp lớp sóng dôi
Đắng cay đọng lại, ngọt bùi theo đi ...*

III. BỜ SÔNG VẮN GIÓ

Sau *Chăm chậm tới mình*^(*), Trúc Thông bắt đầu chạy *Maratông*^(*). Có lẽ do mặc cảm, lại lo ngại đường xa, nên anh chạy quá nhanh. Nhanh đến mức tất cả thành loài nhòa. Anh chẳng còn nhìn thấy ai, và cũng chẳng để cho ai nhìn rõ anh. Có điều, cái đích mà anh cần tới lại nằm xa dần ở phía ... sau lưng : *Bờ sông vắng gió ...*

Ấy là nơi mẹ anh vẫn thường đi về. Bây giờ, *bờ sông vắng gió*, nghĩa là cảnh vật vắng thế, chỉ vắng mẹ thôi. Vốn là người con hiếu thảo, nhớ thương mẹ, Trúc Thông trở về, đi thập thững trên con đường xưa mẹ đi, anh quên mất mình là nhà cách tân. Và vì thế, anh đã cho chúng ta một bài thơ khá hay. Đây là bài thơ hay nhất trong đời Trúc Thông. Và bài thơ lại viết theo lối cổ điển, cha

(*) Tên hai tập thơ của Trúc Thông

cách... một tý nào. Lời chất. Ý sâu. Câu chữ như rút ruột mà thành.

Bài thơ vừa ra đời, bạn đọc đã đón nhận nồng nhiệt. Và ngay lập tức, người ta sẵn sàng quên đi những chỗ còn khiếm khuyết của nó, và đồng thời cũng quên luôn cả những bài thơ được gọi là cách tân của anh.

BỜ SÔNG VẮN GIÓ

Chị em con kính dâng hương hồn mẹ

*Lá ngô lay ở bờ sông
bờ sông vắng gió
người không thấy về
xin người hãy trở về quê
một lần cuối... một lần về cuối thôi
về thương lai bến sông trôi
về buồn lại đã một đời tóc xanh
lệ xin giọt cuối để dành
trên phần mộ mẹ nương hình bóng cha
cây cau cũ, giai(*) hiên nhà
còn nghe gió thổi sông xa một lần
con xin ngán lại đường gần
một lần ... rồi mẹ hãy dần dần đi ...*

(*) Giai : cái giai, một thứ như bình phong đan bằng tre dựng trước hiên nhà ở những vùng quê Bắc Bộ.

IV. LỜI THỀ CỎ MAY

Giữa lúc người ta xuôi về thành phố, thì Phạm Công Trứ lại ngược ra ngoại ô, trở về làng quê, và rồi anh cứ đi mãi, đi hút mãi về xứ dân gian. Ở đó anh gặp Nguyễn Bính, và ngay lập tức, anh đã bị ông thi sĩ đồng hương này bắt mất hồn ! Bởi vậy, có một nhà thơ ở bậc đàn anh, đọc xong Trứ bảo : Đời đã có một Nguyễn Bính rồi. Có nên cần thêm một Nguyễn Bính hạng hai, hạng ba nữa không ?

Nói thế thì oan cho Trứ quá. Anh đâu phải Nguyễn Bính. Dù có khoác tấm áo the, có đội cái khăn xếp xưa của Nguyễn Bính cũng đâu đã phải là Nguyễn Bính. Hãy xem cô gái nhà quê ra tỉnh này về thì rõ. Cái áo chèn, cái quần bò đã khác xa cái áo the quần lĩnh cổ cài khuy bấm ngày xưa, chỉ ít cũng là sự khác biệt về một trang phục của thiếu nữ ở hai thời.

Dẫu khác thế, người đọc Phạm Công Trứ vẫn cứ nhớ đến Nguyễn Bính. Giá không có Nguyễn Bính, có lẽ Phạm Công Trứ đã có một cái chiếu trái giữa làng văn rồi. Nhưng cái chiếu Trứ đang ngồi vào hiện nay, Nguyễn Bính đã ngả bóng mình xuống đó cách đây nửa thế kỷ. Bởi thế, thơ Trứ có chỗ quá cũng có chỗ nặng, xanh xao. Thiết tưởng, Trứ cũng có thể bắt chước người xưa, ngửa mặt lên trời mà than rằng : Trời đã sinh ra Trứ sao trước đó còn sinh ra Bính ?

Làm sao quên được tuổi thơ
Tuổi vàng, tuổi ngọc - Tôi ngỡ lời ai
Thủa ấy tôi mới lên mười
Còn em lên bảy theo tôi cả ngày
Quần em dệt kín bông may
Áo tôi đứt cúc, mực dấy tím bầm
Tuổi thơ chân đất, đầu trần
Từ trong lấm láp, em thắm lớn lên
Bây giờ xinh đẹp là em
Em ra thành phố dần quên một thời
Về quê ăn tết vừa rồi
Em tôi áo chèn, em tôi quần bò
Gặp tôi, em hỏi hững hờ
"Anh không lấy vợ, còn chờ đợi ai?"
Em đi để lại chuỗi cười
Trong tôi vỡ một khoảng trời pha-lê
Trắng vàng đêm ấy bờ đê
Có người ngồi gờ lời thể cỏ may

V. CHỢ BUỒN

Đồng Đức Bốn đã là tác giả của hai tập thơ dày dặn mà trong đó phần lớn là thơ lục bát. Đường như lục bát là thể thơ sở trường của anh. Anh viết rất nhuần nhuyễn, điêu luyện. Nếu ví thi sĩ như một người thợ kim hoàn mà bậc cao nhất là 7/7, thì Đồng Đức Bốn là ông thợ vàng có tay nghề

ở bậc 9/7. Giời hảo tâm, phóng khoáng trao cho anh đôi tay lão luyện nhà nghề, nhưng lại hại anh, chẳng cho anh một chút nguyên liệu vàng nào. Đi vào thế giới thơ anh, tôi có cảm giác bước vào một toà lâu đài sáng choang những vàng thoi, vàng nén, nhìn chỗ nào cũng óng ánh cả, ánh vàng ấy có thể làm loá mắt, choáng ngợp nhiều người. Nhưng nếu cứ bình tĩnh, nhắm mắt lại mà nhìn, và lấy đầu bút khê gõ vào toà lâu đài của anh thì thấy chúng không phát ra những âm thanh của kim ngân. Hoá ra đó là thứ vàng mạ. Anh mang đồng, chì, kẽm, và đôi khi, anh vác cả đất sét ra để mạ vàng. Tuy nhiên, mạ được vàng những thứ ấy, đâu phải là dễ.

Chợ buồn đem bán những vui

Đã mua được cái ngậm ngùi chưa em

Chợ buồn bán nhớ cho quên

Bán mưa cho nắng, bán đêm cho ngày

Chợ buồn bán tỉnh cho say

Bán thương suốt một đời này cho yêu

Tôi giờ xa cách bao nhiêu

Đem thơ đổi lấy những chiều tương tư ...

Đến đây, chắc có bạn hỏi : Vì sao trong thơ lục bát Việt Nam, tôi lại chọn 5 bài thơ này ? Cũng như 5 ngón tay trên một bàn tay, mỗi người sẽ có

một cách giải thích khác nhau. Vì thế, mới sinh ra khoa bói tay. Chỉ có điều, tôi rất yêu bàn tay của mình. Và bạn ngấm lại xem, có thể cũng chính là bàn tay của bạn đấy. Còn nếu muốn ư ? Tôi muốn các ngón tay đều thon thả búp măng, in những đường vân dành cho các đấng vua chúa ...

Tết 1996

NGUYỄN ĐỨC MẬU và "CHÍ PHEO MẮT TÍCH"

(Trò chuyện với Lê Lựu)

Cứ ngỡ là Chí Phèo đã chết rồi, chết từ ngày ông Nam Cao vẫn còn đang sống, Chí chết là hết chuyện ! Nào ngờ bản dân thiên hạ vẫn xôn xao kể chuyện Chí. Chí lấy vợ. Chí đi học bên Tây, Chí làm nghiên cứu sinh. Chí nhảy lên ghế lãnh đạo ở phường, ở xã ... Tên gọi có thể khác, hình dáng cũng có thể khác, mặt mũi có khi lại còn đẹp trai nữa. Nhưng vẫn là anh Chí đó thôi. Thời đại đổi mới thì Chí cũng phải đổi mới. Rạch mặt ăn vạ là chuyện cũ rồi. Chuyện ấy chỉ tồn tại ở thời Bá Kiến. Có cả một cái truyện kể về những việc đó. Chuyện *Hậu Chí Phèo* của Phạm Thành do Nhà xuất bản Thanh Niên ấn loát. Cuốn sách chưa ráo mực, và người đọc cũng chưa kịp nhận ra gương mặt Chí, chưa biết xếp anh *Chí Hậu* ấy vào đâu, thì lại một anh Chí nữa ra đời. Lần này Chí ngật ngưỡng xuất hiện trong một cuốn tiểu thuyết dày

hơn hai trăm trang của Nguyễn Đức Mậu, một thi sĩ nổi tiếng, đồng hương với ông Nam Cao. Cuốn sách mang một cái tên khá hấp dẫn : *Chí Phèo mất tích ?* Cái tên gợi chuyện vụ án, gợi những cuộc điều tra hình sự, nhưng lại được viết bằng một bút pháp dung dị, một giọng điệu rất nghiêm trang. Chuyện kể về Lý Mão, người làng Hào Phú. Bố y thua bạc, bán hết nhà cửa, rồi trốn khỏi làng. Hai mẹ con y dắt díu nhau đến ở nhờ người chú họ. Một hôm, mẹ y đi bắt cua, chết vì rắn cắn. Từ đấy, y sống với chú. Lớn lên, y ra ở riêng trong một thềm đất ngoài bãi. Y yêu một người con gái xinh đẹp, tốt bụng, tên là Sếu. Đêm tân hôn mới hay cô ả đã có chồng. Thế là y đánh vợ, y vùi đầu vào rượu rồi trở thành thằng Chí Phèo của làng Hào Phú. Y ăn cắp, ăn trộm, bị bắt, tống giam. Ra tù, hai vợ chồng vẫn không sống nổi với nhau. Sếu mang con về nhà mẹ đẻ trước những lời dị nghị, dè bỉu của dân làng. Rồi đưa con chết. Y ân hận, mấy lần tìm gặp Sếu, muốn hai người trở lại đoàn tụ. Nhưng Sếu một mực từ chối. Rồi y gặp một người đàn bà lang thang ngoài phố, đưa về nhà làm vợ. Nào dè vợ phải một mục đàn ông hành. Mục chửi cả họ hàng, làng xóm. Mục bị làng đuổi đi và y cũng bị khai trừ ra khỏi dòng họ. Đang lúc bi đát như thế thì bố y đột ngột trở về. Đó là một ông già kiệt quệ, nghèo khổ, đi phu đồn điền cao-su. Cứ tưởng đời y sẽ le lói

chút vui, ai ngờ bố con lại chửi nhau. Rồi không sống nổi ở nhà, ông lão ra chợ cắt tóc, rồi ở luôn ngoài lều chợ. Sau ông chết vì cảm. Y thấy đời chẳng còn gì nữa, sống bất lực ở làng, không còn ai thân thiết, y lại bỏ làng ra đi. Đi đâu ? Chẳng ai biết. Chỉ có những lời đồn không rõ thực hư. Căn nhà dột nát của y xưa, giờ lại có một cặp vợ chồng du thủ du thực đến ở. Đời chẳng bao giờ hết nhàm chán
thằng Chí Phèo.

Đấy, anh Chí của Nguyễn Đức Mậu với cái lai lịch như thế đã khật khùng ra đời và đang chịu sự phán quyết của công chúng rộng rãi. Trong lúc chờ đợi các nhà phê bình khả kính lên tiếng định đoạt số phận của anh ta, thì chúng tôi - Trần Đăng Khoa và Lê Lưu - hai anh nông dân đồng bãi Hải Hưng, cũng là người cùng giai cấp với Chí, đang ngồi uống bia lai rai trong quán Gió, Hồ Tây. Câu chuyện loanh quanh thế nào lại xoay về số phận của Chí. Đây là cuộc đối thoại hoàn toàn ngẫu hứng.

Lê Lưu : Với con mắt của một nhà thơ và người đọc văn xuôi cũng vào loại sành, ông nói tôi xem, giữa thơ và văn Nguyễn Đức Mậu có gì liên quan đến nhau? Hay nói cách khác, với giọng thơ hồn hậu, chất phác, giàu cảm xúc, khi chuyển sang văn xuôi, Nguyễn Đức Mậu đã gặp những thuận lợi và khó khăn gì ?

Trần Đăng Khoa : Trước hết, tôi chỉ là thằng làm thơ chạy, không phải dân văn xuôi, càng không phải là người *sành văn xuôi*. Tôi phải nói ngay thế, không phải để biện hộ cho những ý kiến ngớ ngẩn của mình, mà đơn giản hơn, chỉ muốn bác hiểu rằng, tiếng nói của tôi không có giá trị gì, nó chỉ là tiếng *đế* trong một cuộc hát đôi. *Bác hát, tôi đế*. Hát một mình, không có đàn sáo, trống phách, e bác cũng buồn. Câu hỏi của bác, chỉ có Nguyễn Đức Mậu mới có thể trả lời được. Bởi chẳng ai hiểu công việc cực nhọc của nhà văn bằng chính nhà văn. Nhưng tiếc là Nguyễn Đức Mậu không có mặt ở quán Gió này, nên bằng cách cảm nhận của một người quan sát, một người vốn sẵn yêu Nguyễn Đức Mậu, hay ngắm nghía cái khí cốt của anh ở phía xa xa, tôi có thể nói ngay rằng : Nguyễn Đức Mậu trước hết là một thi sĩ. Ở cái nhà số 4 Lý Nam Đế của ta, có rất nhiều người tài. Đây là những nhà thơ khoác áo lính. Còn Nguyễn Đức Mậu là người linh khoác áo thi sĩ. Nếu chọn một nhà thơ số một của lính, tôi nhắc lại là *nhà thơ của lính*, thì người đầu tiên tôi nghĩ đến là Nguyễn Đức Mậu. Thơ anh đậm chất lính hơn cả. Ngay cả ở tập mới nhất gần đây, tập *Từ hạ vào thu*, thì những bài thơ vào loại hay cũng vẫn là những bài viết về lính. Còn nhớ năm 1976 Nguyễn Đức Mậu xuống

chơi trại văn Văn Hồ, và do một phút cao hứng nào đó, anh tuyên bố sẽ viết văn xuôi. Tôi không biết bác hồi đó thế nào, chứ mấy ông văn xuôi, vào cỡ "gồng" của ta bấy giờ, như Nguyễn Khắc Trường, Xuân Đức, Chu Lai hồi ấy hốt hoảng lắm, vì cái *niêu cơm* vốn dĩ mỏng manh, dễ vỡ như cái đồ hàng mã của mình, có nguy cơ bị tước đoạt. Và ngay sáng hôm sau, Nguyễn Đức Mậu đã mang đến một *chùm truyện ngắn*: Một đêm viết đến năm cái truyện, quả là khủng khiếp. Mọi người chưa kịp bàng hoàng thì chính Nguyễn Đức Mậu đã bàng hoàng trước, khi anh quay lại ngắm năm ngọn thắp Ai Cập mà mình vừa mới nặn ra đêm qua. "Quái, sao truyện của mình *tìm* mãi chẳng thấy có cái *gạch đầu dòng* nào cả !" Nhà thơ vốn dĩ rất giỏi diễn tả tâm hồn tình cảm con người, nhưng ít khi dựng cả một thằng người có xương, có thịt, có hình dáng - diện mạo, tâm lý, với cả ngôn ngữ, tính cách, và tính cách con người nhiều khi lại được biểu hiện qua những đoạn đối thoại mà Nguyễn Đức Mậu gọi là những cái *gạch đầu dòng*. Đến nay, Nguyễn Đức Mậu đã thuần thục đường văn, đã là tác giả của hai cuốn tiểu thuyết và hàng chục truyện ngắn, nhưng xem ra những cái *gạch đầu dòng* này, đối với anh, hình như vẫn là một cái gì rất đổi bí hiểm. Văn chương vốn dĩ lạ vậy. Có

những cái tường như vật vãnh, tường như rất đơn giản, thế mà càng khám phá lại càng chẳng hiểu nó ra làm sao ...

Lê Lưu : Thế ra chú vẫn là cái thằng láu cá, vẫn đi vòng vèo, đi phía rìa ngoài, phía những gì đã qua, chứ không phải bây giờ. Tớ cứ muốn bắt thằng, tớ hỏi chú, cái thằng Chí ấy, nó có nên chuyện không ?

Trần Đăng Khoa : Nên chứ ! Thì nó đã thành một cuốn tiểu thuyết dày dặn mà bác đang cầm trên tay đó thôi. Nhưng tôi những muốn khẳng định với bác rằng ; Nguyễn Đức Mậu là một thi sĩ, và hơn thế, một thi sĩ có tài. Văn anh réo rắt, trầm bổng. Đúng là văn của một thi sĩ. Nghĩa là văn có nhạc điệu. Thỉnh thoảng anh lại giật mình, đánh rơi ra cả một mảng thơ. Hãy nghe anh tả biển : *"Con cò bước dè dặt trên mép sóng lăn tăn. Thỉnh thoảng cái mỏ dài và nhọn của nó lại mổ vào biển cả"*. Hay anh tả muối trong *"Chuyện riêng của sư trưởng"*, một cái truyện vào loại hay của Nguyễn Đức Mậu, từng được giải thưởng Văn nghệ quân đội : *"Tiếng muối căng từng sợi mỏng trong đêm"*. Nguyễn Đức Mậu rất tâm đắc với câu văn này. Nhưng tôi nghĩ, đây là một câu thơ. Thơ hay nữa là đằng khác. Cánh văn xuôi thuần túy, tôi tin họ sẽ không viết thế. Còn thằng Chí Phèo thì tôi hiểu nó

làm sao bằng bác được. Vì bác là ông văn xuôi. Bác thấy thằng Chí trong cuốn sách này nó như thế nào, nó thuộc loại người nào, có thể "chơi" được không ?

Lê Lưu : Thế nghĩa là chú cũng coi tôi như một thằng Chí trong văn xuôi. Nghĩ mà buồn. Ông Nam Cao đã có một thằng Chí Phèo sừng sững ra thế rồi, những thằng Chí khác khó mà vượt qua được. Thôi, hãy cứ nói cụ thể về cuốn sách này. Theo mình, với sự nhột nhật của những trang văn, với sự hời hợt của những tính cách, với sự nông nổi của những thân phận trong những sáng tác của cánh văn xuôi chúng mình, thì đây là một cuốn sách đọc lười cuốn, có văn, có truyện. Làm được như thế cũng là khó, cũng là sự gắng vượt của một người làm thơ kiêm văn xuôi.

Trần Đăng Khoa : Thực ra, Nguyễn Đức Mậu thua ông Nam Cao thì có gì mà bác phải buồn. Ông Nam Cao chết từ năm 1953, trước khi có Hội nhà văn chúng ta. Từ bấy đến nay, chúng ta có cả một đội ngũ hội viên hùng hậu, đông đến hơn 600 người, mà nào đã có ai vượt qua được mặt ông ấy. Đây là một thiên tài, cũng là niềm tự hào của cả dân tộc ta ở thế kỷ này. Và tôi trộm nghĩ, xét về tài, ông Nam Cao nhà mình cũng chẳng thua gì ông Sêkhốp, ông Lỗ Tấn. Văn chương Nam Cao

cũng rất gần với văn chương ông Tây, ông Tàu này, nhưng khoảng cách tâm cơ thì hình như vẫn còn xa nhau lắm. Sở dĩ có cái khoảng cách ấy, cũng là vì ở chỗ, Lỗ Tấn và Sêkhốp quan tâm đến nỗi đau ở cõi tinh thần, còn Nam Cao lại phải để tâm trí nhiều đến cái bụng. Đọc ông ấy, trang nào cũng thấy đói. Mà văn học chỉ luẩn quẩn xung quanh miếng ăn, cũng khó mà lớn được ...

Lê Lưu : À, ra cái chú mày vừa đi học Tây về ...

Trần Đăng Khoa : Đâu phải thế, Tây thật còn chẳng ăn ai, huống hồ cái thằng Tây rơm. Dân ông Tây, ông Tàu, bác lại bảo tôi chịu đựng ngoại. Thôi thì ta quay về nội vậy. Bác rồi thì cứ đọc lại ông Nguyễn Du ấy. Ông ấy rất lớn, có thể sánh với Tagor hay với bất cứ đỉnh tháp nào của thế giới, thế mà bác có thấy ông ấy cho cô Kiều ăn một miếng nào đâu. Ngày xưa các cụ nhà mình cũng ghê gớm lắm chứ. Họ nghĩ đến cõi tinh thần hơn nghĩ đến cái dạ dày rất nhiều. Nhưng mà thôi, ta hãy trở lại bác Nguyễn Đức Mậu và thằng Chí Phèo của bác ấy. Theo bác đánh giá, cuốn sách này đứng ở vị trí nào trong văn chương chúng ta hôm nay ?

Lê Lưu : Tôi với chú, mỗi người vẫn chỉ là một. Cách đánh giá của tôi, chưa chắc chú bằng

lòng, hướng hồ tôi lại đánh giá thay cho nhiều người khác. Đây là ý kiến của riêng tôi. Tôi rất mừng về sự lao động nghiêm túc, cật lực, để tạo ra được một cuốn sách như tôi đã nói ở trên. Nó là một cuốn sách hay.

Trần Đăng Khoa : Ông văn xuôi chính hiệu đã khen thế thì tôi chẳng dám cãi đâu. Chỉ xin nhắc thêm bác Mậu một chi tiết nhỏ thôi. Ấy là cái đoạn bác tả mẹ Lý Máo bị rắn cắn chết. Bà cụ đi móc cua ở đồng nước ngập trắng. Khi bị rắn cắn, bà gục xuống bờ ruộng. Cái nón trắng chúi sấp xuống nước. Cứ như bác Mậu tả thế thì đó là rắn nước, cắn chỉ ngứa chứ không chết được người. Rắn độc thường chỉ ở những nơi khô ráo. Bác Mậu là người quê, sao lại nhầm lẫn sơ đẳng đến vậy. Nhưng thôi, bác đã khen thế, không khéo *Chí Phèo* có thể làm ứng cử viên "hoa hậu" văn chương năm nay...

Lê Lưu : Không chỉ thằng Chí Phèo, mà là tất cả những ông, những bà, những anh, những chị trong các cuốn sách khác đều có thể là ứng cử viên. Còn nó có trở thành *hoa hậu* văn chương hay không, phải nhờ vào sự đánh giá công minh của bạn đọc rộng rãi ...

Trần Đăng Khoa : Thế có nghĩa là theo ý riêng bác, Chí Phèo đã là một anh chàng hoàn chinh ?

Lê Lưu : Khái niệm về hoàn cảnh, hay toàn bích, còn một khoảng cách. Tôi muốn nói một nhà thơ viết văn xuôi rất khó tạo dựng được những tính cách chính xác, lô-gích, những nhân vật hoàn chỉnh như những anh chuyên nghề văn. Ấy là chưa kể những khiếm khuyết về ngôn ngữ, đôi chỗ ngôn ngữ hôm nay lấp vào miệng nhân vật hôm qua, hay cách nói khái niệm theo kiểu cơ quan, công chức gắn vào mồm những thằng đầu đường xó chợ như cái thằng Chí Phèo. Nhưng tôi tin rằng, với cách sống giản dị, cần mẫn, sự đắm mình trong không khí "nhà quê", nơi Nguyễn Đức Mậu gửi gắm nhiều tình cảm sâu xa của mình, chắc chắn nếu còn viết văn anh sẽ khắc phục được những nhược điểm mà tôi vừa bàn đến.

Trần Đăng Khoa : Sở dĩ, có cái gọi là nhược điểm như bác vừa nói, tôi nghĩ, cũng là tại bác Nguyễn Đức Mậu của chúng ta thông minh quá, mà cái thằng Chí Phèo thì lại dần dần dờ dẩn, nên bác Mậu cứ phải dìu dắt, chỉ dẫn. Vì vậy mà ở trang nào, tôi cũng thấy thấp thoáng bóng bác Mậu đi bên thằng Chí Phèo. Phải nói bác Mậu là một nhà chỉ huy cần mẫn và sâu sát dân chúng. Thành công của cuốn sách này là nó cứ làm ta nhớ đến ông Nam Cao và thằng Chí Phèo lang Vũ Đại ngật ngưỡng bước bên miệng vực, ở cái khoảng

cách mỏng manh giữa thú và người. Hình như Nguyễn Đức Mậu viết cuốn sách này cũng là vì sự ám ảnh của nỗi nhớ ấy. Bởi vậy anh đã để trong cuốn sách: "Kính tặng hương hồn nhà văn Nam Cao". Dưới đó còn có thêm bốn câu thơ:

*Chí Phèo sống, Nam Cao đã khuất
Nào có dài chi một kiếp người
Nhà văn chết, nhân vật từ trang sách
Vẫn ngày ngày lẫn lộn giữa trần ai ...*

Vì sức sống của Chí Phèo, chúng ta nâng cốc chúc mừng ông Nam Cao và chúc mừng cả anh Chí của Nguyễn Đức Mậu nữa. Mong rằng giữa chốn trần ai, anh Chí của bác Mậu sẽ không "mất tích".

Quán Gió, Hồ Tây 4-1993

CÂU CHUYỆN ĐẦU NĂM

(Đối thoại với đồng chí Hữu Thọ

ủy viên Trung ương Đảng

Trưởng ban Tư tưởng Văn hoá trung ương)

T*rần Đăng Khoa* : Xin chào anh Hữu Thọ !
Trước hết, xin chúc mừng anh vừa được Đảng
trao một trọng trách mới : Trưởng ban Tư tưởng
Văn hoá trung ương. Nhân ngày Tết cổ truyền, tạp
chí *Văn nghệ quân đội* cử tôi đến "xông đất" anh.
Rồi cũng nhân ngày Tết, hỏi chuyện anh, những
chuyện chẳng dính gì đến... Tết, nhưng anh em lại
quan tâm, bạn đọc cũng quan tâm, là chuyện muôn
thuở, chuyện bốn mùa. Ý anh thế nào ?

Hữu Thọ : Cảm ơn ! Xin cảm ơn ! Có gì chúng
ta cùng bàn bạc thảo luận. Nhưng tại sao tạp chí
Văn nghệ quân đội lại chọn tôi để đối thoại ?

Trần Đăng Khoa : Chúng tôi biết anh là một
nhà báo nổi tiếng, từng làm tổng biên tập báo

Nhân dân, tờ báo lớn của Đảng. Tuy làm lãnh đạo, làm những việc của người quản lý, nhưng anh vẫn không quên công việc của một... phóng viên báo. Anh viết nhiều thể loại : phóng sự, ký sự, bình luận, cả những bài báo ngắn, chỉ bé bằng một... bàn tay. Nhưng những vấn đề đưa ra thì lại chẳng... bé chút nào. Nhiều cách lý giải thật sắc sảo và thông minh, đúng đắn. Nhưng câu chuyện trao đổi với anh hôm nay lại không phải là chuyện bếp núc của một... nhà báo. Anh có đọc thường xuyên *Văn nghệ quân đội* không ? Và anh thấy nó như thế nào ?

Hữu Thọ : Theo tôi, *Văn nghệ quân đội* là tờ tạp chí *đúng đắn* và *sâu sắc*. Tất nhiên, đòi hỏi thì muốn nhiều hơn, nhưng trong tình hình hoạt động văn nghệ hiện nay, giữ được như thế là tốt. Tạp chí không chỉ phản ánh đời sống, tình cảm, tư tưởng của quân đội, mà còn vươn ra rộng hơn, xa hơn, phản ánh cả đời sống nhân dân, đời sống xã hội. Tôi mong tờ báo ta luôn giữ được như thế, tốt hơn thế, và mong ở ta có nhiều tờ như tờ *Văn nghệ quân đội* (*ngừng một lát*). Ở xã hội ta bây giờ, quá là có nhiều vấn đề, nhiều đề tài cần được phản ánh. Nói như một nhà văn cổ điển, ở thời đại này, chỉ cần ngồi bên cửa sổ, nhìn xuống đường, cũng đã thấy có khối chuyện phải tìm hiểu, phải viết. Thị trường báo của ta bây giờ rất phong phú và đa

dạng. Tôi đang cho thống kê. Có người báo ta có bốn trăm tờ báo. Có người báo phải đến tám trăm tờ. Sai số lớn thế đấy. Vì có quá nhiều báo, đề tài, bài vở thường trùng lặp, *Văn nghệ quân đội* là tờ tạp chí văn chương của lính, phản ánh đời sống, tâm tư của lính, phản ánh những khát vọng của nhân dân, của toàn xã hội, nhưng lại thông qua cái nhìn của lính, cách lý giải của người lính, vì thế, giữa một thị trường báo sôi động, ồn ào, nó vẫn có một bản sắc riêng. Có được một bản sắc riêng để không lẫn mình với người khác, đâu phải chuyện đơn giản. Trước đây, thường chỉ có vài tờ chuyên văn nghệ, như tờ *Tác phẩm mới*, tờ *Văn nghệ* và *Văn nghệ quân đội*. Bây giờ, báo nào cũng "làm" văn nghệ, cả những tờ chuyên ngành, rất xa với văn nghệ, vẫn có một hai trang dành cho văn nghệ, nhất là những tờ *cuối tuần*, *cuối tháng*. Trữ địa của các nhà văn bây giờ rất rộng. Đây là một điều rất hay, nhưng cũng rất không đơn giản.

Trần Đăng Khoa : Vậy thì công việc của các anh, của Ban Tư tưởng Văn hoá chắc là vất vả, làm sao theo dõi được hết, khi báo chí bung ra nhiều như thế ?

Hữu Thọ : Vì vậy nên mới phải cùng nhau mà làm, cùng nhau mà bàn luận. Đây là công việc của mọi nhà, của toàn Đảng, chứ đâu phải chỉ là việc của Ban Tư tưởng Văn hoá trung ương. Làm sao

cùng nhau làm cho tốt, đi đúng hướng, nhưng lại phải đúng, phải hay.

Trần Đăng Khoa : Tất nhiên, đó là chuyện báo chí. Đã nói đến báo là phải đúng. Báo mà đưa tin không đúng, không chính xác thì rất nguy hiểm. Còn văn chương thì lại phải hay. Khi bàn đến văn chương, người ta thường nghĩ đến chuyện hay, dở. Trong văn chương, cái đúng chưa chắc đã hay, anh ạ. Nhưng cái hay thì bao giờ cũng đúng. Không đúng, không thể hay được. Những tác phẩm hay, bao giờ cũng là những tác phẩm nhân bản, nhà văn luôn đứng về phía cái đẹp, cái cao cả. Trong lịch sử văn học nước ta, cũng như văn học thế giới, tôi không thấy tác phẩm xấu, tác phẩm sai trái nào lại có thể tồn tại được với thời gian. Ngay cả những cuốn sách không phải là xấu, nó chỉ bình thường, vô thưởng vô phạt, không có gì độc hại cũng đã bị thời gian đào thải rồi. Mà đào thải nhanh lắm. Quy luật tự nhiên rất khắc nghiệt, không-loại trừ một ai. Bây giờ, những giá trị giả thối rữa rất nhanh, không thể che đậy và bao biện được. Trước đây, trong văn chương, ta hay nói đến tính đảng. Bây giờ, tôi nghĩ, chúng ta vẫn cần tăng cường tính đảng. Tính đảng, tôi hiểu, đó là hay, là nghệ thuật đích thực.

Hữu Thọ : Tất nhiên, nói đến văn chương thì phải hay rồi. Điều đó không nằm ngoài tư tưởng

của Bác Hồ chúng ta. Hay, không phải chỉ là đặc tính cần phải vươn tới của văn, mà còn của cả báo nữa chứ. Ngay viết một bài báo cũng phải có kiến thức, có chiều sâu tư tưởng, có sức hấp dẫn bạn đọc. Đó là ý tưởng của Bác Hồ. Bác bảo đọc báo, đọc văn nghệ phải hay, phải hấp dẫn. Không hấp dẫn thì không ai đọc. Người ta đã không đọc thì tư tưởng cao siêu của anh làm sao đến được với độc giả, cũng như tờ *Nhân dân* của Trung ương Đảng, tờ báo cũng đòi hỏi phải đúng, phải hay và đẹp. Đó là một tổng thể. Không phải cái đúng nào cũng hay. Nhưng không phải cái "hay" nào cũng đúng cả đâu, ông ạ. Vấn đề là ai khen hay, đấy mới là điều cốt tử của người cầm bút. Còn về loại hình thì lại không đơn giản. Ví như âm nhạc chẳng hạn. Nhạc cao phải là nhạc không lời, nhạc giao hưởng. Nó có chiều sâu tư tưởng, chiều sâu tâm hồn.

Trần Đăng Khoa : Văn chương hay, tôi nghĩ, nó thường có thước chung, người ta dễ nhận ra lắm, ngay cả người đọc bình thường, không sành lắm về nghệ thuật cũng có thể nhận biết được. Còn những cuốn làm nhảm, lại được những anh bầy nhặng tung hô vì cái gì đó chứ không phải vì cuốn sách thì ta không bàn, bởi nó không phải văn chương, không phải nghệ thuật. Nó là trò quảng cáo thời kinh tế thị trường...

Hữu Thọ : Đời sống kinh tế thị trường có nhiều cái hay, nhưng cũng có điều nguy hiểm, nó dễ biến con người ta thành thực dụng, biến đòi hỏi về đời sống tinh thần thành cái, theo họ chỉ là giây phút thư giãn, thoải mái, đỡ phải suy tư. Đời sống tinh thần con người cứ dần dần thấp đi. Nhưng không phải là cái *vô văn hoá*. Cái vô văn hoá lòi ra, ta còn biết mà chống đỡ, mà loại trừ, còn cái *dưới văn hoá* mới đáng sợ. Vì nó không phải là cái vô văn hoá. Nó chỉ là cái *tấn* nhẹ nhàng, giải trí, vô thường vô phạt, nó phù hợp với số đông, với những người làm ăn vất vả. Đọc văn chương chẳng cần phải tư duy, đọc để... ngủ, để dễ ngủ thôi mà, mà đọc văn chỉ để ngủ thì lâu dần sẽ trở thành ngu muội, rất nguy. Nó là thứ *văn hoá tiêu dùng, văn hoá quảng cáo*. Cái này, ngay cả châu Âu người ta cũng sợ nó, cũng e ngại nó đấy, ông ạ !

Trần Đăng Khoa : Gần đây, giới lý luận nước ngoài người ta tìm ra rất nhiều chức năng của văn chương, nghệ thuật, có đến hơn mười chức năng, trong đó có cả chức năng *giải trí*. Có thể coi *giải trí* là một đặc tính cũng cần phải có của văn chương được không? Và như thế, cái thứ văn chương mà anh vừa nói ấy, có thể xếp nó là loại văn chương *giải trí*?

Hữu Thọ : Giải trí là một nhu cầu không thể thiếu được của con người. Đó là một nhu cầu chính

đáng. Ngay trong giải trí cũng có nhiều loại. Có thứ giải trí lành mạnh và cũng có cả thứ giải trí không lành mạnh. Giải trí chỉ là một nhu cầu của con người thôi. Một nhu cầu cần phải có. Nhưng cả nền văn học mà lại chỉ để làm mỗi một mục đích là giải trí thì lại nguy hiểm rồi. Tôi rất thích những cuốn sách đọc xong, phải suy ngẫm. Như thế rất mệt, nhưng rất thú. Nó nâng con người lên. Người đọc tham gia cùng tác giả, cùng suy ngẫm. Mệt nhưng mà sướng. Đó là sự sung sướng cao thượng. Còn giải trí thì tất nhiên là cần. Tiếng cười cũng cần. Cha ông ta đã từng cười. Cười người, rồi tự cười mình. Những tiếng cười nhẹ nhàng, nhưng lại rất sâu sắc kia. Giải trí, tôi nghĩ, không phải mục đích cuối cùng của văn học. (*Ngừng một lát*). Xã hội ta bây giờ, quả là rất phức tạp. Người có khả năng mua sách, người nuôi nhà văn đều phải là trí thức và những người lao động, mà lại là mấy ông bà thị dân, những người buôn bán nhỏ. Nhu cầu của họ cũng cần được đáp ứng, nhưng là thứ nhu cầu không cao. Song, họ lại có khả năng thanh toán, khả năng tiêu thụ sách. Họ cứ hồn nhiên, cứ vô tư áp đặt cái thị hiếu ấy cho các nhà văn. Tôi vừa rồi có qua hỏi tình hình mấy nhà xuất bản. Họ bảo, chúng tôi chỉ có thể in những cuốn sách nào có thể bán được và có lãi. Nghĩa là nhà xuất bản lại phải phụ thuộc vào người phát hành. Người phát

hành bảo : *Chúng tôi "không biết gì" đến chuyện văn chương. Chúng tôi không can thiệp vào chuyện nghệ thuật, không can thiệp đến nội dung cuốn sách của các anh. Chúng tôi chỉ quan tâm đến việc sách có bán được hay không ? Các anh viết thế nào là việc các anh. Nhưng viết thế nào để chúng tôi còn có thể bán được sách.* Như thế, vô tình, họ đã đặt cái đầu ra cho người viết và nhà xuất bản. Sách bán chạy, theo họ thường mỗi thứ có một tí, tí đánh nhau, tí suy ngẫm, tí tình ái "tươi mát", tí móc mồi xỏ xiên. "Nhưng đừng nghĩ là chúng tôi có mưu đồ chính trị nhé. Chúng tôi chỉ là người bán sách, người phát hành thôi. Chúng tôi chỉ có mỗi một nguyện vọng là làm sao bán được sách cho các anh". Họ nói thế. Như vậy thì nhà văn, dù không muốn, cũng vẫn phải viết làm sao cho sách bán được. Tất nhiên cũng có nhà văn họ chỉ viết theo ý họ. Nhà xuất bản không in thì thôi. Đã là nhà văn, ai chẳng có một nguyện vọng rất chính đáng. Đó là nguyện vọng được công bố tác phẩm. Người phát hành, mặc dù chỉ là người trung gian, nhưng lại rất quan trọng, họ là nhịp cầu nối bạn đọc với nhà văn, chuyển thị hiếu và nhu cầu của bạn đọc cho nhà văn. Một thị hiếu không thấp kém, nhưng không cao, chỉ cần *thư giãn* thôi. Bởi thế, họ nói, xin nhà văn các ông đừng triết lý, đừng ngẫm ngợi cao siêu, để rồi theo các ông, chúng tôi nhúc cả

đầu. Và rồi, còn cả thế này nữa, sách các ông viết đừng có dày quá, viết vừa phải thôi, để khỏi phải in dày. Dày thì đắt. Làm sao cuốn sách chỉ giá năm, sáu ngàn, vừa túi tiền, họ mới mua. Như thế sự đòi hỏi ấy chỉ thuần túy xuất phát từ thương mại, mà rồi vô tình, những người hoàn toàn không xấu ấy đã áp đặt cả số trang, cả nội dung cuốn sách cho nhà văn, và ta cứ thế dần dà làm thuê cho quý, trao linh hồn cho quý mà không hay ... Đó là tôi nói tới người có ý đồ ...

Trần Đăng Khoa : Và như thế, nhà văn - nói theo ngôn ngữ người quản lý văn hoá - là đã *chệch hướng*?

Hữu Thọ : Không, không ! Tôi không xếp những cuốn sách ấy thuộc loại chệch hướng. Như thế thì nặng nề quá. Những cuốn sách chệch hướng là những cuốn sách truyền bá thị hiếu thấp kém, truyền bá tư tưởng và lối sống xấu độc, gây tâm lý bi quan, xa rời lý tưởng, xa rời tình nhân văn và cái cao cả. Những cuốn sách này đơn giản hơn, nhưng cũng nguy hiểm, vì khó nhìn thấy, nó chỉ tạo ra một thị trường sách dưới văn hoá, một công chúng dưới văn hoá, một "nền văn hoá dưới văn hoá". Điều ấy thật kinh khủng. Và đến lúc đó, nó mới chệch hướng kia, chứ không phải là sự chệch hướng của từng cuốn sách đơn lẻ cụ thể. Tôi nghĩ cái đó cũng đáng sợ.

Trần Đăng Khoa : Vậy theo anh, cần khắc phục điều đó thế nào ? Cần có sự đầu tư tài trợ của Nhà nước chăng ?

Hữu Thọ : Nền văn học nước nào cũng phải có sự đỡ đầu, ông ạ. Đầu tư là một thứ đỡ đầu. Hôm Tổng bí thư Đỗ Mười đến gặp gỡ các nhà văn trong hội nghị tổng kết văn học trong năm, rất tiếc hôm ấy, tôi lại đi công tác vắng, nên không có mặt được. Tôi có nghe cuốn băng ghi lại bài nói chuyện của Tổng bí thư ...

Trần Đăng Khoa : Tôi đã dự cuộc gặp gỡ đó ! Trong câu chuyện thân mật với các nhà văn, Tổng bí thư có bàn đến ý kiến của nhà văn Nguyễn Khải phát biểu trên báo *Văn nghệ*. Nhà văn Nguyễn Khải nói, đại ý là đã đến lúc, Nhà nước cũng nên đầu tư cho các nhà văn để làm những tác phẩm lớn, xứng đáng với tâm vóc của dân tộc. Trong các ngành nghệ thuật khác, ví như điện ảnh chẳng hạn, Nhà nước đã từng đầu tư, có cái phim được đầu tư đến hàng mấy tỉ đồng, mà rồi vẫn lôm nhôm, phim chẳng ra phim. Trong khi đó, Hội nhà văn chỉ muốn có mấy tỉ để đầu tư cho các nhà văn làm tác phẩm. Tổng bí thư bảo, tương bao nhiêu, chứ mấy tỉ để đầu tư cho các nhà văn thì đơn giản quá.

Hữu Thọ : Tổng bí thư Đỗ Mười nói vậy. không phải nói chơi, nói cho vui đâu nhé. Ông ư :

đang thực hiện đây. Vừa rồi, cụ có giao cho Ban Tư tưởng Văn hoá chúng tôi trực tiếp giao dịch để làm việc này. Trước mắt phải kiếm cho được một tỉ đầu tư cho các nhà văn. Chúng tôi đang thực thi. Ở nước ta, trong điều kiện hiện nay, để kiếm được một tỉ, quả thật cũng không phải dễ. Nhưng một tỉ để có được một vài cuốn sách hay thì lại rẻ, lại rất rẻ, ông ạ.

Trần Đăng Khoa : Vâng, quá đúng thế. Bây giờ, giả sử có một tỉ, cụ Đỗ Mười lại cho gọi các nhà văn lên để ký hợp đồng với Tổng bí thư, làm sao dùng một tỉ ấy, một đồng vàng ấy, chỉ để đúc lấy một cuốn sách. Vâng, chỉ một cuốn thôi, anh ạ, chứ chẳng cần nhiều, cỡ *Chiến tranh và hoà bình* thì không dám nói, khiếp quá, chỉ cần ở mức *Sông Đông êm đềm* thôi, tôi tin chắc rằng sẽ chẳng có nhà văn nào dám ký hợp đồng với Tổng bí thư, kể cả nhà văn Nguyễn Khải, người đã đề xuất ra cái chuyện đầu tư cho văn chương này.

Hữu Thọ : Một tỉ là nhiều mà lại không nhiều. Ở nước ta, có rất nhiều nhà văn có tài, nhưng khổ quá. Tôi có nói với anh Nguyễn Khoa Điềm, khi có được một tỉ rồi, thì lại phải đầu tư cho đúng nơi, đúng chỗ thì mới ra tác phẩm được. Của cải, vật chất, dùng sẽ mòn dần, hao hụt và mất đi, nhưng một cuốn sách hay, một cuốn sách tốt, một sản phẩm văn hoá có giá trị thì không bao

giờ hao mòn, nó là vĩnh cửu, càng dùng càng sinh sôi, nó truyền bá hết thế hệ này đến thế hệ khác, hết thế kỷ này đến thế kỷ khác, nó thành sản phẩm tinh thần của cả dân tộc và cả nhân loại.

Trần Đăng Khoa : Nhân bàn đến công việc của nhà văn, tôi nghĩ rằng, một nhà văn chân chính bao giờ cũng gắn bó chặt chẽ với nhân dân, với Tổ quốc và với dân tộc. Nói như Xuân Diệu : *Tôi cùng xương thịt với nhân dân tôi - Cùng đổ mồ hôi cùng sôi giọt máu.* Nhà văn suốt đời phụng sự cho ý tưởng đó. Mà Đảng ta thì cũng chẳng có mục đích nào khác là vì dân. Chính ở chỗ này mà nhà văn và Đảng đã gặp nhau và gắn bó với nhau, kể cả những nhà văn coi trọng tự do, thích xê dịch, và có tính lang bạt kỳ hồ. Tuy thế, đôi khi trong công việc sáng tạo rất mệt nhọc, một công việc lao động hoàn toàn cô độc, nhà văn đôi khi có những sơ suất đáng tiếc. Vậy cần đánh giá sơ suất đó thế nào cho thoả đáng ?

Hữu Thọ : Cái này, lại phải nhìn một cách tổng thể, toàn diện. Riêng tôi, tôi nghĩ, cuốn sách nào không hay thì cứ để bạn đọc người ta phê bình. Dân ta rất muốn đất nước ổn định, muốn đoàn kết, muốn phát triển đúng hướng. Người ta sẽ mang cái tiêu chí đó ra mà đánh giá tác giả, tác phẩm. Nhà văn cũng nên nghe những ý kiến phê bình để rút kinh nghiệm, để điều chỉnh mình, không ngừng

nâng cao sức sáng tạo. Tuy nhiên, nói đến nhà văn là nói đến kỹ nghệ sử dụng con chữ. Mà những con chữ nó sắc lăm, không khéo có thể bị thương đấy. Các vết thương trong cơ thể đã có y tế, có bác sĩ, bệnh viện, thuốc thang. Vết thương sẽ chóng lành. Còn vết thương chữ nghĩa thì lâu lành lắm. Bởi thế, các nhà văn, những người sử dụng chữ cũng rất nên thận trọng. Còn bản thân người thẩm định thì lại phải nhìn cho toàn diện, kiên quyết vì lợi ích của nhân dân, nhưng nên có sự thông cảm. Trong xã hội ta bây giờ có nhiều chuyện lăm. Vấn đề là nhìn ở góc độ nào. Các nhà văn cũng cần có nhiều thời gian để suy ngẫm, lý giải. Tất nhiên, mỗi nhà văn có cách lý giải riêng, tự do sáng tạo gắn với trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân. Nhiều nhà văn đã nói rất đúng, phải là người trong cuộc thì mới dễ dàng có sự đồng cảm trong cách nhìn nhận xã hội. Cụ Lê Quý Đôn cũng đã từng nói : "Nếu chỉ biết khoe khoang, khinh bạc, chê bời không thôi thì thật quá gờ". Có điều, xã hội ta hiện giờ khá phong phú và phức tạp, đánh giá đúng thật không dễ. Ngay với lớp trẻ, với thanh niên chẳng hạn, ta có thể không lạ khi thấy một số người chơi bời, văng tục, chửi bậy, càn quấy, nhưng cũng trong số họ, có người hết lòng học hành, để tìm thêm kiến thức, để kiếm công ăn việc làm. Tôi đã thấy có những sinh viên lăm lụi đi làm thêm.

Họ làm thuê cho các nhà hàng. Học hành bây giờ rất vất vả. Con cái thi đại học đổ vào trường, ngoài học bổng, gia đình cũng phải chi phí đến 500 ngàn bạc một tháng. Năm trăm ngàn bằng ba tạ thóc, kiếm đâu ra. Thế nên họ phải tự kiếm sống, phải đi rửa bát, phải bưng bê cho các nhà hàng, phải đập xích-lô. Lao động kiếm sống là tốt chứ sao. Tôi sang một số nước châu Âu, họ cũng kể : Có phải ai cũng giàu cả đâu, ngay cả ở những nước rất giàu, hồi còn là sinh viên, nhiều trí thức cũng phải kiếm sống, lao động cực nhọc, như đi thu hoạch, hái hoa quả, nạo vét ống khói. Vậy lý giải cái việc đó như thế nào cho xác thực và công bằng, lại phải cậy nhờ những cây bút có tấm lòng, có hiểu biết và công tâm, không phải cái gì cũng đổ tội cho Nhà nước, cho xã hội.

Trần Đăng Khoa : Vấn đề này, có nhà văn ta cũng đã bàn đến rồi. Ví như truyện ngắn *Vũ điệu cái bô*. Truyện kể về một anh trí thức đi làm thuê...

Hữu Thọ : Ở trên thế giới, có tác giả viết : trí thức thì chỉ "đi làm thuê" thôi. Ngay cả ở các nước tư bản phát triển, trí thức cũng đi làm thuê cả đấy chứ. Muốn làm ông chủ thì phải có vốn, có tài sản, hoặc là được thừa kế của "ông chủ bố", còn nói chung, trí thức làm gì có tiền, không có tiền, thì chỉ có đi làm thuê thôi, làm thế nào được ông chủ, có điều làm thuê với giá nào và được cư xử như thế

nào. Vậy đặt vấn đề về vai trò trí thức, đưa ra những giải pháp về trí thức như Đảng và Nhà nước ta đã và đang làm, theo tôi, trong điều kiện của ta, là tôn trọng trí thức chứ. Vậy cần nhìn nhận vấn đề này như thế nào cho thoả đáng ; nếu đứng ở một phía, một góc độ để rồi ta thán chế độ, thì lại không nên, mà cũng không đúng với thực tế nữa.

Trần Đăng Khoa : Nhân anh nhắc đến kinh tế thị trường, phải nói có rất nhiều điều thú vị, anh Thọ ạ ! Ta mới quen với *ông bạn này* có mấy năm, mà nhiều cái đã đảo lộn, không thể lường trước được. Đến cả cái làng nhỏ của tôi mà bây giờ cũng hoá ra phố xá. Tôi đã từng viết : *Mái gianh ơi hỡi mái gianh - Ngắm bao mưa nắng mà thành quê hương*. Vừa rồi, vô tuyến truyền hình làm một bộ phim về quê hương tôi, họ muốn quay một mái gianh mà rồi tìm không ra, lại phải lấy một mái gianh ở vùng cao Hà Bắc ghép vào. Vùng tôi không còn mái gianh nào. Rất khó có thể bắt gặp một ngọn khói chiều thổi com vờn trên mái rạ. Làng đã có com bụi, có karaoke, có cả hiệu *lolotica*, vẫn cái món lòng lợn tiết canh cổ truyền của làng quê mà nom hình thức, biến hiệu nhấp nháy ánh điện cứ như Tây cá. Những gia đình khá giả không cần phải lụi cùi nấu nướng. Có khách, chỉ cần nhắc điện thoại. Đúng giờ, xuất hiện một thiếu nữ, ăn mặc lịch sự, má phấn môi son, người cứ như trong

xi-nê, đội đến một mâm cỗ. Ăn xong, họ lại ve vẩy tới, bê bát đĩa mang đi. Chỉ cần ấn mấy nút, thế có khác chi gõ cái đũa thần. Rõ là chuyện cổ tích nhè. Trước đây không thể tin có chuyện đó được. Suốt mấy cuộc chiến tranh, kẻ thù không phá nổi làng. Bây giờ, ngọn gió thị trường chỉ mới chớm qua, thế mà đổ ầm ầm. Làng đang vỡ, anh ạ. Một cuộc đổ vỡ tung bừng, náo nhiệt ...

Hữu Thọ : Làng có xu hướng đô thị hoá là một điều hay. Rất hay. Nhưng văn hoá làng thì lại có chuyện cần bàn. Ở thành phố bung ra mặt đường đã đành. Nhà quê cũng đua ra đường mới lạ chứ. Buôn bán gì mà đua ra đường ? Mua bán đã có cái chợ. Nhiều làng bây giờ thì nhau đổ mái bằng. Mái bằng thì tốt. Mưa bão khỏi lo. Nhưng mà nóng bức, và tiếc nhất là mất cái cảnh quan nông thôn. Ao hồ cũng bị san lấp. Đến thế thì nguy quá. Chưa kể tới việc điều tiết khí hậu, ao hồ là cái lã phối thiện nhiên của làng, gay nhất là không có chỗ chứa nước thải. Ở thành phố còn có cống rãnh. Ở nhà quê thì có ao chuôm. Ao chuôm không còn, mưa xuống, nước trút đi đâu ? Rồi còn rác nữa. Bây giờ không khéo nhà nọ đổ sang nhà kia. Trước đây, dân ta nghèo, rác của nhà nghèo thường chỉ có bã chè, cuộng rau. Bây giờ dân đang giàu lên. Rác nhà giàu thối lắm, vì thịt, cá mà ươn thì dễ nặng mùi.

Cảnh quan nông thôn đang bị mất dần những vẻ đẹp cổ truyền rất đáng lưu giữ.

Trần Đăng Khoa : Người dân quê tôi có một đặc tính, là họ chỉ nhìn họ thôi. Họ so họ với chính họ. Trước đây, nhà nào giàu mới có cái màn nhuộm vỏ xó thâm xỉn. Còn nhà nghèo thì đốt bụi nhùi để xua muỗi. Quanh năm ăn độn. Bây giờ, chưa đến vụ gặt, có nhà vẫn còn đến mấy tấn thóc. Đàng cho họ một miếng khi đói, đủ để họ nhớ suốt đời, mang ơn suốt đời. Rồi họ đem cả xương máu của chồng, của con, của chính họ ra mà trả nghĩa. Nên không thể có những chuyện ú ớ mà yên được với dân đâu. Tôi có gặp một đồng chí uỷ viên trung ương, bí thư tỉnh uỷ, anh ấy bảo : "Tôi phục các nhà văn lắm. Họ rất thính nhạy trước những biến chuyển của xã hội. Thường rồi lúc nào là tôi đọc sách văn nghệ. Đọc là một cách xuống dân. Ta biết được dân sống thế nào, dân có khát vọng gì ? Nhiều vấn đề rất gay gắt nhà văn phát hiện ra, ta nên coi đó là thông tin cần thiết để nghiên cứu, để điều chỉnh việc lãnh đạo làm sao cho đúng, để gỡ được những vướng mắc của đời sống cộng đồng".

Hữu Thọ : Điều đó đúng quá chứ. Đọc một tác phẩm có giá trị, tư tưởng và tâm hồn con người được nâng lên, sự hiểu biết về đời sống xã hội, được nâng lên, cuốn sách như một người bạn đường tin cậy, không nói chuyện xa xôi nữa, mà nói ngay một

chuyện cụ thể. Vừa rồi, tôi có đọc một cái bút ký của Minh Chuyên in ở báo *Văn nghệ công an*. Chuyện viết về việc cai nghiện thuốc phiện ở một làng quê. Ở đó, ngoài văn chương ra, tôi còn thấy những biện pháp thực hiện rất hay. Tôi có điện cho Thái Bình, hỏi xem Minh Chuyên sáng tác hay ông ấy viết chuyện thật. Nếu là sáng tác thì nhà văn đã đề xuất một biện pháp xử lý cai nghiện hay, cần đưa vào ứng dụng trên thực tế, còn nếu là chuyện thật thì tuyệt vời, có thể tổng kết kinh nghiệm, rồi mang ra thực hiện trên toàn quốc. Đọc nhà văn, người lãnh đạo đâu chỉ thường thức văn chương. Nhà văn chân chính nhìn sự việc bằng tấm lòng nhân ái. Nhà chính trị lại thấy ở đó ngoài văn chương có khi còn là một phương hướng chỉ đạo, một giải pháp thực thi. Anh Đỗ Mười là người rất chịu khó đọc. Anh ấy đọc nhiều lắm. Tết năm kia, anh Mười đến thăm Quốc Tử Giám. Anh ấy có gặp mấy cụ viết câu đối Tết. Một cụ muốn cho Tổng bí thư chữ, ông cụ hỏi : "Vâng thưa Ngài, Ngài tên là gì ạ ?", "Tôi là Mười". Ông cụ cho chữ *Mười phân vẹn mười*. Ông cụ lại hỏi : "Thế Ngài muốn gì ?" Tôi chỉ có một mục đích là vì dân vì Đảng, dân giàu, nước mạnh ..." Ông cụ cho chữ *Quốc phú, dân cường*. Tổng bí thư nói : "Tôi muốn dân giàu nước mạnh cơ mà, sao cụ lại viết là *Quốc phú, dân cường*" "Dạ thưa, đây là tôi cho chữ theo sách. Chữ này là chữ của cụ Nguyễn Trãi". Tôi đến thăm, anh

Mười đưa ra cuốn sách dày bịch của cụ Nguyễn Trãi. Anh Mười bảo : "Đúng là chữ của cụ Nguyễn Trãi. Mình nói *Dân giàu, nước mạnh*, cụ Nguyễn Trãi lại nói *Quốc phú, dân cường*. Mình đặt *Dân* lên trên, Nguyễn Trãi lại đặt *Nước* lên trên. Vậy thì Nguyễn Trãi đúng hay mình đúng ?" Tôi thưa, Nguyễn Trãi viết câu ấy ở thời dằng sách bình Ngô, nên phải đưa nước lên trên. Cũng như khi chiến tranh, ta nói "Tất cả để chiến thắng". Còn mình nói bây giờ là nói khi đã hoà bình thì lại phải đưa dân lên trên. Tất cả vì hạnh phúc nhân dân. Dân giàu, nước mạnh, Dân với Nước là một. Nguyễn Trãi đúng mà mình cũng đúng !

Trần Đăng Khoa : Cám ơn anh ! Nhân ngày Tết, anh còn điều gì muốn nhắn gửi các nhà văn không ?

Hữu Thọ : Xin chúc các bạn hạnh phúc, sức người khỏe, sức viết khỏe, để có nhiều tác phẩm đúng mà hay, hay mà đúng.

Tết 1996

NGÃU HÙNG DU NGOẠN QUA GIẢI THƯỞNG VĂN NGHỆ QUÂN ĐỘI

1

Sau giải thưởng văn học 1991, một giải thưởng thuộc dạng sang trọng của Hội nhà văn, trao cho cùng một lúc ba cuốn tiểu thuyết và một tập lý luận phê bình, sau vụ bội thu đó, tiểu thuyết lại mất mùa, rồi cứ xanh xao, còi cọc và dẹo dẹo mãi không sao vực lên được. Mặc dù tiểu thuyết vẫn được đề sòn sòn. Có tác giả chưa đầy một năm đã đề đến bốn lứa, lứa nào cũng đề huề. Cuốn sách nào cũng nặng, ước bằng vuông gạch xi. Chúng xô đẩy nhau, chen chúc nhau, ngồn ngộn nằm ngả ngớn trên giá sách trong cửa hiệu quốc doanh và các ki-ốt vỉa hè. Một vài nhà phê bình kiêm nghề quảng cáo xà-phòng bột giặt còn dán lên đó nhãn hiệu OTK - bảo đảm chất lượng tuyệt hảo. Nhưng rồi, tất cả những lời có cánh đó cũng chỉ xao xác trên mấy vũng báo nhật tẻ, không đủ sức lay động

công chúng rộng rãi và những người trong nghề. Ở địa hạt thi ca xem ra lại có phần rôm rả và xôm trò hơn nhờ cuộc tranh luận về thơ hiện đại, thơ và phản thơ. Nhà thơ Trần Mạnh Hảo bỗng nhảy thách lên thành một nhà phê bình sắc lẹm. Anh là một hiện tượng phê bình ở thập kỷ này. Việc đúng sai, thời gian sẽ phán quyết, nhưng chí ít, có thể nói ngay được rằng: anh là một người thẳng thắn, dũng cảm, có chính kiến rõ ràng. Anh đã làm được một việc mà trước anh, dường như chưa có ai làm được, là khuấy động cái ao tù phê bình, biến cái vũng tĩnh lặng, dàu hiu ấy thành một sân khấu sôi động, không còn âm u, nhát tẻ với những lối diễn muôn thuở : hoặc xoa xoa đập đập lên không khí, hoặc rỗng rần loanh quanh trong quầng lý sự tù mù. Trần Mạnh Hảo vừa đánh trống gõ mõ, vừa hò hét tự cổ động mình. Và với một sự phần uất như đã được tích tụ từ hàng chục năm, anh cứ huỳnh huych bê từng chảo lửa, hất quyết liệt vào cái mà anh gọi là phản thơ, đặng muốn thiêu tất cả những gì phi thơ ra tro bụi. Dân làng vẫn được một phen tao tác. Thiên hạ đổ đến đông nghịt. Người vỗ tay hoan hô. Người im lặng đứng nhìn. Người dụi mắt ngơ vạc. Ai thế nhỉ ? Trần Mạnh Hảo à ? Làm gì có chuyện ! Một anh chàng phong tình, có tiếng đi mây về gió, bỗng dưng hoá tiểu thư khuê các, khép nép nép nhà, quyết bảo vệ đến cùng những thuần

phong mỹ tục. Hình như gã có ý đồ gì ? "Chẳng ý đồ gì cả. - Trần Mạnh Hảo bóp chát trả lời một phóng viên báo. - Tôi ngứa tiết là tôi phang đấy. Những anh ngứa thơ, phản thơ mà lại cứ huênh hoang nhắng nhít là tôi cứ cho một... hèo". Thế rồi kẻ nói đi, người nói lại. Cuộc tranh luận đã nhuộm màu sắc cái vĩa. Trong khi đó, thơ ca vẫn đi từng bước dò dẫm và nhể nhại. Bất cứ một cuộc cách mạng thi ca nào, muốn thành công được, đằng sau lý luận, phải có sự xuất hiện của một loạt tác giả có tài với những tác phẩm thực sự có giá trị nghệ thuật, chinh phục được công chúng rộng rãi, đặc biệt là công chúng có thị hiếu lành mạnh. Cuộc tranh luận âm ỉ của ta, rốt cuộc cũng chỉ xoay quanh có mấy cuốn sách còn đang ở dạng bán sản phẩm. Dường như nó mới chỉ là vật thí nghiệm ở trong phòng thí nghiệm cá nhân. Người ta chỉ ngửi thấy mùi phê-nôn, mùi ê-te, mùi lưu huỳnh, và gần gũi đâu đó là mùi vi trùng chết, chưa thấy mùi vị của sự sống đã được thuần chủng. Đối với những sản phẩm đó, khen theo kiểu "*bốc thơm*", hay chê có tính "*trừ dập*" cũng đều thô bạo. Tốt nhất cứ để xem nó là ngô hay là khoai đã. Các nhà phê bình chớ vội gán cho nó nhãn hiệu *Thơ hiện đại*. Nếu *thơ hiện đại* mà toàn thấy những "đờm, rớt dãi, tình khi phì phào..." như Trần Mạnh Hảo lôi ra một lô một lốc trong hàng loạt bài viết sôi sục của anh thì

người ta hải đến khiếp vía. Nói như nhà thơ Mỹ Langston Hughes: "Tôi sợ cái văn minh này lắm". Vâng, tôi cũng sợ lắm, ông Hughes ạ. Thà bị kết án là không hiểu được thơ hiện đại, tôi cũng đành vái dài nền văn minh ấy, quay về hang động xưa sống kiếp sống người rừng.

2

Bù cho những thất bát ấy, may sao, truyện ngắn lại được mùa. Cứ im lặng mà làm mùa. Đi vào xứ truyện ngắn mới thấy thương thế giới thi ca. Hoá ra những anh nhà nghèo thường lại hay xô xát, cãi vã, nhất là những khi tết nhất hay giỗ chạp. Còn nhà giàu, họ im ắng lắm. Được mùa mà vẫn im lặng. Cứ ngậm miệng ăn tiền. Tôi hình dung truyện ngắn là cái anh chàng nhà giàu ngậm miệng ấy.

Phải nói rằng hiện nay, tìm một cái truyện ngắn hay, quả không khó lắm. Ngay cả những tờ báo hẻo lánh, kể cả báo chuyên ngành, rất xa văn chương, cứ lần trong đó, thỉnh thoảng ta vẫn vớ được cái truyện đọc thú vị. Có truyện vừa in ra đã hoá kinh điển. Nhìn tên tác giả lại lạ hoắc. Đa số họ trẻ. Rất trẻ. Có người chưa đến tuổi hai mươi. Không ít tác giả mới xuất hiện đã tỏ ra lão luyện. Cứ như họ viết từ rất lâu rồi. Họ tung hoành ở truyện ngắn, còn thử nghiệm đặc địa ở một thể loại còn khó hơn. Đó là truyện *mi - ni*. Khi tạp chí *Thế*

giới mới mở cuộc thi truyện cực ngắn, nhiều người đã nghi ngờ, cho đó là một trò chơi thông minh của toà soạn nhằm để bán báo, chứ có mấy ai nghi đó là cuộc thi văn chương. Làm gì có văn chương trôi chảy trong mấy trăm chữ. Thế rồi cuộc thi kết thúc. 40 *truyện cực ngắn* ra đời cùng với những lời bình tinh tế và sắc sảo. Có lời bình còn hay hơn cả truyện. Nó thực sự là một quầng sáng rọi vào hang động buồn tẻ, để những nhũ đá âm u bừng lên những màu sắc rực rỡ. Thật đúng là những người tài ngầm nhau.

- Quả truyện ngắn bây giờ rất đáng chú ý. - Nhà văn Lê Khắc Hoan ở tạp chí *Thế giới mới* nói với chúng tôi. - Nhưng nếu muốn đọc truyện ngắn hay thì lại phải tìm ở *Văn nghệ quân đội*, ở chính chỗ các anh đây !

Thấy chúng tôi có vẻ ngờ vực, anh cười :

- Tôi không xă giao đâu. Thơ chỗ các anh thường thôi. Lý luận cũng thế, cái được, cái không. Nhìn chung còn nhạt. Nhưng truyện ngắn thì tuyệt vời. Số nào cũng có được một cái hay. Tôi có cảm giác những truyện hay nhất đều dồn hết về cuộc thi ở *Văn nghệ quân đội*.

Sự thực chả biết có thật thế không. Nhưng bạn đọc thì rất thành thật. Họ không chỉ nói miệng. Nói cả bằng văn bản. Hàng trăm bức thư tới tập

gửi về biểu dương truyện ngắn dự thi. Có bạn còn tham gia chấm giải, sắp xếp những truyện nhất nhì ngay từ khi ban chung khảo còn chưa thành lập.

Bây giờ cuộc thi đã kết thúc. 22 tác phẩm trong tổng số hơn 2.600 truyện ngắn đã giành được giải thưởng.

Mỗi tác phẩm ra đời - nói như nhà phê bình Xuân Diệu - cũng giống một con thuyền vừa được hạ thủy. Thoạt đầu nó nhấp nhô cao thấp không phải bằng sức nặng của nó. Đó là sự chìm nổi của làn sóng dư luận mang màu sắc cảm tính. Rồi triều êm, bể lặng, lúc đó nó mới hiện ra với đúng sức nổi đích thực của mình.

3

Nhà văn Khuất Quảng Thụy nhớ hẳn nửa người qua khỏi cái bàn nước bắt tay tôi. Bàn tay chắc khự như gọng kìm. Anh là một nhân vật quan trọng, người trực tiếp theo dõi cuộc thi, là biên tập viên, trưởng ban sơ khảo, đồng thời cũng là thành viên của Ban chung khảo. Bây giờ anh đang ngồi trước tôi, bên cái bàn trà. Chiếc quần soóc bình dân in nhãn hiệu Trung Quốc. Bắp thịt nổi cuộn cuộn. Đạo này anh đẩy ra, trông đã có dáng một anh địa chủ, nhưng vẫn lấm láp, lam lũ như một gã thợ đấu. Mà không, anh là thợ đào vàng. Suốt

hai năm qua, anh và những người cộng sự đã cần mẫn đào đãi, sàng lọc đến trên 2.600 tấn quặng, tấn đất đá để chọn ra bốn mươi thỏi vàng, trình cho Hội đồng, rồi lại cùng với họ, gạn lọc tiếp lấy 22 thỏi, xác định tuổi vàng, rồi trao cho công chúng rộng rãi. Tôi nhìn đồng quặng ngòm ngợp như một trái núi sau lưng anh, hỏi :

- Có oan không ?

- Cái gì ?

- Oan ỨC. Bác có thấy tiếng ta thán gì ai oán trong cái đồng này không ? Biết đâu còn có đá ru-bi hay hồng ngọc mà các bác bỏ sót thì sao ?

- Làm sao mà sót được. Nếu sót tự nó sẽ phát sáng chứ. Văn hay không thể giấu được. Tự nó toả hương và người ta sẽ biết ngay.

Anh bắn một điều thuốc lào, với dáng vẻ mãn nguyện, rồi trao cái điều cây cho tôi :

- Chúng tôi cần nhắc kỹ lắm, nhất là những trường hợp mập mé giải thưởng. Ví như Phạm Ngọc Tiến hay đặc biệt Phạm Thị Ngọc Liên. Liên gửi ba truyện. Tất cả đều khá. Viết lại rất nghệ. Nhưng so với chính Liên, ở những truyện đã dự thi trước, như *Bão rớt*, *Chuối hạt của con cáo*, thì lại không ấn tượng bằng. Phạm Ngọc Liên là một cây bút có tìm tòi. Văn chị có xu hướng thị dân, xu hướng sa-lông. Tất nhiên nếu chị đạt được đến

đỉnh cao của khuynh hướng ấy, như Sagan chẳng hạn, thì đã đi một nhe. Tiếc ở đây, ngòi bút chị chưa đến độ. Nó chưa chín.

- Thế còn Nguyễn Thị Thu Huệ ? Có người thích *Mi nu*, có người lại biểu dương *Cõi mê*. Và họ cho rằng, hai truyện ấy tiêu biểu hơn hai truyện được giải ?

- Truyện của Thu Huệ, có người thích *Hậu thiên đường*, có người thích *Cõi mê*. Nghĩa là văn chị rất phong phú và đa dạng. Ban chung khảo không chọn truyện *Mi nu* vì nó không tiêu biểu cho dòng văn Thu Huệ.

- Anh có nhận xét gì về cuộc thi này ?

- Cái tôi muốn nói là sự đa dạng. Đặc biệt là đa dạng về mặt phong cách. Giữa Thu Huệ và Phạm Trung Khâu, lối viết đã khác nhau rồi. Những cặp đứng ở giải nhì cũng thế. Hồng Nhu và Phạm Trung Khâu, Phạm Trung Khâu với Nguyễn Thế Tường. Hoàn toàn khác biệt nhau. Hay như Lưu Sơn Minh nữa. Minh viết rất lạ. Cách viết khá độc đáo, vừa kết hợp được tính dân tộc, cái lối truyện truyền kỳ trong văn học cổ, nhưng lại hiện đại. Còn Hoàng Dân lại đi theo nẻo hiện thực nghiêm ngặt. Truyện chỉ kể về một trận đánh hoàn toàn hiện thực. Thật đến mức như ghi chép. Điều tôi muốn nói thêm nữa ở cuộc thi này, là cái nền

chung rất cao. Xuất phát điểm rất cao. Không có sự ngây ngô, lơ ngơ, ngay cả ở tác giả còn ít tuổi như cháu Nhung. Truyện của cháu không được giải, nhưng đọc là người ta nhớ.

- Có người tiếc cho Nguyễn Quang Thiều. Có người còn nghĩ anh sẽ được giải cao. Hoá ra lại giải tư. Một giải khiêm nhường nhất.

- Truyện của Nguyễn Quang Thiều gây tranh cãi rất nhiều trong Ban chung khảo. Tôi thấy cái truyện có ấn tượng. Nhưng không giành được điểm cao, vì khó đạt được sự nhất trí.

- Khó nhất trí ở chỗ nào ?

- Cách đánh giá rất khác nhau. Có người cho đây là một truyện viết về chiến tranh và là một cái truyện vào loại khó viết. Có người lại thấy khó chấp nhận vì nó giả, mang đầy tính sắp đặt, ví như nhét hai người đàn bà chung một số phận vào một cái rọ là cái nhà nhỏ nằm bên sông. Quảng thời gian chia ly cũng có cái gì vô lý, vì suốt thời gian hoà bình rất dài, đến khi xảy ra chiến tranh, chừng bảy tám năm, sao người lính lại không một lần nào gặp được vợ. Những lần gặp hụt đầy chất bố trí. Tác giả sắp đặt ra thế. Cái chi tiết gói bánh chưng rất nhiều mỗi lần tết đến, ở phần đầu truyện thì hay và xúc động, phần cuối cũng chi tiết

này lấy lại thì lại giá. Nó không còn xúc động nữa. Về mặt xây dựng nhân vật, hai bà cũng loà nhoà, mang đầy chất khái niệm, không ra người đàn bà thời chống Pháp. Ngôn ngữ cũng không rõ. Nghĩa là có thể lấy lời bà này lấp vào miệng bà kia. Truyện của Thiều, thường có những chi tiết vô lý. Ngay cả cái truyện trước đây đã từng được giải cao như *Mùa hoa cải bên sông*. Nếu cứ xét lý thì làm gì có chuyện chôn người ở dưới lòng sông, rồi hàng chục năm trời thù ghét đôi bờ trong khi hàng ngày vẫn phải ăn hạt gạo của bờ.

- Nhưng đó vẫn là một cái truyện ngắn hay. Ở truyện này, tôi thấy anh viết kỹ đến từng chữ. Chi tiết hay nhất, gây ấn tượng nhất là việc ông lão chôn vợ ở dưới lòng sông. Nhưng đây cũng là chi tiết khiến người ta cần cái. Lẽ ra Nguyễn Quang Thiều nên đẩy cái truyện ra xa, biến nó thành chuyện của trái đất, như Tr. Aitmatốp đã đưa truyện *Con chó hoang chạy trên bờ biển* của ông vào một vùng không xác định, không ở thời nào, cũng không ở một quốc gia cụ thể nào. Đằng này, Thiều lại đặt truyện vào bối cảnh Việt Nam thì người ta sẽ lấy ngay Việt Nam làm thước đo, làm kiểm chứng, và sẽ thấy nó giá, vì phong tục Việt Nam không phải thế. Đối với người Việt, nghĩa tử là nghĩa tận. Không ai ác với người đã chết đến nỗi không cho họ một mẩu đất chôn. Ở ta, đã từng có

những nạn dịch, chết đến hàng nửa làng. Biết nguy hiểm, nhưng người ta vẫn chôn người chết rất tử tế, dù biết có thể ngay sau đám tang, lại tới lượt người khác đến đưa đám mình. Thêm nữa, đối với dân thuyền chài, không cho chôn chỗ này, người ta chôn chỗ khác. Bờ bãi sông nước dài ngút ngát, lại mênh mông hoang vắng, ai theo giữ hết được, việc chỉ phải vùi vợ xuống dưới lòng sông. Tuy nhiên, điều đáng tiếc nhất ở cái truyện ngắn đã từng được giải cao này là nó quá giống một cái truyện của nhà văn Mỹ nổi tiếng James Fenimore Cooper. Truyện kể về Floting Tom, một tên cướp biển tàn bạo. Hắn trún đoạt bao nhiêu vàng bạc, của cải của dân chúng. Rồi hắn tách đồng loại, tìm nơi riêng tiêu thụ của cải đã cướp được. Nhưng đối với tội ác dã man mà Floting Tom gây ra, hắn không còn chỗ dung thân. Đến đâu, hắn cũng bị săn đuổi trả thù. Hắn bí mật dong nhà thuyền của hắn qua các hẻm sông thì những người da đỏ truyền trên cây như rắn. Họ quyết tiêu diệt hắn. Cuối cùng, hắn phải giấu nhà thuyền ở giữa vùng hồ. Xung quanh là rừng rậm che phủ. Vậy mà hắn vẫn bị truy kích, đến nỗi khi vợ chết, hắn phải chôn vợ xuống dưới lòng hồ. Rồi hai chàng trai trên bờ, trong đó có một chàng thuộc bộ tộc da đỏ, do mê con gái hắn (khi cuối chuyện người đọc mới biết là con riêng vợ hắn) đã đứng về phía hắn, bảo vệ hắn. Nhưng rồi hắn vẫn không thoát khỏi cái chết. Những kẻ báo thù

đã lột da đầu hần. Rồi các con hần cũng lại phải chôn hần xuống dưới lòng hồ. J. Cooper viết rất cuốn hút, hấp dẫn. Mọi tình tiết đều hợp lý, nhất là chi tiết chôn vợ dưới lòng hồ. Tự chi tiết này đã mang một ý nghĩa rất sâu sắc. Cũng chi tiết ấy, ở ông lão thuyền chài Việt Nam, lại thấy có gì bất ổn. Nhưng thôi. Đó là chuyện của mùa giải trước. Còn ở cuộc thi mới này, anh có còn điều gì tâm đắc nữa không?

- Tôi muốn nói thêm tí chút về các giải thưởng. Ở cuộc thi lần này, không có giải khuyến khích mà lại có giải tư. Đó cũng là chủ trương của Ban giám khảo. Đã là văn chương, cứ lấy giá trị nghệ thuật mà xét. Giải tư là giải chính thức, chứ không phải là khuyến khích. Trước đây ta hay khuyến khích đề tài, khuyến khích vùng đất. Bây giờ không có chuyện khuyến khích hay ưu tiên ưu đãi nào hết. Cứ hay là trao giải. Có điều, trong 18 tác giả được giải, không có ai ở trong quân ngũ. Điều đó chứng tỏ sự công tâm của Ban giám khảo, tuyệt không có sự thiên vị nào. Mặt khác cũng có thể coi đó như là một sự báo động về lực lượng viết trong quân đội hiện nay ngày một ít đi. Cuối cùng, tôi muốn kể đôi điều về Trần Tấn Quang Huy một tác giả rất trẻ, bằng tuổi Lưu Sơn Minh. Cái truyện *Tuổi thơ vắn dậm* của Huy do Minh phát hiện. Minh đọc thấy hay và xui gửi đi thi. Rồi Minh trực tiếp mang đến

toà soạn. Đó là ngày hẹn chót cuối cùng. Đêm 31-5. Đêm đó, tôi đi vắng. Minh nhét qua khe cửa. Không ngờ cái truyện lại được giải. Điểm bỏ phiếu bằng điểm của Minh : 7,85. Như vậy, hai anh bạn trẻ đã dắt díu nhau vào giải thưởng. Ở cuộc thi này, có lẽ cũng phải nói đến sự có mặt của nhiều cây bút đàn anh : Ngô Văn Phú, Lý Biên Cương, Dương Hương, Sĩ Hồng. Một số tác giả đã từng được giải cao trong các kỳ thi trước cũng về góp mặt : Y Ban, Bảo Ninh, Dạ Ngân, Hoà Vang. Hoà Vang tham dự một cái truyện mang chất biến ảo. Truyện *Hư ảnh*. Nhưng để biến ảo, anh cũng phải phù phép, hò hét mãi mới *biến* được. Lưu Sơn Minh trong *Bến trần gian* thì lại chẳng phải phù phép gì. Nếu cần *biến* thì anh ta *biến* ngay. Đây là cái khác biệt giữa hai thế hệ.

Rời căn phòng Khuất Quang Thụy, tôi quay sang nói chuyện với Nguyễn Khải, một nhà văn thuộc hàng quái kiệt. Ông sinh ra dường như là để chống lại tạo hoá. Sắp đến cái tuổi "cổ lai hi" rồi mà tiếp xúc với ông, vẫn không thấy ở ông có dấu hiệu của tuổi già. Chưa nói đến sức bút, cứ nhìn ngay dáng điệu bên ngoài của ông : Tóc đen mượt. Gương mặt lúc nào cũng sáng vàng vạc. Dáng đi lại duyên dáng uyển chuyển. Hai tay ve vẩy như một tiểu thư đang ở tuổi kén chồng. Bây giờ, ông đang ở cách tôi gần hai ngàn cây số. Nói chuyện

với ông, tôi không nhìn thấy mặt mà chỉ nghe thấy tiếng. Cái mà tôi nhìn thấy là sợi dây liên lạc nối tôi với ông, sợi dây điện thoại đen trũi lặn hút xuống chân tường. Bởi vậy tôi cứ có cảm giác rờn rợn như đang nói chuyện với ông Thần Đất. Thần Đất là một vị thần linh thiêng được thờ phụng tôn kính ở ngay trong nhà. Thần biết tỏ mọi chuyện, chuyện trên trời, và tất nhiên là cả chuyện dưới đất. Thần thường báo mộng, mách bảo gia chủ bao nhiêu đường đi, nước bước. Điều tôi muốn hỏi Thần cũng vẫn chỉ luẩn quẩn quanh cuộc thi truyện ngắn.

- A lô ! Khái đây !

- Vâng, xin chào đại ca. Xin chúc mừng đại ca đã lên chức bố vợ !

- Ờ, ờ... Thế có chuyện gì thế, ông Khoa ? Đây, cuộc thi truyện ngắn của ta là hách lắm đấy.

- Vâng, truyện ngắn thì bao giờ cũng hách. Nhân đây cũng muốn hỏi đại ca. Theo ý đại ca, như thế nào là truyện ngắn hay ?

- Truyện ngắn hay, theo mình, ý tưởng phải mới lạ, sâu sắc, có tính nhân bản cao. Nó phải phản ánh được, hoặc xa, hoặc gần xã hội Việt Nam, con người Việt Nam, đất nước Việt Nam vừa xa xưa, vừa hiện tại. Truyện ngắn hay phải là một truyện... khó viết, không phải ai viết cũng được.

- Thế với quan niệm ấy, soi vào cuộc thi này, đại ca thấy sao ?

- Tôi đã đọc kỹ số truyện Ban sơ khảo đưa. Nói chung là rất thích, không có truyện nào quá yếu kém, gượng ép. Tất nhiên có truyện rất hay, truyện hay vừa, có truyện đọc được. Tôi rất ngưỡng mộ cách viết của Phạm Trung Khâu với *Tiếng vạc sành*, Hồng Nhu với *Vịt trời lông tía bay về*, Phạm Duy Tương với *Một quãng đời và cả cuộc đời*, Nguyễn Quang Thiều với *Hai người đàn bà xóm trại*, Lưu Sơn Minh với hai truyện *Bến trần gian* và *Duyên nghiệp*. Cả hai truyện này đều hay cả. Nhưng *Duyên nghiệp* nhuần nhị hơn, lạ hơn. *Bến trần gian* thì ngòi bút chưa tới được cội ấy. Thu Huệ có hai truyện. Tôi thích *Hậu thiên đường* hơn. Huệ viết rất có nghề. Nhưng chính vì có nghề rõ quá mà lại không tạo được sự sùng sốt, bàng hoàng như Phan Thị Vàng Anh. Thu Huệ và Phan Thị Vàng Anh là hai cây bút được bạn đọc quan tâm nhiều. Họ có hơi văn của ngày hôm nay. Tôi cũng thống nhất với những ý kiến đánh giá cao những truyện viết về đề tài người lính, đề tài chiến tranh, như truyện của Hồng Nhu, truyện của Nguyễn Thế Tường, truyện *Chiều vô danh*, Truyện *Những người thọ nạn* của Hoàng Đình Quang cũng là một truyện hay. Nó có ý nghĩa đoàn kết dân tộc. Đã là người Việt Nam thì phải thương yêu nhau, sẵn sàng xả thân để cứu nạn cho nhau. Truyện *Con gấu Romantique* quá, lâm li quá, đọc không được thích

lắm. *Chỗ dựa* và *Hoa oải hương* của Trầm Hương và Phạm Thị Ngọc Liên thì lại nhẹ quá, hơi vắn cụt cụt thế nào.

- Tóm lại, đại ca có thấy yên tâm về giải thưởng kỳ này không ?

- Truyện ta hách lắm đấy. Nói chung, truyện ngắn đang hay lên. Hay cũng vì viết truyện ngắn, người ta còn có thời gian để làm văn. Những truyện được giải của ta là những truyện ngắn hay của nền văn học ta vào những tháng năm này.

Buổi chiều, tôi tìm đến nhà Xuân Thiều. Bà vợ nhà văn, một thiếu phụ trắng trẻo, chủ hiệu máy giặt Nhật, tươi cười chỉ lên trên đỉnh giờ. Xuân Thiều đang *ngủ* trên đó. Tôi bước theo những bậc thang lát gạch hoa. Xuân Thiều đang viết trong phòng lạnh, có máy điều hoà nhiệt độ điều khiển từ xa. Ông kéo tôi ra ban-công, mang theo một chai rượu Pháp Martel. Trên nền gạch bông, một chiếc chiếu hoa đã được trải sẵn. Hoá ra đây là cái vườn Thượng uyển của nhà văn. Xung quanh rợp những chậu cảnh. Xuân Thiều rót rượu ra cốc. Trông ông có dáng dấp của một vị bá tước.

- Bác làm bém một cái *Chiến tranh và hoà bình* đi. Ở đây có thể làm được mọi thứ đấy. Hình như đã có sẵn đầu đó rồi, chỉ còn xếp ra giấy.

- Minh lại đang muốn trốn đấy. - *Bá tước* Xuân Thiều tùm tùm. - Ngày mai mình đi Đại Lải. Ở đây

chẳng thiếu chi, cần uống gì, ới cái, người ta mang lên tận miệng. Nhưng ồn lắm, suốt ngày khách.

Và rồi, như một lời ứng nghiệm, cháu ngoại nhà văn, một cô bé chừng ba tuổi, trắng trẻo và mũm mĩm như búp-bê Nhật, lững khựng bê lên cho ông một vị khách. "Ai đấy?" Ông âu yếm hỏi cháu gái, rồi đón lấy cái ống điện thoại. Chờ dứt câu chuyện của nhà văn với một vị khách vô hình, tôi hỏi:

- Bác thích những truyện nào trong cuộc thi này?

- Tôi thích *Mùa đông ấm áp*. Cái truyện viết rất giản dị. Nó nêu lên một vấn đề về con người. Đâu phải đàn ông cứ trông thấy gái là tít mắt. Con gái cũng đâu phải cứ đi với đàn ông là hư hỏng cả. Huệ nó thanh minh được cho nhiều người lắm đấy. Tôi thích truyện này hơn *Hậu thiên đường*. Nó ấm áp và ưu ái. Ở đây, Huệ bộc lộ một năng khiếu quan sát tinh tế. Văn viết giỏi, tuy có lúc hơi điệu dàng. Nhiều câu không đáng ngần, Huệ cũng cắt ra thành hai ba chữ...

- Thế còn những truyện khác?

- Nhiều truyện viết giỏi lắm. Ví như truyện *Vịt giời lông tía bay về*. Đây là cái truyện rất khó viết, vì nó chẳng có quái gì cả. Chỉ có mỗi việc một anh đi bộ đội nghĩa vụ quân sự. Nó là chuyện tuyến quân. Một đề tài rất khó viết và viết được cũng rất

khó hay. Hồng Nhu đã khéo đưa việc đó vào chuyện của một gia đình nông dân trên đầm phá, từ đây khai thác những tập quán, phong tục của một miền sông nước. Người ta thấy truyện có bề dày cuộc sống. Viết được như thế là giỏi lắm.

- Ngoài *Vịt trời lông tía*, những truyện khác viết về đề tài chiến tranh và người lính, bác thấy sao ?

- Nói đến truyện viết về đời lính, phải kể đến *Một chuyện đau lòng*, và *Hồi ức binh nhì*. Đó là hai truyện xinh xắn và cảm động. Tuy nhiên, nói cho thật công bằng, hai truyện này cũng mới chỉ là những cái chuyện kỷ niệm sâu sắc viết giỏi. Tác giả có am hiểu đời lính. Truyện đậm chất lính. Chỉ tiếc là nó vẫn chưa đủ da thịt. Nếu đủ da thịt, chắc nó sẽ giành giải nhất. Tác giả này, chắc là còn rất trẻ...

Bàn về thế hệ trẻ, những người đang góp phần đắc lực làm nên diện mạo của nền văn học đương đại, nhà văn thiếu tướng Hồ Phương cười chồm chim :

- Trong các tác giả trẻ, Thu Huệ là một cây bút rất sắc sảo. Đọc Huệ, tôi ngạc nhiên lắm. Sao còn ít tuổi mà Huệ lọc lõi thế. Nó như một con mụ phù thủy lão luyện. Nó đi guộc trong bụng mình. Ruột gan mình có gì, hình như nó cũng biết cả. Sơ thật đấy. Nhưng mà này, - thiếu tướng bỗng trầm hẳn

giọng, - người mà như thế là khổ đấy. Biết nhiều, và cái gì cũng biết là rồi khổ lắm. Chẳng sung sướng đâu...

Ngừng một lát, Hồ Phương tiếp :

- Mà tôi cũng lấy làm lạ, ngòi bút Huệ rất đa dạng, viết cái gì ra cái đó. Viết về kẻ bợm trợn, thì ra ngay thằng bợm trợn, mà ngoắt cái viết về con nhà lành thì cũng đúng là con nhà lành. *Mùa đông ấm áp* là cái truyện viết về con nhà lành, chứ đâu phải viết về tình yêu. Yêu đương gì mà lại như thế. Thằng cha trong chuyện là một gã lười đời, hần đã chán chê trong tình trường, đã từng bỏ vợ, giờ hần chơi cái trò cao thượng, chơi trò tình yêu. Tất nhiên, cái nhân vật cao thượng này là nhân vật dở. Tôi không thích. Tôi thích cô gái con nhà lành và thiên nhiên. Ở đây, có thể xem thiên nhiên cũng là nhân vật.

Còn tôi, người thực hiện cuộc du ngoạn lan man đây ngẫu hứng này, tôi không có gì để mà bàn cả. Chỉ kính cẩn ngả mũ vái chào 22 ngọn tháp vàng của Văn nghệ quân đội. Giờ tôi xin nhường những kỳ quan ấy cho bạn đọc chiêm ngưỡng và đánh giá.

10.1994

QUYẾT ĐỊNH CUỐI CÙNG VĂN LÀ CÁC NHÀ VĂN

*Trò chuyện với nhà văn Vũ Tú Nam nhân kỷ niệm
40 năm ngày thành lập Hội nhà văn Việt Nam
(1957-1997)*

Vũ Tú Nam : Ai đấy ? Xin mời vào ! A, chào Khoa, có chuyện gì thế ?

Trần Đăng Khoa : Chẳng có chuyện gì cả. Đến quấy anh chút thôi ! *(Lặng lẽ ngắm chủ nhà)* Anh Nam ạ! Anh em người ta tỉnh quái lắm. Cứ như là ma xó ấy. Chẳng có gì lọt qua mắt các ông nhà văn được...

Vũ Tú Nam : Sao ?

Trần Đăng Khoa : Người ta bảo, anh là người tốt bụng và đức độ. Trông anh có dáng dấp của một ông Từ giữ đền. *(Vũ Tú Nam bật cười khùng khục)*. Anh em đã tin anh, đã chọn anh làm ông Từ, coi giữ một ngôi đền thiêng, có cái tên rất hiện đại : *Hội nhà văn Việt Nam*.

Vũ Tú Nam : À, chắc ông lại muốn hỏi chuyện Hội nhà văn chứ gì ?

Trần Đăng Khoa : Vâng ! Anh cũng là một con ma xó đấy !

Vũ Tú Nam : *(lưỡng lự)* Nhưng mà, mình nghĩ rồi. Ông Từ bây giờ về giữ nhà cho vợ rồi ! Ông nên tìm mấy ông Từ đương kim ấy. Ông Diễm, ông Thịnh ... À, mà nhà ông Diễm kia kia. *(Chỉ một ô cửa sổ buồng rèm, chếch bên phía trái phòng khách)*. Có ánh đèn. Ông ấy đang có nhà đấy ! Sang đi !

Trần Đăng Khoa : Nhưng chính ông Diễm, ông Thịnh lại xui tôi đến kêu cửa anh. Anh là người có mặt trong những ngày đầu tiên ra đời Hội nhà văn. Anh cũng đã từng cai quản Hội. Bây giờ, anh là một *già làng*, cùng với Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi. Đây là những pho từ điển sống của Hội. Muốn biết thì chỉ có đi gõ cửa các *già làng* thôi. Vậy cái lúc khai sinh Hội, *già làng* đang làm gì ?

Vũ Tú Nam : Tôi còn trẻ lắm, mới 28 tuổi, đang ở phòng Văn nghệ quân đội. Khi ấy, chưa có Nhà xuất bản Quân đội, cũng chưa có Tạp chí Văn nghệ quân đội. Nhưng văn chương thì đã rất rôm rả rồi. Thơ ca lúc ấy toàn những *mất nhung, mất huyền, đường vào tim, rồi bản tình ca êm ái*, hoặc ác chiến hơn nữa : *Tôi là tên nô lệ khổng lồ*. Thế rồi lại chấp tay xá nhau : *Đại huynh lớn lắm ! Lớn lắm !*. Lúc đó, đã có nhiều vấn đề văn học đặt ra trong thời bình với những ý kiến rất khác nhau, thậm chí trái ngược nhau.

Trần Đăng Khoa : Anh còn nhớ ngày thành lập Hội không ?

Vũ Tú Nam : Hội thành lập vào tháng Tư. Nhưng trước đó, ngay từ Tết năm 1957 đã rục rịch rồi. Cuối tháng 2-1957, Đại hội văn nghệ tiến hành trong mười ngày. Bác Hồ có đến dự. Tôi còn nhớ Bác khoác tấm áo bộ đội đã cũ. Người có vẻ mệt. Thỉnh thoảng, Bác lại húng hắng ho. Bác bảo : "Tôi là người rất yêu văn nghệ". Rồi Bác khuyên văn nghệ sĩ cần phải biết trau dồi đạo đức cách mạng, mà đức tính quý nhất là khiêm tốn, phải luôn đoàn kết và không ngừng học tập. Bác cũng nhấn mạnh đến những thuận lợi, khó khăn của cách mạng. Bấy giờ hoà bình, nhưng tình thế lại rất phức tạp. Ngô Đình Diệm cố tình chia cắt đất nước. Ta lại đang sửa sai cải cách ruộng đất. Tờ báo *Nhân văn* bấy giờ đang còn ảnh hưởng rất xấu trong đời sống cộng đồng.

Trần Đăng Khoa : Những người dự Đại hội văn nghệ năm ấy, anh thấy có những ai ?

Vũ Tú Nam : Đông lắm. Chị Thái Thị Liên. Chị Thuý Ngân, Anh Đỗ Nhuận, các anh Nguyễn Văn Tý, Hồ ZĐếnh, Bàn Tài Đoàn, Y Đơn và nhiều anh chị khác nữa. Cũng trong đại hội ấy, anh Lưu Quý Kỳ bị một nhóm người công kích và mạt sát. Họ nhí nhắng như những con rôi ấy. Nhưng cũng hay, bác Hoàng Ngọc Phách chủ trì rất cứng cáp, nên cuộc bầu cử Ban chấp hành Hội liên hiệp văn diễn ra suôn sẻ. Bác Tú Mỡ được nhiều phiếu nhất.

Trần Đăng Khoa : Thế còn Đại hội Hội nhà văn?

Vũ Tú Nam : Đại hội Hội nhà văn tiến hành vào đầu tháng 4-1957, tại câu lạc bộ Đoàn kết, ở gần Nhà hát Lớn bây giờ. Chúng tôi nhận được giấy mời của Ban tổ chức mời đến dự, và thế là nghiêm nhiên trở thành hội viên Hội nhà văn. Trong Đại hội, có những tham luận rất đáng chú ý. Đây là tham luận của anh Nguyễn Khải. Anh ấy phê phán những người võ ngực, tự coi mình là *lớn*, với những cái "*sâu sắc*" giả tạo. Anh Phùng Quán công kích thói viết ẩu, chạy theo đồng tiền. Bài nói của anh Quán khá tâm huyết, nhưng anh ấy vẫn không quên nói móc một vài người. Cái ông này, ngay từ hồi ấy, đã có cái tật là cứ thích móc móc ...

Trần Đăng Khoa : Anh Phùng Quán bị dị nghị, tôi nghĩ có lẽ cũng là do cái miệng tuềnh toàng như thế, chứ xét ở tác phẩm, anh ấy rất trong sáng và lành mạnh. Đó là người rất tin yêu Đảng, yêu Tổ quốc và nhân dân. Có khi còn yêu một cách nồng nhiệt và ngây thơ nữa. Đạo ấy, có lẽ anh ấy đang viết *Vượt Côn đảo*.

Vũ Tú Nam : *Vượt Côn đảo* có rồi chứ ! Nói tiếng lăm. Cuốn sách ấy ra đời từ năm năm sáu (1956) do chính tôi biên tập. Sau này, anh Quán hay đến thăm tôi, anh ấy cứ bảo là tôi đã đưa anh ấy vào con đường văn. Thực tình thì không hẳn thế đâu. Sau ngày hoà bình, nhóm anh em viết văn trong quân đội hay được phòng văn nghệ, cho

xuống các cơ sở thâm nhập thực tế. Anh Nguyễn Khải xuống Hải Dương viết Mạc Thị Bưởi. Anh Phùng Quán ra Sầm Sơn gặp anh em tù chính trị vượt ngục rồi viết *Vượt Côn đảo*.

Trần Đăng Khoa : Anh thấy cuốn sách ấy thực sự thế nào ?

Vũ Tú Nam : Tôi rất hoan nghênh ! Anh em nói chung là khen. Rất khen.

Trần Đăng Khoa : Cuốn sách này, trước đây, tôi chỉ được biết qua dư luận. Anh Nguyễn Ngọc khen lắm. Anh Nguyễn Khải cũng rất khen. Gần đây, trong những trang hồi ức, nhớ về cái thời ấy, anh Nguyễn Khải vẫn dành cho *Vượt Côn đảo* những dòng rất trân trọng, có khi còn sùng kính nữa. Tôi cũng nghe nói trước đây, không ít người còn chép tay từng trang, còn thuộc lòng từng đoạn. Có lần Nguyễn Khải tâm sự : "Cha Phùng Quán ghê lắm. Hồi ấy lão có tí tuổi đầu, nghe người ta kể mà làm được cái *Vượt Côn đảo* hay đến như thế".

Một ngòi bút tầm cỡ như Nguyễn Khải mà còn bái phục *Vượt Côn đảo* thì không thể xem thường. Tôi đã nhiều phen tìm *Vượt Côn đảo*, mà không bói đâu ra. Thế rồi một lần, tình cờ tôi lại thấy *Vượt Côn đảo* bày bán tại quây sách tiếng Việt hiệu sách Hữu Nghị, ở Maxcova. Tôi mừng quá. Và anh Nam ạ, tôi đã mua hết số sách mà hiệu sách có, phải đến hơn trăm cuốn chứ không ít. Giá sách tiếng Việt bên ấy rẻ lắm, mua mà như được cho không. Nói thế để anh biết tôi yêu anh Quán đến

mức độ nào. Rồi tôi đem sách của anh ấy giới thiệu với bè bạn, trong đó có không ít những ông bạn Nga rất giỏi tiếng Việt. Tôi đã nói với tiến sĩ Nhiculin và nhà văn Marian Tkachốp : "Đây là niềm tự hào của nền văn học chúng tôi. Đây là Boris Pasternak của chúng tôi". Sau này, tôi mới thấy ngượng vì những lời huênh hoang, khuếch trương của mình. Khi ấy đang mùa thi ở trường M. Gorki, nên phải mãi đến kỳ nghỉ đông, tôi mới đọc được cuốn sách. Tôi đọc và kinh ngạc đến sững sốt, vì không ngờ cuốn sách dở quá. Tôi chưa thấy cuốn sách nào viết dở như cuốn *Vượt Côn đảo*. Đây là tôi chỉ nói riêng về văn chương của *Vượt Côn đảo* mà thôi. Đọc mà thấy thương anh Quán quá. Anh ấy là người bị kịch. Bị kịch đến hai lần.

Vũ Tú Nam : Tất nhiên, cuốn sách ấy đọc lại bằng con mắt bây giờ, có thể sẽ thấy nó ấu trĩ và sơ lược. Nó là sách một thời ...

Trần Đăng Khoa : Vậy thì ấn tượng nhất của anh ở Đại hội Hội nhà văn là gì ?

Vũ Tú Nam : Là một bữa chá cá. (*Túm túm cười*). Sáng 5-4, bế mạc Đại hội. Khoảng mười giờ rưỡi, trời lay phay mưa. Chúng tôi kéo nhau ra phố Lê Vọng, làm một bữa chá cá. Mỗi người góp 2.300 đồng. Bữa ăn đó có Vũ Ngọc Phan, Hằng Phương, Nguyễn Xuân Sanh, Hoàng Trung Thông, Trần Hữu Thung, Cẩm Lai, Xuân Từ, Xuân Hoàng, Minh Hiệu, Chu Ngọc. Anh Nguyễn Tuân đến muộn, nhưng vui lắm. Anh ấy bảo : "Cửa hàng chá

cá này có từ trước cách mạng Nga 1905". Anh Vũ Ngọc Phan bảo : "Tôi biết ông chủ cửa hiệu này. Biết từ khi ông ấy còn bé tí". Ông chủ hiệu "bé tí" của anh Phan lúc ấy đã là một người đàn ông tráng kiện, khoảng trên 30, dáng nhanh nhẹn, hoạt bát. Nhưng bữa đó, phục vụ anh em ăn, không phải ông chủ hiệu mà lại là ... Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân trực tiếp quạt chả cho từng người, như một anh đầu bếp thiện nghệ. Anh còn tất tả chạy đi xin cá trầu để phục vụ riêng chị Hằng Phương. Trông anh sinh động như con cá bơi lượn trong nước. Anh bảo : "Tôi vừa viết xong một cái về *phở*. Tôi sẽ viết tiếp một cái nữa về *chả cá*"... Có lẽ lúc ấy, anh không biết chính cái bài viết về *phở* ấy sẽ mang đến cho anh tai hoạ. Anh đã bị phê bình tơi bời ...

Trần Đăng Khoa : Tôi có nghe nhà văn Kim Lân nói về sự vụ đó. Kim Lân dẫn lời phê bình của một nhà phê bình thượng thặng. Đó là ... bà bán *phở*. Bà ấy bảo Nguyễn Tuân : "Cứ im im mà ăn nhá, ông nhá. Thiên hạ người ta ăn chán ra, ăn bao nhiêu cũng chẳng sao. Ông ăn được mấy tí mà đã bị mắng. Rõ khổ !" (*Vũ Tú Nam bật cười*). Ngẫm ra, cái thời ấy vui nhỉ. Hình như sau Đại hội I, anh rời quân đội ?

Vũ Tú Nam : Không ! Sau đó một năm kia. Hội nhà văn thành lập năm 1957. Đến tháng 5-1958, qua anh Văn Phác, lúc bấy giờ là trưởng phòng văn nghệ, kiêm chủ nhiệm tạp chí *Văn nghệ*

quân đội, Hội nhà văn muốn quân đội tăng cường cho Hội một trong bốn người : đó là Vũ Cao, Chính Hữu, Từ Bích Hoàng, Vũ Tú Nam. Qua bàn bạc, các anh ấy quyết định cho tôi tăng cường sang Hội. Chuyển ra đó, tôi làm báo *Văn học*, là thư ký toà soạn. Anh Nguyễn Đình Thi làm Tổng biên tập. Như thế, tính ra tôi làm quản lý hơi sớm. Suy cho cùng thì đây là một thiệt thòi. Tôi không được như anh Nguyễn Khải. Anh Nguyễn Khải sướng nhất. Anh ấy không phải làm quản lý, có thời gian mà viết. Thích gì viết nấy.

Trần Đăng Khoa : Tất nhiên, làm lãnh đạo ở Hội nhà văn là rất khổ rồi. Tôi không hiểu ở thời các anh thế nào, chứ bây giờ, trông Hữu Thỉnh mà tôi hãi quá. Quanh năm đầu tắt, mặt tối. Đúng là ăn cơm nhà, vác tù và hàng tổng. Nhà văn Nguyễn Khắc Trường bảo tôi : "Cha Hữu Thỉnh làm việc đến 20 tiếng một ngày. Suốt đêm duyệt bài, duyệt cả mấy tờ báo, mà lão đọc kỹ lắm, soi đến từng chữ. Ngày thì lại họp hành, phát biểu hội thảo, chúc thọ người già, thăm nom người ốm, rồi thì ma chay, phúng viếng, giỗ chạp. Hữu Thỉnh không quên ai cả, rồi còn bao việc sự vụ". "Thế lão ngủ lúc nào ?" "Có lẽ ngủ trong xe, ngủ lúc đi đường. Mà nhiều khi đi đường cũng không thấy lão ngủ. Tóm lại là mình cóc hiểu lão ra làm sao cả". Còn một thi sĩ ở tỉnh lên thì nói với tôi : "Thôi, không tính chuyện cao siêu đó, chỉ riêng cái việc đơn giản nhất là việc bắt tay và nở nụ cười tươi xanh bốn mùa với tất cả anh em trong Hội cũng đã đủ hết

hơi rồi. Hữu Thịnh là người khổ nhất Hội nhà văn".

Vũ Tú Nam : Nói thế cũng đúng. Làm lãnh đạo ở Hội nhà văn là phải chịu khổ, chịu hy sinh rồi, chí ít cũng hy sinh thời gian và sức lực. Hồi tôi làm, tôi cũng phải chịu trận, chẳng còn thiếu cái gì. Mà xét cho cùng, đối với một nhà văn, khi tổng kết một đời, thì cái còn lại vẫn là tác phẩm, còn mọi thứ sẽ qua đi hết. Anh viết được cái gì ? Anh có cuốn sách gì ? Thế thôi, chứ có mấy ai quan tâm anh chức vụ gì. Nhưng đối với một tổ chức như Hội nhà văn, thì lại rất cần, vô cùng cần những người quản lý, để phát hiện những tác giả trẻ, cho in những tác phẩm hay. Hồi tôi còn làm ở báo *Văn học*, chỉ trong có 5 năm thôi, báo cũng phát hiện được một số tác giả của thời đó mà sau này thành các nhà văn nổi tiếng, như chị Vũ Thị Thường với *Cái hom giỏ*, anh Chu Văn với *Con trâu bạc*, anh Ngô Ngọc Bội với *Bộ quần áo mới*. Khi làm ở báo *Văn nghệ* thì nhiều việc lắm, vì đó là những năm sau này, đời sống phức tạp hơn. Sự đòi hỏi của công chúng đối với văn chương cũng cao hơn. Nhưng hồi ấy cũng đã có phát hiện. Đó là cuộc thi thơ mà giải nhất là Phạm Tiến Duật. Đây thực sự là một ấn tượng rất mạnh đối với tôi. Và như thế, có thể nói, làm quản lý có thiệt thòi, vì thời gian để

viết bị ảnh hưởng, nhưng mình cũng tự hào, vì đã góp được một phần cùng với bạn bè, dù là rất nhỏ thôi, vào việc thúc đẩy tiến trình phát triển của văn học. Và rồi cũng qua đó, mình học được ở anh em nhiều bài học rất quý, nhất là những kinh nghiệm nghề nghiệp. Bây giờ, nhìn lại suốt quá trình 40 năm qua, tôi thấy Hội nhà văn có hai thời kỳ sóng gió. Thời kỳ thứ nhất là thời kỳ *Nhân văn, Giai phẩm*. Hồi đó phức tạp lắm. Phân biệt đúng sai thế nào rất khó. Gò bó quá thì bất lợi cho sáng tác, nhưng tự do vô chính phủ thì cũng không thể được. Thời sóng gió thứ hai chính là thời tôi lên làm Tổng thư ký thay anh Thi. Hồi ấy các nước Đông Âu tan vỡ. Nhiều giá trị bị đảo lộn. Những chuyện lộn xộn ấy đều tấp vào ta, gây không ít rắc rối. Nhiều anh em cực đoan lắm. Mà những chuyện lộn xộn như thế, thường chỉ xảy ra khi thay đổi giai đoạn. Ví như từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, hoặc như sau này là sự vận động của những cơn lốc chính trị thế giới. Ta ở ngoài vòng áp thấp ấy, nhưng không phải vì thế mà không có sự ảnh hưởng. Còn thì nhìn chung là êm đềm và tốt đẹp. Hội nhà văn có nhiều cống hiến trong kháng chiến. Ở thời chống Pháp, chúng ta mới có các nhà văn, nhưng chưa có Hội nhà văn. Còn ở thời chống Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thì Hội

nhà văn có nhiều chiến công lớn. Đã tổ chức được cho nhiều anh em đi chiến trường, từ đây có những trang viết nóng hổi hơi thở mặt trận. Ở miền Bắc thì ra các trận địa chiến đấu, các cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, những vùng xa xôi hẻo lánh. Ở đâu có con người, ở đó có bước chân của các nhà văn. Họ đã góp phần đắc lực trong việc động viên nhân dân và cùng với nhân dân bước vào cuộc chiến đấu quyết liệt chống lại kẻ thù. Và ngay trong chiến hào nóng bỏng khói đạn ấy, họ đã tạo dựng được một nền văn học chống đế quốc khá rực rỡ với một đội ngũ nhà văn đông đảo đủ các thế hệ. Rất nhiều nhà văn đã ngã xuống như những người lính dũng cảm : Nguyễn Thi, Lê Anh Xuân, Nguyễn Mỹ, Vũ Đình Văn, Nguyễn Trọng Định, Dương Thị Xuân Quý và nhiều anh chị em khác nữa.

Trần Đăng Khoa : Vâng, đó là quá khứ. Một quá khứ kỳ vĩ và bi tráng, rất xứng đáng được ngưỡng vọng và tôn thờ. Còn bây giờ, anh thấy Hội nhà văn ra sao ? Kịp lãnh đạo mới của Hội nhà văn, anh thấy họ thế nào ?

Vũ Tú Nam : Ban chấp hành Hội kỳ này rất ít người, nhưng họ làm được nhiều việc. Nhìn chung là vất vả. Bởi họ phải kiêm nhiệm. Anh Nguyễn Khoa Điềm là Tổng thư ký, nhưng còn là Bộ trưởng Bộ Văn hoá. Anh Hữu Thịnh, Phó Tổng thư ký,

làm một lúc đến ba tờ báo. Anh Lò Ngân Sủn thì mới về còn đang chân ướt chân ráo. Anh Nguyễn Tri Huân còn kiêm Tổng biên tập tạp chí *Văn nghệ quân đội*. Có lẽ chỉ có anh Ma Văn Kháng là còn có thời gian lo phần việc chuyên môn. Bây giờ bổ sung thêm anh Bằng Việt và anh Anh Đức - là người ở hai thành phố lớn - nơi trung tâm văn hoá đất nước, đồng thời cũng là nơi tập trung rất đông các nhà văn. Anh Bằng Việt thì tôi nghĩ chắc anh ấy cũng rất bận công việc của Hà Nội. Có chăng tôi chắc anh Anh Đức là còn có thể lo được những việc cụ thể, thiết thực ở các tỉnh phía Nam. Tuy bận như thế và ít người như thế, nhưng các anh ấy làm được rất nhiều việc. Và so với nhiệm kỳ trước của chúng tôi, quả thật các anh ấy mạnh dạn hơn và cũng có điều kiện để làm được một số việc hơn, ví như cho ra được tờ *Văn học nước ngoài*, *Văn nghệ trẻ* và *Văn nghệ miền núi*.

Trần Đăng Khoa : Vâng, tôi cũng nghĩ đó là những kỳ tích của Ban chấp hành khoá này, nhất là việc ra tờ tạp chí *Văn học nước ngoài*. Đó là một tờ tạp chí hay, đúng đắn và rất sang trọng. Có anh em bảo : Đây là cái cửa sổ đại cát để anh em nhà văn ta nhìn vào thế giới văn học văn điểm nhiên và đồ sộ ở ngay bên cạnh mình và mình ít biết hoặc không biết do thiếu thông tin và ít ngoại ngữ. Một

điều cũng thú nữa là *Văn nghệ trẻ*. Tờ báo tập hợp được đông đảo những cây bút trẻ có tài. Họ sẽ là lực lượng chủ lực của văn học ta thế kỷ 21.

Vũ Tú Nam : Thế nhưng cái này, tôi cũng rất băn khoăn, không biết Khoa nghĩ thế nào ? Thực ra, ở mỗi thời kỳ, phải hình thành được một đội ngũ trẻ tương xứng với yêu cầu của chính thời đó. Cái này Hội nhà văn phải có tác động. Tôi cảm thấy bây giờ tàn mạn quá. Trẻ thì rất nhiều. Rất nhiều người mới viết, và là *người mới viết* thì đúng hơn là *nhà văn trẻ*. Đã gọi là nhà văn thì phải có tiêu chuẩn gì chứ, đâu phải cứ ai viết văn cũng thành nhà văn cả. Thời bây giờ đòi hỏi phải có một đội ngũ tương xứng với nó. Hãy cứ đọc *Văn nghệ trẻ* xem. Sao mà buồn thế. Trẻ cơ mà. Rất nhiều người nói với tôi sao bọn trẻ bây giờ buồn sớm thế. Toàn những là *đơn côi* và lại cứ thích nói to cái sự *đơn côi* ấy. Không biết đời sống giới trẻ có đúng như thế không nhỉ. Ngay cả các ông già bây giờ các ông ấy cũng không đến nỗi buồn như thế. Sao các bạn trẻ lại cứ phải cô đơn nhỉ. Tôi nghĩ là chúng ta đang rất cần có một đội ngũ trẻ, mà đúng là trẻ **lìa**, nghĩa là rất trẻ mà phải sống thật, phải thật lòng với công cuộc đổi mới, công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cũng như Hữu Thịnh hay Phạm Tiến Duật, trong kháng chiến các anh

ấy phải sống thật như thế, phải ở trong lòng cuộc kháng chiến ấy, mới viết được như thế. Bây giờ anh em trẻ khoẻ khoắn, tiêu biểu cho thế hệ xây dựng đất nước trong giai đoạn khó khăn này cũng phải ở chính trong lòng cuộc đấu tranh này mà hình thành. Bây giờ in sách rất dễ. Cứ có tiền là một năm có thể in được đến mấy cuốn. Có người rất nhiều sách mà rồi vẫn chẳng thành được cái gì cả. Đây chính là trách nhiệm của thế hệ trẻ, trách nhiệm của Hội nhà văn và cũng là trách nhiệm của những người đi trước.

Trần Đăng Khoa : Tôi nghĩ là so với cha anh, lớp trẻ thuận lợi hơn rất nhiều. Họ được học hành tử tế. Có người có đến mấy ngoại ngữ. Họ bước chân vào con đường văn khi đất nước thực sự đổi mới, không còn những quan niệm ấu trĩ gò bó văn học. Họ có *Ban nhà văn trẻ*, lại có riêng một tờ báo là tờ *Văn nghệ trẻ*, do chính những người trẻ làm, có thể giới thiệu cởi mở những khuynh hướng tìm tòi, cả những thể nghiệm nữa. Tóm lại, lớp trẻ được tạo mọi điều kiện đến tối đa để phát triển tài năng của mình. Không có sự ngăn cản hay trù úm nào cả. Tất nhiên, trong công cuộc sáng tạo, có sự khen chê, thậm chí dẫn đến tranh luận và cãi vã, nhưng đó hoàn toàn là chuyện nội bộ, chuyện nghề của những người trong nghề với nhau thôi. Ở đội

ngũ trẻ, tôi thấy có nhiều người thật sự có tài. Họ có thể trụ được với thời gian đấy. Có người hoàn toàn xứng đáng đứng trong hàng ngũ những nhà văn ưu tú của chúng ta. Nhưng để thành những hiện tượng văn học, thì lại lót đốt quá. Sao thế nhỉ ? Có thể do thời thế chẳng ? Do bạn đọc chẳng ? Bạn đọc bây giờ hình như không còn quan tâm nhiều đến văn chương như bạn đọc thời kháng chiến. Ở thời ấy, một cuốn như *Vượt Côn đảo*, còn được họ chép tay, họ học thuộc lòng. Những bài thơ như *Thăm lúa*, *Bài ca vỡ đất*, *Lên miền Tây* còn trở thành sự kiện văn học, thành cột mốc ghi dấu ấn của thời đại. Bây giờ, những tác phẩm ở tầm cỡ như thế hoặc còn hay hơn thế nữa, có thể thấy nhan nhản trên những tờ nội san trong các ký túc xá sinh viên, hoặc trên những trang báo hàng ngày, ngay những bài thơ nổi tiếng kia, nếu bây giờ mới ra đời thì cũng chẳng gây được tiếng vang nào, cũng chẳng khiến ai phải chú ý ...

Vũ Tú Nam : Theo tôi, không nên đổ lỗi cho độc giả. Phải nói thật diêm phúc cho chúng ta là chúng ta đã có một công chúng tuyệt vời. Họ rất yêu văn chương, rất trân trọng văn chương. Cổ phiên, họ cũng bị phân tán phần nào sự chú ý vì những thứ khác, như tivi, video, âm nhạc, sách báo - loại sách báo giải trí ấy. Nhưng không phải

vì thế mà họ không còn chú ý đến văn chương. Nếu có sự sao nhãng của họ thì trước hết là lỗi tại chúng ta, tại các nhà văn thôi. Vì ta viết chưa hay. Hoặc cũng có thể những cuốn sách của ta không chạm được vào những vấn đề mà họ quan tâm, không lý giải được những điều mà họ cần lý giải ...

Trần Đăng Khoa : Vậy theo ý anh, độc giả bây giờ họ quan tâm đến điều gì ? Họ cần chia sẻ điều gì ?

Vũ Tú Nam : Độc giả bây giờ, họ đòi hỏi rất đa dạng. Trong kháng chiến chỉ tập trung vào kẻ thù, chỉ rõ kẻ thù, động viên nhân dân bước vào cuộc kháng chiến, chỉ thế thôi, có thể viết còn sơ lược, ấu trĩ, nhưng được cái chân thật, phù hợp với tình cảm của họ, họ vẫn đọc và đón nhận nồng nhiệt. Trong cái cách ruộng đất, tôi có viết cái truyện, lấy tên là *Giành lấy tương lai*. Một loại truyện kể khổ. Nghe anh em bộ đội kể, rồi tôi viết lại. Toàn những chuyện đi ở cho địa chủ. Anh em hoan nghênh lắm. Bây giờ cái truyện ấy không thể đọc lại được, chính tôi, tôi cũng không đọc nổi. Nó là văn chương của một thời. Bạn đọc bây giờ họ không thể chấp nhận những cái truyện sơ lược một chiều. Khẩu hiệu của ta bây giờ là xã hội công bằng, văn minh. Tôi nghĩ đó cũng là điều quan tâm của độc giả đương đại. Và với vấn đề đó, có thể có trăm ngàn cách viết, miễn là viết cho hay ...

Trần Đăng Khoa : Viết hay thì đã đành rồi. Nhưng sản phẩm ra đời cũng còn phải có cái nhãn dán nữa, anh ạ. Cái đó cũng quan trọng lắm. Hồi vừa ở nước ngoài về, tôi có nghỉ nhờ nhà một ông nhạc sĩ quen biết. Ông có cô con gái mới lớn. Buổi trưa nóng ngột ngạt, mấy anh em nằm ngổn ngang trên sàn nhà. Tôi bảo cô bé : "Em phải chịu khó ăn uống, tập tành thế nào chứ. Ta trông mày xanh lắm, người gì mà cứ như suy dinh dưỡng ấy. Cứ thế này rồi lấy chồng làm sao ?" Cô bé chỉ ngónghen cười. Rồi tôi đến thăm bè bạn. "Cậu đang ở đâu đấy?" "Ở nhà ông ấy, cô ấy !" "À, cậu ở nhà hoa hậu cơ à ?" "Hoa hậu nào ?" "Hoa hậu báo Tiền phong, chứ còn hoa hậu nào nữa !" "Cậu chỉ được cái nhắng ! Đừng có đùa bỡn với nhan sắc nhé !" "Đùa bỡn gì ! Nó là hoa hậu toàn quốc đấy ! Cậu đúng là gà mờ !" Tôi ờ ra. "Này, thế em là hoa hậu thật à ?" "Không ! Em chỉ là á hậu thôi. Á hậu một". Nói rồi, cô bé lôi ra một loạt ảnh cho tôi xem. Ảnh áo dài, áo tắm. Ảnh cô in trên bìa lịch. Tôi tròn mắt nhìn cô, nhìn lại cô, và ngạc nhiên thấy cô đẹp quá. Đẹp từ cái gót chân đẹp lên. Ồi giời ơi ! Sao lại thế nhỉ ? Mắt vẫn mắt tôi. Nhan sắc vẫn nhan sắc ấy. Một vẻ đẹp lỏng lẻo vậy mà trước đó, tôi còn lo cô ế chồng. Vì sao nhỉ ? Vì vương miện nhan sắc đội trên đầu cô đó. Chính nhờ vương miện này, tôi mới

chú ý đến cô, mới nhận ra sắc đẹp của cô. Ai bây giờ sẽ quảng vương miện lên người đẹp văn chương? Hoài Thanh mất rồi ; Xuân Diệu mất rồi ; Chế Lan Viên cũng mất rồi. Đây là những thiệt thòi rất lớn cho các tác giả trẻ. Tất nhiên, vẻ đẹp rực rỡ thật sự tự thân nó sẽ có sức cuốn hút cấp mắt người tình. Nhưng trong cuộc sống xô bồ hiện nay, đôi khi người ta lại ngấm bằng tai, chứ không phải ngấm bằng mắt. Để có sự chú ý của công chúng trong đời sống hỗn tạp này, đôi khi cũng cần phải giống lên một tiếng chuông.

Vũ Tú Nam : Thì ta cũng đã từng giống lên những tiếng chuông đó thôi. Đó là giải thưởng Hội nhà văn. Giải thưởng của các Hội đồng nghệ thuật. Giải thưởng của các ngành lớn. Tất nhiên tuyển chọn hoa hậu đơn giản hơn, vì nó đã có những số đo đã được chuẩn xác hoá, quốc tế hoá, còn nhan sắc văn chương thì lại tùy ở mỗi mắt người thưởng thức. Thế nên mới phức tạp. Nhưng tôi nghĩ ở nhiệm kỳ nào thì rồi cuối cùng cũng phải tạo ra được một đội ngũ nhà văn mới. Ban chấp hành các anh ấy cũng đã làm hết mình : tổ chức sáng tác, tổ chức thẩm định. Tổ chức các hoạt động của Hội, rồi cấp tráp đi xin tiền để nuôi các hoạt động ấy. Rất vất vả và cũng rất khổ. Nhưng tất cả mọi việc làm cực nhọc ấy, cũng là để cuối cùng, tạo ra được các

tác phẩm hay. Nhưng đây lại không phải là việc của Ban chấp hành. Ban chấp hành chỉ tạo ra bầu không khí trong lành để anh em sống và làm việc. Còn làm thế nào để có tác phẩm hay, cái công việc cuối cùng này lại phụ thuộc ở từng nhà văn, do chính các nhà văn quyết định. Không có tác phẩm hay thì chẳng còn chuyện gì nữa để mà bàn ...

4.1997

NGUYỄN VIẾT CHỘP

I

|| ão Chộp lại có khách. Chuyện ấy thì chẳng lạ. Nhà lão ngày nào chả rậm rịch khách khứa. Căn nhà nằm ngay bên con đường chính của làng. Con đường nối ba xóm, dẫn ra cổng đồng. Nhà lão lại có bể nước mưa trong vát, một nửa chôn chìm xuống dưới lòng đất, nên bốn mùa nước mát lạnh, uống đến đâu, biết đến đó. Đang mệt và buồn ngủ, tợp một ngụm là tỉnh queo như sáo tẩm. Bởi thế, người ra đồng đáo qua, kẻ về nhà tạt lại, làm chộp nghỉ chân, rồi tiện thể, đánh đây một gáo dừa, gọi là hưởng tí lộc giới. Nếu không thì cũng sà vào cái chông tre kê ở hiên nhà, bắn vài điều thuốc lão. Cái điều nhà lão là điều cổ, loại điều bát, nghe nói có từ đời vua Càn Long ở bên Tàu kia. Thuốc nào nhồi vào đó, hút cũng ngon, cũng ngọt lịm như rót mật vào cổ. Rồi thì say. Say đủ đừ. Say từ ruột say ra, đã hơn cả thuốc phiện, cứ gọi là đề mê từ chân tóc xuống tới tận kẽ ngón chân. Đời người, mỗi ngày được một *choác* như thế, có khác gì lên Tiên.

lên Phật. Mà Tiên Phật cũng phải gọi bằng cụ. Bởi vậy, nhà lão luôn rục rịch kẻ ra, người vào. Toàn những tiên phật cả đấy. Nhưng ông khách đến nhà lão Chộp lần này lạ lắm. Không phải người làng. Cũng không phải người ở huyện, ở tỉnh, ở Hà Nội trung ương, mà xa lắm, xa lắm lắm, nghe nói mãi tít bên kia Thái Bình Dương. Nghĩa là bên kia trái đất cơ đấy. Đó là ngài Peter Peterson. Đại sứ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Quái, lão có quen ông ấy đâu nhỉ ? Cả đời lão, đến cái tết con cọp này, đã bước vào cái tuổi sáu tám, nhưng lão chưa bao giờ đi ra khỏi làng. Làm sao lão có được ông bạn vàng xa xôi thế, bệ vệ sang trọng đến như thế ?

II

Thực tình, nói có giới biết đấy, và xin thể trước quý thần hai vai, lão Chộp không hề quen ngài đại sứ thượng nghị sĩ Mỹ Peterson. Lão vốn là thợ cày làng An Đoài. Nghề thợ cày là nghề gia truyền từ đời ông bà ông vải để lại. Nhà lão nghèo, lại neo đơn. Lão thuộc hạng độc đinh. Ông cụ thân sinh lão gặp phải cái cung số vất vả về đường con cái. Mà đâu phải chỉ riêng ông cụ. Ai ở cái làng này cũng vất vả đường con cái. Đề thì có đề. Nhưng khó nuôi. Có nhà đến chín, mười đứa con mà rồi chẳng còn một mống. Đứa leo cây, sa xuống đất : Chết ! Đứa rắn cắn : Chết ! Đứa trượt chân, rơi tõm

xuống ao bèo : Chết ! Rồi đứa bị sời : Chết ! Đứa đi chăn trâu, bị cầm nạng, thoát tiên, đầu chỉ thấy vầng vát. Thế rồi cũng lại lăn đùng ra chết. Chết cứ như đùa. Ông cụ thân sinh lão Chộp có đến 5 người con, ba trai, hai gái, trông cứ đều thau tháu, đẹp như tranh vẽ. Chúng chỉ bị đậu mùa nhì nhằng. Vậy mà rồi ai ngờ, chúng cũng lại cướp công cha mẹ, chúng theo nhau đi hết. "*Hú ba hôn chín vía cái Gái ở đâu thì về ...*". "*Hú ba hôn bảy vía thằng Buối khoằm ở đâu thì về với chị, với em nhớ ...*" "*Hú ba hôn chín vía ...*". Đêm nào, làng cũng cồn lên những tiếng hú hôn như thế. Tiếng hú eo éo rộn rợn vờn trên những tán cau, bụi chuối đen ngòm, vọng từ cổng đồng vào đến từng ngõ xóm tối sẫm, hun hút mưa phùn gió bắc và rông rốc tiếng chó sủa, rồi lại từ ngõ xóm vòng ra ngoài cổng đồng. Những người đàn bà lớn tiếng, cả hơi đều được sung vào đội quân hú hôn. Thi thoảng cũng có đứa tỉnh lại. Ấy là hôn chưa đi xa, chưa bị lú đường, còn nghe được tiếng hú gọi mà lần về nhập vào xác. Còn nhiều đứa hôn đã lìa, mà không kịp gọi ngay là coi như đi đứt. Chúng đã bị giới bắt. Bà đồng Hỷ khoát tay quả quyết vậy. Bà cụ ở mãi huyện bên, cách làng một thôi đường, một con sông, lại bị mù từ nhỏ, chỉ quanh quẩn trong cái điện thờ âm u hương khói mà cái gì cũng biết. Cứ

như lời bà đồng thì trăm tội đều do ông giới cả. Tại Ngài tất. Ngài đồng đánh lăm, tham lam lăm, chỉ muốn có thật nhiều kẻ hầu, người hạ. Cứ đứa nào có tên đem đẹp là Ngài bắt ngay. Thế là từ đó, đẻ con, người ta cứ *thằng cu*, *cái đi* mà gọi. Có ông lão làm nghề đánh giậm, đẻ đến 5 cô con gái. Lũ trẻ lau nhau trứng gà, trứng vịt, ăn cơm rau muống, tắm nước ao tù, mà thắc lên, đẹp như tiên. Da trắng nõn trứng gà bóc. Môi chúm chim, ướm đỏ, trông mát cả mắt. Con gái thị thành cũng chẳng bén gót chân, nhưng đến khi gọi tên thì nghe đến sồn da gà : Éch, Ớp, Suốt, Suồn, Suột. Ấy vậy mà rồi cũng đâu có thoát khỏi nạn giới. Cô Éch đội nón ra đi sau một tuần bị chó đại cắn. Khổ ! Cũng chỉ tại cô bé có tên là Éch. Thế thì đích thị là Ngài rồi. Chính Ngài chứ đâu phải chó đại. Biết đâu, Ngài giờ tính, lại thêm cái món đồng quê. Thế là khổ con rồi, con ơi ! Bà đồng Hỷ bảo thế. Bà Đồng đã phán là cấm có sai bao giờ !

Bởi vậy, khi lão Chộp ra đời, ông cụ thân sinh lão gọi luôn là thằng Vồ. Cả làng từ lớn đến bé cũng gọi lão là thằng Vồ. Rồi cậu Vồ, anh Vồ. Sau này, lão tự đổi tên là Chộp. Chộp với Vồ thì cũng thế cả. Ấy là cái tên để dọa ...ông giới. Chẳng biết ông giới có sợ lão không, nhưng quả thật, Ngài cứ im thín thít. Bởi thế mà từ khi đẻ ra cho đến mãi

sau này, lão chẳng ốm đau, sai đẹn gì, mà cứ lớn như thổi. Mười tuổi đã cao lưng cột nhà. Mười bảy tuổi, lão đã trị được con trâu hung dữ nhất của làng. Ông già lão cũng chẳng sợ. Cho đến cả Thiên lôi, Tầm sét có xuống, lão cũng chẳng coi ra cái thá gì !

III

Thế thì lão sợ quái gì mấy con giời rồm, ấy là cái lũ quạ Mỹ. Khi chiến tranh leo thang bằng không quân của chúng vừa bung ra miền Bắc, lão đã sung ngay vào trung đội dân quân *Quyết thắng* của làng An Đoài. Với cây súng trường dài bằng nửa cái đòn gánh, trưa nào, lão Chộp cũng leo lên đỉnh cây gạo cạnh ao chùa, ngồi thu lu trên trạc ba, như một con chim cất đang rình mồi. Lão đang rình máy bay Mỹ đấy. Rình mãi rồi chúng cũng mò đến. Chúng hét ầm ầm như sấm, như sét, nghe tưởng đứt màng nhĩ, hùng hổ cứ như ông Thiên lôi. Nhưng nhìn tướng mạo thì rõ ra quân ăn trộm. Chúng bay sấp ngựa, bay nhón nhác như quạ vào chuồng lợn. Rồi tên lửa, rồi cao xạ, trung liên, rồi 12 ly 7 nổ rền khắp cả bốn phía. Lúc bấy giờ mới biết quân ta đông thật. Chỗ nào cũng dày đặc trận địa phòng không. Dạn nổ rền như ngô rang. Lão cũng đòm theo vài phát súng trường cổ lỗ, thực tình thì lão chỉ bắn dọa. Lão nện bừa lên thỉnh

không chứ nào có kịp nhằm gì. Thế mà con giò cũng khiếp vía, chạy đến vại khói dít.

Thế rồi nhập nhoạng tối ngày 10-9-1966, lúc bảy giờ vừa mới cơm nước xong, lão Chộp chưa kịp leo lên ngọn gạo thì bấy qua Mỹ chẳng biết đi ăn sương ở đâu về, rồi bị đòn, bay đến khu vực làng An Đoài thì cháy bùng lên như một ngọn đuốc lớn. Lão Chộp sướng quá. Lão hét đến khản cả giọng. Rồi cả làng cùng la hét, reo hò âm ỉ. Rồi họ khua trống, gõ nia, gõ mẹt, gõ chậu thau, nổi đồng. Rồi lan sang mấy làng bên. Rồi thì khắp cả bốn phương giờ, mười phương đất, chỗ nào cũng đụp đụp đẹt đẹt. Ngọn đuốc ma bảy giờ đã bành ra thành đồng lửa lớn chùng chiềng đổ xuống mạn Ái Quốc. Phen này thì thằng lái ra tốp ! Lửa phừng phực thế, có là ông giò thì cũng chẳng thoát nổi. Toi, rồi con ời. Cú này thì đời con thành chả rồi. Một miếng chả nướng cứ gọi là thơm phưng phức nhá !

IV

Vậy mà rồi hai tên giặc lái trong chiếc máy bay bị bắn cháy đêm ấy vẫn không bị chết, cũng không bị thui thành miếng chả nướng thơm phức như lão Chộp tưởng tượng. Vào khoảng tám giờ tối hôm đó, ông Nguyễn Đình Betch, công nhân lái phà ở làng Đào Xá đi làm về, tình cờ nhặt được chiếc mũ phi công rơi trên cánh đồng làng An Lâm. Thế

có nghĩa là tên giặc lái đã thoát ra khỏi đám cháy, đã nhảy dù rồi. Có thể hắn rơi ở ngay trên cánh đồng làng An Đoài hoặc ở mấy khu vực quanh quanh đây thôi. Bí thư đảng uỷ Nguyễn Đình Hiến và xã đội trưởng Nguyễn Danh Căn đều có chung một nhận định như vậy. Trung đội dân quân Quyết thắng đã được triệu tập tức tốc ngay trong đêm. Bằng mọi giá phải lùng bắt tên giặc lái đang lẩn lút ở đâu đó, không để cho hắn gọi đồng bọn đến giải thoát. Trung đội dân quân được bổ sung thêm một số thanh niên, phụ nữ trong làng. Người có súng thì mang súng. Người không có súng thì mang đòn gánh, đòn càn, liềm hái, hoặc gậy gộc. Đạo quân truy lùng giặc lái chia làm ba mũi. Một mũi tiến về phía An Lâm. Một mũi tràn về mạn Quốc Tuấn. Lão Chộp dẫn đầu mũi vây quét ở khu vực An Đoài, Đào Xá. Lùng sục suốt đêm, chẳng thấy gì. Thằng lái chết rồi. Chắc chắn là hắn chết rồi. Cái mũ của hắn có thể vẫn còn sống, nhưng chính hắn thì đã bị cháy thành than cùng với chiếc máy bay. Lão Chộp nghĩ vậy. Rồi lão lững thững dẫn quân về. Lúc bấy giờ đã khuya. Sương xuống mù mịt. Cả cánh đồng Mã Giai chờn vờn trong làn sương khói lằng đằng. Mảnh trăng thượng tuần xanh tái đang lặn dần xuống chân làng xa, hắt quang sáng hấp hối lên đỉnh ngọn quèo đen sẫm. Cây quèo này, một thời nghe nói có ma. Khố bà đi chợ sớm qua đây, rồi cứ gồng gánh quanh gốc quèo

cho đến sáng bạch mới thoát ra khỏi. Ma làm đấy. Bà đồng Hỷ phải đóng vào gốc quèo ba cái đinh thuyền to bự cùng với bao nhiêu bùa yểm mới trị được đấy. Bây giờ thì không còn ma nữa. Nhưng lão Chộp vẫn thấy rờn rợn. Linh tính báo cho lão một điều gì không bình thường. Hay là vẫn còn ma ? Mà đúng còn ma thật. Ma hiện lù lù ngay trước mắt kia, ở ngay trên đỉnh ngọn quèo kia. Lão Chộp dụi mắt nhìn. Một chiếc dù bùng biêng xanh xanh đỏ đỏ trong ánh trắng thoi thóp. Lão Chộp khoát tay ra hiệu cho cả nhóm tản ra xung quanh, lưng sục. Rồi lão trườn theo bờ ruộng, men theo con mương đào. Có tiếng cá tung toẵng đớp sươn. Rồi tiếng thờ phỉ phò bên kia mương nước. Thôi, đúng là con giời rồi. Thế là lão Chộp nháy phốc qua mương. Rồi lão lặn một vòng xuống vệ cỏ, lặn luôn vào cái đồng to xù đang nằm thờ hỗn hển. Lúc bấy giờ, lão Chộp mới bàng hoàng nhận ra mình chỉ có hai bàn tay không. Khẩu súng rơi đâu mất. Có lẽ nó đã văng xuống phía bờ mương bên kia. Tên giặc lái ngẩn cổ nhìn lão. Một cái đầu trọc lóc. Lão Chộp ngỡ sẽ có một tiếng súng lục vang lên. Nhưng chắc chắn lão không thể chết được. Nếu bị trúng đạn thì cũng phải trối hần xong, lão mới chết. Nhưng không. Không có tiếng súng nào cả. Tên giặc bàng hoàng nhìn lão. Rồi bất ngờ, hần chúi đầu xuống bờ ruộng. Hình như hần muốn chui xuống đất. Nhưng hần không phải con lươn, con

chạch. Làm sao mà chui được cơ chứ. Lão Chộp nhảy phóc lên người hần, chệt chệt cổ. Rồi phía sau, ông Sinh, ông Măng, ông Lơ cũng vừa ập đến. Người dè chân. Người giữ tay. Thế là tên giặc đã bị tóm gọn...

V

Rồi sự kiện đó qua đi. Cũng như bao nhiêu chiến tích oanh liệt thời chống Mỹ cũng đã qua đi. Lão Chộp không còn nhớ nữa, những ông lực điền cùng bắt giặc với lão cũng không còn nhớ nữa. Họ bận bao việc đồng áng, mùa màng. Chẳng ai còn nhắc lại chuyện cũ. Thế nhưng viên phi công Mỹ bị bắt đêm ấy, ngài Peterson thì lại không quên. Vừa tới Hà Nội được ít ngày, ngài đã trở về An Bình, thăm lại mảnh đất xưa mà cứ theo lời ngài thì đó là mảnh đất ngài có nhiều kỷ niệm sâu sắc.

Lần này, ngài đi giữa ban ngày. Cùng đi với ngài còn có bí thư tỉnh uỷ Phạm Văn Thọ cùng nhiều cán bộ cao cấp Bộ Ngoại giao. Lão Chộp cũng ra đón ngài. Lão đi cùng đám thợ cày, thợ cấy làng An Đoài. Cuộc đón tiếp trọng thể theo đúng nghi thức đón khách quốc tế.

- Ông còn nhớ tôi không ? Ông có mong tôi trở lại không ?

Đại sứ Peter Peterson bắt tay lão Chộp và hỏi lão như vậy. Câu hỏi ấy làm cho lão rất đỗi kinh ngạc :

- Làm sao tôi lại nhớ và mong ông được. Ông không phải người làng tôi, cũng không phải họ hàng. Ngay cả bây giờ gặp ông giữa ban ngày ban mặt mà tôi cũng còn chẳng thể nhận ra được nữa kia. Lúc ấy ông khác lắm ...

- Tôi khác ư ? Khác thế nào ? - Đại sứ đâm tò mò...

- Thì lúc ấy, ông là cái anh đầu trọc. Tôi muốn túm tóc ông cũng không túm được. Còn bây giờ thì ông thế này ...

Đại sứ Mỹ cười vang. Lão Chộp cũng cười. Câu chuyện xưa đã trở thành cổ tích. Còn hiện tại lão Chộp đang thùng thảng cùng Peter Peterson đi thăm cánh đồng Mả Giai, thăm gian nhà kho chứa thóc giống nơi ngài từng bị nhốt. Tất cả giờ đổi khác. Cây quế xưa đã chết. Đường ra đồng rộng thênh thang, có thể chạy hai hàng xe tải. Nhiều nhà xây đã mọc lên, có dáng dấp những biệt thự vườn. Rồi quán cháo lòng, quán cơm bụi. Quán karaoke. Làng An Đoài đã vắng vất đầu đó chút mùi vị thị thành. Đến chính lão Chộp cũng không còn nhận ra được dấu tích đìu hiu của cái làng quê

xưa cũ. Nhưng ngài Peter Peterson thì vẫn nhận ra. Ngài nhớ rất rõ từng bờ rào, từng mô đất trên con đường làng ngoằn ngoèo những vệt trâu đá và ngài ngai mùi cúc tần, mùi rơm rạ. Lão Chộp rất kinh ngạc trước trí nhớ kỳ lạ của viên phi công Mỹ ngày nào.

- Chỗ này dạo ấy không phải như thế này đâu. Nó có rãnh nước nhỏ...

- Phải rồi ! - Lão Chộp xác nhận. - Nó là rãnh đất ải, ông tập tễnh bước trên những rãnh đất ấy...

- Tôi rất đau chân. Đau lắm. Lúc ấy, tôi ngỡ mình không phải bước trên mặt đất, mà đang giẫm trên những bàn chông, văng, đúng là những mũi chông nhọn hoắt...

Lão Chộp cười hô hố :

- Không phải chông đâu. Đất làng tôi đấy. Tôi vẫn giẫm trên những vạt đất ấy ra đồng mỗi ngày. Chỉ có điều là ông đi chưa quen thôi. Lúc ấy, tôi đã lột giày ông, vì cứ tưởng điện đài ông để trong giày, chứ nếu biết ông cộc tếch, chỉ có mỗi đồ lễ của lão phó cối thì tôi đã chửi bắt ông phải làm như vậy...

- Dạo ấy, tôi ngồi ở chỗ này, đúng không ? - Đại sứ Mỹ chỉ cái bục gạch đã tróc vữa nham nhở ở góc sân kho hợp tác xã.

- Đúng đây ...

- Lúc ấy, có một người rót cho tôi bát nước. Bát nước rất thơm, uống lạ lắm.

- Nước vôi đấy. Còn người rót nước cho ngài là ông Lơ ...

- Ông ấy có đây không ?

- Ông cụ mất rồi. Mất cách đây mới vài năm thôi ...

- Thật đáng tiếc. Cầu chúa ban phước lành cho ông ấy. - Giọng Peterson trầm xuống. - Quả thật là khi uống bát nước của ông ấy đưa cho, tôi biết là mình sống. Nhất định sẽ sống. Thế còn đồng lửa ? Tại sao lúc ấy họ đốt lửa to thế ?

Lão Chộp cười :

- Họ đốt để nhìn cho rõ mặt ông đấy. Mặc dù lúc ấy, đốt lửa rất nguy hiểm, vì có thể lửa sẽ là mục tiêu bắn phá của các ông ...

Đại sứ Mỹ vẫn chưa hết ngạc nhiên :

- Thế còn những người xung quanh, họ la hét, họ cứ nhảy chơi chơi trước mặt tôi. Họ muốn làm gì tôi thế ?

- À, đấy là những người có chồng, có con bị bom các ông giết hại đấy. Rất may là chúng tôi kịp nhét ông vào kho lúa, khoá lại, chứ nếu không thì

không chắc chúng tôi đã bảo vệ được ông thoát khỏi những cơn thịnh nộ của họ ...

Dại sứ Mỹ cười buồn, rồi quay sang lão Chộp :

- Cũng may là tất cả mọi việc đã qua rồi. Tôi rất mừng là cả hai chúng ta đều còn sống. Lần trước, tôi đến An Bình bằng nhảy dù. Bây giờ thì tôi đến An Bình bằng ô-tô. Tôi muốn chúng ta hãy khép lại quá khứ, cùng nhìn về tương lai. Tôi sẽ làm hết sức mình cho tương lai ấy. Ông bạn tôi, ngài Tali có nhờ tôi chuyển lời hỏi thăm ông, hỏi thăm bà con An Bình ...

- Thế ông Tali là ông nào ? - Tôi tò mò hỏi lão Chộp.

- Là cái ông phi công nhảy dù cùng với ông Buson. Cái máy bay cháy đêm ấy có những hai phi công cơ, bác ạ. Chúng tôi bắt được mỗi ông Buson thôi.

- Ông Peter Peterson, cụ ạ. - Tôi vội đính chính.

- Ở đây, chúng tôi vẫn gọi là ông Buson. Vừa rồi, ông ấy về đây, chúng tôi cũng gọi là Buson. Ông ấy chẳng cái gì. Thế thì đúng ông ấy là Buson rồi còn gì, có bác nhớ nhầm tên ông ấy thì có - Lão Chộp cười hề hề - Vừa rồi, nghe ông Buson nói, tôi mới biết ông Tali là bạn ông ấy. Hai ông cùng nhảy

dù. Ông Buson đau chân, vì va phải cái gì ở trên máy bay ấy. Ông Tali khoẻ hơn, ông ấy rủ ông Buson chạy trốn, nhưng ông Buson không chạy, vì chân đau ...

- Thế ông Tali có chạy được không ?

- Chạy được chừng hơn hai cây số, sang phía bên kia cánh đồng Tè. Tưởng ông ấy trốn ở đâu, hoá ra ông ấy chui vào bãi tha ma. Ông ấy đào ở rìa đồng mà một khoảng hôm đứng bằng một cái ghế ngồi. Ông ấy ngồi ở đó, lấy lúa che bốn xung quanh. Mà khen thay, là ông ấy xoá dấu vết rất giỏi, người ông ấy to xù như thế mà đi qua lúa chẳng để lại tí dấu vết nào. Đến khi mấy bà làm cỏ lúa túm được ông ấy thì ông ấy lại giả vờ chết. Đầu ông ấy ngoẹo xuống, mắt nhắm nghiền, nhưng mồm lại thở phò phò ...

Lão Chộp cười khắc khắc :

- Ông Tali bây giờ, nghe nói cũng làm to lắm, đầu như ông ấy là giám đốc hãng hàng không máy bay du lịch Mỹ. Khi ông ấy bị bắt thì cũng rất buồn cười. Y hệt ông Buson. Đầu cũng trọc lông lốc. Khám người thì chỉ thấy linh kinh dăm cồi. Các bố này cũng biết đề phòng có thể bị bắt, nên mang theo dăm cồi, để đóng giá ông phó cồi, để trả trốn.

Nhưng mặt mũi ấy, chân tay ấy, làm phó cối sao nổi.

- Chắc đó là một thứ gỗ thay cho củi, dùng để nướng thức ăn gì đó chẳng ?

- Không ! Dăm cối rõ ràng, bác ạ, chẳng lẽ tôi mà lại nhầm được ?

Lão Chộp lại cười, vè khoái chí ! Rồi lão đẩy cái điều bát sang phía tôi :

- Bác hút thuốc đi. Thuốc lão Vinh Bảo đấy. Vừa rồi, ông Buson về đây, tôi cũng đãi ông ấy một chầu thuốc lão ...

- Ông ấy hút được thuốc lão, hả cụ ?

- Hút tốt. Ông ấy vè thuốc gọn lắm. Chắc hồi năm khoèo ở Hà Nội, bố có hút thuốc lão. Về cái khoản bán thuốc này thì bố ấy chẳng chịu thua cánh thợ cày chúng tôi đâu ...

Lão Chộp dừng lại. Lão nhìn tôi đăm đăm, vè như thăm dò, rồi lão dè dặt hỏi :

- Này, tôi hỏi khí không phải. Có phải bác là cái anh *Hạt gạo làng ta* không ?

Tôi ngạc nhiên nhìn lão :

- Vâng ! Có chuyện gì thế cụ ?

- Ô, thế thì hay quá ! Tôi định khăn gói qua
mướp tìm gặp bác lâu rồi kia. May quá ! Đúng là
ông giờ có mặt, bác ạ !

Nói rồi, Lão Chộp lạng cặng bước vào buồng.
Có tiếng lách cặng va đập của chai lọ. Rồi lúc sau,
lão lôi ra một cái *xắc-cốt* quen thuộc thường thấy ở
các cán bộ xã thời chống Mỹ.

- Tôi có mấy cái này, làm đã lâu rồi, hồi còn là
thanh niên trong trung đội dân quân ...

Tưởng gì, hoá ra lại là thơ. Lão viết trong
những cuốn sổ ghi công điểm hợp tác xã. Nhìn chỗ
nào cũng thấy đặc chữ. Tôi lần giở từng trang. Bài
thơ nọ nói bài thơ kia, trông rậm rịt như những vạt
rau muống. Biết đâu trong sổ này lại chẳng có một
đôi bài làm nên tên tuổi lão ở thời sau. Cứ xem lão
nặng niu chúng, đủ biết đối với lão, đây mới chính
là báu vật.

Tôi nhìn lão kinh ngạc. Hoá ra lão không muốn
làm anh hùng, mà chỉ ôm mộng thành thi sĩ.
Chuyện ta biết về lão vẫn chỉ là cái chuyện bắt phi
cộng Mỹ. Chuyện ấy đối với lão lại là chuyện vặt.
Bác đừng viết làm gì, kéo dân làng tôi họ lại bảo
cái lão này già rồi còn thích khoe, mà toàn khoe
những chuyện cũ rích. Tôi có cả bài thơ viết về ông

Buson đây ! Hay là thế này. Đêm nay, bác nghỉ lại đây đi. Ta làm ấm trà đặc ...

- Vâng ! Thế nào cũng có buổi tôi trở lại nghe thơ cụ. Còn bây giờ thì tôi phải đi rồi ...

- Thế bác có về Hà Nội không, hay còn làm việc ở Hải Dương ? ...

- Tôi về Hà Nội ngay chiều nay, cụ ạ.

Lão Chộp mừng rỡ :

- Thế thì bác cho tôi gửi cho ông Buson cái này nhé.

- Cụ gửi gì thế ?

- À, tôi muốn gửi biếu ông ấy chục trứng gà mới đẻ với nải chuối tiêu, gọi là chút quà quê. Lần trước, ông ấy về, cập rập quá tôi lại quên khuấy đi mất.

- Ấy chết, cái đó thì tôi không chắc chuyển được, cụ ạ. Ông ấy bây giờ làm đại sứ Mỹ, chuyển quà không dễ ...

- Thế thì bác cứ nhắn là tôi có nhờ hỏi thăm. Tôi chúc ông ấy mạnh khỏe. Và nếu ông ấy rỗi rãi, mời ông ấy về An Bình chơi với chúng tôi. Tôi sẽ đọc thơ tôi viết về ông ấy cho ông ấy nghe. Tất nhiên, nếu có về An Bình, ông ấy cứ đi bằng ô-tô như hôm vừa rồi, chứ đừng nhảy dù.

- Thế nếu ông ấy cứ nhảy dù thì cụ tính sao ? -
Tôi hỏi trêu lão Chộp.

- Thì ... thì tôi lại phải "chộp" ông ấy thôi. Mà điều đó thú thực với bác là tôi rất không muốn, -
Lão Chộp cười. - Ấy cũng là nói cho vui thế thôi, chứ tôi với ông ấy đều già cả rồi. Ai lại còn đi làm cái trò trẻ con ấy nữa.

12.1997

NHỚ VỀ MỘT THUỞ

Phóng viên (PV) Tôi nhớ, nếu không nhầm, có một lần, trong quán nước bên đường, giữa đám bạn bè, hầu hết là các phóng viên báo chí, anh có nói đại ý : Trong thâm tâm, anh rất biết ơn *Nhà xuất bản Kim Đồng*. Nếu không có Nhà xuất bản Kim Đồng, chắc gì đã có thơ anh. Như thế nghĩa là thế nào ?

Trần Đăng Khoa (TDK) Đó là sự thật. Ông thấy đấy, tôi là cậu bé nhà quê. Bố mẹ tôi cũng ở quê. Làng tôi rất nghèo, lại hẻo lánh. Nhập nhoạng tối, người ta đã lên giường rồi. Ấy là một cách tiết kiệm dầu ; vì không lẽ ngồi mò trong bóng tối. Thắp đèn sợ tốn. Nhưng lên giường đâu có ngủ được ngay. Thế là mẹ tôi kể chuyện cổ tích, chuyện cô Kiều, chuyện Thạch Sanh, Lục Vân Tiên. Rồi mẹ tôi đọc cho tôi nghe những câu ca dao về những việc hàng ngày, những cái hàng ngày tôi vẫn gặp :

Cám ơn cái cối, cái chày

Nửa đêm gà gáy có mây, có sao

*Cám ơn cái cọc cầu ao
Nửa đêm gà gáy có tao có mây...*

Tôi thấy thương mẹ quá, thương cả cái cối, cái chày nữa. Sau này, khi bà ngoại tôi mất, mẹ tôi xé tấm vải xô lớn ra hàng trăm mảnh nhỏ, đưa cho tôi : "Bà đi rồi. Con có thấy cây cối nó buồn không ? Con ra đeo tang cho chúng nó đi. Nếu không đeo tang cho chúng, chúng sẽ héo, sẽ lụi chết đấy". Thế là tôi lọ mọ đi đeo tang cho cái cối, cái chày, cái cọc cầu ao, rồi cây na, giàn trầu, cây mía, cây bưởi. Cả khu vườn nhà tôi trắng xoá một màu tang. Trong mắt tôi, những vật vô tri, vô giác ấy đã hoá những con người, có những nỗi vui buồn của con người. Sau này, khi anh chị tôi làm bố, làm mẹ, tôi mới hiểu bà mẹ tôi, khi bà cù dận anh chị : "Chúng mày phải dạy trẻ con nó yêu đồ vật, cây cỏ, chim muông. Một đứa trẻ bẻ cây mới trồng, bắn chết con chim đang bay, thì rồi sau này lớn lên nó cũng sẽ ác với con người đấy". Tôi đã thuộc lòng truyện Kiều và hàng trăm câu ca dao, tục ngữ do mẹ tôi truyền dạy vào những đêm tối mò như thế. Nhưng tôi đâu dám nghĩ mình sẽ thành nhà thơ. Bởi làm thơ khó lắm. Đó là một việc cao siêu, không thể sàm sỡ được. Thế rồi tình cờ, tôi vớ được cuốn *Tấm lòng chúng em*, một tập thơ viết về Bác Hồ, do Nhà xuất bản Kim Đồng ấn hành năm 1964. Lúc ấy, tôi thích

lắm. Thích hơn nữa, dưới tên các tác giả là dòng chú thích *13 tuổi, 15 tuổi*. Hoá ra đó là thơ của trẻ con. Tôi nghĩ, các bạn viết được, không khéo mình cũng viết được. Thế là tôi viết. Viết ào ào. Cứ hích đầu tiên, đẩy tôi mạnh dạn đến với thơ là cuốn sách của Nhà xuất bản Kim Đồng. Không phải tôi là người đầu tiên cất lên tiếng gáy *Ồ ó o...* Trước tôi, các bạn nhỏ đó đã *gáy* rồi. Tôi *gáy* theo. Rồi nhiều em bé khác cũng lại *gáy* theo nữa. Thế là thành một đàn đồng ca tung bừng, vui vẻ...

PV : Trong số các tác giả nhỏ tuổi thời ấy, dường như bây giờ, chỉ còn có anh đeo đẳng với Thơ. Họ đâu cả rồi ?

TĐK : Cẩm Thơ lấy chồng bên Pháp. Ông bạn tôi, nhà văn Nguyễn Chu Nhạc ở Đài Tiếng nói Việt Nam, vừa đi Pháp về, có gặp Cẩm Thơ. Cứ như lời Nguyễn Chu Nhạc thì Cẩm Thơ nói tiếng Pháp rất chuẩn, nghe còn *xịn* hơn cả mây mợ Pháp chính hiệu. Trông nàng đẹp một cách quý phái. Rõ ràng là một mệnh phụ phu nhân. Tết vừa rồi, Cẩm Thơ về Việt Nam ăn Tết. Nửa đêm, nàng gọi điện cho tôi : "Này, tôi mò mãi mới ra số *phôn* của ông đây". "Bà đang ở đâu vậy ?". "Ở chỗ má. Ngày mai về Bắc Ninh. Mấy hôm nữa ra, ta gặp nhau nhé. Để tôi nhắn Chu Hồng Quý với Trương Nhuận nữa. Nhuận vẫn ở *Nhà hát Tuổi trẻ* hà ?". "Thế có cần

kéo theo phiên dịch không ?". "Khỉ gió cái nhà lão này !" Đấy, Cẩm Thơ đấy ! Nguyễn Hồng Kiên làm nhà sử học. Các nhà sử học họ vốn im lặng, nghiêm túc, chứ đâu có tuếch toác như mình. Còn Hoàng Hiếu Nhân thì tôi chưa từng được chiêm ngưỡng. Trong số các tác giả nhỏ tuổi thời ấy, tôi rất quý Nhân. Nhân viết ít, nhưng rất có nghề. Sau này, tôi được tin anh học *Đại học Bách khoa*, ra làm giảng viên khoa Toán, rồi tôi lại được tin anh đi xuất khẩu lao động ở Liên Xô. Hoàng Hiếu Nhân là đội trưởng đội xây dựng ở thành phố Mônghiliôp. Ở nước Nga, nghề xây dựng rất vất vả, phải làm ở ngoài trời, cả ở trên những độ cao, trong nắng gió và giá tuyết. Vùng Nhân ở lại là vùng bị nhiễm xạ, phải di chuyển. Tôi đã tìm gặp anh Đào Khải Hoàn, trưởng ban quản lý lao động, ở đại sứ quán ta tại Liên Xô, một người rất có trách nhiệm và có tình với anh chị em công nhân ta. Anh Hoàn hứa sẽ tạo mọi điều kiện để giúp Nhân. Tôi thư cho Nhân, nhưng anh không trả lời. Rồi tôi đáp tàu xuống Mônghiliôp. Nhân đi vắng. Trước cửa phòng anh cắm phập một con dao chọc tiết lợn. Đấy là "lời" đe dọa của một tay đầu gấu nào đó. Sau này, Nhân lên Maxcova, nhưng anh cũng không qua tôi, chỉ ghé vào Lônphria, một thành phố ngoại ô Maxcova. Chị Phan Thị Duyên, đội trưởng công nhân dệt, nguyên là biên tập viên *Nhà xuất bản*

Thuận Hoá nhấn lại : "Vừa rồi, Hoàng Hiếu Nhân gặp em. Nhân bảo : "Khoa qua miêng. Không biết hấn định đánh quả chi hể ? Miêng định ghé hấn, nhưng ngại quá. Gặp hấn bây chừ biết nói chuyện chi hể ? Bàn chuyện văn chương, thơ phú thì kỳ cục quá hể !".

PV : Còn những kỷ niệm của anh với các anh chị Nhà xuất bản Kim Đồng, anh có thể "bật mí" được không ?

TĐK : Nhiều. Kỷ niệm thì rất nhiều. Người đầu tiên của Nhà xuất bản Kim Đồng mà tôi được gặp là anh Định Hải. Rồi sau đó là chị Trần Thị Nhâm, anh Bùi Hồng và chị Trần Tuyết Minh. Các anh chị ấy đều đạp xe về nhà tôi, vượt một chặng đường 70 ki-lô-met. Lúc bấy giờ, đường 5 là đường chiến lược, Mỹ ném bom liên miên suốt ngày đêm. Chiến tranh ác liệt như vậy, nhưng nhà tôi rất đông khách. Ngày nào cũng nườm nượp khách. Có bác đáp tàu từ Lạng Sơn xuống. Có ông cụ đạp xe từ Nghệ An ra. Tôi nhớ có một bác tên là Trương Sâm Tham ở Nghệ An, cái tên nghe như tên một nhà thơ biên tái đời Đường. Bác ở nhà tôi một tuần, khi đi cứ đòi được thanh toán với gia đình bằng mấy cân tem gạo. Gia đình kiên quyết không nhận. Người nhà quê đâu có thiếu gạo. Và lại, tem gạo, bố mẹ tôi chẳng biết đong ở đâu. Mà bác ấy

thì lại cứ muốn phải thanh toán xong mới yên tâm đi. Khổ thế ! Nhưng chẳng mải, cuối cùng, bác ấy kéo bố con tôi ra vườn để bác ấy dạy cho một bài... *Thái cực quyền*. Thế là cả hai đều thấy nhẹ nhõm và vui vẻ. Chỉ khổ nỗi là múa võ khó quá. Tôi cứ bò lồm cồm như cua. Còn bố tôi thì khua khoắng nguẩy ngoào như ông xấm chợ bị mất gậy. Anh Định Hải ở nhà tôi cũng chừng nửa tháng. Khi đi, anh ấy cũng để tem gạo lại. Bố mẹ tôi không nhận, anh ấy ấn tiền vào tay bé Giang, cô em út của tôi. Không xong. Thế là anh ấy lấy xe đạp, thồ tôi lên thị trấn huyện Nam Sách. Bữa đó trời mưa. Anh vừa gò lưng đạp, vừa phì phò thở như kéo bễ. Lên huyện, anh đưa tôi vào mấy cửa hàng, để xem tôi thích cái gì, anh sẽ mua cho tôi cái đó. Nhưng tôi thì lại chẳng thích cái gì cả. Cuối cùng, anh đưa tôi vào hiệu sách, mua cho tôi ảnh Bác Hồ, ảnh Các Mác, Lênin, Stalin. Cả bức tranh Lênin chia tay với Stalin bên bến đò. Tất cả những bức tranh, ảnh này đều được dệt bằng lụa, nên rất đắt. Mẹ tôi cứ rên rầm : "Mua nhiều thế này thì anh ấy hết mấy tháng lương rồi. Vợ con anh ấy biết ăn bằng gì. Nhà anh ấy chắc chẳng có khoai sắn...". Sau đó, anh Bùi Hồng về nhà tôi. Ấy là khi tập *Em kể chuyện* này của tôi được in cùng Cẩm Thơ, Nguyễn Hồng Kiên. Bây giờ, với các tác giả nhỏ tuổi, Nhà

xuất bản Kim Đồng không trả nhuận bút bằng tiền. Sợ trả tiền, các em sẽ viết vì tiền, mất đi sự trong sáng. Nhà xuất bản biến tiền thành hiện vật. Anh Bùi Hồng mang về nhà tôi một cái đài Nhật, có cả giấy đăng ký sử dụng máy thu thanh nữa, giấy đề hẳn tên tôi. Sau đài là một dòng chữ khắc màu vàng : *"Thân tặng em Trần Đăng Khoa - Nhà xuất bản Kim Đồng"*. Đó là một sự kiện lớn ở làng tôi, sau đó tin này lan truyền khắp huyện. Bấy giờ ở quê tôi, nhà nào giàu lắm mới có cái loa truyền thanh, chủ yếu để nghe tin tức và nghe báo động : *"Đồng bào chú ý ! Đồng bào chú ý ! Hiện nay có một tốp máy bay địch đang bay vào không phận tỉnh ta. Các đơn vị phòng không, dân quân chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu..."*. Không gia đình nào có đài bán dẫn. Bởi thế, cái đài của Nhà xuất bản Kim Đồng cho tôi, quả là một món quà đặc biệt sang trọng. Chả thế, trong làng, thỉnh thoảng lại có anh đến mượn, để đeo đi... hỏi vợ. Còn khi tập *Góc sân và khoảng trời* của tôi do chị Trần Thị Nhâm biên tập ra đời, thì chị Trần Tuyết Minh (tên thật của nhà văn Trần Thiên Hương sau này) về nhà tôi. Chị về vào lúc nhập nhoạng tối. Chị xách theo 20 cuốn *Góc sân..* và đằng sau xe đạp, chị thò theo một cái chần len bằng lông cừu của Mông Cổ. Cái chần vừa dày, vừa nặng, chẳng buộc

rất công kênh. Vượt qua một chặng đường 70 cây số bom đạn với đồ lễ linh kinh như thế, thật cảm động.

PV: Bây giờ, anh có còn làm thơ cho thiếu nhi nữa không?

TĐK: Tôi không phải là nhà thơ viết cho thiếu nhi. Tôi chỉ viết cho tôi thôi. Ngày xưa thế. Bây giờ cũng thế. Thuở bé, tôi là cậu bé, nỗi vui buồn của tôi là nỗi vui buồn của cậu bé. Bây giờ, tôi là người lính rồi, đâu còn là cậu bé nữa. Có một nhà hiền triết bảo: "Chẳng ai có thể hai lần tắm cùng một dòng sông!". Tái đến như các nhà hiền triết còn chẳng tắm được, huống hồ tôi lại chẳng có phép màu gì. Làm sao có thể bơi ngược về cái dòng sông thơ ấu trong vắt với tấm thân kênh cang và bộ mặt già nua cũ rích thế này? Tôi chỉ xin bái vọng về Nhà xuất bản Kim Đồng. Chúc Nhà xuất bản luôn là bạn tâm giao của khách hàng mình, là các đấng con trẻ, mà ngày nay, chúng ta vẫn quen gọi là các ngài thượng đế!

Tháng 10.1997
HOÀNG XUÂN TUYẾN (ghi)

ĐI QUA NƯỚC MỸ

Vân Chính (VC) : Mừng ông đã đến nước Mỹ.
Chuyến đi như thế nào ?

Trần Đăng Khoa (TDK) : Vui. Một cuộc du hí vui vẻ. Người Mỹ đón tôi bằng chính câu của ông đấy. Mừng ông đã đến nước Mỹ. Vừa xuống sân bay New York, đang chân ướt chân ráo, chẳng biết làm thủ tục nhập cảnh ra sao, tiếng Anh nửa chữ cũng không biết, cứ lơ ngơ như một chú bò lạc, họ đã buông luôn một câu xanh rờn mạ non như thế. Rồi chẳng cần khám xét, cũng chẳng xem visa, hộ chiếu, cứ thế đi, đi thẳng tuần tuốt. Lúc rời nước Mỹ cũng thế, chẳng phải trình giấy xuất cảnh, cũng không thấy người Mỹ nào, chỉ đưa hộ chiếu với cái vé máy bay cho một vị người Nam Triều Tiên ở hãng hàng không Korean, rồi vào tuốt mấy báy. Cảm giác nước Mỹ như một vật dưa hoang, chẳng ai canh giữ cả. Hôm làm visa ở đại sứ quán Mỹ tại Thái Lan mới buồn cười chứ. Họ chỉ hỏi vài câu chiếu lệ, hỏi bằng tiếng Việt, lúc ông, lúc anh. "Xin chúc mừng anh sang thăm Mỹ (lại chúc

mừng). *Anh có khoẻ không ?*". "Cám ơn, tôi khoẻ". "Thế ông có quen ai ở bên Mỹ không ?". "Rất tiếc là tôi chẳng biết ai cả, kể cả ông Kevin, người đã mời tôi, tôi cũng chưa một lần được chiêm ngưỡng dung nhan". "Thế ông có định ở lại Mỹ không ?". "Tôi ở lại Mỹ để làm gì, thưa ông ? Tiếng Anh nửa chữ không biết. Kinh doanh, buôn bán lại rất tồi. Ở Mỹ, tôi xét thấy mình chỉ có mỗi một khả năng..." "Khả năng gì ?" "Làm tổng thống !" "Ồ hế..." "Thế nhưng cái việc mà tôi hi vọng có thể làm được ấy, ông Bill Clinton đã làm rồi và làm rất giỏi. Thế thì tôi còn có việc gì nữa mà ở lại Mỹ". Thế là cười rũ ra. Cứ tưởng người Mỹ trầm lặng. Hoá chẳng phải. Họ rất tếu và rất thích đùa.

VC : Ông đi Mỹ làm gì ?

TDK : Theo như ghi ở giấy mời của ông Kevin Bowen thì tôi đi dự Hội thảo văn học ở Mỹ, do trung tâm Williams Joiner đăng cai.

VC : Tại sao lại theo như ghi ở giấy mời...

TDK : Vì nhìn vào cái giấy mời ấy, tôi mới biết tôi đi dự hội thảo văn học. Còn nhớ hồi ông Nguyễn Minh Châu còn sống, ông ấy cũng đã từng đi dự hội nghị văn học quốc tế ở Nga, họp xong, về rồi, ông mới đến tìm cái anh phụ trách đối ngoại vẫn đang ngồi trực ở Hà Nội : "Này, cậu nói cho mình

biết với, cái hội nghị vừa rồi mình họp là hội nghị gì thế cậu, nó bàn chuyện gì thế?"

VC : Ông lại đùa.

TDK : Ông Nguyễn Minh Châu là người rất nghiêm túc. Có nghiêm túc mới đi tìm người ở nhà để hỏi chuyện hội nghị quốc tế mà mình vừa họp chứ. Phải biết cho cặn kẽ. Vừa rồi, tôi cũng học ông Nguyễn Minh Châu. Nghĩa là cứ phải hỏi. May có mấy vị phiên dịch đi kèm. Bây giờ thì tôi hiểu thế nào là hội thảo quốc tế rồi. Nó tương tự như ta đi hát karaoke. Chẳng biết những lần trước, các đoàn trước hội thảo thế nào, chứ lần này, tôi thấy vui vẻ lắm chẳng có những câu hỏi móc mồi, xỏ xiên, đúng là cuộc gặp gỡ bang giao của giới văn nghệ. Nghĩa là vui và có phần tâm phào. Những cuộc gặp gỡ thế này, hầu như đã thành thông lệ. Mỗi năm, vào dịp hè, trung tâm Williams Joiner lại mời một số nhà văn của ta đi tham dự. Nhà văn đầu tiên đặt chân lên cái "cung giảng" Mỹ ấy là ông Lê Lựu vào năm 1991. Năm 1992, ông Lựu trở lại Mỹ lần thứ hai cùng với các ông Nguyễn Khải, Nguyễn Quang Sáng và Ngụy Ngữ. Năm 1993, đoàn ta sang Mỹ có ba nhà văn : Hữu Thỉnh, Lê Minh Khuê, Nguyễn Quang Thiều. Năm nay, số lượng đoàn ta đã lên đến 4 nhà văn. Trừ tôi là một gã cua đồng, với cái mặt ngô nghê như mặt chú Tễu,

còn lại là ba ông Trọng, thông minh, uyên bác đến
tốt vời : Tô Nhuận Vĩ, Phạm Tiến Duật, Nguyễn
Quang Thiều. Có thể nói Williams Jioner centers
là một nhịp cầu quan trọng để văn học Việt Nam
"đổ bộ" vào đất Mỹ. Cuốn tiểu thuyết "*Thời xa
vắng*" của Lê Lưu do trung tâm tổ chức dịch cũng
đã hoàn tất ở khâu bản thảo. Tập thơ Nguyễn
Quang Thiều gồm 60 bài, tập thơ Phạm Tiến Duật
30 bài, do Nguyễn Quang Thiều, Phạm Tiến Duật
dịch cùng với các nhà thơ Mỹ cũng đã xong, chỉ còn
chờ xuất xưởng.

*VC : Xin ông nói rõ hơn về cuộc hội thảo năm
nay.*

TĐK : Năm nay ta sang Mỹ gồm 2 đoàn nhà
văn. Đoàn đi ba tháng là hai thi sĩ danh tiếng
Phạm Tiến Duật và Nguyễn Quang Thiều. Cả hai
ông thi sĩ này đều trở lại Mỹ lần thứ hai. Công việc
của các bác ấy rất quan trọng, là dịch hai tập thơ
sang tiếng Mỹ. Đoàn thứ 2 gồm nhà văn nổi tiếng
Tô Vĩ Nhuận và tôi. Khi chúng tôi sang Mỹ thì hai
đoàn nhập lại làm một để cùng tham dự hội thảo.
Nói dự hội thảo thì nghe có vẻ to tát quá, thực chất
là cuộc gặp gỡ vui vẻ có tính du hí. Ở cuộc gặp gỡ
ấy, các nhà văn trao đổi với nhau về nghiệp vụ văn
chương, rồi nghe nhau đọc tác phẩm, bàn về công
việc dịch thuật, giới thiệu văn học của hai nước, đi

tham quan. Ngoài những công việc ấy, trung tâm còn mở các câu lạc bộ dạy sáng tác. Người đến học phải đóng tiền và làm đơn gửi đến trung tâm. Họ chia ra thành các nhóm : thơ, văn, dịch thuật, lý luận phê bình. Người đến giảng ở các nhóm này là những nhà thơ, nhà văn Mỹ nổi tiếng. Đoàn nhà văn chúng ta tham dự cùng với họ. Đó là những cuộc trao đổi vui vẻ, để hai bên cùng hiểu biết lẫn nhau.

VC : *Việc đọc tác phẩm ở trung tâm, họ tổ chức như thế nào ?*

TĐK : Ở nước Mỹ, người ta không chỉ tổ chức đọc thơ mà còn đọc cả văn xuôi. Có người vác cả cuốn tiểu thuyết ra đọc trước công chúng, mà người nghe hứng thú lắm. Họ có thể mua vé, ngồi hàng giờ để nghe truyện ngắn hoặc một trích đoạn tiểu thuyết do chính nhà văn đọc. Tôi đã dự mấy buổi đọc văn xuôi như thế. Một buổi ở thư viện Kennedy, nhân ngày trao giải thưởng Hemingway, đây là giải thưởng văn xuôi dành cho những tác giả trẻ, còn một buổi ở thư viện Boston, do bốn nhà văn đọc, nhà văn Tô Nhuận Vĩ của ta cũng góp vào đấy một chương tiểu thuyết : "*Nơi ấy là chân trời*". Ở ta dường như chưa có thói quen tổ chức đọc văn xuôi trước công chúng, chỉ thỉnh thoảng có ông Lê Lựu vác văn xuôi ra đọc trước buổi hội họp hay

đám cưới. Lê Lưu có thể đọc thuộc lòng một cái truyện ngắn, có khi một vài chương tiểu thuyết, trước khi đọc, anh còn dậm dọa : "Tôi đọc văn xuôi đây này! Ông bà nào mà mất trật tự không chú ý nghe là tôi sẽ đọc lại từ đầu đấy!".

VC : Thế còn việc đọc thơ ở Mỹ ?

TĐK : Chúng tôi được mời đến đọc thơ ở thánh đường Parics tại quảng trường Harvard square. Ở Mỹ, đọc tác phẩm họ chia ra thành hai địa điểm. Văn xuôi đọc ở thư viện, còn thơ đọc ở nhà thờ. Lần đầu tiên, tôi thấy thơ cũng là một thứ tôn giáo. Những buổi đọc thơ ở Mỹ khá vui. Tôi mở đầu, sau đó Nguyễn Quang Thiều, Phạm Tiến Duật kết thúc. Mỗi nhà thơ đọc một hôm, đọc cùng các nhà thơ Mỹ. Thiều đọc chùm thơ "*Trong quán rượu rần*", "*Tha phương*", "*Trong lớp học*". Phạm Tiến Duật với các bài : "*Đèo ngang*", "*Tiểu đội xe không kính*" và một bài viết về các chàng bán sức lao động ở đường Giảng Võ. Kết thúc, anh còn hát "*Trường Sơn đông, Trường Sơn tây*". Tôi đọc ba bài, một bài về chiến tranh, một bài viết về biển và một bài viết về nước Nga xa xôi, nơi tôi từng du học ở đây suốt 6 năm giờ. Trong ba anh em, Thiều là người giỏi tiếng Anh. Nghe Thiều nói, không ai nghĩ anh là người Việt. Phạm Tiến Duật nói tiếng Anh cũng rất tốt. Anh diễn thuyết bằng tiếng Anh,

thình thoảng người lại đong đưa uốn lượn như ca sĩ, dân Mỹ khoái lắm, cười rinh rích. Chỉ có tôi là chẳng biết một chữ tiếng Anh nào, nên buổi đọc thơ rất công kênh. Bên phải là nhà thơ Fred Marchant, đọc các bản dịch thơ. (Đây là một dịch giả có tài, ngôn ngữ rất đẹp, sau buổi dịch thơ này, anh Nguyễn Bá Chung nảy ra ý định sẽ cộng tác với ông dịch truyện Kiều ra tiếng Mỹ). Và bên trái tôi là anh Nguyễn Bá Chung, dịch lời phát biểu. Tôi đứng ở cái bục gỗ vẫn dành cho các cha cố đến giảng đạo. Hội trường rất trang nghiêm, khiến tôi buồn cười quá, thế là tôi nói đùa, rằng tôi đang phải làm một cái việc rất nặng nhọc là chiêng thơ ra trước các quý ngài, mà thơ lại là một thứ không thể chiêng được, vì không dịch được. Nhiều bản dịch được xuất phát từ nguyên bản, thế mà đem so với nhau, hoá ra chúng chẳng có họ hàng gì với nhau cả, có khi còn là kẻ thù không đội trời chung của nhau nữa, vì vậy có người cho rằng *dịch là diệt*. Nhưng đây là thuật ngữ dành cho những dịch giả tồi, còn với những dịch giả có tài thì dịch lại có nghĩa là sáng tạo lại, và vì thế, bữa nay các quý ngài không phải nghe thơ tôi, mà là nghe thơ của hai tác giả - Trần Đăng Khoa và Fred Marchant - một tổ hợp sản xuất thi ca Việt-Mỹ. Bữa nay chúng tôi quảng cáo mẽ sản phẩm đầu tiên. Các quý ngài chấp nhận thì chúng tôi sẽ tiếp tục sản xuất nữa

mà nếu thấy không thể tiêu thụ được thì chúng tôi sẽ dẹp tiệm luôn và bày trò chơi khác...

Tôi chọn ba bài thơ với giọng điệu khác nhau. Bài đầu tiên viết trực tiếp về chiến tranh. Có một học giả nước ngoài nói rằng, với bất cứ cuộc chiến tranh nào thì rồi cũng sẽ được kết thúc bằng một bên thắng và một bên thua, nhưng dù thắng hay thua thì nhân dân vẫn cứ thất bại. Và nhân dân, tôi nghĩ cụ thể là các bà mẹ, những người sẽ phải gánh chịu các cuộc chiến tranh ấy. Tôi không biết trên trái đất này có bao nhiêu những bà mẹ bị mất con, nhưng ở cái làng quê nhỏ bé của tôi thì hầu như không có gia đình nào đứng ngoài cuộc chiến tranh khốc liệt ấy. Có bà mẹ có bốn người con thì cả bốn người đều chết trận cả. Nước Mỹ có 2000 người mất tích, đến nay đã tìm thấy hầu hết, với con số ít ỏi ấy mà đã nháo cả nước Mỹ rồi, người ta đã vin cơ đó mà cấm vận, mà gây bao nhiêu khó khăn cho một nước nhỏ, lại bị bao nhiêu những di chứng nặng nề do cuộc chiến để lại. Tại sao người Mỹ không nghĩ đến những người Việt mất tích ? Ngay ở kho lưu trữ trường đại học tổng hợp Massachusetts đã lưu giữ 24 ki-lô-met micro phim chụp những tài liệu của người Việt mất tích. Chính người Mỹ đưa ra con số mất tích của Việt Nam là 600.000 người, cứ theo con số đó của người Mỹ đưa

ra thì hiện nay vẫn còn 600.000 bà mẹ Việt Nam thấp thỏm, chờ đợi, và vẫn tiếp tục chịu đựng cuộc chiến tranh. Với các bà mẹ ấy, cuộc chiến tranh dù đã qua 20 năm rồi, vẫn chưa phải đã kết thúc. Rồi tôi đọc bài thơ *Thư gửi mẹ*. Đây là bức thư của một người lính trước lúc vào trận viết cho mẹ. Vì là thư, nên tôi cứ để mộc, đôi khi bỏ vắn, để bài thơ gần với một bức thư thật. Khi kết thúc hội thảo, bốn anh em chúng tôi được trường đại học Harvard mời đến đọc tác phẩm để họ ghi lại. Ở đây có phòng Thơ rất nổi tiếng, nơi lưu giữ 2000 đĩa ghi giọng đọc của các thi sĩ nổi tiếng thế giới. Cũng ở đây, có một đĩa ghi thơ Bác Hồ. Lúc vào phòng ghi âm, tôi thấy buồn cười quá, vì cái phòng rất cổ lỗ, máy ghi với những cuộn băng cối cũng rất cổ lỗ, micro thì han, trông cũ kỹ như cái hòng súng thần công. Nước Mỹ siêu điện tử sao còn dùng những dụng cụ đồ lễ như từ thế kỷ trước. Phòng ghi âm lại chẳng có cách âm, phòng bên mở cửa thông thống, người ta đi lại, kéo bàn ghế roàn roạt. Tôi đọc rất qua quýt và nhảm lung tung, cũng chẳng dính chính hay đọc lại, vì cứ nghĩ họ làm phép, chơi trò xā giao, ghi để rồi lại xoá, nên mình cũng đọc một cách làm phép. Ai dè xong, họ bảo sẽ in và sẽ "biểu các anh một bản". "Thế còn những tạp âm?" "Đấy chỉ là kỹ thuật bá âm đơn giản". Thật là

chẳng còn hiểu ra làm sao ? Hoá ra mình vừa vào một bảo tàng di tích văn hoá cổ. Những máy ghi âm ấy đã từng ghi giọng nói của các thi sĩ giờ đã thành người thiên cổ. Vì vậy mà họ mới bảo tồn.

VC : Ông có thể nói thêm điều gì đó về nước Mỹ, theo như cách cảm nhận của ông.

TĐK : Tôi hoàn toàn không hiểu gì về nước Mỹ. Điều này có thể ông Lưu, ông Duật, ông Thiệu hiểu khá tường tận. Các ông ấy biết tiếng Anh, lại đi Mỹ vài lần. Cái tôi thấy chỉ là cái vỏ bề ngoài nhìn bằng mắt và điều đó cũng chưa chắc đã chính xác. Cứ như mắt tôi thấy thì nước Mỹ là một vùng thiên nhiên gần như còn giữ được vẻ tự nhiên đến mức hoang sơ. Người Mỹ dường như không phải lo đến việc bảo vệ môi trường. Họ mang chiến tranh đi khắp thế giới, còn ở nước họ thì chẳng có một sợi khói đạn nào. Chúng tôi ở phố Piason, trong một biệt thự bằng gỗ sồi mà trung tâm đã thuê cho cả bốn anh em. Buổi sáng弥漫 hương rừng. Có những chú sóc rừng leo vào tận cửa sổ và cứ ngơ ngác nhìn mấy anh em với ánh mắt rất lạ lẫm, dường như chưa thấy người bao giờ. Có lẽ trong tâm trí của chú ta, bốn anh em cũng chỉ là bốn gã sóc già ru rú trong cái chuồng gỗ, chẳng chịu ra ngoài giờ mà hít cái bầu không khí tươi mát, sức nức mùi thảo mộc. Còn một chuyện nữa tôi cũng thấy là lạ.

Ấy là cái ngày Quốc khánh Mỹ 4-7. Toàn dân Boston đổ hết ra bờ sông Traus. Họ nhảy múa tung bừng, đeo thắt những cái vòng lân tinh xanh đỏ, những chiếc mũ phát sáng. Có người xách theo cả cái tivi bé bằng cuốn sách để xem cho rõ cuộc trình diễn ở giữa sông. Ở đó có đoàn giao hưởng nổi tiếng của Mỹ cử nhạc. Nhạc thu vào sóng FM, rồi phát ra các giàn loa lớn bắc dọc hai bên bờ sông. Cứ chục mét lại một giàn loa. Trời đất tràn trề âm nhạc. Không thấy diễn văn và những lời chúc tụng. Chỉ có âm nhạc. Thật chẳng còn hiểu ra làm sao. Rồi pháo hoa bắn theo tiếng nhạc, tùy theo cường độ của nhạc mà pháo bắn dồn dập hay thưa thoáng. Pháo hoa xếp chữ, xếp sao, xếp hình lá cờ, vẽ chân dung các danh nhân văn hoá và các nhà bác học. Đây là những bức tranh hoành tráng bằng ánh sáng. Có một điều tôi lấy làm lạ nữa là họ rất ít cử nhạc Mỹ, toàn cử nhạc cổ điển nước ngoài, trong đó, nhạc sĩ thiên tài Nga Tchaikovski là vị thống soái. Nhạc Tchaikovski cử trong tiếng đại bác đệm trầm hùng. Thoạt đầu, tôi cứ tưởng tiếng contrabasso. Nghĩ bụng, quái, contrabasso gì là thế, hình như họ chơi ở dưới lòng đất. Mãi, mấy phút sau mới biết đây là tiếng đại bác đệm cho nhạc, bắn từ bên kia sông. Quốc khánh mà tổ chức như thế thì lạ thật. Bởi nó rất Mỹ. Nghĩa là rất vui và cũng rất tếu.

VC : *Còn một sự kiện nữa của loài người diễn ra ở đất Mỹ - ấy là cái giải World Cup. Nghe đồn ông có đến sân cỏ ?*

TĐK : Tôi bị lôi ra sân vận động thì đúng hơn. Về bóng đá, tôi không mê lắm. Tôi chưa bao giờ xem được hết một buổi tường thuật bóng đá trên màn truyền hình. Về môn thể thao này, tôi dường như điếc đặc và mù đặc. Và về khả năng am hiểu bóng đá, có thể nói, tôi cũng ngang với dân Mỹ. Người Mỹ cũng rất lạnh lùng với cái sự kiện World Cup này. Họ chỉ mê bóng chày và bóng rổ. Trên sân vận động, chủ yếu là dân nước ngoài. Vô tuyến truyền hình Mỹ không phát chương trình bóng đá. Một số người Mỹ hâm mộ bóng đá họ lại phải xem nhờ các hãng truyền hình Mèhicô hay các kênh truyền hình của các nước khác. Bốn anh em chúng tôi ra sân bóng ngồi ngay khán đài A. Đó là trận đấu giữa Achentina và Nigiêria. Không khí sân cỏ nồng nhiệt đến phát sợ. Một biển người phát điên phát khùng. Họ cời trần, bôi màu xanh đỏ khắp người. Họ sơn cờ Achentina vào mặt. Họ hò hát âm ỉ, vỗ trống thùng thùng, rồi thổi kèn toe toe. Kèn đồng, kèn sắt tây, rồi kèn nhựa, rồi thanh la nào bạt. Họ khua gõ bất cứ cái gì phát ra âm thanh. Trên trời, hàng trăm chiếc máy bay đủ các loại đeo biển quảng cáo các hãng Coca Cola, ô-tô, rồi ngân

hàng, rồi viện sử học, rồi các toà báo mới, rồi hàng trăm công ty chịu không thể biết được những công ty gì, những tà phước bay vòng quanh sân vận động. Không khí bùng bùng như lửa sôi. Ra đó mới biết không phải chỉ có 22 gã cầu thủ đá bóng trên sân, mà có đến hàng biển người đá bóng bằng... mồm. Đá một cách nhể nhại, tôi bời, phờ phạc, có khi còn khốn nạn, khổ ải hơn mấy lão lồng như ngựa vĩa trên sân cỏ.

12.1994
VĂN CHÍNH ghi

CHUYỆN Ở CÔNG VIÊN THỦ LỆ

Mùa xuân. Gió se lạnh. Mưa bụi lay phay. Ở một góc công viên Thủ Lệ, nơi ngụ của Chúa Sơn Lâm mà người nhà quê vẫn quen gọi Ngài là... ông Ba Mươi - lúc nào cũng nườm nượp người. Những đứa trẻ lùn cùn theo mẹ, tay cầm chùm bóng màu, lăm lét nhìn Ngài. Một cặp trai gái đang yêu, xoè ô che cho nhau, đi lướt qua. Hình như họ không biết có Ngài trên đời. Điều ấy lại làm cho Ngài cảm thấy dễ chịu. Ngài muốn vào "hậu cung", là cái buồng nhỏ có cửa sắt, xây bằng xi-măng, cốt thép ở phía sau mà lũ trẻ ngỗ ngược dám gọi là cái ổ cọp. Láo toét. Thực tình, Ngài muốn nằm xả hơi sau bao nhiêu huyên náo, chộn rộn, thì ngoài cửa sắt, lại thập thò một vị khách nữa, đó là Trần Đăng Khoa. Sự xuất hiện của anh ta, quả có làm cho Ngài khó chịu. Ngài định phất đuôi đi thẳng. Nhưng rồi không hiểu nghĩ sao, Ngài lại không đi.

Ông Ba Mươi (Le lé nhìn máy ảnh, máy ghi âm, những đồ nề linh kính đeo trên vai Trần Đăng Khoa). Hừm... Hoàm... ! Lại nhà báo chứ gì ? Ta

chẳng có việc gì phải gặp nhà báo cả. Hãy đi đi. Đi ngay khỏi đây đi !

Trần Đăng Khoa : Này, Ngài vừa nói gì thế ? Ngài có biết Ngài đang vi phạm luật báo chí không ? Điều luật đã được ghi rõ ràng đây này ! (Đọc to) *Không một ai có quyền ngăn cản nhà báo đang thi hành công vụ theo đúng pháp luật !*

Ông Ba Mươi : Hừm ! Đúng là nhà báo chính cống. Động một tí là lại giở thẻ ra dọa nạt. Nhưng ta là Hồ. Hồ còn hơn Báo đấy !

Trần Đăng Khoa : Phải ! Ta biết Ngài là chúa tể rừng già. Nhưng rất tiếc, đây lại không phải rừng già. Ngài đang ở giữa xứ người, đang nằm khoèo trong cái cũi sắt ở vườn bách thú Thủ Lệ...

Ông Ba Mươi : Thế con tưởng con không ở trong cũi sao ? Cái cũi của ta chỉ hơn chục bước chân thôi. Còn cái cũi của con thì mênh mông đến... bốn phía chân trời.

Trần Đăng Khoa : Này ông mãnh ! Ông nói lảm nhảm cái gì thế ?

Ông Ba Mươi : Ta chỉ nói một sự thật thôi ?

Trần Đăng Khoa : Sự thật gì ?

Ông Ba Mươi : Sự thật là ta đã mang rừng già về thành phố. Sự hiện diện của ta đã làm cho cái khu rừng già Thủ Lệ này có sự thâm nghiêm, huyền bí của đại ngàn. Trong khi đó, những cánh rừng thật thì đang bị huỷ diệt trên phạm vi toàn thế giới. Tầng ôzôn bị thủng ở trên kia. Nạn cháy rừng đã lan đến tận đỉnh giong rồi. Những bộ óc thông minh nhất của loài người đã phải co cụm lại để lo cách chống đỡ, vá tầng ôzôn. Hừm... ! Họ định biến thành không thành một cái vấy đụp. Tầng ôzôn không ở trên cao tít mù khơi kia đâu. Nó đang ở ngay dưới gót giày của các người đấy. Hãy vá những cánh rừng đang bị rách toét tả dưới chân các người đi. Hãy làm đúng như lời cầu nguyện của lũ con trẻ, là biến trái đất thành một quả bóng xanh. *Quả bóng xanh bay giữa trời xanh.* Lúc đó, rừng già sẽ cứu vớt các người, che chở cho các người.

Trần Đăng Khoa : Ngài chỉ ở trong xó rừng, bây giờ còn bó thân trong cũi sắt, Ngài biết gì về tầng ôzôn mà toàn nói chuyện trên giong...

Ông Ba Mươi : Thực tình, ta ngự ở xứ người cũng có phần âm u tí chút, nhưng cái loa công cộng rất vui tính ở cổng rừng già kia hàng ngày rót vào tai ta bao nhiêu là chuyện, rất những duyên do cánh báo chí các người nhật nhặn ở khắp các xó xỉnh hành tinh. Đến cỏ cây kia cũng còn biết bao

nhiều chuyện trên gò. Chúng vẫn luôn rì rầm, bàn tán với nhau. Còn con người chẳng biết cái gì cả, lại cứ tưởng trời đất đang chuyển mùa. Hà Nội đang trở gió. *Ồi cỏ cây ! Cỏ cây đang hát - Những nỗi niềm huyền bí của thiên nhiên.* Nhà thơ nào ca thế nhỉ ? Chỉ lão toét ! Lũ cây cỏ đang cười các người đấy, đang đàm tiếu về các người đấy, chứ hát hò cái nỗi gì ! (*Trần Đăng Khoa giờ nắm đấm lên, nhưng lại chợt nhìn thấy cái biển đề ở cửa sắt : "Yêu cầu quý khách không chạm vào hiện vật". Anh bèn bỏ đi*). Này, lại đây ! Lại đây. Ta có nhờ xin lỗi con. Ta chưa nói hết chuyện mà ? Còn rất nhiều chuyện nữa.

Có tiếng ồn ào. Một đám thanh niên đi ngang qua. "Ơ này, lạ không, lão kia đang nói chuyện với hồ !". "Bậy !". "Bậy gì, lão còn giờ sổ ghi ghi chép chép !". "Người điên đấy !". "Điên đâu mà điên !". "Không điên sao lại nói chuyện với hồ !".

Trần Đăng Khoa : (*Vỗ vỗ vào cửa sắt. Ông Ba Mười quay lại*). Đó, Ngài có nghe thấy gì không ? Tai Ngài vẫn tốt đấy chứ ?

Ông Ba Mười : Ta điếc rồi. Hoàn toàn điếc đặc rồi.

Trần Đăng Khoa : (*Bật cười*). Ngài bảo Ngài điếc đặc. Điếc đặc mà sao Ngài tọc mạch thế ?

Ông Ba Mươi : Ấy là vì ta buồn. Ta buồn thôi. Nếu buồn thêm một tí nữa không khéo ta thành thi sĩ mất. Biết đâu, lúc ấy, ta là ông Thế Lữ cũng nên...

Trần Đăng Khoa : Ngài biết ông Thế Lữ à ?

Ông Ba Mươi : Biết chứ ! Ông ấy với ta là bạn tâm giao. *Gậm một môi cảm hờn trong cũi sắt - Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua...* Hay thật ! Phải thừa nhận rằng, Thế Lữ rất hiểu ta. Cũng phải thôi. Bởi ông ấy là chúa tể thi ca nên cũng dễ dàng hiểu được nỗi niềm của chúa tể rừng già. Thế Lữ đã mượn cái lưỡi của ta để bộc lộ nỗi niềm của mình. Lấy con mắt của ta để ngắm đại ngàn và rồi rồi cuộc ta lại được nhìn đại ngàn bằng chính con mắt Thế Lữ : *Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối - Ta say mỗi đùng uống ánh trăng tan ? Đâu những bình minh cây xanh, nắng gội - Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?* Thật bi tráng biết bao ! Kỳ vì biết bao ! Nhưng đây là chuyện của Thế Lữ, do Thế Lữ tưởng tượng khi ngài khoác tấm áo văn vận của ta. Chữ thực sự với ta thì đêm trăng bên suối, ánh bình minh với tiếng chim ca chẳng có nghĩa lý gì. Ta chỉ yêu bóng đêm. Những đêm tối sẫm, nhất là đêm ba mươi. Đêm ấy, ta nhìn vạn vật trong suốt mà không bị vương ánh hào quang giả tạo. Vương quốc của ta chỉ thực sự tôn nghiêm, kỳ vĩ khi có

bóng tối bao phủ. Ta cứ cười thầm ông Thế Lữ đã phải núp vào bóng ta mà kêu lên : *Than ôi ! Thời oanh liệt nay còn đâu ? Ông ấy đã khám phá ra một căn bệnh phổ biến của loài người là nuối tiếc quá khứ.*

Trần Đăng Khoa : Thế Ngài không tiếc quá khứ sao ? Chỉ ít cũng là một thời tung hoành ngang dọc ở những cánh rừng già ?

Ông Ba Mươi : Với ta, quá khứ chả là cái gì cả. Chỉ cần chạm vào cái lá là ta đã quên sạch. Ta không có quá khứ, cũng không có tương lai. Ta chỉ có hiện tại. Lúc nào với ta cũng là hiện tại...

Trần Đăng Khoa : Hiện tại của Ngài là đây này (*Đập đập vào cái cũi sắt*).

Ông Ba Mươi : Đúng rồi. Nhưng cái hiện tại hạn gì này đâu có ngăn ta bàn luận về con người. Phải thừa nhận rằng, con người ở thế kỷ này cực kỳ tài giỏi. Họ có thể phục hồi lại được mọi thứ đã mất, chỉ trừ thời gian. Bởi thế, họ mới nuối tiếc quá khứ. "*Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục, thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác*". Ông Tây nào nói thế nhỉ ? Hài quá!

Trần Đăng Khoa : Ta muốn nghe một chuyện về Ngài.

Ông Ba Mươi : Có một chuyện hình như là của ai đó.

Trần Đăng Khoa : Ngài có nhớ tên người ấy không ?

Ông Ba Mươi : Làm sao ta nhớ được tên các người, những cái thứ lằng nhằng như dây mây, dây mái ấy...

Trần Đăng Khoa : Vậy là Ngài không biết tên tác giả ?

Ông Ba Mươi : Ta chỉ biết cái chuyện thôi. Nào, con hãy ngồi xuống đây. Thế ! Được rồi ! Câu chuyện bắt đầu từ một bà già. Bà sống trong một căn lều cỏ rách nát. Căn lều dựng ven rừng. Ngay sau lều là đại ngàn âm u, huyền bí. Chính cánh rừng đá nuôi bà cụ. Ngày ngày bà cụ vào rừng, kiếm củi, rồi mang ra chợ bán. Một buổi tối, trời sáng mờ. Bà cụ đang lụi củi từ rừng về nhà thì chợt nghe tiếng trẻ khóc. Tiếng khóc vẳng lên từ một cái hố ở ven đường. Không biết con cái nhà ai đi đâu mà lại rơi vào cạm bẫy hố. Qua ánh trăng non lờ mờ như bụi rắc, bà cụ rụng rời khi nhìn thấy ở dưới đáy hố không phải là đứa trẻ, mà lại là một chú hổ con. "Thôi, cho nó chết !" Bà già bỏ đi. Nhưng vừa nhắc bó củi lên vai, bà đã khụy xuống, không bước nổi. Tiếng khóc cứ xói vào ngực

bà, co thắt trái tim bà. Bà nghe rõ ràng là tiếng khóc trẻ con. Tiếng khóc của trẻ con - Người. Bà nhớ đến đứa con duy nhất của bà với người chồng xấu số. Thằng bé đã rơi xuống khe đá và chết đuối ở dưới đó khi nó thơ thẩn đi đón bà ở ngoài bìa rừng. Thế là không còn băn khoăn gì nữa, bà bế con hổ con về nhà nuôi bằng chính dòng sữa của mình. Từ đó, căn lều hoang lạnh của bà đã có tiếng cười. Những người dân của làng đi làm về, thường ghé qua ngắm cậu bé. Ai cũng khen cậu đẹp, hiền hậu. Có người còn bảo cậu giống bà cụ. Hai mẹ con cứ như hai giọt nước. Thế rồi cậu đi học. Cậu học rất giỏi. Bè bạn không ai có thể theo kịp. Điều ấy làm cho họ khó chịu. Còn ông thầy cũng không thấy vui, nhiều khi còn bực bội, vì có điều thầy chưa kịp nói, cậu đã biết cả rồi. Và thế là họ quyết định gạt cậu ra khỏi cộng đồng, chỉ với một lý do : Cậu không phải là người. Cậu là một con hổ đẻ rơi. Nhưng biết lấy bằng cớ gì để xác định cậu là hổ. Chả lẽ dựa vào cái lý lịch mờ mờ tỏ tỏ, pha màu huyền thoại mà người ta đã đồn thổi từ thời nào, thời nào, trong khi cậu lại học giỏi, ngoan ngoãn, hiền lành, thật thà như đếm, diện mạo sáng đẹp, giống y hệt một con người. Cậu chỉ có một cái tật : cứ chạm phải lá cây, cậu quên hết mọi sự. Nhưng chỉ một tật ấy thì cũng chưa thể đủ để buộc tội cậu. Học trò quên lời thầy là điều bình thường. Thế là

ông thầy bèn ra một đề văn trắc nghiệm giới tính :
*Em hãy tả dòng suối trong một đêm trăng (Ngừng
ngẩn)*. Hừm, con người buồn cười thật. Họ tề nhặt
đến đơn điệu. Cứ nói về hồ là lại dòng suối với đêm
trăng. Tay nhà văn này cũng giống hệt ông Thế
Lữ...

Trần Đăng Khoa : Xin Ngài hãy trao công
việc bình luận văn chương cho các nhà phê bình,
nghiên cứu. Đây không phải là việc của Ngài...

Ông Ba Mươi : Ta đang nói chuyện hồ đấy
chứ. Đâu có phải chuyện văn chương. Ta không
quan tâm lắm đến những công nghệ làng nhàng
của giới phê bình.

Trần Đăng Khoa : Vây xin Ngài cứ kể tiếp.
Thế rồi bài văn sao ?

Ông Ba Mươi : Thì lũ trẻ hí hoáy làm bài.
Nhưng bài văn nhạt nhẽo và bọt bọt, không hề có
sinh khí. Nhưng đến bài của cậu bé thì không thế.
Cậu ta tả tiếng gió âm u luồn trong bụng rừng.
Nhưng cành cây khô vụn mình rã rắc như tiếng
xương gãy. Ánh trăng lênh loáng trên mặt suối
như máu. Mùi cỏ trên bờ thơm ngậy ngất. Những
ngọn gianh sắc còn vương rơm chút máu chân nai...
"Thôi ! - Thầy giáo quát lên. - Hãy dừng bút và
bước ngay ra khỏi lớp ! Mày là một con hổ !". Cậu

bé ngờ ngàng, không hiểu ra làm sao cả. "Ra ngay ! Con hổ ác độc". "Không ! - Cậu bé mếu máo. - Em là người, là con người !". "Người đâu có thể này. Máu... Máu...". Thế là cánh cửa lớp sập xuống sau lưng cậu. "Cút đi ! Cút đi ! Cút về rừng đi !". Lũ trẻ gào lên cho hả giận. Cậu bé thất thểu về nhà. Bà cụ hái củi đã chết vì cây đổ. Chẳng còn biết nương tựa vào đâu. Cậu bé nhớ đến những người hàng xóm tốt bụng. Những người đã từng ca ngợi cậu, khen cậu đẹp trai và giống mẹ như đúc. Nhưng vừa nhắc trông thấy cậu, họ đã đóng sập cửa. Họ chỉ biết cậu là con của hổ nên bị đuổi học. Cậu bé đói lả, chỉ mong có một miếng cơm cháy. Rồi cậu đi lang thang để kiếm cái ăn. Cậu nghe có tiếng bước chân rầm rập ở ngoài bìa rừng. "Các bác ơi, cho cháu một khúc sắn !" Rồi cậu rụng rời cả chân tay khi phát hiện ra đám đông ấy không phải là người mà lại là một bầy hổ rừng. "Đói chứ gì ? Thế thì theo chúng tao !". "Nhưng cháu không phải là hổ !". "Nếu không phải hổ, sao con người lại ruồng bỏ mi, xua đuổi mi ?" Thế là cậu đã trở về với đại ngàn sâu thẳm huyền bí. Và chỉ ít phút sau, cậu đã có cái ăn. Nhưng không phải cơm, không phải sắn mà là thịt sống. Cậu nôn oẹ ra mật xanh, mật vàng. Bầy hổ phải vất vả lắm mới đào luyện cậu tiếp cận được với cuộc sống mới. Rồi cậu quen dần với đời sống hoang dại, quen dần mùi máu. Rồi cậu nghiện

máu. Cậu thấy thèm thịt người. Cậu mang máng nhớ đến cái lớp học ở một làng xa xa. Ở đấy có cơ man nào là người. Thế là cậu dẫn đoàn quân của rừng về. "Ồi ! Em vào đây ! Em ngoan quá ! Thầy và các bạn đều nhớ em !" - Thầy giáo kêu lên, giọng run rẩy. "Không ! Ta đến đây không phải để học !". "Chính em đã từng học ở đây mà ! Em là một con người tuyệt vời. Con người viết hoa !". "Không ! Ta không phải là người. Chính ông đã bảo ta là hổ, đã bắt ta phải làm hổ !". Thế là cậu và đoàn quân của rừng tràn vào lớp học. Thịt và máu ngập ngụa cả một vùng...

Trần Đăng Khoa : Hình như Ngài nhớ không chính xác...

Ông Ba Mươi : Thế ta mới là Hổ chứ. Có quan trọng gì ở sự chính xác của mấy con chữ. Miễn là cái chuyện nó sống trong bụng ta như thế. Ông nhà văn này thật khôn ngoan. Ông ấy đã biết tựa vào cái bóng oai linh của ta để tạo dựng lên một tác phẩm lớn, cũng như ông Thế Lữ.

Trần Đăng Khoa : Ngài lại chạm đến một vấn đề không thuộc về Ngài rồi. Tác phẩm lớn hay nhỏ đâu có phụ thuộc vào nhân vật mà nhà văn đề cập, ví như con muỗi mất hay con voi rừng...

Ông Ba Mươi : Văn học có thể viết về con muỗi, về côn trùng. Nhưng nhà văn mà chỉ luẩn

quần những muỗi mắt, côn trùng, giun dế, cóc nhái với cào cào châu chấu thì cũng không thể thành người được đâu, con ạ. Con cứ nhắn với các nhà văn như thế nhé. Cứ nói thẳng ra là ta nói thế đấy. Nếu ai cảm thấy khó chịu thì cứ đến cái góc rừng già Thủ Lệ này gặp ta.

Tất Con Cọp Mậu Dần 1998

CHÂN DUNG VÀ ĐỐI THOẠI VỚI DƯ LUẬN

Chân dung và đối thoại của Trần Đăng Khoa vừa ra mắt, đã được bạn đọc, bạn viết đón nhận nồng nhiệt. Chỉ sau hơn một tháng kể từ khi cuốn sách ra đời đã có hàng chục bài báo lớn nhỏ từ trung ương đến địa phương bàn luận sôi nổi. Chúng tôi xin lược trích một số đoạn trong các bài báo đó để bạn đọc rộng đường tham khảo.

CHÂN DUNG VÀ ĐỐI THOẠI CỦA TRẦN ĐĂNG KHOA

Cuốn chân dung văn học dày hơn 300 trang của Trần Đăng Khoa do Nhà xuất bản Thanh Niên xuất bản với tên *Chân dung và đối thoại*. Thực tế đây là một cuốn chân dung và ... chân dung. Bởi suy cho cùng, đối thoại chỉ là cái "mẹo" để Trần Đăng Khoa dựng chân dung : chân dung các nhà văn, chân dung lớp nhà văn, chân dung một thời kỳ văn học nửa đảng này thế kỷ chúng ta đang hết.

Trần Đăng Khoa có cách viết chân dung rất khéo. Những bức chân dung nhà văn do anh dựng trong cuốn sách này không bằng chần chẫn, không thẳng hàng đẹp lối. Cuốn sách vừa in xong đã được đón nhận nồng nhiệt, chứng tỏ độc giả không bắt gặp ở đây cách viết ghi tiểu sử. Những gương mặt nhà văn qua các trang viết biến ảo của Trần Đăng Khoa hiện lên sắc nét, tươi màu và rất sống động. Bức chân dung biếm họa - tự họa gọn thon lỏn mà tác giả trưng ra ngoài cùng gian triền

lắm là một thí dụ. Nó chỉ là một nét chân dung Trần Đăng Khoa. Anh còn "có mặt" trong nhiều bức khác, bên những tên tuổi khác, ở những thời điểm khác. Và trong mỗi hoàn cảnh cụ thể ấy, người ta lại thấy một Trần Đăng Khoa khác : kính cẩn trước Tố Hữu, ngoan ngoãn bên Xuân Diệu. Rồi anh đội lốt hùm để nói về con hổ *Nhớ rừng* của Thế Lữ, mặc áo giấy để cãi nhau với ma về Nguyễn Khắc Trường, tác giả tiểu thuyết *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, và về những vấn đề khác chung quanh thể loại tiểu thuyết... Trần Đăng Khoa cũng kỳ công như vậy khi dựng chân dung các đồng nghiệp đáng kính của mình.

... Ngoài những bức chân dung khổ lớn như chân dung Tố Hữu, Xuân Diệu, Lê Lợi, Phù Thăng, Trần Đăng Khoa còn dựng rất nhiều chân dung khổ nhỏ từ vài trăm đến vài chục chữ. Dù thao tác theo lối cổ điển hay thao tác theo lối ấn tượng, có thể nói trong từng tác phẩm của mình Trần Đăng Khoa đều ghi lại được những nét cơ bản tạo nên gương mặt một nhà văn.

... Để cập hơn chín chục nhà văn, chạm tới chín vấn đề của văn học Việt Nam nửa thế kỷ qua - một nhà phê bình đã đưa ra những con số thống kê này, khi nói về cuốn *Chân dung và đối thoại* của Trần Đăng Khoa. Với tôi, cuốn *Chân dung và đối thoại* trước hết là một cuốn chân dung ... cần đối thoại. Nó đã xới lên nhiều vấn đề của đời sống văn học nước nhà nửa cuối thế kỷ 20.

Đối thoại để dựng chân dung. Qua việc dựng chân dung mà trình bày những quan điểm về học thuật. Thật thà và ma quái là lối viết của Trần Đăng Khoa. Bởi vậy, cuốn sách có sức hút người đọc.

HOÀNG XUÂN TUYẾN
Nhân Dân 7 - 11 - 1998

KHI NHÀ THƠ VIẾT VĂN XUÔI

1. Đọc cuốn sách của Trần Đăng Khoa, ta thú vị như đi vào một phòng tranh. Chân dung mà ! Có rất nhiều chân dung các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình được vẽ với nhiều dạng, nhiều kích cỡ, khuôn khổ, nhiều màu sắc khác nhau. Kiểu vẽ cũng vậy. Có bức vẽ bằng cặp mắt nhìn ngộ nghĩnh hồn nhiên của trẻ con, có bức ký hoạ, có bức sơn mài kì khu như hoạ sĩ chuyên nghiệp, có bức biếm hoạ như các hoạ sĩ văn thân ái tặng các nhà văn trên tạp chí Cá sấu... Bức tranh nào cũng sống động, lấp lánh một vẻ riêng.

... Về chân dung chỉ là một phần việc nhỏ của Trần Đăng Khoa. Điều quan trọng nhất mà anh muốn làm là đối thoại với các tác giả, đối thoại với bạn đọc và qua những cuộc đối thoại đó xác định lại những giá trị văn chương. Xác định lại, chắc chắn phải thẩm định, phải phát hiện, phải nghe ngóng và phải quyết đoán. Dĩ nhiên sẽ có khẳng định, có khẳng định kèm với điều chỉnh, và không tránh được phủ định. Dù muốn, dù không, tất yếu sẽ đụng chạm. Nhưng tất cả những việc này Trần Đăng Khoa làm nhẹ nhàng và khéo léo bằng cách lồng vào trong câu chuyện văn chương, xen giữa những kỷ niệm, hồi ức, đối thoại, nhắc lại lời của một nhà văn, thậm chí bịa ra cả một cuộc trò chuyện giữa người và ma, giữa Trần Đăng Khoa với hồ.

Có cảm giác là nói về thơ ca, một địa hạt mà Trần Đăng Khoa sở trường, hình như tác giả lại dè dặt hơn về văn xuôi. Tuy nhiên những suy nghĩ về thơ Tố Hữu, thơ Xuân Diệu và năm bài lục bát của Nguyễn Đình Thi, Bằng Việt, Trúc Thông, Phạm Công Trứ, Đồng Đức Bốn, nhận xét về thơ Nguyễn Quang Thiều, Hoàng Nhuận

Cầm chứng tỏ Trần Đăng Khoa viết rất có nghệ, tinh tế. Theo cách nói nôm na nhà quê thì Khoa viết cũng "bạm cực".

2. Sức hấp dẫn của cuốn sách còn ở chỗ tính chất văn chương, cái giọng điệu, cung cách viết của Trần Đăng Khoa... Tất cả làm cho những chuyện bình luận, phê bình trở nên mềm mại, tươi tắn, trong hình thức thân mật, tếu táo. "Gớm, đùa một tí mà quan bác đã..." Vâng ! Cần phải nhắc đến giọng điệu của Trần Đăng Khoa. Cái giọng hồn nhiên nhún nhặn, nhưng lại pha chút ma quái, nên rất khác thường. Khen mà lại hoá ra chê. Chê tới số, nhưng thực chất là để khen. Có khi không khen không chê mà hơi vòng vo nhuốm một từ bí hiểm. Cứ ồm ồm ở nửa nạc nửa mỡ như vậy khó lòng bắt bẻ. Đó là điều mà các nhà phê bình được tặng danh hiệu "cây búa vàng" không bao giờ làm. Còn những anh em cầm bút theo nghiệp phê bình khác thì dẫu có muốn cũng khó làm nổi. Tuy nhiên không phải lúc nào Trần Đăng Khoa cũng giữ "chiêu" như vậy. Rất nhiều lúc, anh phải dùng lối trực ngôn. Và, cũng như mọi người viết nhiệt tình, anh tỏ rõ chính kiến và cũng cực đoan, cứng nhắc, bảo thủ... như ai.

Trần Đăng Khoa là một người làm thơ viết phê bình, anh hiểu bếp núc sáng tác, lấy tấm lòng, lấy tiêu chuẩn văn chương làm chuẩn mực, không "khen theo kiểu "bốc thơm" hay chê có tính "trù dập" (tr. 247). Điều cuối cùng là Trần Đăng Khoa đã viết với tất cả bản năng văn chương trời phú và kinh nghiệm từng trải. Anh "dồn hết tâm lực" cho công việc "sáng tạo cực nhọc" như việc làm thơ vậy.

VŨ NHỎ

Tiến phong chủ nhật, số 45 - 8-11-1998

NHẬP NHẰNG THAY CUỐN SÁCH MỚI CỦA TRẦN ĐĂNG KHOA

Mấy năm gần đây, văn chương không được bội thu cho lắm, mặc dù các cuộc thi thơ, thi truyện ngắn, thi tiểu thuyết tràn lan khắp các toà báo và các nhà xuất bản, với những danh hiệu kêu hơn chuông - ấy vậy mà cứ trao giải xong là chuông vàng, chuông đồng chẳng còn ngân thêm được qua ngày trao giải. Giải lời được cả các bậc trưởng lão trong làng văn làng báo đến già thợ cày ra để trao, mà rồi ai cũng cứ thấy hình như các mùa gặt hái đích thực vẫn chưa thấy đến. Thành thử có nhà văn, nhà thơ đem tài chế biến truyện, thơ để được giải chuyên nghiệp. Không to thì nhỏ, đã thi là có giải, kể làm được như thế cũng là một kiểu tài. Vì thế mà sinh ra lắm nhà phê bình.

Nay trên cánh đồng văn học vẫn còn gieo vụ, chúng ta lại được chiêm ngưỡng dung nhan thắm đong thơ một thuở ? Với một bộ xiêm áo tuy có hơi loè loẹt, nhưng vẫn giữ nguyên vẻ thơ ngây tài tình và quyến rũ, ấy là cuốn sách mới nhất của Trần Đăng Khoa, cuốn *Chân dung và đôi thoại*. Mới nghe tên sách đã thấy cái sự nhập nhằng, mà tôi mạo muội gọi là thơ ngây ở trên. Chính vì có sự thơ ngây nhập nhằng, mà cuốn sách trở nên hấp dẫn lạ thường. Càng đọc càng hấp dẫn và phải nói ngay rằng, càng đọc càng thấy sâu sắc. Tôi cũng vốn là anh nhà quê, thành thử cứ hay hình dung theo lối nhà quê. Đọc Trần Đăng Khoa, tôi lại hình dung ra anh là một lão nông dân nặng nợ với đất đai, đồng áng, không phải chỉ lo thu hoạch ngày mùa, mà anh đau đầu lo từng khâu từ cấy cày đến phân gieo, gieo cấy, nước nôi, mưa nắng. Tóm lại là cái nôi nhọc nhằn của anh nhà văn cây cày trên những thửa ruộng giấy trắng

thật cũng *trần ai khoai củ* nhĩ. Té ra trên cánh đồng ngào ngạt hương thơm hoa trái lại thỉnh thoảng dâng lên cả rơm rạ và nếu không có cái mùi ấy, thì cái mùi thơm ngào ngạt kia ai còn gọi là thơm như hương đồng gió nội nữa. Cứ xem cách tả chân dung hai ông nhà văn một ta là Lê Lưu và một Tây là Ivan của anh thì rõ. Anh toàn tả cái xấu xí, cái lỗi thôi nhếch nhác mà đọc lên nó mới *dậy mùi Lê Lưu, dậy mùi Ivan* làm sao ! Cái mùi ấy trở thành hương, thành duyên của nghệ thuật mà hai nhà văn đặc sắc này tạo nên qua tác phẩm của mình. Trần Đăng Khoa luôn luôn "chộp" được vẻ đẹp ẩn phía sau dung nhan, phía sau cả tính cách của đối tượng. Chân dung các nhà văn qua ngòi bút Trần Đăng Khoa bao giờ cũng được khai thác từ phía sau nổi nhọc nhằn của cộng việc. Dù hay, dù dở, anh vẫn tìm được lối nói dân dã, hóm hỉnh để khắc họa tính cách, đặc biệt là cá tính sáng tạo của từng người. Anh không né tránh những nhận định chủ quan của mình, đặc biệt là đối với các nhà văn lừng danh, mà xem ra các nhận định của Trần Đăng Khoa khá xác đáng. Khá khen thay cho bút pháp bồ bá và tếu táo, chẳng ngờ là trong phê bình văn học vẫn có đất dung nạp cho cách thể hiện dân dã này. Không chỉ dung nạp được mà còn rất hấp dẫn và đặc địa, chẳng cần mũ cao áo dài; mặt mày nghiêm trọng mà ta vẫn thấy đầy lý luận, đầy chất chiến đấu của phê bình. Phê ra phê đầu có khoan nhượng chút nào. Anh còn tự giễu mình, tả mình giống như củ hành tây. Nghe vừa buồn cười mà lại thấy nó đúng quá. Đúng tới mức từng chi tiết mới khiếp chứ. Anh dựng một cuộc khẩu chiến giữa *Ma* và *Người* để tả chân dung Nguyễn Khắc Trường và tiện thể, gài thêm những ý tưởng những đánh giá, những nhận định của mình cho nó ngọt và đúng là *ngọt* thật. Ngọt đến mức xưa nay các nhà văn được coi là các cây đại thụ của nền

văn học nước nhà, qua nhận định của *Ma* và *Người* cũng còn có nhiều vấn đề lắm. Cái sự khen chê vốn dĩ không dễ chút nào, hướng hồ là các giá trị tưởng như đã được khẳng định, nay anh chỉ thấy thêm vài nét mà nó đã hiện lên đúng với vóc dáng của nó. Các giá trị không vì thế mà giảm giá trị, thực ra nó càng được trân trọng hơn vì nó được trở về đúng với mình.

Tôi cũng đã từng được nghe *Trần Đăng Khoa* đề rằng, đây mới chỉ là tập *Một* - còn ít nhất hai tập nữa. *Hãy đợi đấy, em sẽ xoi lần lượt các bác, cho các bác vào rọ, rồi thả trôi lều bều trên con sông thị trường sách, bảo đảm sách của em có khối người vớt lên đọc đấy!*

Quả vậy, quyển đầu mới ra mắt người ta đã phải tái bản ngay rồi. Mừng cho sự quan tâm tới văn học của công chúng ta chưa phải là quay lưng, mà sự thể lâu nay hoá ra chỉ vì nó nhạt quá thôi. Cứ có mùi mẫn một tý là được đón nhận vui vẻ ngay thôi mà.

Chân dung các nhà văn được *Trần Đăng Khoa* "dựng" trên cơ sở anh "dựng" đúng chân dung mình. Cụ *Gorki* bảo : "*Văn là người*" cấm có sai. Đọc quyển sách này bạn sẽ thấy rất rõ chân dung *Trần Đăng Khoa* (bây giờ), qua các chân dung của các nhà văn tên tuổi lẫy lừng. Đọc xong quyển sách, gấp lại, tôi cứ thấy thoáng thoáng cái mùi văn của cụ *Gorki* và dù đã rất khuya tôi vẫn cứ gọi điện thoại cho *Trần Đăng Khoa*, để nói được câu này, tất nhiên là phải rào đón chừng hai phút mới dẫn đến nó : "*Tôi hình dung thấy đêm đêm ngồi viết, Trần Đăng Khoa cứ tưởng mình là Gorki, còn ông Gorki lại tưởng mình là... Lênin...*" Nói xong câu ấy, cười cho hả ống nói ống nghe rồi tôi mới ngủ được.

TRUNG TRUNG ĐÌNH

Văn nghệ trẻ số 35 - 8-11-1998

CHÂN DUNG VÀ ĐỐI THOẠI

Đây có lẽ là một trong những cuốn sách gây được nhiều dư luận nhất trong làng xuất bản ta năm nay. "Thân đồng thơ" một thuở đã tái xuất giang hồ với một gương mặt và một bút pháp rất khác. Thực ra, các bài viết trong "Chân dung và đối thoại" đều đã được đăng tải trên báo chí, nhưng khi tụ lại cùng nhau trong một mạch sách đã gây được ấn tượng rất mạnh mẽ và trọn vẹn về tác giả của nó, nhà thơ Trần Đăng Khoa. Dù Khoa viết về ai, bàn về chuyện gì thì ta vẫn có thể thấy nổi lên trên mọi sự là gương mặt anh, với những suy nghĩ bạo dạn, thẳng thắn và trung thực (với mình, với đời) được "ngụy trang" bằng một cách nói có vẻ bông đùa, có vẻ nói như không, nhưng thực ra lại vô cùng nghiêm túc và nghiêm trọng, thậm chí "động trời". Khoa nói ra những điều mà có thể ai đó trong chúng ta từng nhìn thấy, từng nghĩ tới, nhưng chưa tìm ra lời để diễn tả. Tự đặt ra mục đích khiêm tốn cho cuốn sách, nhưng thực chất Khoa đã cố gắng làm một việc rất lớn : tìm lại cho một số tên tuổi, một số tác phẩm văn học ta những vị trí, có thể cao hơn, có thể khiêm tốn hơn, nhưng đích thực là của mình. Nói cho cùng, cao hơn hay thấp hơn không quan trọng, quan trọng là đúng chỗ ! Bạn có thể đồng tình hay không đồng tình hẳn với các xét đoán của Khoa, nhưng không thể không lắng nghe anh lập lý. Hơn nữa, về mọi điều, mọi người mà Khoa viết, anh đều viết với một tình yêu và sự cố gắng tìm hiểu, thấu hiểu. Và dường như anh đã hiểu được nhiều lắm, nên có thể làm cho ai đó cảm thấy không dễ ở lắm trước thái độ đôi khi như muốn đi guốc vào bụng thiên hạ của anh.

Nhưng muốn đánh giá sao thì cũng phải công nhận rằng, với tấm lòng và cái nhìn vào văn học, vào các đồng nghiệp như trong "Chân dung và đối thoại", dễ mấy ai có thể làm được như Khoa.

Hồng Thanh Quang

Quán đội nhân dân cuối tuần, 22-11-1998

CHÂN DUNG HAY ĐỐI THOẠI ?

...Hai mươi ba *Chân dung và đối thoại* thực ra không phân biệt rõ ràng lắm. Cả *Chân dung* và *đối thoại* đều có ở trong một bài của Khoa. Trong cái này có cái kia. Và có cả *đối thoại*. Có điều, khi *đối thoại* thì Khoa *đối thoại* với chính mình.

Giờ hãy coi, những chân dung Khoa viết về Tố Hữu, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Phù Thăng, Lê Lưu, Nguyễn Khắc Trường... và những nhà văn mà Khoa gặp khi tu nghiệp ở Học viện Văn học mang tên M. Gorki : Marian Tkachop, Ivan Nôvitzki, rồi những nhà văn cựu chiến binh ở Việt Nam khi Khoa sang Mỹ Bruce Weigl, Tim Obrien... Nếu người không biết, đọc cũng thấy vui, thấy lạ. Nó lạ vì cách nhìn, cách viết và cả điều này nữa : Khoa viết tung tung như để chơi. Khen đấy mà không khen. Chê đấy mà không chê. Mà những điều như thế, người trong nghề văn ky lắm. Khen mà quá thì như là chê người ta (và ngược lại). Nhưng phải nhìn vào *Phù Thăng, Tố Hữu, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, ngay cả Lê Lưu, Nguyễn Khắc Trường...* mới thấy Khoa có cái lý của mình.

Tôi thực sự quý Khoa ở tấm lòng khi viết về *Phù Thăng, Xuân Diệu, Tố Hữu ...* Đây là tấm lòng của một người đi sau nhìn về người trước (có thể còn nhiều điều

chưa vừa ý) nhưng Khoa viết trân trọng. Vẫn là lối viết tung tung, nhưng quý trọng.

Tôi không nghĩ như một số người nghĩ. Người giỏi thì cái gì cũng giỏi. Thần đồng Khoa ở tuổi lên tám, lên mười, có thể không bao giờ còn là thần đồng được nữa. Vì thần đồng bao giờ cũng chỉ có nghĩa ở tuổi ấu thơ. Nhưng Khoa đã vượt lên chính mình. Vượt lên mà vẫn không tin là mình làm được gì cho mình (chứ đừng nói là cho người thân).

Mà, tôi vẫn sợ. Sợ khi đọc *Chuyện ở công viên Thu Lệ* (hay *Phù Thống* nữa). Khoa đã nhìn đời, nhìn mình bằng một con mắt khác (hơi ác). Cái này là cái hạnh phúc hay bất hạnh của Khoa? Ai mà biết được. Có thể Khoa không định thế, có thể cuộc đời là thế. Nhưng dù sao, *Chân dung và đối thoại*, xứng đáng là một cuốn sách đáng đọc. Giữa lúc có hàng triệu chân dung và hàng tỉ đối thoại đang hàng ngày diễn ra ở giữa cuộc đời.

Bùi Việt Sơn
Lao động 24-10-1998

TÀN MẠN BÊN LỀ CHÂN DUNG VÀ ĐỐI THOẠI

1. Đọc *Chân dung và đối thoại*, cảm giác về sự rạch ròi giữa hai phần đã nói, không rõ rệt lắm. Trong những tiểu luận dựng *chân dung* các nhà văn thấy tác giả không ngần ngại ném vào mấy cảnh *đối thoại* và trong những bài *đối thoại* nghiêm chỉnh ta lại thấy người viết phóng bút phác mấy nét *chân dung*. Còn nếu hiểu *đối thoại* theo một nghĩa sâu hơn thì ở khắp mọi trang của cuốn sách dường như đều mang tính *đối thoại*. Có điều, đây không phải *đối thoại* theo kiểu khoác com-lê, thắt ca-vát trình trọng bước lên diễn đàn

tưởng tượng, rồi cao giọng phán truyền, ban phát chân lý, đôi khi, lại không quên *rưới* cho mỗi lời của mình một vài ý kiến của các nhà triết học, các bậc thức giả cổ kim Đông Tây để nhằm *thống trị* người đọc, mà ngược lại, kẻ viết biết chọn cho mình một kiểu đối thoại khá độc đáo, pha rất đậm chất *suông sã* theo lối *người nhà quê*, nhưng là người nhà quê thông minh, từng trải, đầy tự tin và hình như không hề có ý định thuyết phục ai. Nên, cứ thế suốt trên 300 trang sách lúc nào cũng giữ một sắc diện tươi như hoa, như nụ, rất biết hóm hỉnh, tếu nhộn, rất biết chọc ghẹo, pha trò, mà lại *tĩnh queo như sáo tẩm* mà lại *thấu đáo và cần trọng* đối với bao vấn đề vốn không phải là chỗ thiếu nghiêm chỉnh mà được việc.

2. Sau ấn tượng ban đầu, cứ thông thả đọc và suy ngẫm, chợt thấy cái "sân chơi" mới mẻ này đối với một người sáng tác chuyên nghiệp lờ thành danh và nổi tiếng quá sớm như Trần Đăng Khoa vừa là một thử thách, vừa là một cơ hội để anh bộc lộ năng khiếu thiên bẩm về cảm thức thẩm mỹ. Nói thế, không có nghĩa là xem nhẹ công sức và thời gian anh đã bỏ ra hàng chục năm (và không chỉ hàng chục năm) chỉ để chuyên làm cái việc "lườm nguýt" các bạn đồng nghiệp đã làm ăn ra sao và nếm đủ các thứ "rượu" vốn được chưng cất bằng những suy tư và rung động sâu sắc của tâm hồn người cầm bút. Nhưng quả thực, nếu ví cái việc đọc tác phẩm văn chương với việc nếm rượu thì Trần Đăng Khoa cũng là một tay "bợm" lắm. Trong chuyện này, anh không chỉ *sành sỏi* về các loại rượu mà còn biết rất rõ cách thức, quy trình, các công đoạn của kẻ nấu rượu nữa. Cứ thế, anh *nếm* Lê Lợi với *Thời xa vắng* và không chỉ với *Thời xa vắng*, *nếm* Nguyễn Khắc Trường với *Mảnh đất lắm*

người nhiều ma và không chỉ với *Mảnh đất lắm người nhiều ma*, rồi Phù Thăng, Nguyễn Quang Sáng, Nguyễn Đức Mậu và tất nhiên cả những đồng nghiệp mà bọn làm văn yếu bóng vía như chúng tôi bấy lâu nay vẫn coi là đang ngự trên "cõi thượng thừa" của văn đàn như Tố Hữu, Xuân Diệu, Nguyễn Tuân... Mà cũng không chỉ riêng với các bậc ấy, nhân nếm rượu đãi của khổ chủ Nguyễn Khắc Trường, có thêm chút men và rất nhiều cao hứng, anh cũng phán rất ghê thế nào là rượu ở nhà M. Solokhov, thế nào là rượu nhà Nam Cao, rượu ở quán Nguyễn Hồng, quán Vũ Trọng Phụng thì khác thế nào với rượu cất ở nhà Nguyễn Khải, kể cả cái đại tửu lâu của Nguyễn Tuân trước cách mạng, danh thơm đệ nhất thiên hạ là thế, vậy mà với kẻ uống sành lại thấy có vị khê...

Không phải chờ đến Trần Đăng Khoa người ta mới biết đến những điều ấy, nhưng nghe anh nói về các nhà văn quen thuộc và tác phẩm của họ với tư cách người trong cuộc, đồng thời thấy anh lấy cái chuẩn là giản dị, xúc động và ám ảnh để làm thước đo thơ ca, lấy sự am tường đời sống, sự chân thực tận đáy và bản lĩnh sáng tạo trong dựng cốt truyện, khắc họa nhân vật, để làm thước đo văn xuôi, lại thấy anh không hề ngần ngại trong việc dán nhãn OTK, rồi phân loại rượu ở các tửu quán mà anh ít nhiều đã từng có dịp ghé chân nếm thử, thì trước hết về phía một người đọc, tôi trân trọng việc làm can đảm, trung thực ấy. Quả thực, anh đã làm tất cả những điều đó với một thái độ khách quan, vô tư, không thiên vị. Có những chỗ anh nhấn mạnh, có những chỗ anh chê, nhưng ít làm rầu lòng người sản xuất ra rượu. Vì đã luôn luôn có sẵn cái nụ cười vừa tuế toá vừa tinh quái của cái kẻ cũng từng nhiều lúc chảy nước

mất, vã mồ hôi bởi cái công việc chưng cất men say đặc biệt cho tâm hồn của loài người. Cái nụ cười đó đỡ đỡ hộ cho anh.

Bởi thế, đọc *Chân dung và đối thoại*, nhiều lúc những muốn thốt lên hai chữ "*Được lắm!*" cho những nhận định táo bạo của anh. Thực ra, không phải vì những khám phá mới mẻ, mà vì ở những chỗ đó, anh đã gác lại một bên sự dè dặt, thận trọng và thái độ tự kiểm duyệt đôi khi đã thành một thói quen khó sửa của những người làm công việc thẩm định nghệ thuật ở ta.

3. Camilo Jose Cela, nhà văn nổi tiếng Tây Ban Nha, giải thưởng Nobel văn học 1989, trong một bài trả lời phỏng vấn đã thẳng thắn nói rằng ông rất ghét việc nhận định về văn hoá. Vì ông có khuynh hướng hoan nghênh tất cả những gì gần gũi với quan niệm thẩm mỹ của mình. Tôi rất khâm phục thái độ đó, dù tôi hiểu rõ rằng đó chỉ là những lời khiêm tốn, thận trọng cần thiết phải có, kể cả với nhà văn tài năng, khi ông ta đụng đến một lĩnh vực không phải của mình. Tuy nhiên, khi buộc phải bộc lộ thái độ, buộc phải có ý kiến đánh giá về văn học thì chính ông, Camil Jose Cela, lại có những nhận xét chính xác, sâu sắc đến kinh ngạc. Đó là một biệt tài. Những người có biệt tài như thế trên thế giới và ở nước ta, không nhiều. Đọc *Chân dung và đối thoại*, thỉnh thoảng thấy loé lên cái ánh sáng khác thường của phẩm chất ấy. Nhưng chính Trần Đăng Khoa không ít khi đã vướng phải cái khuynh hướng thẩm mỹ mà Camilo Jose Cela tự cảnh báo chính mình. Tôi nghĩ rằng, không ngẫu nhiên anh có được những nhận định sâu sắc đến thế về con người và phong cách văn chương của Lê Lựu, Nguyễn Khắc Trường, Phù Thăng. Cũng chính anh đã có những phát hiện thú vị

về những nét *chân quê* Á Đông trong những anh chàng Tây thứ thiệt như Ivan Novitzki, Bruce Weigl... và lại không ngẫu nhiên khi anh chưa bị thuyết phục bởi cách *cảm thụ lạ hoá* cùng những cái lối tỉ mẩn, chính xác, vừa rườm rà vừa cồng kềnh từ cảm xúc đến ngôn từ của Nguyễn Quang Thiệu. Cái kiểu *nhìn thế giới với cái nhìn thứ nhất* ấy, Xuân Diệu đã từng trải qua nhiều lần. Và những câu thơ: "*Huy hoàng trắng rộng, nguy nga gió - Xanh biếc trời cao, bạc đất bằng...*" cho đến nay, cũng chưa thấy ai phản ứng. Mà không riêng gì Xuân Diệu, K. Pauxtốpski, từ lâu chẳng đã từng cổ vũ những cái nhìn mới mẻ để nhằm làm trẻ lại thế giới già nua, cũ kỹ của chúng ta đó sao ?

Những nỗ lực của Nguyễn Quang Thiệu và cả một số cây bút khác nữa, cho dù có lực bất tòng tâm, cho dù có thể chưa đạt tới một hiệu quả thẩm mỹ đích thực, thì điều đó, trong hành trình nghệ thuật của những người cầm bút, chẳng nhẽ lại là vô nghĩa hay sao ? Tôi nghĩ, bất cứ ai khi tham gia vào diễn đàn văn học bằng tiểu luận, phê bình, đều đã chuẩn bị sẵn cho mình một chính kiến, một lập trường thẩm mỹ riêng, ngoài ra còn chuẩn bị sẵn một thái độ để văn học vừa là một cuộc khám phá thẩm mỹ mới, vừa là nơi làm giàu vốn văn hoá của mỗi cá thể tham gia. Tuy nhiên, vốn văn hoá, vốn thẩm mỹ luôn luôn có nguy cơ trở thành một thứ *định chế* bất ta phải tuân thủ những nguyên tắc bất di bất dịch và vô hình trung là một thứ hạn chế, nếu ta không sẵn lòng trở những ô cửa để giúp mình nhìn ra cõi trời bao la.

Trần Đăng Khoa đã phần nào không tránh được điều đó khi chỉ nhìn thấy nhược điểm của Nam Cao trong việc trở đi trở lại với những đề tài *miếng ăn*, cái *đói* mà chưa quan tâm đến *phương thức trần thuật*

mang tính hiện đại của ông. Ở Nguyễn Đình Thi và Nguyễn Tuấn cũng vậy, anh đã không hoá giải được những dị ứng lẽ ra không đáng có, đặc biệt với truyện ngắn *Bữa rượu máu* của Nguyễn (Tao đàn 1939, trang 345 bộ cũ và 371 bộ mới, do Nguyễn Ngọc Thiện và Lữ Huy Nguyên sưu tầm đều in là *Bữa rượu máu*, chứ không phải *Chém treo ngành* như sau này kiểm duyệt tự sửa chữa, cắt bỏ một số đoạn). Cần phải đọc tác phẩm này bằng cái tên ở bản in đầu tiên và hiểu thấu đáo hơn về cái bữa tiệc *ghê rợn, quái gở* của viên công sứ Pháp. Kề dọn bữa tiệc ấy là Bát Lê lẫn người cho ta chứng kiến bữa tiệc ấy là Nguyễn Tuấn, xét cho cùng vô can với cảm giác ghê sợ của tác giả *Chân dung và đối thoại*. Phần tôi, khi đọc cái truyện ấy của Nguyễn Tuấn, tôi luôn luôn không tự cho mình là kẻ được cu mồi đến dự tiệc, nên tôi không có cảm giác đó chẳng ? Trái lại tôi cho rằng viên công sứ kia muốn công chúng phải được chứng kiến cái nghệ thuật giết người của hắn. Để mà khiếp nhược, để mà nhụt chí phản loạn đi ! Cái lối tả việc bằng cái đầu lạnh như thế chỉ có ở một bản lĩnh trí thức cao cường. Sao lại chê ?

Dù sao, tôi vẫn không thật hoàn toàn được yên ổn với chính mình khi nghĩ rằng nhà tiểu luận, phê bình rất mực thông minh và có tài kia ở một đôi chỗ, trong công việc *nếm rượu* như đã nói ở trên, đã tỏ ra thường thức loại rượu quốc lủi không mác sành hơn các loại rượu khác vị.

Vũ Phương

Hà Nội 10-98

Văn nghệ quân đội số 23 tháng 12-1998

CHÂN DUNG VÀ ĐỐI THOẠI

*(Tập tiểu luận - Chân dung - bình luận văn chương
của Trần Đăng Khoa)*

Sau 30 năm cầm bút làm thơ, nay với *Chân dung và đối thoại*, Trần Đăng Khoa dường như lại khởi đầu một hành trình tìm kiếm mới.

Đề cập đến vấn đề lao động của nhà văn và các vấn đề văn học đương đại, Trần Đăng Khoa không theo lối quen của một số người viết "tầm chương trích cú" hoặc "khen một ít chê một ít" - anh viết khi bằng sự ngân rung trực cảm, khi tung tung, lúc phân tích sắc lạnh, lúc kết hợp cả ba, hoặc xen đối thoại. Anh viết hoạt bát, thậm chí có vẻ "nhuận giọng" khi xoay trở cách nghĩ, cách nhìn để tạo dựng chân dung. Chính lối viết ấy tạo ra chất mới mẻ, tạo nên ấn tượng trong người đọc. Có thể sẽ có những vấn đề gây tranh luận, song những gì anh viết trong cuốn sách chứng tỏ một công phu lao động nghiêm túc, giàu sức sáng tạo.

23 bài, từ mở đầu *Trần Đăng Khoa - chân dung tự họa* cho đến *Chuyện ở công viên Thủ Lệ* kết cuốn sách lại, anh vừa viết vừa gợi, có trường độ, có cao trào và lối cuốn, khiến cuốn sách có thể đọc một mạch.

Nguyễn Ngã

Thế giới mới, số 313 ngày 23.11.1998

CHÂN DUNG... CỦA TRẦN ĐĂNG KHOA

...Chân dung các nhà văn, nhà thơ qua các thời kỳ văn học được Trần Đăng Khoa "vẽ" trên hơn 300 trang sách của Nhà xuất bản Thanh Niên. Rất nhiều bạn đọc yêu mến Trần Đăng Khoa ngạc nhiên bởi họ chỉ biết

Trần Đăng Khoa với những vần thơ thần đồng từ bé, chứ có bao giờ biết Trần Đăng Khoa lại "giờ chúng" viết văn, viết phê bình văn học, còn thơ của *lão* thì *lặn* không thấy sủi tăm. Chắc trời cho tài thơ của *lão* phát tiết chỉ đến đó. Tôi đem điều đó ra nói với *lão*, nhưng *lão* chỉ cười, cái cười như muốn bảo : Hãy đợi đấy !

Trần Đăng Khoa rất khéo léo tài tình gài chân dung, tính cách của mình qua những trang viết về chân dung người khác. Với những trang viết về Xuân Diệu, Trần Đăng Khoa là một anh chàng có chút gì đầy bộc trực, thẳng thắn và chân tình đến mức chỉ chờ đợi ở Xuân Diệu một lời quở mắng, và tự thấy đầu óc mình "mụ mị", "ngu" như một thằng "dở người". Nhưng có lẽ "dở người" đâu đến phần *lão*. *Lão* vờ vinh hạ mình để làm bật nổi chân dung người khác đấy.

Tôi đọc sách của *lão*, thấy *lão* không viết, mà vẽ bằng những nét cọ màu sắc nét, tái hiện chân dung một cách chân thực, độc đáo và mới mẻ. Vừa đọc vừa cười, trang nào cũng thấy buồn cười vì giọng điệu ngô nghê ăn tiền của *lão*. Đã đến lúc tôi cũng chẳng hiểu *lão* đang viết, đang vẽ hay là đang làm chú tiểu diễn hài, nét hài trong bài viết thật đáng yêu, hài trong sự uyên thâm của từng câu chữ để cho người đọc cảm nhận, trân trọng.

Lão viết về chân dung của các nhà văn nhà thơ, những câu chuyện có thật, trong những lần được gặp gỡ, tiếp xúc. Chắt lọc tinh hoa từ những cuộc gặp gỡ hiếm hoi ấy, Trần Đăng Khoa đưa đến cho bạn đọc những chân dung lao động trong nghiệp văn chương thật vất vả.

...Lớp hậu sinh chúng tôi có lẽ không biết gì về Phù Thăng, một Phù Thăng nhà văn "có những con chữ tài

hoa, hàm chứa những hiểu biết sâu sắc" đã từng là tác giả kịch bản của nhiều bộ phim nổi tiếng... Phù Thăng của một thời vang bóng là vậy còn giờ đây thì Phù Thăng là một lão nông chính hiệu. Không có trang viết của *lão*, có lẽ chúng tôi sẽ chẳng bao giờ được biết Phù Thăng, hoá ra ngoài việc viết, *lão* còn làm nhiệm vụ lớn lao hơn đó là thẩm định lại tác giả, tác phẩm. Mà tác giả, tác phẩm ấy có thể đã bị người đời ném vào cỏi quên lãng.

Còn với Lê Lựu là cả một chân dung tả thực, nhưng lại được viết với những trang viết hài hước, chất giọng "tung tung" viết như đùa và đùa như thật... Những ý kiến Trần Đăng Khoa đưa ra nhận xét về con người này trên những trang viết của anh khen có, chê có, rất thẳng thắn và cũng rất khách quan. Còn đối với "Chuyện làng Cuội", lại là một đứa con bất hiếu của "ông bố chất phác nhân từ" và "nhược điểm lớn nhất của cuốn sách này là nó rất dở". Phía sau chất giọng tung tung ấy là cả một sự suy nghĩ sâu sắc, thẳng thắn và có thể nói rằng *lão* đưa ra những nhận xét mà chưa ai từng nhận xét, hoặc có nhận xét thì cũng chưa từng công khai bày từng con chữ ấy lên mặt giấy.

... "Chân dung và đối thoại" là những bức chân dung của các nhà văn, nhà thơ từ dáng vẻ hình thức bên ngoài đến những tính cách của mỗi người và cái hay, cái dở, cái được và cái chưa được trên mỗi trang viết. Bằng cách nhìn của Trần Đăng Khoa, qua những câu chuyện với họ, tác giả cuốn sách đã làm một công việc nặng nhọc là xác định giá trị của những tác phẩm với sự thẩm định một cách nghiêm túc.

Không hiểu sau khi cuốn sách của Trần Đăng Khoa ra đời, sẽ có bao nhiêu vấn đề cần được đưa ra để bàn

luận và nghĩ tiếp, thậm chí tranh luận. Người đọc có thể đồng tình hoặc phản bác, nhưng chắc chắn "Chân dung và đối thoại" là những suy nghĩ cộng với quá trình lao động nghệ thuật thực sự nghiêm túc để có được những trang viết chân thực, hấp dẫn. Lão bảo lão đã già và dứt khoát không phải kẻ đắc đạo, vậy mà lão vẫn phải còng lưng, ý ạch vác cái cây thánh giá ở lứa tuổi trẻ con. Lão cứ "già mồm" nói vậy thôi, chứ hình như cây thánh giá ấy lão đã quăng đi từ lúc nào rồi.

Trần Thị Bích Thuỷ
Báo Hà Nội mới, tháng 12.1998

NHÀ THƠ TRẦN ĐĂNG KHOA MUỐN THÁO "CÂY THÁNH GIÁ..." ?

Trong tập văn xuôi đầu tay *Chân dung và đối thoại* được Nhà xuất bản Thanh Niên ấn hành tháng 10-1998, Trần thi sĩ đã tự bạch : "Bây giờ thì y đã già và dứt khoát không phải là kẻ đắc đạo, vậy mà y vẫn phải còng lưng, ý ạch vác cái cây thánh giá ở lứa tuổi trẻ con". Nhưng dường như với tập bình luận văn chương này, Trần Đăng Khoa đang muốn tháo cây thánh giá "định mệnh" ấy, khẳng định mình ở một địa hạt khác...

Đón chào cái tuổi "tứ thập nhi bất hoặc", chắc hẳn nhà thơ thần đồng thuở nào cũng không nghĩ rằng cuốn sách của mình được bạn đọc tiếp nhận nồng nhiệt đến như vậy... Tôi đã đọc một lèo hết tập sách với cảm giác hứng khởi dù phần đông các bài viết đã coi rải rác trên các báo. Một tập bình luận văn chương độc đáo, mới lạ. Như tiêu đề bản sách, chân dung các nhà văn và những cuộc đối thoại văn chương, nhưng không theo lối "tầm chương trích cú", bàn luận một cách khô khan, xơ cứng.

Trần Đăng Khoa thể hiện rõ dấu ấn cảm xúc của một người sáng tác. Anh lôi cuốn người đọc bằng một bút pháp phóng khoáng, tinh tế, giọng điệu cử tụng tụng mà sắc lẹm.

...Trần Đăng Khoa có lối dẫn dụ, rê dắt điệu nghệ. Lúc thì anh trực tiếp đóng vai cái "tôi", khi lại ở vai người được phỏng vấn. Độc đáo và thú vị là những đoạn đối thoại với... ma và hồ để bàn về văn chương ! Trần Đăng Khoa bảo, anh muốn làm ra một món "lẩu thập cẩm", mỗi thứ một tí, mỗi thứ một kiểu, để ai cũng thưởng thức được. Tôi thì thấy rằng, Trần Đăng Khoa đã phủ vào địa hạt phê bình - vốn được coi là khô khan - một luồng gió trong mát, tươi rói.

Hoàng Hà

Báo Văn hoá chủ nhật 6-12-1998

KHI TRẦN ĐĂNG KHOA VIẾT PHÊ BÌNH

... Trần Đăng Khoa viết gì ngoài thơ ? Xin thưa, Trần Đăng Khoa đã viết, đang viết khá nhiều, nhưng thuộc loại phê bình văn học như chúng ta thường gọi, mà một tập hợp "đầu tay" của anh là tập sách hơn ba trăm trang có cái tên là " *Chân dung và đối thoại*". *Chân dung* ai ? Một trình tự văn học sử với rất nhiều những cấp bậc, chiếu dưới, chiếu trên chăng ? Không phải thế ! Trần Đăng Khoa viết gần như theo sự va đập nào đó kiểu như "*tức cảnh sinh tình*" trong thơ vậy. Tố Hữu, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Phù Thăng, Lê Lưu, Nguyễn Khắc Trường, Marian Tkachốp với Nguyễn Tuấn, Bruce Weigl, "Vài phút với Nguyễn Quang Sáng", "Nguyễn Đức Mậu và Chí Phèo mất tích"... *Đối thoại* với ai ? Với Ivan Nôvitski một anh bạn sinh viên ở cùng phòng Khoa tại Matxcova, đồng hương với M. Sôlôkhốp, với Tim Obrien, một nhà văn Mỹ nổi tiếng,

với các tác giả và cả các "khảo quan" xung quanh giải thưởng Hội Nhà văn 1993, giải thưởng văn chương trên tạp chí Văn nghệ quân đội, với người nào đó bên bàn trà, với ông Nguyễn Viết Chộp ở quê, với năm bài thơ lục bát vào những ngày giáp tết, và... với cả sư tử, hổ, báo, trăn đất, khi, vượn... ở công viên Thủ Lệ...

Những đôi thoại và chân dung ấy nói lên những gì ?

Trước tiên là sự phẩm bình văn chương, trên những tác phẩm và con người rất cụ thể trong gần mười năm qua chứ, không hề là một thứ lý luận chay. Từ những tác giả, tác phẩm được giải thưởng hàng năm của Hội Nhà văn Việt Nam, đến những tác giả, tác phẩm đáng quan tâm nào đó. Với những cuộc trao đổi tranh cãi văn học đáng lưu ý, Trần Đăng Khoa không chỉ đề cập tới một cách khá cốt lõi, mà cách tiếp cận cũng thật... vui vẻ ! Sự khảo sát lạnh lùng như đưa tác phẩm, tác giả lên "bàn mổ" đã trở nên không cần thiết với Trần Đăng Khoa. Với Khoa, đổi mới, cách tân gì, thì trước tiên vẫn phải có tấm lòng, và tài năng. Thiếu hai yếu tố đó thì mọi sự khoa chiêng, gõ mõ, mọi trò "diễn" phỏng có ích lợi gì ?...

Ở những bài viết của Trần Đăng Khoa, cái đáng yêu là anh luôn luôn ở vị thế của một bạn đọc. Không ít nhà văn khi đã thành nhà văn lại quên bém cái điều quan trọng nhất đời là chính mình cũng từng và đang là ... bạn đọc ! Tôi yêu lắm cái anh bạn đọc Ivan Novitxki, người đồng hương của văn hào M. Sôlôkhốp, bạn sinh viên cùng phòng với Trần Đăng Khoa. Không biết tiếng Việt, nhưng anh ta đã tự mua được tập thơ của Trần Đăng Khoa ngay giữa Matxcova với giá 9 cô-pếch. Tôi đã vào phòng Khoa ở Matxcova, đã trò

chuyện với anh bạn Ivan này, và tôi biết Khoa không thể bịa giỏi hơn những điều anh ta nói. Tôi đã đọc một mạch tập sách của Trần Đăng Khoa. Có đôi bài tôi đã đọc lại, không phải vì sự sâu sắc giản dị, mà còn vì sự quyến rũ của giọng văn. Gợi là lý luận phê bình chi chi thì trước tiên cũng cứ phải là có văn cái đã ! Không có văn, thì dẫu có trích dẫn Đông, Tây, cổ, kim gì, thì cũng cứ là quên cho ... nhanh !

Nếu phải nói một điều không thích của riêng tôi với tập sách này thì lại chính là cái điều đã nhiều lúc tạo nên sự duyên dáng của tập sách. Đây là một vài kiểu đùa bị lặp lại đến mức hơi nhợt nhạt, có vẻ gì như để cao quá đáng, yêu quá đáng đối với những nhà văn có kiểu sống nông dân, một sự làm đáng hơi quá nào đó, khiến người đọc cũng phải chạnh lòng...

...Có thể nói, Trần Đăng Khoa, với tập sách này, đã thành công trong phạm vi những tùy-bút-phê-bình, hồi-ký-phê-bình... nhiều giá trị tâm sự, nhưng nếu cần phải mở ra cho người đọc những cảm nhận lung linh hơn, cao rộng hơn, với nhiều chiều tư tưởng của những tác giả lớn, tác phẩm lớn, đầy cụ thể và huyền diệu hơn, thì...

Trần Ninh Hồ

Văn nghệ quân đội số 24, tháng 12-1998

"CHÂN DUNG VÀ ĐỐI THOẠI" – MỘT HIỆN TƯỢNG VĂN HỌC

Đọc đi đọc lại tác phẩm và một số bài viết giới thiệu tác phẩm đó đây tôi vẫn không sao trả lời được câu hỏi tự mình đặt ra : "*Chân dung và đối thoại* thuộc thể loại gì ? *Thơ* thì không phải rồi, *Tiểu thuyết* lại không, *Tiểu luận* ? Hình như có ai đó đã gọi như thế.

Nhưng *tiểu luận* gì mà cứ như *truyện* ? Có mô tả và *đối thoại*, có *cốt truyện* và *nhân vật*. Rồi trong *nhân vật* có *số phận* và *tính cách*... Những bản thảo thối nói trên chỉ được giải toả, khi tôi bất chợt nhận ra rằng, phần lớn, nếu không nói là tất cả, các *nhân vật* và sự kiện trong "*Chân dung và đối thoại*", đều đã từng hiện diện trong đời sống, được rất nhiều người biết tới - *những người thật, việc thật* ! Nó là *truyện ký* hay *bút ký*. *Bút ký* có lẽ đúng với *Chân dung và đối thoại* hơn.

Người ta dùng *bút ký văn học* để viết về những người nông dân phá đá mở đường, về người nông dân phủ xanh đất trống đồi trọc, về những thầy - cô giáo mang cái chữ lên vùng cao, vùng sâu... Trần Đăng Khoa dùng *bút ký* viết về nhà văn và nghề văn, tạo ra một *dạng bình luận không dùng lý luận, hay lý luận được biến thành văn*... một quyển văn nói về văn và những vấn đề văn học đương đại... mà trong đó, các nhà văn là *nhân vật*" (Lao động số 182/98 ra ngày 14-11-1998).

Dùng *bút ký* để chuyển tải những vấn đề lý luận - phê bình văn học, ngoài tác dụng dễ đọc, dễ vào như chính Trần Đăng Khoa và một số tác giả xác nhận, tôi cho rằng còn có một ý nghĩa quan trọng cơ bản hơn : nói được, nói êm tai, trót lọt được nhiều vấn đề gay gắt trong văn học đương đại - những vấn đề nhiều người thấy, nhiều người biết, nhưng chưa mấy ai dám viết. Không dám viết, không viết được, nhưng nó vẫn cứ hiển hiện trong đời sông văn học, chi phối cả sáng tác lẫn quản lý, vì vậy mới sinh ra lối phê bình "*nói*", "*nói*" ở một số diễn đàn, "*nói*" quanh bàn trà, trong các cuộc gặp gỡ, bù khú. Tại đó họ không bị ràng buộc bởi quy tắc "*giấy trắng mực đen*" nghiệt ngã, được quy tắc "*khẩu thuyết vô bằng*" bảo trợ, do vậy họ có quyền nói

thoải mái, bộc lộ hết mình. Trần Đăng Khoa đã khôn ngoan, ranh mãnh như là chộp lấy các cuộc phê bình "nói" ấy, "bút ký" nó thành "*Chân dung và đối thoại*".

Phải chăng khi làm việc này Trần Đăng Khoa không sợ "búa rìu" ? Sợ quá đi chứ. Người ta đã yên vị đầu vào đó cả rồi, bỗng một thằng nhóc, một thằng nhãi nhép ra tay xáo trộn. Bối rối ! Nhưng tôi hình dung, trước khi mở cửa phòng triển lãm "*Chân dung và đối thoại*", Trần Đăng Khoa đã thủ sẵn câu trả lời trong túi : "*Ày, Thưa sư huynh, em có dám nói gì đâu. Đó là em ghi lại lời của ông Y, ông Z đó chứ !*". Không những thế, trong cuộc chơi cực nhọc và đầy sáng tạo này, tôi hình dung, Trần Đăng Khoa còn chuẩn bị cả những câu trả lời, thanh minh cho cả những ông Y, ông Z nào đó. "*Ồi dào, nghe chỉ cái mồm thằng quý sứ ấy ! Đến cuộc đời và sự nghiệp của nó, nó còn đem ra tếu tếu, bỡn cợt !*".

Vậy là hoà ! Vậy là vùng mỏ văn chương được bóc đi một lớp đất đá, để lộ ra thực chất các vỉa quặng, mà không gây đau đớn, huỷ hoại môi sinh. Từ đây, các nhà thiết kế, các nhà thi công các "thượng đế" tiêu thụ, có thể bổ sung, điều chỉnh, thậm chí hoạch định tiêu chuẩn cũng như quy trình công nghệ làm ra sản phẩm văn chương mới khai thác sản phẩm văn chương đã có, một cách thích ứng, hiệu quả hơn.

Dùng thể loại sáng tác để chuyển tải những vấn đề lý luận - phê bình, thực ra không mới so với cụ Pauxtôpxiki đã làm. Nhưng "*Bông hồng vàng*" của cụ là lý luận chung, lý luận cơ bản hoá thân thành truyện ngắn. Còn "*Chân dung và đối thoại*" đi theo một hướng khác, hoàn toàn mới. Mỗi cách có một cái khó của nó. Nhưng nếu "*Bông hồng vàng*" không vàng, thì tác giả

của nó chỉ xin đi thôi. Trái lại nếu "*Chân dung và đôi thoại*" không chuẩn, từ màu sắc đến đường nét, thì tác giả của nó sẽ *lãnh đủ*. Mong sao, cũng hư tiền bối của mình, Trần Đăng Khoa thoát được hiểm họa đó. Việc sách vừa ra đã tái bản ngay xác nhận sự thật này. Và sự thật này cho phép ta tin rằng "*Chân dung và đôi thoại*" sản phẩm của nhà thơ thần đồng Trần Đăng Khoa và Nhà xuất bản Thanh Niên sẽ là hiện tượng văn học của năm 1998 này. Hy vọng, tập 2 và tập 3 "*Chân dung và đôi thoại*" mà anh sắp cho ra mắt không đi trệch quỹ đạo đã có.

Vinh. Ngày nhà giáo Việt Nam 1998

Lê Quý Kỳ - Người Hà Nội, 11-1998

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ CUỐN SÁCH "CHÂN DUNG VÀ ĐÔI THOẠI"

... Về cuốn "*Chân dung và đôi thoại*", tôi thấy ở đây đó đang được nhiều người bàn tán, nhiều người khen là độc thủ vị. Báo này, báo kia cũng đã có những lời khen ngợi. Riêng tôi, tôi cũng thấy có nhiều điều tâm đắc, nhưng cũng có những điều, nhất là lại về thơ ; tôi không đồng tình với anh cho lắm. Theo tôi, nói chung, thể hiện trong toàn bộ cuốn sách là : anh "*mê*" *Xuân Diệu* và "*mê*" *tính nông dân, đề cao sự thơ mộng trong thơ*"

Trước hết, tôi thấy cuốn sách thu hút có lẽ bởi nó là của một người nổi tiếng, lại viết về những người nổi tiếng khác, chuyện trò lại toàn về những vấn đề quan trọng trong nghề văn, toàn những chuyện nhiều người tò mò muốn biết. Hơn nữa Khoa cũng có giọng điệu riêng, viết tếu táo như chơi mà sinh động, chi tiết,

thâm sâu. Vì nổi tiếng nên Khoa có nhiều điều kiện gặp gỡ, hiểu sâu các nhà thơ lớn, các nhà văn nổi tiếng, nên những trang tả cuộc sống cũng như tính cách các nhà thơ, nhà văn rất cụ thể, sống động và cuốn hút. Nhiều nhận định về văn chương ở bàn trà chung chung, cảm tính nhưng cũng có bài phân tích khá chi tiết. Những câu chuyện về nghề, kỷ niệm khi làm những câu thơ, sửa thơ... cũng nhiều thú vị, rất đáng để người học nghề, hành nghề học tập tham khảo...

Những cái hay của cuốn sách này mọi người dễ dàng nhận thấy, nên tôi không phân tích chi tiết, tôi chỉ nói cụ thể đôi điều mà tôi chưa đồng cảm với Khoa. Cũng như Khoa tự đánh giá, đây không phải là cuốn phê bình lý luận văn học, tôi thấy cũng không phải là sách chân dung văn học, mà có lẽ là cuốn chân dung các nhà văn và những chuyện bên lề văn chương thì đúng hơn.

Trong bài bình bài thơ *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư, Trần Đăng Khoa cho đây là bài *thơ thơ* nhất trong nền thơ Việt Nam, tôi thấy có cái gì không ổn. Anh nói là bài *thơ thơ mộng* nhất thì có lý hơn. Bởi hành trình của thơ ca chính là hành trình nặng nhọc mở rộng *tính thơ* từ những *mây trắng hoa lá* êm đềm ấy đến mọi mặt của cuộc sống, thơ không chỉ là những băng khuâng thồn thức, mà còn là những tình cảm, những tâm trạng, những suy tư lớn lao. Ở mức độ nào đó *Tiếng thu* quả là một bài thơ hay, những câu tự vấn đã làm tăng được tâm trạng băng khuâng, thồn thức trong không gian thơ mộng ; nhưng cũng phải thấy bài thơ còn ít sự sáng tạo về ý tưởng và sự sao chép cấu tứ. Cũng vì coi sự *thơ mộng* là *tính thơ* cao nhất nên giữa Lưu Trọng Lư và Nguyễn Quang Thiều, Khoa có những đánh giá

thiên vị và có những mâu thuẫn. Anh cũng có những nhận định không thoả đáng về văn thơ của Nguyễn Quang Thiều.

Một bên anh coi sự phân tích câu chữ thơ Lưu Trọng Lư là hiểu "*sống sót*", "*thơ thiên*", là "*kéo mây trên trời làm rạ lột chân*", nhưng khi cần chê Nguyễn Quang Thiều thì anh lại dùng chính sự phân tích ấy, một bên anh bất chấp sự ảnh hưởng thơ Pháp của Lưu Trọng Lư (theo Hoài Thanh, khi làm *thơ mới* bị chê, Lưu Trọng Lư còn tuyên bố : "*Không thơ thì cũng cóc cần thơ* nhưng anh lại chê thơ Thiều "*Tây quá*" thơ như "*thơ dịch xối*"; một bên anh cho Lưu Trọng Lư cộp nhặt chỉ là ngẫu nhiên, một bên anh kể chi tiết như một công tố viên chứng minh Thiều sao chép, ý từ từ một truyện ngắn nước ngoài. Mà thực tế làm thơ từ sự sao chép cấu tứ dễ dàng hơn viết truyện ngắn từ một vài chi tiết, tình huống cho trước nhiều. Vì thơ chỉ cần gợi, ước lệ, còn truyện ngắn phải kỳ công dựng không gian, thời gian, con người, tâm lý, sự việc... Một số ý anh cho là vô lý trong truyện "*Mùa hoa cải ven sông*", tôi hoàn toàn có thể nói ngược lại. Anh cho việc ông lão chôn vợ xuống dòng sông là giả, bởi bờ bãi mênh mông thế thiếu gì chỗ chôn. Nhưng anh lại không tính đến tâm lý. Ông lão hành động vậy là do ông lão đã cẩu, là "*không thêm chôn vợ trên đất nữa*" chứ không phải do không kiếm được chỗ... Khi anh cho thơ tự do không vắn của Thiều là thơ trần trụi, cốt lấy ý, chưa dụng công mài giũa nghệ thuật, trong khi anh lại cho bài *Nhớ máu* của Trần Mai Ninh là tuyệt tác, là thơ của muôn đời, là thơ chỉ sống bằng giá trị thật, trong khi bài này có cả những đoạn dài chỉ kể lể như nói chuyện... Hiện tại có

lẽ ít ai lại cho rằng tính thơ, tính nghệ thuật lại chỉ là cái êm đềm, cái véo von, cái bóng bẩy. Thơ hiện đại có thể có thơ mộng, có bóng bẩy, nhưng cũng có thể có thô ráp, sần sùi... tất cả chỉ cần sự tương hợp mà thôi. Cũng như những cô gái đẹp, không phải cứ mặc gấm vóc, lụa là mỏng manh là đẹp, mà mặc đồ *jean, pull* cũng bắt mắt lắm, có cô còn mài cho sần sùi, còn xé tua rua, hoặc chỉ mặc cái quần đùi thôi... Cái quan trọng là gương mặt các cô, vóc dáng các cô có đẹp hay không, và khó hơn cả là, các cô có biết cái thần thái của mình phù hợp với cách ăn mặc nào hay không ... Nhưng ở đây ta cũng cần phải phân biệt có hai loại thô ráp : Sự thô ráp nghệ thuật và sự thô ráp thô sơ, thô thiển. Thô ráp nghệ thuật là thô ráp của sáng tạo ngôn ngữ, có dụng công, còn thô ráp thô sơ, thô thiển là những câu nói nôm na đời thường.

Có lẽ Trần Đăng Khoa cũng như Trần Mạnh Hảo chưa tiếp cận được thơ hiện đại, thơ Nguyễn Quang Thiều, nên không đồng cảm được, tất cả những nhận xét không đúng. Dường như thơ Thiều chưa tìm được người phê bình đích thực cho mình. Cả những người khen anh cũng mới như cười ngựa xem hoa, có lời khen thực sự làm hại anh. Có điều chung nhất tôi muốn nói, trong lĩnh vực tri thức nói chung, chúng ta quen được giải thích, chỉ bảo dạy dỗ, nên thường hiểu một cách trực quan. Trong khi tất cả những kỹ thuật cao đều có tính mã hoá, tính ký hiệu. Thơ hiện đại cũng vậy (Tất nhiên tôi trừ ra một số tác giả bất chước rập khuôn thơ *tượng trưng, đa đa, siêu thực*, vì đã rập khuôn thì không thể gọi là mới). Khi làm thơ trực quan, bình thơ cũng trực quan, rất dễ dẫn việc bình thơ giống như việc

ông xăm nhận dạng voi bằng cách sờ chân. Nếu không chịu học hỏi, tìm hiểu, suy ngẫm nghiêm túc, luôn coi mình là trung tâm, rất dễ có những nhận định sai lầm.

Điều thứ hai tôi muốn nói là trong cuốn sách của Khoa có đôi chỗ quá bô bã. Trong sáng tạo, để khắc họa nhân vật hợp cảnh hợp tình, người ta có thể nói được tất cả mọi chuyện, miễn là khéo nói. Còn đây lại là những câu chuyện bàn trà của những thi nhân. Với Xuân Diệu, ông là nhà thơ lớn, có những tuyệt tác, nhưng nếu coi ông là thánh, ông nói gì cũng đúng, tôi thấy cũng không phải. Quan niệm "*Chân chân chân thật thật thật*" là quan niệm dễ làm thô thiển hoá thơ ca. Xuân Diệu có tài sửa thơ, cắt thơ người khác, nhưng thơ ông cũng có thể sửa được. Ngay hai câu nổi tiếng nhất của ông, tôi cũng mạo muội thử đưa ra một ý kiến : "*Trái đất ba phần tư nước mắt - Đi như giọt lệ giữa không trung*". Theo tôi, có lẽ chữ "*đi*" nên thay bằng chữ "*trôi*" sẽ tương hợp với thực tế hơn và hợp với ngữ cảnh hơn, và như thế sẽ hay hơn. Về sự phát triển, Xuân Diệu cũng ít quan tâm đến sự đổi mới thi pháp, ông ở hàng tiên phong trong phong trào thơ mới, rồi ông là đầu tầu kéo thi pháp thơ mới vào hiện thực cuộc sống, nhưng đôi chỗ ông kéo mạnh quá, thơ gần cuộc sống đến nỗi trở thành chính cuộc sống, chứ không còn là thơ nữa. Ông có tài chữa chữ, chữa câu, nhưng không có chí chữa cả một khuynh hướng. Ông không khát khao vươn tới những hình thức mới như Chế Lan Viên.

Một điều nữa Khoa thường tự hào về bản chất nông dân của mình, Khoa tâm đắc với người có tính nông dân, yêu văn chương nông dân (điều này không chỉ riêng Khoa mà là rất nhiều người). Tôi cũng con nhà nông, cũng thích tình chân thực, chất phác của nông dân, nhưng điều tôi thấy cần phải làm nhất trong

xã hội 80% nông dân ở ta là phải thay đổi ý thức hệ nông dân, kể cả trong việc sáng tác, thẩm định văn chương. Ngay chính C. Mác cũng đã nói tình tiểu nông làm kìm hãm sự phát triển.

Điều cuối cùng tôi muốn nói là tính khoa học của "*Chân dung và đối thoại*". Chúng ta đã quá thừa những nhận định bàn tròn, bàn méo, thường chỉ làm méo mó thêm diện mạo thực vốn đã rất khó nhận dạng của văn chương, trong khi lại quá thiếu những bài viết toàn diện, chi tiết, sâu sắc và đúng đắn, nhất là về văn chương của ngày hôm nay, những tác giả đang xuất hiện hôm nay. Trong cuốn sách của Trần Đăng Khoa những nhận định về văn chương rất nhiều, nhưng thường chỉ là "*đối thoại*". Vì vậy không tránh khỏi việc đánh giá cảm tính chung chung. Mà càng nổi tiếng, càng tài năng, người ta càng có thiên kiến cá nhân và sự nhận định về người khác không phải bao giờ cũng đúng. Ngay những nhà văn lớn của thế giới, cũng có người coi nhau không ra gì. Sự khen chê văn chương cảm tính: *Mặn, nhạt, khô, mềm, suốt mượt quá, trí tuệ quá, ảnh hưởng người này người kia v.v.* thật quá dễ dàng; còn phát hiện ra sự sáng tạo, sáng tạo đến đâu, dường như lại quá khó khăn trong việc thẩm định văn chương ở ta. Nếu những nhận xét miệng, khen chê miệng là đúng, có lẽ các giải thưởng văn chương phải tăng thêm nhiều lần và như thế chưa chắc đã hay cho văn chương. Cuối cùng, chỉ mong Trần Đăng Khoa hiểu cho đây là bài viết hoàn toàn chân tình, không chỉ vì tình cảm cá nhân mà còn vì sự phát triển chung, rất mong và rất sẵn sàng trao đổi lại.

Bình Thạnh, 11-1998

Đông La

Văn nghệ quân đội số 24, tháng 12-1998

MỘT ĐIỀU TÂM ĐẮC VÀ MỘT ĐIỀU BÀN LẠI

"Chân dung và đối thoại" là tập hợp các bài viết của Trần Đăng Khoa đã đăng trên các báo mấy năm qua. Theo tôi, chỉ có một bài - *Nguyễn Khắc Trường và...* là bài chủ chốt, lần đầu tiên đến với bạn đọc. Trong *Nguyễn Khắc Trường và...* Trần Đăng Khoa dựng lên một cuộc hội thoại giữa *người* và *ma*. Đây là một thủ pháp để tác giả thể hiện quan điểm đánh giá của mình về một số tác giả và tác phẩm văn học. Cũng không nên rạch ròi rằng tác giả đóng vai người hay vai ma. Nhưng những lời *người* nói thì đều là những lời bình thường đã thấy từ trước đến nay, còn những điều *ma* nói mới là những điều mới lạ. Và đích thị đây mới là những ý kiến mới tác giả muốn đưa đến cho người đọc. Trong những ý kiến mới này, tôi tâm đắc nhất những điều nói về Nguyễn Tuân. Từ xưa đến nay, Nguyễn Tuân thường được xếp ở vị trí cao chót vót : *Ông là bậc thầy của nhiều bậc thầy. Có thể tìm thấy trong tác phẩm của ông một cốt cách phương Đông, một tâm cao văn hoá, một thú ẩm thực. Một tư cách người, một nhà luyện chữ...* Biết bao công trình nghiên cứu đã khẳng định vị trí hàng đầu và văn tài đặc biệt của ông, thậm chí chỉ một tính cách khác người của ông cũng được tôn cao thêm về giá trị của sự nghiệp văn chương. Trần Đăng Khoa qua lời của *ma* đã phân tích thấu tình đạt lý giá trị văn chương và vị trí của Nguyễn Tuân. Anh phân tích chi tiết từng khía cạnh một để minh hoạ cho nhận xét : "Đối với Nguyễn Tuân thì cuộc đời là một cuộc chơi. Ông ham chơi và chơi cù nào cũng thắng". Từ việc Nguyễn Tuân làm diễn viên điện ảnh lần đầu đóng vai phụ trong ba giây, đến cuối đóng vai chánh tổng "rất xoàng", nhưng lại sống bởi giá trị khác.

Còn về văn Nguyễn Tuân, anh cho rằng nghệ thuật ẩm thực của Nguyễn Tuân không thể sánh với Vũ Bằng, qua việc phân tích tỉ mỉ truyện "*Chiếc ấm đất*" về cách chọn ấm tới khi thả ấm trên mặt nước, và đưa ra các nhận xét : "Cái đó chẳng có gì tinh vi và cao kiến cả. Những cuốn sách phổ thông viết về kỹ thuật uống trà của Nhật Bản, của Trung Quốc ta có thể gặp nhan nhản những đoạn như thế". Còn việc đi gánh nước giếng về để pha trà qua đoạn đường đầy bụi và thả vào thùng nước những cánh lá đào, mà nhựa đào lại rất độc, thì thật là tai hại. Từ cách phân tích ấy mà nhận xét : "Cứ tưởng ông cụ tinh vi nghề ẩm thực, nghe theo ông cụ thì có phen mất mạng như bỡn". Phải nói rằng những ý kiến đó có giá trị thuyết phục. Còn truyện ngắn "*Chém treo ngành*", thì tác giả có để cho ma nhận xét thật chí lý, giàu chất nhân văn : "Đưa cái việc chém người lên thành nghệ thuật và tả đường đao, mũi đao với vẻ khoải cảm như một dạng thương thức nghệ thuật thì chỉ có người mới chịu nổi, chứ ma thì con xin lạy cụ ! Ngay cả kẻ bị chém là lũ tà đạo, lũ cướp đường, tả thế cũng không ổn, huống hồ đó lại là quân khởi nghĩa, những người xả thân vì nghĩa lớn. Nhà văn lớn, ai lại làm thế". Ý kiến đó tôi tin có nhiều người tâm đắc. Nhưng không nên hiểu rằng Trần Đăng Khoa hạ bệ Nguyễn Tuân. Trần Đăng Khoa chẳng hạ bệ ai cả trong toàn tập sách. Đọc anh, ta thấy tấm lòng anh trong sáng, anh chỉ xếp mọi người vào đúng vị trí (theo suy nghĩ của anh) mà thôi. Đó là cái *chân* của nhà phê bình, mà thiếu nó thì không thể nào phê bình được. Ngay đối với Nguyễn Tuân, chê Nguyễn Tuân ở nghệ thuật ẩm thực và miêu tả truyện ngắn, anh lại đề cao Nguyễn Tuân ở thể loại ký bằng những lời ngợi ca : "Nguyễn Tuân bằng chính tài năng trác việt của mình,

đã đưa nó trở lại văn học. Chỉ riêng kỳ tích ấy cũng đủ để ta ngả mũ kính vái ông, đúc tượng ông". - Ý kiến ấy là xác đáng.

Điều tôi muốn bàn lại với Trần Đăng Khoa là nhân vật chị Dậu, cây cột chính tạo dựng văn nghiệp của nhà văn Ngô Tất Tố. Có thể nhân vật chị Dậu không xù xì gây ấn tượng như các nhân vật Chí Phèo (của Nam Cao). Xuân Tóc đỏ (của Vũ Trọng Phụng). Nhưng những cái đẹp nền nã trong nghệ thuật cũng vẫn là một dạng của cái đẹp, vẫn có người yêu. Cũng như những hoa hậu thời nay không nhất thiết cứ phải chạy theo mốt, cứ phải nhảy xéch. Trần Đăng Khoa qua lời của *ma* cũng đề cao tác phẩm "*Tất đên*", nhưng lại chê hành động bán con của chị Dậu quá mức: "*Vì như Tất đên của cụ Ngô Tất Tố. Tất nhiên trong cuốn truyện vừa xuất sắc này của cụ Tố, có một chỗ rất tệ hại. Ai lại dành nhiều công phu và tâm huyết như thế để ca ngợi một bà mẹ đi bán con để chuộc chồng. Ngay ở dưới âm phủ cũng không có một bà mẹ nào làm một việc quái đản như thế. Những chi tiết bán con chuộc chồng của cụ đến ma cũng không thể chấp nhận được. Người ta sẽ nhớ đến Fantine nhân vật của Victor Hugo - một người đàn bà nghèo khổ, cơ cực, một dạng chị Dậu của nước Pháp. Để cứu đứa con tội nghiệp của mình, Fantine đã bán tóc, bán răng, bán tất cả những gì trên cơ thể mình. Người đàn bà ấy đẹp biết bao, cao thượng biết bao. Còn chị Dậu tuyệt vời của ta lại mang luôn con đi bán cùng với chó để được hai đồng bạc".*

Trước hết, tôi thấy Ngô Tất Tố không hề *ca ngợi* hành động bán con chuộc chồng như lời nhận xét ở trên. Âm hưởng của toàn bộ cảnh ấy không hề toát lên sự ngợi ca, mà chỉ là sự thương cảm cho sự cực chẳng đã

của chị Dậu. Trước mắt chúng ta chỉ hiện lên hình ảnh một chị Dậu giàn giụa nước mắt, đứt ruột bán con. Chúng ta thấy hành động bán con chuộc chồng của chị Dậu không phải là *rất tệ hại và quá đản* mà là hành động có thể cảm thông được, một hành động đáng thương hơn là đáng trách, nếu chúng ta đặt chị trong hoàn cảnh cụ thể của chị, chứ không phải đánh giá riêng hành động ấy. Tôi thấy chị Dậu không có con đường nào khác khi chồng bị trời sắp chết vì không có tiền nộp sưu mà trong cái túp nhà đã trở thành điển hình đến tận hôm nay - "nhà chị Dậu" - không còn một vật gì đáng giá, mỗi bữa những đứa con phải ăn rễ khoai. Nguy cơ chồng chết đã nhìn thấy trước mắt. Mà chồng chết, lao động chính trong gia đình không còn thì ba đứa con sẽ chết cũng là điều nhìn thấy. Ta thấy ngay cái Tý lúc đầu nó cũng lạy van u đừng bán con, nhưng rồi sau nó cũng biết gia đình nó không còn cách nào khác, nên nó đã dõ dành, dạn dỏ các em rất cảm động...

...Hơn nữa, cái Tý tiếng là bị bán, nhưng là sang ở "hầu hạ" cô Hai và dù cái Tý có bị lăng nhục ăn cơm cùng với chó, thì đó là điều khi bán nó, chị Dậu không tưởng tượng được. Chị chỉ nghĩ rằng nó khổ phải xa bố, xa mẹ và các em, chứ không thể tưởng tượng được hành động xúc phạm của bà Nghị. Và lại, nó vẫn còn sống thì vẫn có thời cơ để chuộc nó ra, chứ để cả nhà chết thì còn gì nữa ! Chúng ta cần phải cảm thông, chúng ta nên hiểu giải pháp của chị là một giải pháp tình thế ! Hành động bán con của chị Dậu trên thực tế trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 không phải là hành động cá biệt, ở thôn xóm nào mà chẳng có. Không nên lên án chị.

"*Chân dung và đối thoại*" của Trần Đăng Khoa có sức hút người đọc. Đó là văn phê bình của người sáng tác. Nhưng đã là bình luận văn chương thì độ chính xác khoa học vẫn là yêu cầu cao nhất. Một điều tâm đắc và một điều bàn lại của tôi ở trên mới là ý kiến ban đầu. Điều mừng là sau 30 năm, Trần Đăng Khoa vẫn được nhiều người yêu mến, đón đợi trên văn đàn.

Đinh Quang Tốn

Văn nghệ quân đội số 24, tháng 12-1998

GẶP LẠI TRẦN ĐĂNG KHOA

30 năm trước, Trần Đăng Khoa xuất hiện như một thần đồng. Giữa những đứa trẻ làm thơ lúc đó, Khoa bộc lộ phẩm chất đặc biệt : phẩm chất của *thần* hay *trạng* ! Sau này theo dõi đường bay của Trần Đăng Khoa, tôi thấy anh làm lính (kiềng) - học Nguyễn Du - học Gorki - Văn nghệ quân đội. Tôi hiểu đó là *công nghệ đào tạo nhân tài* được thực thi. Nhưng rồi đọc thơ Trần-Đăng-Khoa-người-lớn, kể cả thơ được giải, tôi im lặng. Và học đòi các nhà hiền triết, tôi cười mỉm : không có gì để bàn !

Đọc thơ Trần-Đăng-Khoa-tân-trang, tôi thấy buồn và tiếc bởi xa lạ với người bạn cũ của mình. Nghĩ bụng, giá như Khoa cứ để yên vậy, đừng sửa chữa gì cả mà viết đại loại : Trong những bài thơ này có cái vụng dại của cháu Trần Đăng Khoa và cả sự vụng về của mấy bác biên tập...

Từ ngày đó, dưới tên Trần Đăng Khoa tôi lặng lẽ gán tám bảng : *Di tích đã xếp hạng*. Nay tôi tìm đọc *Chân dung và đối thoại* của Trần Đăng Khoa. Không

phải do các nhà điểm sách xui, mà do nhà nhiếp ảnh Dương Minh Long bình luận hết sức say sưa. Tôi muốn kiểm chứng những điều Long nói bằng chính cuốn sách do Trần Đăng Khoa tặng vợ chồng anh. Và tôi gặp lại Trần Đăng Khoa.

Cuốn sách có ba phẩm chất :

Thứ nhất, tấm lòng. Từ các trang sách hiện lên tấm lòng yêu thương nồng hậu của tác giả với bạn bè, với con người. Những trang viết về Phù Thăng thật xúc động. Rồi những trang chân tình về Lê Lựu, Nguyễn Khắc Trường... Thật lâu rồi mới gặp được những trang nhà văn viết về nhau đẹp đến thế.

Thứ hai : Sự trung thực. Đây là sự trung thực đến nghiêm ngặt. Tuy yêu quý Lê Lựu nhưng Trần Đăng Khoa trung thực chỉ ra cái thật dở của bạn trong đoạn Tuyệt đến thăm chồng. Tuy trọng Nguyễn Tuân, nhưng anh cũng nói thẳng là không chịu được cách nhâm nhi hành động giết người trong *Chém treo ngành*, hay vạch rõ chi tiết sai là bẻ cành lá đào để lên thùng nước. Dường như có câu ngạn ngữ : Sự thật dù tồi tệ đến đâu cũng hơn là dối trá. Tiếc rằng chúng ta nhiều chuyện khen giả chê giả quá, làm văn đàn bị nhiễu. Chính vì thế, sự trung thực của Trần Đăng Khoa thành của quý !

Phẩm chất thứ ba : Trần Đăng Khoa. Hai phẩm chất trên ta có thể nhiều hoặc ít tìm ra ở đâu đó. Nhưng phẩm chất quan trọng nhất của cuốn sách theo tôi đó là chất Trần Đăng Khoa. Một cái nhìn tinh tế và sâu sắc, một cách viết khi trang trọng lúc khôi hài, một cách diễn tả giàu hình tượng... Để từ đó ta thấy hiện

lên một ông trạng thông minh có, lấu linh có, ranh ma có, tài hoa có, lúc thực thà nhà quê, khi giả vờ mu-gích.

Tóm lại, ta thường gọi đó là *chất văn*. Chất văn ấy mang dấu ấn riêng của Trần Đăng Khoa, không lẫn với ai khác. Hoài Thanh là thế, Xuân Diệu, Chế Lan Viên là thế. Và chấm hết ! Chế than : *Ôi thương thay những thế kỷ vắng anh hùng !* Còn ta buồn : Văn đàn không người biết đọc văn ! Phải chăng nối tiếp các bậc thầy, Trần Đăng Khoa sẽ ? ... Và lần nữa, học đòi các nhà văn, tôi cười mím : *Hãy đợi đấy !*

Hà Văn Thùy

Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh, số 2 ngày 6.1.1999

(CAO GIANG sưu tầm)

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
1. Trần Đăng Khoa - chân dung tự hoạ	7
2. Tố Hữu và bài thơ <i>Hoan hô chiến sĩ Điện Biên</i>	9
3. Xuân Diệu	25
4. Lưu Trọng Lư với bài thơ <i>Tiếng thu</i>	55
5. Phù Thăng	61
6. Lê Lưu	76
7. Nguyễn Khắc Trường và...	102
8. Marian Tkachôp với Nguyễn Tuân	134
9. Ivan Novitxki	141
10. Bruce Weigl	151

11. Tìm Obrien và cuốn sách <i>Những gì họ đã mang theo</i>	165
12. Tản mạn xung quanh giải thưởng Hội nhà văn năm 1993	170
13. Vài phút với Nguyễn Quang Sáng	183
14. Câu chuyện bên bàn trà	191
15. Ngày tết đọc 5 bài thơ lục bát	205
16. Nguyễn Đức Mậu và <i>Chí Phèo mất tích</i>	218
17. Câu chuyện đầu năm	229
18. Ngẫu hứng du ngoạn qua giải thưởng Văn nghệ quân đội	248
19. Quyết định cuối cùng vẫn là các nhà văn	267
20. Nguyễn Viết Chộp	286
21. Nhớ về một thuở	304
22. Đi qua nước Mỹ	312
23. Chuyện ở công viên Thủ Lệ.	325
Chân dung và đối thoại với dư luận	337

CHÂN DUNG VÀ ĐỐI THOẠI

Bình luận văn chương
Của Trần Đăng Khoa

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN - HÀ NỘI 1999

Chịu trách nhiệm xuất bản

BÙI VĂN NGỢI

Biên tập nội dung

CAO GIANG

Biên tập và mỹ thuật bìa

ĐOÀN LAM

Sửa bản in thử

NGUYỄN VIỆT

*In lần thứ tư 2000 cuốn. Khổ 13 x 19 cm. In tại Công ty
In và Văn hóa phẩm - Bộ VHTT. Đăng ký xuất bản số:
80/126 ngày 21 tháng 2 năm 1999. In xong và nộp lưu
chiếu tháng 1/1999.*

93 2147

Giá: 30 000 đồng